# TÂY TẠNG HUYỀN BÍ
**Bản dịch: Nguyễn Hữu Kiệt**
**Nhà xuất bản Xuân Thu ấn hành**

---o0o---

*Nguồn*
*http://thuvienhoasen.org*
*Chuyển sang ebook 8-8-2009*
*Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com*
*Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org*

Mục Lục



---o0o---

## Thời Thơ Ấu

A ha! Aha! Đã lên tới bốn tuổi rồi mà không ngồi vững trên lưng ngựa! Mi sẽ không bao giờ trở nên một người hùng! Rồi đây cha mi sẽ nói sao?

Vừa nói xong, ông Tzu thẳng tay quất vào mông con ngựa một ngọn roi da, đầu ngọn roi cũng đét luôn cả vào người kỵ mã bất đắc dĩ, và nhổ luôn một bãi nước bọt xuống đất một cách khinh bỉ.

Những nóc nhọn và mái bầu bịt vàng của điện Potala chói sáng dưới ánh mặt trời nóng gắt. Gần bên chúng tôi, hồ sen trong vắt của ngôi Đền Rắn gợn

sóng lăn tăn. Đằng xa, trên đường mòn gồ ghề đá sạn, những khách lữ hành vừa rời khỏi thủ đô Lhassa cố gắng thúc giục những con Yak (giống bò Tây Tạng) đi mau hơn, với những tiếng kêu inh ỏi. Từ những đồng cỏ xanh ở kế cận, vọng đến tai tôi những tiếng kèn khổng lồ do những sư sãi nhạc công thực tập thổi kèn ở một nơi vắng vẻ.

Nhưng tôi không có thời giờ để ngắm nhìn những cảnh vật vẫn từng diễn ra hằng ngày mà tôi đã quen mắt nhàm tai. Công việc của tôi trong hiện tại, ôi một công việc khó nhọc thay là ngồi vững trên lưng con lừa nhỏ bất kham của tôi. Nhưng con lừa Nakkim lại có những ý nghĩ khác. Nó muốn tách khỏi người kỵ mã tí hon của nó, để có tự do ăn cỏ, nằm lăn trên đất và chơi một mình.

Ông Tzu là một ông thầy rất khó chịu. Suốt đời, ông luôn luôn nghiêm khắc và khó tánh; trong lúc hiện tại, trong vai trò võ sư quyền thuật và huấn luyện viên kỵ mã cho một đứa trẻ lên bốn tuổi, ông thường tỏ ra bất mãn và nổi nóng hơn là kiên nhẫn. Xuất xứ từ vùng Kham, ở miền Đông xứ Tây Tạng, ông được chọn lựa cùng với vài người khác nhờ bởi vóc vạc cao lớn và lực lưỡng, còn nhiều người có vóc cao hơn hai thước thì được tuyển dụng làm những sư sãi cảnh binh trong các tu viện. Họ mặc áo dài và độn vai rất cao để cho có vẻ to lớn, lấy lọ boi mặt để cho có vẻ hung tợn, và xử dụng những cây gậy to và dài để trừng phạt những kẻ bất hảo.

Như vậy ông Tzu là một vị sư sãi cảnh binh, kiêm chức võ sư dạy quyền thuật và môn cưỡi ngựa cho một thiếu nhi con nhà quý tộc!

Không thể đi đứng được lâu vì bị tật ở chân, ông ta chỉ di chuyển bằng cách đi ngựa. Năm 1904, quân Anh dưới quyền chỉ huy của đại tá Younghusband, đã xâm lăng xứ Tây Tạng và gây nên nhiều sự tàn phá, thiệt hại. Chắc hẳn là họ nghĩ rằng phương tiện tốt nhất để thu phục được tình thân hữu của Tây Tạng là bắn phá nhà cửa, làng mạc và giết hại dân tộc của xứ ấy. Trong cuộc phòng thủ diệt địch, ông Tzu đã bị đạn bắn vẹt mất một phần xương háng bên trái khi ông chiến đấu ngoài mặt trận.

Cha tôi là một trong những viên chức có quyền thề nhất trong Chánh phủ. Người thuộc dòng quý tộc và có thế lực rất mạnh trong việc quốc chính. Cha tôi cao gần tới hai thước, và có một sức mạnh phi thường. Hồi còn thanh niên người đã có lần ra sức giở hỏng một con lừa khỏi mặt đất; người là một trong những người Tây Tạng có thể chiến thắng những thổ dân vùng Kham trong những cuộc so tài về môn đô vật.

Xứ Tây Tạng đã trải qua một thời kỳ loạn ly. Năm 1904 khi quân đội Anh xâm lăng lãnh thổ Tây Tạng, vị Quốc vương xứ này là đức Đạt Lai Lạt Ma sang tị nạn bên xứ Mông Cổ, giao quyền nhiếp chính lại cho cha tôi và cùng với những viên chức trong nội các trong khi ngài vắng mặt. Năm 1909, ngài trở về nước sau một thời gian sống tại Bắc Kinh. Năm 1910, quân Trung Hoa, được khích lệ tinh thần bởi cuộc xâm lăng thành công trước đây của quân đội Anh, bèn đem quân tấn công thủ đô Lhassa. Một lần nữa đức Đạt Lai Lạt Ma lại lưu vong tị nạn nhưng lần này ngài sang Ấn Độ. Năm 1911, trong cuộc cách mạng Trung Hoa, quân Tàu bị đánh bật ra thủ đô Lhassa, sau khi đã gây nhiều cảnh giết chóc tang thương đối với dân chúng Tây Tạng. Năm 1912, đức Đạt Lai Lạt Ma trở về thủ đô Tây Tạng. Trong khi ngài vắng mặt, suốt thời kỳ vô cùng khó khăn ở quốc nội, cha tôi đã cùng với các quan chức đồng liêu trong nội có đảm đương trọng trách của Chánh Phủ. Mẹ tôi thường nói rằng trách nhiệm nặng nề đó đã làm cho cha tôi giảm thọ rất nhiều. Một điều chắc chắn là người không có thời giờ săn sóc con cái và người không hề có dịp biểu lộ tình phụ tử đậm đà đối với chúng tôi.

Dường như tôi có cái khả năng đặc biệt là hay làm cho cha tôi nóng giận nên ông Tzu, bản tính vốn đã khắc nghiệt, lại được cha tôi giao phó trách nhiệm là bắt buộc tôi phải vâng lời tuyệt đối, bằng lời êm dịu hay "Bằng roi vọt nếu cần."

Ông Tzu lại coi việc cưỡi ngựa dở của tôi như là một sự sỉ nhục cho vai trò huấn luyện viên của ông ta. Ở Tây Tạng, trẻ con trong các gia đình quý tộc tập cưỡi ngựa trước khi tập đi! Làm một người kỵ mã giỏi là một điều tối cần thiết trong một xứ núi non không có phương tiện giao thông, một xứ mà mọi sự di chuyển đều là bằng cách đi bộ hay cưỡi ngựa. Con nhà quý phái tập cưỡi ngựa hằng giờ hằng phút mỗi ngày. Khi họ đã tập luyện tinh nhục đến mức tuyệt luân, họ có thể đứng vững trên yên ngựa đang phi nước đại, và bắn cung hay bắn súng vào các mục tiêu di động.

Đôi khi từng đoàn kỵ mã đã tập luyện thuần phục phi nước đại trong những cánh đồng, và trong khi sãi ngựa như bay họ đổi ngựa với nhau bằng cách nhảy từ yên ngựa này sang yên ngựa khác. Trong khi đó, năm lên bốn tuổi, tôi lại thấy rất khó để ngồi vững trên một yên ngựa.

Xứ Tây Tạng là một nước sùng thượng thần quyền. Sự "Tiến bộ" của thế giới bên ngoài không làm cho dân tộc xứ ấy ham thích. Người Tây Tạng chỉ muốn tự do thiền định suy tư và vượt qua những giới hạn của thể xác. Từ lâu, những nhà hiền triết của xứ này vẫn từng biết rằng những tài nguyên

phong phú của xứ Tây Tạng khêu gợi lòng tham của các nước Tây Phương và họ biết rằng khi nào người ngoại bang đến xứ này là sẽ không có hòa bình.

Nhà tôi ở tại khu Lingkhor, một khu vực sang trọng của thủ đô Lhassa, ở bên đường lộ bao quanh đường phố, và ở dưới bóng mát của điện Potala. Chung quanh Lhassa có ba đường vòng đồng tâm, con đường ở vòng ngoài, cũng gọi là đường Ling Khor là con đường quen thuộc của khách hành hương.

Cũng như tất cả các ngôi nhà khác ở Lhassa, vào lúc tôi mới sinh, nhà tôi chỉ có hai tầng ở phía day mặt ra đường lộ. Mọi người đều bị tuyệt đối cấm gặt không được cất nhà nhiều tầng và vượt quá chiều cao đó, vì không ai được phép từ trên cao nhìn xuống đức Đạt Lai Lạt Ma. Nhưng vì lịnh cấm này thật ra chỉ áp dụng mỗi năm có một lần vào dịp rước lễ hằng năm, nên nhiều người dân Tây Tạng cất trên nóc bằng của nhà họ thêm một tầng nữa bằng cây ván có thể tháo gỡ được dễ dàng, mà họ có thể sử dụng mỗi năm trong mười một tháng.

Nhà tôi ở là một ngôi kiến trúc cổ bằng đá, hình vuông, xây trên một khu đất rộng và bao bọc xung quanh một cái sân giữa.

Năm 1910, trong cuộc xâm lăng của quân Trung Hoa, nhà tôi bị tàn phá hết một phần, nhất là những vách tường phía trong. Về sau, cha tôi đã cho xây cất lại bốn tầng lầu. Vì những tầng lầu này không day ra ngoài đường cái, tức con đường Ling Khor, nên chúng tôi không thể từ trên cao nhìn xuống đức Đạt Lai Lạt Ma trong cuộc rước lễ hằng năm, thành thử không ai phàn nàn hay phản đối.

Cánh cửa lớn trổ ra cái sân giữa rất kiên cố và trở nên xám đen với thời gian. Quân Tàu không chọc thủng nổi cánh cửa dày và chắc nịch này nên chúng đã triệt hạ một góc tường để lọt vào nhà.

Từ một văn phòng đặt ở ngay phía trên cái cửa này, người quản gia để ý quan sát những kẻ ra vào. Người quản gia này có quyền thâu dụng hoặc sa thải những kẻ nô bọc, và chăm lo chu đáo mọi việc lớn nhỏ trong nhà. Khi những tiếng kèn trong những tu viện đón chào bóng hoàng hôn, đánh dấu một ngày sắp tàn, thì những kẻ hành khất của thủ đô Lhassa tề tựu đến trước cánh cửa sổ của vị quản gia để nhận lãnh những phần ăn của họ trong chiều hôm đó. Theo thủ tục đó, tất cả những nhà danh giá quý tộc bố thí cho kẻ nghèo ở trong vùng của họ ở. Những kẻ tù phạm bị xiềng xích cũng thường

đến xin ăn, vì khám đường rất hiếm nên họ đi rảo khắp các nẻo đường để xin của bố thí.

Ở Tây Tạng, những kẻ tu phạm giới không bị khinh khi hay đối xử tàn tệ như những kẻ hạ cấp. Người ta biết rằng phần nhiều trong thành phần của họ có lẽ ở vào tình trạng của những người tù phạm kia nếu họ bị bắt quả tang, bởi đó những kẻ phạm pháp ít may mắn hơn được đối xử một cách tương đối dễ chịu.

Có hai vị sư sãi trú ngụ trong các phòng ở phía tay mặt gian phòng của vị quản gia; đó là các vị tư tế có phận sự cầu nguyện Trời Phật gia hộ cho gia đình chúng tôi. Những gia đình quý tộc bậc trung hay bậc thấp hơn chỉ có một vị tư tế trong nhà; cấp đẳng xã hội của gia đình tôi bắt buộc phải có hai vị. Các vị tư tế này không được hỏi ý kiến trước mỗi biến cố hay quyết định quan trọng, và họ có bổn phận cầu nguyện các đấng Thiêng Liêng che chở và ban ân huệ cho gia đình chúng tôi. Ba năm một lần, họ lại trở về tu viện của họ, và những sư sãi khác đến thay thế.

Mỗi chái ở hai bên hông nhà là một đền thờ nhỏ trong đó những ngọn đèn thắp bằng bơ cháy sáng ngày như đêm trên một bàn thờ bằng gỗ chạm. Trên bàn thờ, bảy chén nước Thánh được lau chùi sạch bóng và được thay nước mới nhiều lần trong ngày.

Các vị tư tế được ăn uống đầy đủ, họ dùng các thức ăn như người trong gia đình, để cho những lời cầu nguyện của họ được sốt sắng hơn và để cho thần thánh biết rằng họ được biệt đãi.

Ở bên trái gian phòng vị quản gia, là phòng của vị cố vấn luật pháp, vị này có phận sự xem xét cách giữ gìn nhà cửa của gia đình tôi cho đúng theo nghi thức của nhà quyền quí. Người Tây Tạng rất tôn trọng luật lệ, và để làm gương cho dân chúng, cha tôi phải xử thế như một công dân gương mẫu.

Anh tôi, Paljor, chị tôi, Yasodhara và tôi cùng ở tại phần mới xây cất của ngôi nhà. Paljor không sống được lâu vì không có đủ sức khỏe để chấp nhận cuộc sống khắc khổ, dành cho mọi đứa trẻ con nhà quý tộc. Anh tôi qua đời trước khi lên bảy tuổi. Khi ấy Yaso lên sáu và tôi mới lên bốn. Tôi vẫn còn hình dung anh tôi, chỉ còn là một cái xác không hồn, ngày mà những Âm Công đến lượm xác anh tôi để làm lễ "điểu táng" tức là chặt từng mảnh quăng cho kên kên ăn theo phong tục bổn xứ.

Khi tôi trở thành người con trai kế nghiệp của gia đình, thì sự giáo dục của tôi được săn sóc chu đáo. Năm tôi lên bốn tuổi, tôi hãy còn là một kỵ mã quá dở! Cha tôi vốn dĩ đã là một người rất nghiêm khắc, nay với tư cách là một chức sắc của giáo hội, bèn đặt tôi vào một thứ kỷ luật sắt để làm gương cho sự giáo dục của những đứa trẻ khác.

Ở xứ Tây Tạng, một đứa trẻ thuộc giai cấp càng cao thì sự giáo dục của nó lại càng nghiêm khắc. Và nhà quý tộc đã bắt đầu chủ trương một kỷ luật ít khắc khổ hơn cho sự giáo dục thiếu nhi, nhưng cha tôi không đồng ý, viện lẽ rằng những đứa trẻ nghèo hèn không hy vọng có một đời sống tiện nghi sung sướng hơn trong tương lai, cần phải được đối xử một cách dịu dàng tử tế khi chúng còn nhỏ. Trái lại, những đứa trẻ con nhà quý tộc, được thụ hưởng mọi thứ tiện nghi sung sướng khi đến tuổi trưởng thành, nên cần phải được giáo dục trong sự khắc khổ tối đa khi chúng tôi còn nhỏ, để nhờ sự kinh nghiệm trong đau khổ mà chúng mới biết thương người về sau này. Đó cũng là quan điểm chánh thức của chánh phủ Tây Tạng. Chánh sách đó rất tai hại đối với những đứa trẻ có thể chất yếu đuối, nhưng còn những đứa nào vượt qua được mà không chết thì sẽ có thể đương đầu với bất cứ một nghịch cảnh nào?

Võ sư Tzu chiếm một gian nhà ở từng dưới gần chỗ cửa vào. Sau khi đã có dịp quan sát đủ mọi hạng người trong nhiều năm với tư cách là một sư sãi cảnh binh, ông ta không thể sống ẩn dật lánh đời, vì cuộc sống đó không thích hợp với nếp sống quen thuộc của ông ta. Gần bên phòng của ông ta ở, là những chuồng ngựa, trong đó cha tôi nuôi hai chục con ngựa, cùng những loài vật kéo xe khác.

Những người giữ ngựa không ưa ông Tzu vì tánh quá sốt sắng của ông ta và thói quen hay xen vào công việc của họ.

Khi cha tôi cưỡi ngựa đi đâu, thì luôn luôn có sáu người kỵ mã võ trang đi theo hộ vệ. Những người cận vệ này đều mặc đồng phục và ông Tzu luôn luôn kiểm soát chặt chẽ để giữ cho y phục của họ lúc nào cũng được chỉnh tề.

Vì một lý do mà tôi không biết rõ, sáu người kỵ mã này có thói quen ngồi trên lưng ngựa sắp thành hàng giờ day lưng vào tường của một lẫm lúa, và phóng ngựa chạy theo khi thấy cha tôi vừa xuất hiện. Tôi nhận thấy rằng nếu tôi nghiêng mình ra ngoài cửa sổ của lẫm lúa, thì một trong những người kỵ mã lọt vào tầm tay của tôi. Một ngày nọ, nhân lúc không có việc gì làm, tôi

bèn rón rén đến gần và xỏ một sợi dây gai vào cái đai da nịt lưng của y trong khi y đang kiểm điểm đồ tư trang trước khi lên đường. Kế đó tôi cột chặt cả hai đầu dây và máng một đầu vào một cái móc sắt ở bên trong lẫm lúa. Việc ấy hoàn toàn diễn ra trong âm thầm không ai để ý, giữa lúc mọi người đang mắc bận rộn rối rít. Khi cha tôi vừa xuất hiện đoàn kỵ mã phóng ngựa chạy theo, trừ ra người thứ sáu mắc phải sợi dây nên bị té ngựa và kêu la ỏm tỏi.

Cái đai nịt lưng của y sút ra và trong cơn náo loạn, tôi lén rút lại sợi dây gai và biến mất mà không ai hay biết. Ngày hôm sau, tôi lấy làm khoái trá mà nói với nạn nhân sự đùa nghịch của tôi: "Thế nào, Nê Túc, tôi tưởng chỉ có một mình tôi là cưỡi ngựa dở, còn anh cũng vậy sao?"

Chương trình học của chúng tôi gồm có Hán văn, chữ Tây Tạng, toán học và khắc bản gỗ. Về việc ấn loát ở Tây Tạng, người ta thường dùng những bản gỗ có khắc chữ, nên việc khắc bản gỗ được coi như một bộ môn rất hữu ích.

Lớp học của chúng tôi là một gian phòng rất rộng có thể chứa độ sáu chục đứa trẻ. Chúng tôi ngồi xếp bằng trên sàn gạch, trước một cái bàn hay một cái ghế dài, chiều cao độ năm tấc tây và ngồi xoay lưng về phía thầy học để cho chúng tôi không thể biết rằng thầy có nhìn mình hay không. Thầy bắt chúng tôi học một cách rất kham khổ và không để chúng tôi nghỉ ngơi một giây phút nào.

Có một phần trong chương trình học mà tôi không bao giờ quên: đó là lập lại những Điều Răn tôn giáo. Chúng tôi phải đọc những Điều Răn này khi vào lớp và lập lại một lần nữa trước khi rời khỏi lớp vào giờ tan học. Đó là:

Hãy lấy ân báo ân, lấy đức báo đức
Đừng ăn hiếp những kẻ hiền lành
Hãy siêng đọc các kinh điển và giáo lý
Hãy giúp đỡ kẻ đồng loại
Luật pháp khắc khổ đối với kẻ giàu sang
Để dạy họ sự thông cảm và sự công bằng
Luật pháp khoan hồng đối với kẻ nghèo hèn để an ủi họ
Hãy trả dứt nghiệp quả nợ nần càng sớm càng hay

Để cho chúng tôi không thể nào quên, những Điều Răn đó được viết trên những tấm bản đóng trên bốn vách tường của lớp học.

Tuy nhiên, cuộc đời hằng ngày của chúng tôi không phải hoàn toàn dành cho sự học và sự sống khắc khổ. Chúng tôi cũng lao mình vào những cuộc chơi

điền kinh, thể dục một cách hăng say ngoài giờ học. Những môn thể dục này được đặt ra để tạo cho chúng tôi một thể xác cường tráng có thể chịu đựng khí hậu vô cùng gắt gao của xứ Tây Tạng. Ở xứ này, vào lúc giữa trưa mùa hè nhiệt độ lên rất cao và ban đêm có thể xuống thấp dưới không độ. Vào mùa đông, thời tiết còn lạnh hơn thế rất nhiều.

Bắn cung, một môn thể dục rất tốt để làm nở nang bắp thịt và để tập nhắm một cách chính xác, là bộ môn mà chúng tôi rất thích. Cung nỏ của chúng tôi dùng đều làm bằng gỗ mun nhập cảng từ Ấn Độ; người ta chế tạo những cái ná bằng gỗ bổn xứ. Là Phật tử chân chính, chúng tôi không bao giờ bắn các loài thú vật. Để tập bắn cung chúng tôi dùng những cái bia di động, mà những kẻ gia nô núp ở chỗ ẩn khuất cầm dây kéo lên hoặc hạ xuống bất thần mà không cho chúng tôi hay. Phần nhiều những bạn hữu của tôi có thể bắn trúng đích trong khi họ sãi ngựa như bay. Về phần tôi, trái lại, tôi không thể ngồi vững trên lưng ngựa được lâu như thế!

Một trò chơi tiêu khiển khác là đi cà khêu. Chúng tôi dùng hai cây cà khêu, giống như hai cây nạng gỗ nhưng rất dài, có bàn đạp để xỏ hai chân vào đó, và sau khi đã ngụy trang làm những người khổng lồ, chúng tôi thường xáp chiến với nhau trong những cuộc đấu sức dị kỳ, kẻ thua là kẻ bị té ngã trước nhất.

Còn những môn thể dục khác nữa là nhảy sào, và đá cầu. Nhưng ở Tây Tạng nhất là ở vùng ngoại ô thủ đô Lhassa, cuộc chơi thịnh hành nhất là môn thả diều, mà người ta có thể gọi là môn thể dục của dân tộc. Chúng tôi chỉ có thể chơi diều vào những mùa nhất định. Nhiều năm về trước, người ta nhận thấy rằng thả diều trên những vùng núi cao đã gây nên những trận mưa lũ, khi đó người ta nghĩ rằng có lẽ các vị thần làm mưa đã nổi giận, nên dân chúng chỉ được phép chơi diều vào mùa thu, tức là mùa tạnh ráo ở Tây Tạng. Có những ngày nhất định, người ta giữ im lặng không kêu to ở các miền núi, vì tiếng vang của họ gây nên một sự chuyển động quá mau của những đám mây mù ẩm thấp từ bên Ấn Độ bay qua, do đó mà có những trận mưa lũ bất ngờ.

Ngày đầu mùa thu, một con diều đầu tiên được phóng lên từ nóc điện Potala. Trong vài phút, những con diều khác đủ mọi hình thức, lớn nhỏ đủ cỡ và đủ các màu sắc, liền xuất hiện trên nền trời Lhassa, trên đó chúng nó bay lượn nhảy nhót theo chiều gió thổi mạnh.

Tôi rất say mê cuộc chơi này và luôn luôn sắp đặt cách nào để con diều của tôi bay lên trong số những con đầu tiên. Mọi đứa trẻ con đều tự tay chúng nó chế tạo những con diều của mình, thường là với một cái sườn bằng tre được bao bọc ở phía ngoài bằng một thứ hàng tơ rất đẹp. Chúng tôi làm diều bằng những vật liệu thứ tốt hảo hạng vì danh dự của gia đình cũng có liên hệ trong cuộc chơi này. Cái sườn bằng gỗ giống như cái hộp được chế tạo xong, chúng tôi mới gắn vào đó cái đầu, hai cánh và cái đuôi một con rồng có một hình dáng dữ tợn.

Cuộc tranh đấu bằng diều diễn ra một cách vô cùng sôi nổi trong khi đó, chúng tôi cố gắng hạ những con diều của các địch thủ. Để thực hiện điều đó, chúng tôi gắn những miểng chai trên diều của chúng tôi và ngâm sợi dây diều trong một thứ keo trộn với bột thủy tinh nghiền nát; sau đó, chúng tôi chỉ cần phóng diều lên để cắt đứt sợi dây của các địch thủ và bắt lấy con diều của họ.

Đôi khi, lúc trời tối chúng tôi lén thả diều lên trời sau khi đã cột chặt những cái đèn nhỏ thắp bằng bơ vào bên trong cái sườn gỗ và ở chỗ đầu rồng. Đôi mắt rồng liền phóng ra những tia lửa đỏ và mình rồng lóng lánh muôn màu nghìn sắc liền nổi bật trên không trung giữa nền trời u ám của đêm khuya. Chúng tôi đặc biệt thích cuộc chơi này khi có những đoàn thương buôn lớn chở hàng trên lưng những con Yak từ vùng Lhodzong đến thủ đô Lhassa. Với tuổi ngây thơ chúng tôi nghĩ rằng người thương buôn "Dốt nát" ở các vùng quê hẻo lánh chắc chưa bao giờ nghe nói đến những phát minh diễm ảo tân kỳ như những con diều của chúng tôi. Vậy nên chúng tôi quyết định gây cho họ một cơn sợ sệt kinh hoàng một phen nên thân.

Một trong những phát minh khác nữa của chúng tôi là gắn trong mình con diều ba loại vỏ ốc khác nhau, và đặt cách nào cho gió thổi vào làm các vỏ ốc phát ra một tiếng hú kinh hồn. Khi thả diều lên trời, con rồng lửa uốn khúc muôn màu phát ra những tiếng rú rùng rợn trong đêm khuya, và chúng tôi hy vọng rằng nó sẽ gây cho các tay thương buôn đến từ các tỉnh lẻ xa xôi một cơn sợ sệt mà họ sẽ nhớ đến suốt đời không quên.

Tây Tạng không phải là xứ có thể dung nạp những người có thể chất yếu đuối. Thủ đô Lhassa ở vào một vùng cao nguyên bốn ngàn thước cao hơn mặt biển, có một thời tiết rất chênh lệch giữa cực nóng và cực lạnh. Những vùng cao hơn lại có một khí hậu gắt gao hơn nữa. Những người có thể chất yếu đuối có thể làm liên lụy đến sự sống của kẻ khác. Chính vì bởi lẽ đó,

chứ không phải do sự tàn ác, mà sự giáo dục thiếu nhi thật là vô cùng khắc khổ như đã kể trên.

Ở những vùng sơn cước, người ta đem ngâm những đứa trẻ sơ sinh dưới suối nước lạnh và xem chúng có đủ sức chịu đựng dẻo dai hay không, để có quyền sống như mọi người. Tôi thường thấy những người đi diễn hành đến một ngọn suối, ở một vùng núi non chiều cao trên sáu ngàn thước. Đến bờ suối, đoàn người dừng lại, một bà lão bồng đứa trẻ sơ sinh trên tay, rồi cả gia đình gồm cha, mẹ và thân quyến đứa trẻ ngồi vây chung quanh bà. Khi người ta lột hết áo quần đứa trẻ, bà lão bèn ngâm thân mình đứa bé sơ sinh dưới nước suối, chỉ còn thấy cái đầu nhô lên khỏi mặt nước. Dưới nước suối lạnh buốt, thân mình đứa trẻ trở nên đỏ au, rồi xanh giờn, những tiếng kêu của nó đã im bặt, nó không còn kêu la phản đối nữa. Nó có vẻ chết lịm, nhưng bà lão đã từng kinh nghiệm nhiều về việc này bèn rút nó lên khỏi mặt nước, lau chùi khô ráo và mặc quần áo lại cho đứa bé. Nó sống lại chăng? Đó là các thần linh đã quyết định như thế. Nếu nó chết, thì đó lại càng hay vì nó khỏi phải chịu những sự khổ đau về sau này của cuộc đời trần thế! Người ta không thể làm gì khác hơn dưới một khí hậu gắt gao như ở Tây Tạng. Không nên có những kẻ bịnh hoạn, yếu đuối ở một xứ mà mọi phương tiện cứu trợ y tế đều thiếu thốn: Thà để vài đứa bé sơ sinh chết còn hay hơn.

Khi anh tôi qua đời, thì tôi cần phải xúc tiến việc một cách ráo riết hơn. Thật vậy, vào năm lên bảy tuổi, tôi đã phải bắt đầu chuẩn bị tương lai. Tôi sẽ đi theo con đường nào và chọn lựa nghành hoạt động nào? Điều đó sẽ do các nhà chiêm tinh quyết định. Ở Tây Tạng, bất cứ việc gì lớn nhỏ, từ việc mua một con Yak đến việc chọn một nghề nghiệp, đều do sự quyết đoán của các nhà chiêm tinh. Trước ngày sinh nhật năm tôi lên bảy, mẹ tôi mở một cuộc tiếp tân khổng lồ, trong dịp đó những quan khách gồm các nhà quý tộc và các chức viên cao cấp trong chánh phủ được mời tham dự để nghe những lời tiên tri của các nhà chiêm tinh.

Mẹ tôi là một mệnh phụ đảm đang, với một vóc vạc phương phi,

một gương mặt tròn và tóc đen huyền. Những phụ nữ Tây Tạng bới đầu theo một kiểu rất mỹ thuật và cài trên mái tóc một thứ lược bằng gỗ. Những lược gỗ này thường sơn mài màu đỏ thắm, có cẩn những hột đá quí, cẩm thạch hoặc san hô, là những mỹ phẩm làm rất khéo léo. Cài trên một đầu tóc đen huyền có sức dầu bóng loáng, những lược sơn mài đó tạo nên một vẻ đẹp rất thanh lịch.

Những áo dài Tây Tạng có những màu sắc rất vui mắt mà nổi bật nhất là màu đỏ, màu lục và màu vàng. Thường ngày các bà nội trợ đeo phía trước ngực một mảnh vải trơn với một cái vệt ngang khác màu, nhưng màu sắc được chọn cho tiệp với nhau một cách mỹ thuật. Họ đeo những chiếc bông tai mà kích thước lớn nhỏ tùy nơi giai cấp của họ trong xã hội. Mẹ tôi, xuất thân từ một gia đình quyền quí, đeo những chiếc bông tai dài trên mười lăm phân tây.

Người Tây Tạng chủ trương một sự bình đẳng tuyệt đối giữa nam và nữ. Nhưng về vấn đề coi sóc nội trợ gia đình, mẹ tôi không phải chỉ bằng lòng với sự bình đẳng. Với một ý chí độc tài và một quyền hành tuyệt đối, mẹ tôi ngự trị trong gia đình như một nhà vua, mẹ tôi biết mẹ tôi muốn gì và khi muốn gì mẹ tôi phải được cái đó.

Trong sự nhộn nhịp xôn xao nhân dịp chuẩn bị cuộc tiếp tân, mẹ tôi mới thật sự là có đất dụng võ. Nào là tổ chức, phải ra lệnh, soạn thảo kế hoạch để "lên đứt" những kẻ láng giềng. Mẹ tôi tỏ ra rất thông thạo vì trong nhiều chuyến du hành theo cha tôi sang Ấn Độ, Bắc Kinh và Thượng Hải, mẹ tôi đã thu thập được hằng khối những sáng kiến nước ngoài.

Khi ngày tiếp tân đã định, những sư sãi như thư ký mới viết thiệp mời trên một loại giấy dày, làm bằng tay, chỉ được dùng trong những dịp giao tế tối quan trọng. Mỗi thiệp mời đo độ ba mươi phân bề ngang trên sáu mươi phân bề dài và có đóng triện son của người gia trưởng. Mẹ tôi cũng đóng triện son riêng của mình vào đó vì người thuộc về dòng dõi quý phái. Ngoài ra lại còn một cái triện chung cho cả gia đình, tức là có tất cả ba cái triện son đóng trên thiệp mời, làm cho nó trở nên một bản văn kiện thật là nghiêm trọng. Nghĩ rằng tôi là nguyên nhân cho tất cả những lễ nghi trịnh trọng đó làm cho tôi rùng mình. Tôi không biết rằng tầm quan trọng của tôi thật ra chỉ là phụ thuộc so với một tập quán xã hội. Nếu người ta nói cho tôi biết rằng cuộc tiếp tân long trọng này sẽ đem nhiều vinh dự cho cha mẹ tôi, thì tôi sẽ không hiểu gì cả. Bởi vậy, tôi vẫn nơm nớp lo sợ.

Những sứ giả đem thơ được đặc biệt thu dụng trong dịp này để đem các thiệp mời đến các quan khách. Mỗi người đều cưỡi một con tuấn mã và cầm nơi tay một cái gậy ngắn có khe hở ở một đầu để xếp cái thiệp mời vào đó, ở ngoài bao có in những phù hiệu chánh thức của gia đình chúng tôi.

Khi các sứ giả đã sẵn sàng lên đường thì trong sân nhà chúng tôi diễn ra một cảnh tượng náo động khôn tả. Các gia nô kêu gọi nhau đến khan cả cổ họng,

ngựa hí vang tai, những con chó ngao đen lớn sủa ầm lên như điên. Sau một chầu rượu bia cuối cùng, những chàng kỵ mã đặt mạnh những ly cốc xuống bàn, trong khi đó những cánh cửa cổng nặng nề đã mở ra với những tiếng động ầm ĩ và đoàn kỵ mã vừa phóng ngựa phi nước đại vừa hét vang tai nghe thật rùng rợn.

Nếu họ mang những bức thơ tín viết tay thì đồng thời các sứ giả cũng chuyển đạt luôn một thông điệp truyền khẩu, mà nội dung có thể hoàn toàn khác hẳn. Hồi thời xưa, những tay côn đồ, cường đạo thường phục kích các sứ giả đem thơ ở giữa đường rồi ngụy trang và dùng những bức thông điệp đó để tấn công một ngôi nhà không phòng thủ hay một đoàn thương buôn chẳng hạn. Từ đó, người ta thường cố ý viết những thơ tín giả để gài bẫy và dụ bọn cướp đến những chỗ có phục binh và tiêu diệt chúng. Thủ tục cổ truyền về việc gởi đi một lượt hai thông điệp, một viết tay và một truyền khẩu, là một cái di sản của thời quá khứ. Dầu cho ở thời đại này, người ta cũng có khi gởi đi hai thông điệp song đôi như thế; trong trường hợp đó thì chỉ có thông điệp truyền khẩu mới có giá trị.

Trong nhà tôi thật là náo nhiệt tưng bừng! Những vách và trần nhà được phết lên một lớp sơn mới, những sàn gỗ được đánh bóng trơn tru đến nỗi đi phải coi chừng kẻo trượt ngã. Những bàn thờ được lau chùi và sơn phết lại sạch bóng. Một số lớn những ngọn đèn mới thắp bằng bơ được đem ra sử dụng; có những ngọn đèn bằng vàng và những ngọn đèn khác bằng bạc, nhưng cả thảy đều lau chùi bóng láng đến nỗi không thể phân biệt được nữa. Mẹ tôi và người quản gia không ngớt chạy tới chạy lui trong nhà, chỉ trích, sửa đổi chỗ này, dọn dẹp sắp đặt chỗ kia và ra lệnh cho những kẻ gia nô làm việc không ngưng tay. Cha mẹ tôi có trên năm chục người nô bộc giúp việc nhà và có một số khác được thâu dụng thêm trong việc tiếp tân. Không một người nào là nhàn rỗi và tất cả đều làm việc một cách hăng hái. Sân nhà cũng được quét dọn, lau chùi cho đến khi những tảng đá chiếu sáng ngời như mới vừa đem ở động đá về. Để làm cho sân nhà có vẻ lộng lẫy, những chỗ trống ở giữa các phiến đá cũng được tô thêm một lớp màu. Khi mọi việc đều xong xuôi, mẹ tôi tụ tập tất cả gia nhân và ra lệnh cho họ hãy mặc đồng phục tươm tất, chỉnh tề.

Trong nhà bếp, có sự hoạt động ráo riết ngày đêm để chuẩn bị đầy đủ các đồ cao lương mỹ vị đãi khách. Xứ Tây Tạng là một cái tủ lạnh thiên nhiên, đồ vật thực một khi đã nấu nướng xong, có thể để dành rất lâu mà không hư hoại, vì thời tiết lạnh và khô ráo. Dẫu cho khi tiết trời nóng bức, bầu không

khí khô ráo cũng giữ cho các thức ăn không hư. Nhờ đó, thịt có thể để dành suốt năm mà vẫn còn tươi còn lúa mì có thể để dành suốt nhiều thế kỷ.

Vì người Phật tử giữ giới bất sát sinh, nên người ta chỉ ăn thịt những con thú vì rủi ro bị té chết trong khe núi, hoặc chết bởi các tai nạn khác.

Nhà bếp của gia đình tôi có trữ sẵn nhiều loại thịt này. Ở Tây Tạng cũng có những người làm nghề đồ tể, bán thịt nhưng những gia đình Phật tử chính thống không giao tiếp với hạng người này, vì họ thuộc về một giai cấp hạ tiện, "Bất khả tiếp xúc".

Mẹ tôi quyết định tiếp tân theo một lối vừa khác thường vừa linh đình trọng thể, và đãi khách một món đặc biệt là món mứt hoa rhododendron. Vài tuần lễ trước, những kẻ gia nô nhà tôi đã cưỡi ngựa đến tận triền núi Tuyết Sơn là nơi có những loại hoa đẹp nhất. Ở Tây Tạng, hoa rhododendron mọc rất lớn và có rất nhiều loại thuộc đủ các màu sắc và hương thơm. Người ta chọn những hoa chưa nở hẳn và đem về rửa sạch một cách rất cẩn thận. Thật vậy, nếu một cái hoa hơi nát một chút là làm cho mứt bị hỏng. Kế đó, mỗi hoa được để ngâm trong một cái bồn thủy tinh lớn chứa đầy nước và mật ong, rồi đậy thật chặt để cho kín gió. Mỗi ngày và liên tiếp trong nhiều tuần, bồn hoa được đem phơi nắng và xoay trở từng kỳ hạn để cho tất cả các phần của hoa đều được hứng ánh nắng cần thiết. Hoa trong bồn nở lớn từ từ và thấm nhuần chất nước pha mật ong. Có người thích đem phơi gió vài ngày trước khi ăn để cho hoa được khô và hơi giòn, mà vẫn không mất hương vị hay sắc tươi của nó. Họ cũng rắc đường lên các cánh hoa để cho nó có vẻ đượm tuyết giống như thiên nhiên. Tất cả những phí tổn để làm món mứt hoa này làm cho cha tôi nhăn nhó, cằn nhằn. Người nói: "Với cái giá tiền để mua những hoa đẹp này, chúng ta có thể mua sáu con Yak mẹ cùng với một bầy Yak con." Mẹ tôi đáp với một giọng đầy nữ tính:

- "Ông đừng ngớ ngẩn. Cuộc tiếp tân của chúng ta nhất định phải thành công, và dầu sao chăng nữa, những phí tổn này là phần việc nội trợ của tôi".

Món vi cá nhập cảng từ Trung Hoa là một món mỹ vị khác, mà người ta dùng để nấu canh. Có người nói rằng món canh vi cá là món tuyệt đỉnh của nghệ thuật làm bếp.

Riêng tôi, tôi nhận thấy món ấy rất dở, và thật là một cực hình khi tôi bắt buộc phải ăn món vi cá. Cá mập được chở đến xứ Tây Tạng trong một trạng thái mà người ta không còn nhận ra nó được nữa! Ta có thể nói một cách ôn

hòa là nó hơi kém tươi", điều này có người lại cho rằng làm cho vi cá càng trở nên ngon hơn.

Món măng tre non, cũng nhập cảng từ Trung Hoa, là món ăn rất ngon: đó là món tôi thích nhất. Có nhiều cách để nấu măng, nhưng tôi thích nhất là ăn sống với một chút muối. Tôi luôn luôn chọn những búp măng vàng và xanh để ăn riêng, và bởi đó nhiều khúc măng để trong bếp bị ngắt đứt đầu trước khi đem lên soong chảo. Người đầu bếp có vẻ nghi ngờ tôi, nhưng y không có bằng cớ. Thật đáng tiếc, vì chính y cũng thích ăn búp măng sống!

Ở Tây Tạng, nấu bếp là công việc của đàn ông; phụ nữ cũng làm bếp nhưng họ rất vụng về và không chịu cải tiến. Đàn ông có sáng kiến hơn và chịu khó hơn, bởi đó họ nấu ăn rất thiện nghệ. Riêng về môn quét dọn và ngồi lê đôi mách, thì phụ nữ chiếm giải quán quân, và lẽ tất nhiên họ cũng rất giỏi về vài môn khác nữa. Nhưng nhất định là không, nếu nói về việc làm món tsampa.

Món tsampa là món ăn căn bản của người Tây Tạng. Nhiều người Tây Tạng quanh năm chầy tháng chỉ sống bằng món tsampa và trà đến suốt đời. Món tsampa làm bằng lúa mạch nha sấy khô cho đến khi nó trở thành giòn và có một màu vàng sậm. Những hột lúa mạch nha khi đó mới được giã, và tán thành bột, bột này lại được nướng lên lần nữa và đặt trong một cái chén, rồi người ta đổ vô đó trà nóng trộn với bơ con Yak, một loại bò lông dài. Kế đó người ta trộn cho đều để cho nó đông đặc lại thành một thứ bánh và cho thêm muối, chất hàn the và bơ con Yak tùy sở thích từng người. Thứ bánh đó gọi là tsampa, có thể cuốn tròn lại và cắt thành từng khoanh, rồi dọn ra để ăn. Món tsampa là món ăn thông thường của hạng người bình dân, nó có đủ chất bổ béo để cho người dân Tây Tạng có thể sống dưới mọi khí hậu và trong mọi hoàn cảnh.

Một nhóm gia nô làm món tsampa, một nhóm khác làm bơ theo một phương pháp đặc biệt của dân bổn xứ. Những cái bao lớn bằng da trừu, bề mặt có lông trộn vào trong, bề trái lộn ngược ra ngoài, được dùng làm đồ dụng cụ đánh sữa. Người ta đổ trong các bao da đó đầy sữa con Yak hay sữa dê. Để tránh khỏi bị hao hớt, phần trên các bao da đó được túm và xếp lại rồi may lại thật chắc. Kế đó, những bao da đựng sữa mới được nhồi thật mạnh cho đến khi sữa trở thành chất bơ. Để đánh sữa bằng phương pháp này, người ta dùng một chỗ có nhô lên những tảng đá bề cao chừng ba mươi phân. Sau khi đã đổ đầy sữa vô bao, người ta mới buông những bao đó cho rơi xuống các mô đá, việc này gọi là "đánh sữa". Chừng mười kẻ gia nô làm công việc này

trong nhiều giờ liên tiếp. Họ vừa hít một hơi thở vào vừa giơ các bao da lên cao, và buông các bao da cho rơi xuống những mô đá với một tiếng động êm dịu "zunk". Đôi khi một bao da đã quá cũ hoặc do bởi người đánh sữa quá vụng về, thình lình nổ bung ra. Tôi còn nhớ một gia nhân nhà tôi rất khỏe mạnh lực lưỡng, y thường hay khoe khoang sức vóc của mình. Y làm việc nhanh gấp đôi kẻ khác, và sự cố gắng làm gân cổ y nổi vồng lên. Một ngày nọ, có người nói với y:

- "Anh Timon, chắc anh già rồi, vì bây giờ anh làm việc không nhanh bằng khi trước."

Hét lên một tiếng giận dữ, Timon bèn nắm lấy phía trên một bao da, giơ lên cao với hai cánh tay khỏe mạnh để buông cho nó rơi xuống. Nhưng sức mạnh của y đã phản ngược lại y, trong khi y còn nắm cái miệng bao da thì phần dưới đã lở xuống và rớt xuống những mô đá. Một cây cột bơ hãy còn hơi lỏng vọt ra và văng trúng ngay vào giữa mặt Timon, y "lãnh đủ" tất cả vào miệng, vào mắt, vào mũi, vào tai, vào tóc. Năm chục đến sáu chục lít bơ chảy tuôn xuống dọc theo thân mình y và bao phủ y bằng một chất nhờn màu vàng.

Nghe tiếng động, mẹ tôi hối hả chạy vào. Đó là lần đầu tiên trong đời mà tôi thấy mẹ tôi đứng sững nhìn trong im lặng. Có lẽ mẹ tôi tức giận vì thấy những bấy nhiêu bơ bị hủy hoại chăng? Hay mẹ tôi đang lo ngại cho thằng ngốc đang bị ngẹt thở? Dù rằng thế nào, mẹ tôi bèn nắm lấy cái bao da rách bụng và đập một cái lên đầu y. Chàng Timon vô phước bèn trượt ngã xuống đất nằm sóng sượt trên một cái ao... bơ!

Những gia nô vụng về như Timon có thể làm hủy hoại mất nhiều bơ. Chỉ hơi cẩu thả một chút trong khi buông tay cho cái bao rơi xuống là những sợi lông liền tách rời ra khỏi da và lẫn lộn với chất sữa. Lượm lấy hai hay hai chục sợi lông trong chất bơ đã làm xong, là một điều rất thông thường, nhưng nếu lại thấy có cả chùm lông trong đó thì ấy là một điều rất dở. Chất bơ bị hư hoại được cất riêng một nơi để dùng đốt đèn, hoặc để bố thí cho những kẻ ăn mày, họ sẽ nấu lại và lọc sạch bằng một miếng giẻ cũ để dùng ăn lần.

Những thơ trả lời cho thiệp mời của chúng tôi không bao lâu đã đến. Những người kỵ mã phóng nước đại đến nơi, tay vung lên những cây gậy nhỏ có chẻ một đầu có đựng những thơ tín. Khi đó người quản gia mới bước ra để nghinh đón sứ giả của các nhà quý tộc. Sau khi rút bức thông điệp từ trong

gậy ra, người sứ giả cũng thốt lên một thông điệp truyền khẩu, thậm chí không kịp lấy lại hơi thở. Kế đó, y sụm xuống trên hai đầu gối và để rơi mình xuống đất trong một giàn cảnh rất khéo léo, dường nhưng để tỏ cho mọi người thấy y đã xả thân không quản công lao khó nhọc để làm tròn bổn phận và để đến nhà gia đình tôi kịp giờ!

Trong những dịp đó, những gia nô nhà tôi thường vây chung quanh y và nói: "Tội nghiệp thằng nhỏ!" Y đến thật là mau! Thật là một kỳ công hãn hữu! Chắc hẳn là y chạy mau đến muốn đứng tim. Thật là cao quý thay, một tinh thần phục vụ hăng say như thế!"

Một ngày nọ tôi, đã ngứa miệng xen vào câu chuyện và nói: "Ấy không! Y không có chạy mau đến muốn đứng tim! Tôi vừa thấy y ngồi nghỉ mệt ở đầu làng gần đây. Chắc y nghỉ lấy sức để chạy một đoạn đường cuối cùng!" Sự kín đáo bắt buộc tôi phải bỏ qua không nói đến cái cảnh tượng vụng về lúng túng tiếp theo đó.

Sau cùng, ngày đại nhật đã đến, cái ngày mà tôi vẫn e ngại biết bao, vì người ta quyết định cuộc đời tương lai của tôi mà không cần hỏi ý kiến của tôi. Những tia nắng đầu tiên của mặt trời bình minh vừa ló dạng từ đằng sau các ngọn núi xa ở tận chân trời, thì một người gia nô bước vào phòng tôi: "Cậu chưa ngủ dậy ư, cậu Lâm Bá? Hay là cậu giả vờ ngủ? Đã bảy giờ rồi, và chúng tôi có nhiều việc phải làm. Thôi, cậu hãy thức dậy đi!" tôi bỏ mền ra và ngồi dậy. Ngày đó là ngày mà con đường tương lai sẽ rộng mở trước mắt tôi.

Ở Tây Tạng, trẻ con được gọi bằng tên của nó do cha mẹ đặt cho khi còn sống trong gia đình. Nhưng khi một đứa trẻ bước vào tu viện, nó nhận được một tên khác, đó là pháp danh của nó. Đó là trường hợp của tôi chăng? Phải đợi những giờ sắp tới đây mới biết được. Tôi đã lên bảy tuổi và muốn trở nên một người chèo đò để thả thuyền lênh đênh trên sông Tsang Po,cách đó độ sáu chục cây số. Nhưng hãy khoan, để còn xem lại. Tôi có thật sự muốn điều đó chăng? Dầu sao, những người chèo đò đều thuộc giai cấp dưới, vì những đò của họ đều làm bằng da con Yak đóng trên những cái khuôn bằng gỗ. Tôi, một anh lái đò? Tôi, một người thuộc gia cấp hạ tiện? Không. Không phải vậy. Tôi muốn trở nên một nhà chuyên nghiệp về môn thả diều. Ừ, phải đấy, thả diều trên không trung, nhảy tự do như không khí, còn hơn là ngồi trong một chiếc đò căng bằng da thú, làm hạ nhân cách và trôi theo dòng nước xoáy mạnh nguy hiểm. Một chuyên viên thả diều, đó là điều mà tôi muốn làm, và tôi sẽ chế tạo những con diều khổng lồ với những cái đầu

to lớn và đôi mắt sáng rực như lửa. Nhưng hôm nay, những giáo sĩ chiêm tinh sẽ có quyền quyết định. Có lẽ tôi đã chờ đợi quá lâu: Nay thì đã quá trễ để nhảy qua cửa sổ và chạy trốn. Cha tôi chắc sẽ cho người chạy theo bắt tôi trở lại. Dầu sao, tôi là con nhà thế gia vọng tộc và tôi phải tuân theo truyền thống. Biết đâu các nhà chiêm tinh chẳng tiên tri rằng tôi sinh ra đời để làm một chuyên viên thả diều? Tôi chỉ có thể đợi chờ và hy vọng

---o0o---

**Lời Tiên Tri**

- Vân Kỳ, anh bứng hết tóc của tôi! Dừng tay lại, không thì đầu tôi sẽ sói như một ông sãi.

- Hãy để yên, Lâm Bá. Cái bín tóc của cậu phải được thắt cho ngay và thoa bơ cho láng bóng, nếu không thì bà lớn sẽ trừng phạt tôi.

- Hãy nhẹ tay một chút, Vân Kỳ, anh vặn cổ tôi đau quá!

- Không sao đâu, tôi phải làm gấp mới được.

Tôi ngồi dưới đất và một kẻ nô lệ phũ phàng với hai bàn tay chuối mắn, vặn cái bín tóc tôi như người ta vặn cái "Maniven" quay máy xe hơi! Sau cùng cái bín tóc tôi trở nên cứng đơ như một con yak bị rét cóng và sáng ngời như ánh trăng rằm trên mặt hồ.

Mẹ tôi bận rộn quay cuồng như cơn gió lốc; bà ta di chuyển trong nhà mau lẹ dường như người có phép phân thân ở nhiều chỗ cùng một lúc. Có những chỉ thị vào giờ chót, những sự chuẩn bị cuối cùng, và rất nhiều lời lăng xăng dường như một mệnh phụ bốn mươi cái xuân. Cha tôi trốn cảnh náo nhiệt ồn ào đó bằng cách bế môn và rút lui vào phòng riêng của mình.

Mẹ tôi quyết định đưa chúng tôi đến JoKang, ngôi đền lớn ở thủ đô Lhassa; đó hẳn là vì mẹ tôi muốn cho cuộc lễ tiếp tân được diễn ra trong một bầu không khí tôn giáo. Vào lúc mười giờ sáng, một tiếng cồng với ba âm điệu khác nhau điểm giờ tựu họp. Chúng tôi tất cả đều cưỡi ngựa, cha tôi, mẹ tôi, Yaso và tôi cùng vài người trong thân quyến sửa soạn lên đường. Chúng tôi noi theo con đường LingKhor, và đi vòng quanh dưới chân điện Potala, một tòa cung điện lâu đài nguy nga tráng lệ của vị Đạt Lai Lạt Ma, độ một trăm ba mươi thước bề cao và bốn trăm thước chiều dài. Sau khi đi qua làng Shô, và đi ngựa mất nửa giờ trên đồng bằng Kyi Chu, chúng tôi đã đến trước cửa

đền. Chung quanh đền là những ngôi nhà trọ, cửa tiệm và chuồng ngựa đợi khách hàng trong những đám người hành hương. Từ ngày được dựng lên trước đây mười ba thế kỷ, ngôi đền Jo Kang vẫn luôn luôn tiếp đón khách hành hương. Ngôi đền cổ đã biểu lộ những nét tàn phá của thời gian. Các viên tảng đá dưới nền đã bày ra những đường nứt nẻ sâu đến nhiều phân tây do những bước chân dẫm lên của hàng ngàn tín đồ. Những tượng thần bằng vàng của nền tôn giáo Tây Tạng được xếp thành hàng dài dọc theo các vách tường. Những màn lưới sắt dầy và kiên cố giữ gìn những pho tượng nầy đối với những tín đồ mà lòng tham có thể mạnh hơn là lòng tôn sùng. Những tượng thần lớn nhất phần nhiều đều tràn ngập đến quá nửa thân mình với hàng đống ngọc quý và châu báo mà những người sùng tín cầu xin ân huệ thiêng liêng đã đặt lên đó. Trên những chân đèn bằng vàng khối, những ngọn bạch lạp được thắp thường xuyên, tỏa ra ánh sáng không bao giờ tắt đã từ mười ba thế kỷ.

Từ những góc âm u của ngôi đền vọng đến tay chúng tôi những tiếng chuông gân, tiếng cồng và tiếng tù và thổi vang tai. Chúng tôi noi theo con đường vòng trước chánh điện theo như truyền thống bắt buộc, và sau khi đã lễ bái xong, chúng tôi bước lên trên nóc bằng của ngôi đền. Nơi đây chỉ có một số ít người có đặc quyền được lên. Cha tôi, với tư cách Bảo Thế của Giáo Hội, luôn luôn có mặt ở tại đây mỗi khi đến viếng ngôi đền nầy.

Tiện đây, tôi xin nói sơ lược về nền chính trị của xứ Tây Tạng. Đứng đầu quốc gia và Giáo Hội là đức Đạt Lai Lạt Ma, tục gọi là Phật Sống Tây Tạng. Ngài vừa là vị nguyên thủ quốc gia cầm quyền chính trị, vừa là nhà lãnh đạo tôn giáo, vừa là vị Thẩm Phán tối cao cầm cán cân công lý của dân Tây Tạng. Mọi người dân bất cứ sang hèn đều có thể thỉnh cầu đến ngài. Nếu một sự khiếu nại hay đơn thỉnh nguyện có lý do chính đáng, hoặc trong trường hợp có sự bất công oan ức, vị Đạt Lai Lạt Ma sẽ xét xử để thỏa mãn các nguyện vọng và san bằng mọi nỗi bất công. Thật không phải là quá đáng mà nói rằng tất cả mọi người, không trừ một ai, đều yêu mến và kính trọng ngài. Ngài là vị quốc vương có quyền hành tuyệt đối. Ngài sử dụng uy quyền thế lực của ngài vì hạnh phúc của dân chúng, chứ không bao giờ vì những mục đích ích kỷ. Ngài đã tiên đoán sự xâm lăng của quân Trung Cộng từ nhiều năm về trước. Ngài cũng biết rằng nền tự do của xứ Tây Tạng tạm thời sẽ trải qua một thời kỳ xuống dốc. Vì bởi những lý do đó mà một số ít người trong giới tu sĩ được một sự thụ huấn đặc biệt, để cho những kiến thức Huyền Môn mà các nhà đạo sĩ thời xưa đã góp nhặt từ nhiều thế kỷ sẽ khỏi phải bị mai một và đắm chìm trong quên lãng.

Dưới quyền lãnh đạo của đức Đạt Lai Lạt Ma có hai Hội Đồng: Một là Hội Đồng Tôn Giáo, gồm có bốn vị cao tăng ở cấp đẳng Lạt Ma. Những vị này đều chịu trách nhiệm trước đấng Thậm Thâm (một danh hiệu khác của đức Đạt Lai Lạt Ma. Người ta thường gọi ngài là đức Thái Tuế, đấng Thậm Thâm Le Très Profond, đấng Khôn Lường, I'Inappréciable). về những vấn đề liên quan đến các tổ chức tu viện Lạt Ma Giáo (lamaseries) và đạo viên trong xứ. Tất cả những vấn đề tâm linh và tôn giáo đều phải qua tay các vị ấy phát lạc.

Kế đó là Hội Đồng Nội Các, gồm có bốn vị Tổng Trưởng trong số đó có ba vị thuộc thành phần dân chính và một vị là tu sĩ. Các vị này nắm quyền cai trị toàn xứ và đảm trách việc hòa hợp Quốc Gia vào Giáo Hội thành một khối duy nhất.

Hai viên chức chánh phủ mà người ta có thể gọi là các vị Thủ Tướng, làm "Ủy viên liên lạc" với hai Hội Đồng trên, và đệ trình những ý kiến của hai Hội Đồng này lên cho đức Đạt Lai Lạt Ma. Hai vị ấy đóng một vai trò quan trọng trong những phiên họp rất hiếm của Quốc Hội, gồm năm mươi nghị viện đại diện cho các gia đình quý tộc và những tu viện lớn nhất của thủ đô Lhassa. Quốc Hội chỉ nhóm trong những trường hợp rất khẩn cấp, như hồi năm 1904 khi đức Đạt Lai Lạt Ma lưu vong tị nạn sang Mông Cổ trước sự xâm lăng của quân đội Anh. Về điểm này, tưởng cần giải thích rõ rằng sự lưu vong tị nạn của đức Đạt Lai Lạt Ma không có nghĩa là Ngài chạy trốn. Chiến tranh ở xứ Tây Tạng có thể ví như một cuộc chơi cờ tướng: Bên nào ông tướng bị bắt thì bên đó thua. Đức Đạt Lai Lạt Ma là vị Quốc Vương của xứ Tây Tạng. Không có ngài, thì mọi sự chiến đấu đều trở nên vô ích: Ngài phải được ẩn trú an toàn để bảo vệ sự hợp nhất của xứ sở.

Số nghị sĩ Quốc Hội có thể lên đến bốn trăm người khi nào những thân hào nhân sĩ ở các tỉnh tham dự đông đủ các phiên nhóm.

Với thời gian qua, đức Đạt Lai Lạt Ma càng gia tăng quyền hành của ngài và không cần đến sự giúp đỡ ý kiến của những Hội Đồng hay của Quốc Hội nữa. Xứ Tây Tạng chưa bao giờ có được một sự cai trị anh minh và sáng suốt như thế.

Từ trên nóc đền nhìn ra xa, là một phong cảnh vô cùng ngoạn mục. Nằm về phía đông là vùng đồng bằng Lhassa xanh tươi, rải rác có những cụm rừng nhỏ với những lùm nhỏ uốn khúc, phản chiếu ánh nắng mặt trời như những con rắn bạc, trước khi chảy vào sông Tsang Pô ở cách đó sáu mươi cây số. Ở

phía bắc và nam, những dãy núi cao dựng lên chơm chởm như thành quách bao bọc chung quanh các vùng thung lũng và cao nguyên Tây Tạng, làm cho dân tộc xứ này sống biệt lập hoàn toàn với thế giới bên ngoài. Nhiều tu viện Lạt Ma Giáo được dựng lên trên các triền núi. Ở trên những ngọn núi cao hơn, có những đạo viện nhỏ nhô lên một cách nguy hiểm trên những sườn núi cheo leo bên bờ vực thẳm. Về phía tây, hai ngọn núi song đôi của điện Potala và tu viện Chakpori nhô lên ở đằng xa. Giữa hai ngọn núi này, cánh cửa Tây Môn chiếu sáng ngời trong ánh sáng bình minh còn sương mờ lạnh lẽo. Màu đỏ sậm của nền trời càng nổi bật lên một cách dị thường, tương phản với màu tuyết trắng tinh bao phủ các dãy núi nhô lên ở phía chân trời.

Trên đầu chúng tôi, những đám mây lợt lướt nhẹ trong không gian. Trong thành phố, ở gần bên, toà Thị Sảnh day lưng vào mặt bắc của ngôi đền. Sở Ngân Khố ở sát bên cạnh, cùng với những gian hàng, cửa tiệm và chợ búa mà người ta có thể mua đủ mọi thứ, thượng vàng hạ cám. Cách đó không xa, ở về phía đông, là một tu viện của nữ giới và vùng cư trú của Âm Công.

Những khách hành hương đã tấp nập trước cửa đền, một trong những nơi thánh địa lớn nhất của Phật Giáo. Chúng tôi nghe tiếng nói chuyện không ngớt và những tiếng động ồn ào của các tín đồ hành hương đến từ những vùng xa xôi với những đồ lễ vật mà họ đem cúng dâng với hy vọng được Ơn Trên ban ân huệ. Có người đem theo những con thú mà họ đã mua lại ở lò sát sinh với những số tiền nhỏ nhoi khiêm tốn của họ. Cứu sống một sinh vật dầu đó là một con thú hay một người, là một nghiệp tốt rất lớn về phương diện tâm linh.

Trong khi chúng tôi nhìn xem những cảnh tượng cổ điển đó, chúng tôi nghe những tiếng kinh kệ ngân nga của các sư sãi, có những giọng thâm trầm của các vị sư già chen lẫn với những giọng thanh, nhẹ của những chú tiểu sơ cơ. Tiếng trống và những tiếng kèn cũng trỗi dậy vang tai.

Những sư sãi không bận rộn công việc, chạy tới lui lăng xăng không ngớt. Vài vị mặc áo màu vàng, những vị khác mặc màu tím, nhưng phần đông mặc áo tràng màu đỏ lợt của những "Sư sãi thường", màu hoàn kim và màu đỏ sậm dành cho các sư sãi trong điện Potala. Những chú tiểu sơ cơ và các sư sãi cảnh binh mặc áo già sậm cũng qua lại lăng xăng. Hầu hết đều có một điểm chung: Áo của họ dầu cũ hay mới, đều là áo cà sa vá từng miếng như của Đức Phật ngày xưa.

Những sư sãi có phận sự trong điện Potala mặc một chiếc áo vàng ngắn, không tay, ở bên ngoài áo dài của họ. Màu hoàng kim được coi như một màu linh thiêng ở Tây Tạng (nó không bao giờ phai, bởi nó là một màu tinh khiết), và đó là màu chánh thức của đức Đạt Lai Lạt Ma. Những sư sãi hay các vị Lạt Ma cao cấp hầu cận bên ngoài, có quyền mặc áo ngắn màu vàng phủ ngoài áo của họ.

Từ trên nóc đền Jokang chúng tôi đi về phía điện Potala thì thấy có nhiều vị áo vàng đi qua lại. Chúng tôi ngước mắt nhìn lên thì thấy những ngọn cờ tôn giáo phất phơ trước gió và những mái bầu của ngôi đền chiếu lóng lánh dưới ánh mặt trời.

Nền trời đỏ thắm trông tuyệt đẹp với những làn mây nhẹ và dài, coi dường như một bức tranh vẽ. Chúng tôi vừa đang ngắm cảnh mà cảm thấy say sưa ngây ngất, thì mẹ tôi đã gián đoạn cái giây phút huyền diệu đó mà nói:

- Thôi ta đi kẻo mất thời giờ. Mình phải về xem chừng kẻo bọn gia nô nó làm hư việc.

Chúng tôi bèn lên ngựa trở về nhà theo con đường Lingkhor, mỗi bước chân ngựa vang trên mặt đường lộ càng đưa tôi đến gần, điều mà tôi gọi là một cuộc "thử thách", nhưng mẹ tôi thì coi như là ngày Đại Nhật của mình.

Về đến nhà, mẹ tôi xem qua tất cả mọi việc một lần cuối cùng,

và chúng tôi liền ăn uống một bữa no bụng để chuẩn bị chờ những gì sắp đến. Thật vậy, chúng tôi biết rằng trong những dịp như thế, những quan khách được thiết đãi ăn uống no say, còn những người nhà thì phải lo tiếp đãi mà thôi, chớ không được ăn uống gì cả.

Tiếng nhạc trống vang rền báo hiệu các sư sãi nhạc công đã đến, họ liền được đưa vào khu vườn phía sau nhà. Họ có mang theo những kèn loa, kèn ống, trống, tù và, và đeo chụp chõa trên cổ. Họ vừa bước vào khu vườn, vừa nói chuyện huyên thuyên và gọi đem rượu bia uống cho thấm giọng để lấy hứng. Những tiếng rít chát chúa và tiếng thổi điếc tai của những kèn loa, chiếm trọn mất nửa giờ: Các sư sãi đang "lên dây" và thử lại những nhạc khí của họ.

Vị quan khách đầu tiên đã đến, với một đoàn tùy tùng cưỡi ngựa theo hầu và cầm những ngọn cờ hiệu bay phất phơ trước gió, gây nên những tiếng động ồn ào ngoài sân. Những cổng sắt mở toang và các gia nô nhà tôi đứng sắp

hàng hai bên cửa vào để nghinh tiếp những người mới đến. Vị quản gia cùng với hai người phụ tá đứng kèm hai bên, mỗi người cầm nơi tay hàng tá những khăn choàng cổ bằng lụa mà người Tây Tạng dùng để dâng cho khách như một cách chào hỏi theo phong tục bổn sứ. Có tất cả tám loại khăn choàng để dâng cho các vị khách tùy chức vị hay cấp bậc cao thấp, và người ta phải biết dâng cái nào cho thích hợp kẻo mang lỗi bất kính. Đức Đạt Lai Lạt Ma chỉ ban cho và thu nhận những khăn choàng thượng hảo hạng. Những khăn choàng này tên gọi là Khata, và đây là nghi thức để dâng biếu: Nếu người gia trưởng có cấp bậc ngang hàng với khách, thì y đứng thụt lại ở phía sau, và đưa hai tay thẳng tới trước. Người khách cũng làm y như vậy. Kế đó, người gia trưởng vái chào và đặt cái khăn choàng lên hai cườm tay của vị quý khách, người này cũng đáp lễ, rồi gỡ hai cườm tay ra, cầm lấy khăn choàng trở qua lộn lại nơi tay để tỏ ra mình chấp nhận món quà biếu, và giao cái khăn cho một người hầu cận.

Nếu người biếu khăn là người ở đẳng cấp rất thấp, thì y quì xuống, le lưỡi ra chào (nghi thức này tương đương với cử chỉ ngả nón chào của người phương Tây) và đặt cái khăn choàng dưới chân khách, kế đó khách đáp lễ bằng cách đặt cái khăn choàng riêng của mình vòng quanh cổ người gia trưởng.

Ở Tây Tạng, mọi quà biếu đều có kèm theo một cái khăn choàng thích nghi, hoặc những thơ khen tặng hay văn bằng tưởng lệ cũng vậy. Những khăn choàng của chánh phủ màu vàng, còn những khăn choàng khác màu trắng. Nếu đức Đạt Lai Lạt Ma muốn ban một danh dự lớn lao cho một người nào, ngài đặt nơi cổ người ấy một khăn choàng cột bằng một sợi chỉ tơ đỏ có ba vòng. Và nếu trong khi đó ngài đưa hai bàn tay ra, lòng bàn tay lật ngửa lên trời, thì đó là một cái danh dự rất đặc biệt! Thật vậy, người Tây Tạng tin chắc rằng quá khứ và tương lai đều có ghi trên những đường chỉ trong lòng bàn tay. Đức Đạt Lai Lạt Ma, bằng cách lật ngửa hai bàn tay của Ngài, tỏ lòng ưu ái và thiện cảm đậm đà nhất. Về sau, tôi được Ngài ban cho cái danh dự đó hai lần.

Đây nói về người quản gia đứng tiếp đón khách trước cửa với hai người phụ tá ở hai bên. Y chào khách và nhận khăn choàng của khách rồi đưa qua cho người phụ tá đứng bên tả. Trong khi đó người phụ tá đứng bên hữu đưa cho y một khăn choàng thích nghi mà y đặt lên cườm tay hay lên cổ của người khách, tùy theo cấp bậc tương xứng. Tất cả những khăn choàng này đều được sử dụng lại rất nhiều lần.

Vị quản gia và hai người phụ tá mỗi lúc càng thêm bận rộn, vì quan khách đến mỗi lúc càng đông. Dầu cho họ đến từ những trang trại láng giềng, từ thành phố Lhassa, hay từ những vùng ngoại ô, những đoàn kỵ mã tùy tùng của họ luôn luôn đến bằng Lingkhor, rồi đi vào con đường nhỏ thuộc địa phận của gia tộc chúng tôi, ở dưới bóng mát của điện Potala. Những bà mệnh phụ phu nhân phải đi bằng ngựa trong nhiều giờ, dùng một cái mặt nạ bằng da để che mặt cho khỏi bị những ngọn gió lốc có quấn đầy cát bụi. Trên các mặt nạ ấy thường có phác họa những nét chân dung của vị chủ nhân. Khi đến nơi, các bà mới lột mặt nạ ra và đồng thời cởi luôn cái áo tơi bằng da con Yak. Những bức chân dung ấy luôn luôn làm tôi thích thú: Các bà càng già và xấu, thì những bức chân dung vẽ trên mặt nạ lại càng trẻ và đẹp!

Một sự hoạt động tấp nập diễn ra trong nhà tôi. Những gia nô không ngớt đem ra những tấm nệm cho khách ngồi. Ở Tây Tạng người ta không ngồi trên ghế, mà ngồi trên tấm nệm độ một thước vuông và dày độ hai mươi phân. Ban đêm, người ta ghép nhiều tấm nệm lại để làm chỗ ngủ, và chúng tôi thấy nằm ngồi trên nệm thoải mái dễ chịu hơn là ngồi trên ghế bành hay nằm trên giường.

Khi khách vừa đến, họ được mời dùng trà pha bơ; và kế đó họ được đưa vào phòng ăn. Tại đây, đủ các thức ăn đã dọn sẵn và khách có thể ăn uống tùy thích trong khi chờ đợi cuộc tiếp tân thật sự bắt đầu. Bốn mươi vị phu nhân thuộc gia đình quyền quý đã đến cùng với những vị quý bà tâm phúc của họ. Trong khi mẹ tôi đang tiếp đón một nhóm các bà mệnh phụ này, thì một nhóm các bà khác đi dạo khắp nơi trong nhà, ngắm nhìn bàn ghế và thưởng thức trị giá các đồ vật trang hoàng. Thật chẳng khác nào một cuộc "xâm lăng" vĩ đại: Các bà khách có mặt ở khắp nơi, đủ các hình dạng, đủ các màu sắc, đủ mọi hạng tuổi. Có vài bà xuất hiện ở những chỗ bất ngờ nhất và không chút do dự, cất tiếng hỏi bọn gia nô giá tiền của món đồ này, hay giá trị của món vật khác. Nói tóm lại, các bà xử sự như tất cả mọi người đàn bà khác trên thế giới. Đó cũng là sự thường tình. Chị Yaso của tôi đủng đỉnh trong một bộ lễ phục mới toanh và bới đầu theo kiểu mới nhất, hay ít ra đó là chị nghĩ như vậy. Tôi thì cho rằng kiểu tóc của chị thật lố lăng, nhưng tôi luôn luôn vẫn có óc chỉ trích những việc làm của nữ giới. Dầu sao, có điều chắc chắn là ngày hôm đó tôi thấy các bà có vẻ tự do xâm lăng một cách độc đáo.

Để làm cho cuộc tiếp tân càng sôi nổi đình đám hơn nữa, những cô gái kiểu mẫu cũng có mặt trong hàng quan khách. Ở Tây Tạng, một vị phu nhân

thuộc dòng sang phải có rất nhiều y phục sang trọng và đồ nữ trang quý giá. Những bộ y phục này cần phải được triển lãm vào những dịp giao tế công cộng, nhưng vì người ta không thể làm như vậy nếu không thay đổi y phục thường xuyên, nên những cô gái được huấn luyện đặc biệt, gọi là "chủng nữ, " được dùng làm kiểu mẫu. Bởi đó, những cô chủng nữ này khoác vào những bộ y phục và đeo đồ nữ trang của mẹ tôi, và vừa ngồi len lỏi trong đám quan khách vừa uống những chén trà pha bơ nhiều đến nỗi đếm không hết, trước khi đi thay bộ y phục khác và đeo những đồ nữ trang khác. Lẫn lộn trong hàng quan khách, các cô ấy cũng giúp đỡ mẹ tôi trong vai trò nữ chủ nhân. Trong một ngày, các cô "chủng nữ" đó có thể thay đổi y phục và nữ trang đến năm sáu lần.

Các quý khách bên nam giới thì chú ý nhiều hơn đến những trò chơi tiêu khiển ở trong vườn. Người ta đã cho một đoàn trò xiếc đến để giúp vui. Ba người trong đoàn này cầm dựng đứng một cây sào cao năm thước, trên chót hết có một người nữa chổng ngược đầu và giữ thăng bằng trên đỉnh cây sào. Khi đó, cây sào bị giật ra thình lình và người làm trò xiếc nhẹ mình rơi xuống đất trên hai chân như một con mèo. Những đứa trẻ con nhìn xem trò xiếc này bèn rủ nhau ra một chỗ vắng để bắt chước. Chúng tìm được một cây sào cao độ hai, ba thước và cầm dựng đứng lên. Một đứa trẻ gan lì nhất trèo lên. Nhưng ơ kìa, khi y thử chổng ngược đầu lên cây sào, y mất thăng bằng và rơi xuống như một tảng đá lên đầu những đứa khác. Nhưng may thay, những đứa này có một cái sọ khá cứng, và ngoài ra những cục u to bằng những quả trứng vịt, không ai bị thương nặng.

Mẹ tôi xuất hiện trong khu vườn, người hướng dẫn một nhóm các bà phu nhân muốn xem các trò biểu diễn và nghe nhạc. Điều này không khó, vì các sư sãi nhạc công đã có đủ thời giờ để sưởi ấm lòng bằng những chầu rượu bia dồi dào thỏa thích.

Mẹ tôi ăn mặc một cách long trọng đặc biệt: Áo kỵ mã "Bolero" ngắn màu vàng tím, trên một cái "Jupe" bằng nỉ màu đỏ sậm dài đến gót chân. Những đôi ủng rất cao bằng nỉ trắng tinh với những gót đỏ thắm và những sợi dây ủng rất đẹp làm nổi bật màu y phục một cách rất mỹ thuật. Bên trong chiếc áo kỵ mã, mẹ tôi mặc một áo lót bằng lụa đỏ. Phủ bên ngoài là một cái khăn choàng bằng lụa thêu vắt ngang trước ngực từ vai bên mặt qua hông bên trái và cột lại ở bên hông với một cái khoen bằng vàng khối. Cái khăn choàng này thòng xuống đến tận lưng, có màu đỏ thắm ở phía trên dây lưng, và chuyển qua màu vàng lợt đến màu vàng nghệ rất đậm.

Mẹ tôi đeo trên cổ ba gói bùa cột bằng một sợi dây vàng, mà mẹ tội không lúc nào rời. Ba gói bùa này là những món quà cưới của mẹ tội, hai gói là quà tặng của gia đình, và gói thứ ba, một danh dự đặc biệt, là quà tặng của đức Đạt Lai Lạt Ma. Mẹ tôi cũng đeo đồ nữ trang rất quý giá, vì ở Tây Tạng những đồ nữ trang của một vị phu nhân nhiều hay ít tùy ở cấp đẳng của họ trong xã hội. Bởi đó, một người chồng phải tặng đồ vàng ngọc cho vợ mỗi khi được thăng quan tiến chức.

Phải mất nhiều ngày để làm đầu tóc của mẹ tôi, với tất cả một trăm lẻ tám lọn tóc. Số một trăm lẻ tám là một số linh thiêng, và những phụ nữ có nhiều tóc để có thể kết thành bấy nhiêu lọn rất được hâm mộ. Đầu tóc của mẹ tôi chia làm hai phần có một đường chẻ ở giữa, được kết lại bởi một cái mão bằng cây đặt trên đỉnh đầu như một cái nón. Mão này sơn màu đỏ thắm, có nhận kim cương chiếu lóng lánh, cẩn vàng và ngọc thạch. Mẹ tôi đeo một đôi hoa tai bằng san hô rất lớn và nặng đến nỗi để cho trái tai khỏi bị quá căng và có thể đứt ra, người phải giữ nó lại bằng một sợi chỉ đỏ quấn chung quanh vành tai, và đầu sợi chỉ thòng xuống gần đụng tới dây lưng. Tôi ngắm nhìn mẹ tôi mà phải nhìn nhận rằng mẹ tôi rất đẹp. Tuy nhiên, với đôi bông tai nặng như thế, mẹ tôi làm sao quay đầu lại phía sau?

Những quan khách đi bắt bộ dạo chơi, vừa ngắm cảnh trong các khu vườn vừa trầm trồ khen ngợi. Những vị khách ngồi riêng từng nhóm để trao đổi những câu chuyện vặt. Nhất là các bà thì không để lỡ mất một phút nào mà không nói chuyện của người láng giềng...

Nhưng thật sự, tất cả đều đợi chờ đến phần chính của buổi tiếp tân, kỳ dư các mục khác trong chương trình chỉ là một sự chuẩn bị tinh thần để đưa họ đến cái giờ phút quan trọng khi các nhà đạo sĩ chiêm tinh nói tiên tri về bước đường tương lai của tôi. Cuộc đời tôi sau này sẽ tùy thuộc nơi quyết định của họ.

Ngày đã sắp tàn, khi ánh tà dương kéo dài những bóng đen của mọi vật và cây cỏ trên mặt đất, các quan khách đều tỏ ra uể oải đối với các trò giúp vui và tiêu khiển. Bửa tiệc no say đặt họ trong một trạng thái thụ cảm. Những kẻ gia nô mệt mỏi vẫn còn đem thêm thức ăn lên bàn khi những dĩa chén đã cạn, nhưng sau cùng mọi người đã ăn uống no đủ với giờ khắc trôi qua. Những người làm trò xiếc giúp vui cũng bắt đầu cảm thấy mệt mỏi, hết người nọ đến người kia, họ lần lần rút lui, đi vào nhà bếp nghỉ ngơi và gọi thêm một chầu rượu bia cuối cùng.

Các nhạc công vẫn còn sắc diện tươi tắn, thổi kèn loa, đánh chụp chõa và đánh trống một cách đầy hứng khởi. Trên những tàn cây to, loài chim sợ hãi vì tiếng động ồn ào đã rời khỏi những tổ quen thuộc của chúng.

Không phải chỉ có chim là biết sợ sệt. Những con mèo cũng đã biến mất dạng và ẩn núp trong những chỗ kín đáo từ khi những quan khách đầu tiên cùng các đoàn tùy tùng rầm rộ đến nhà. Những con chó ngao đen lớn của nhà tôi cũng êm hơi lặng tiếng, giấc ngủ đã khớp mỏ chúng. Chúng đã ăn uống no bụng đến mức không còn sức để ăn nữa.

Trời càng tối dần trong những khu vườn. Mùi hương thơm ngát xông lên từ những bình lư hương khói trầm nghi ngút. Những khu vườn của cha tôi nổi tiếng khắp sứ Tây Tạng vì những kỳ hoa dị thảo và những hòn non bộ vĩ đại nhập cảng từ Trung Hoa. Có những cây lê, cây táo, cây mơ lùn thấp, bên cạnh những cây cổ thụ cao lớn, trên tàn cây có cắm cờ xí bay phất phơ dưới ngọn gió nhẹ ban chiều.

Sau cùng, vầng hồng đã khuất dạng sau những dãy núi Tuyết Sơn xa tít tận chân trời: Một ngày đã chấm dứt. Từ những tu viện Lạc Ma giáo vọng đến tiếng kèn điểm giờ khắc trôi qua; hằng trăm ngọn đèn bơ đã được thắp sáng khắp nơi, trên các cành cây, dưới những mái nhà, và có những ngọn đèn khác thả lướt nhẹ trên mặt nước êm đềm của ao sen trong vườn nhà. Chỗ này, có ngọn đèn bị kẹt trong các lá sen chẳng khác nào những chiếc tàu bị kẹt trên bãi cát, và chỗ kia, vài ngọn đèn trôi lênh đênh phiêu bạt về cái cù lao nơi đó những con hạc sẽ trú ngụ lúc ban đêm.

Một tiếng cồng vừa điểm, mọi người quay đầu nhìn lại: Một cuộc diễn hành từ đằng xa sắp sửa đến gần. Trong khu vườn nhà, đã dựng sẵn một cái lều rất lớn, màn treo trướng rũ. Cửa lều mở rộng, bên trong có đặt một cái sàn gỗ và bốn cái đôn Tây Tạng làm chỗ ngồi.

Đoàn người diễn hành bước đến trước liều, do bốn người gia nhân của nhà tôi cầm đuốc dẫn đường. Theo sau họ là bốn người nhạc công thổi kèn loa bằng bạc. Kế đó, cha tôi, mẹ tôi, bước lên sàn gỗ cùng với hai vị trưởng lão, là những bậc giáo sĩ kiêm chức Thiên Giám Quan, đảm nhiệm việc tiên tri các điều họa phước của quốc gia.

Những vị trưởng lão này, xuất xứ từ vùng Nechung, là những nhà chiêm tinh giỏi nhất của xứ Tây Tạng. Những lời tiên tri của các vị nhiều lần tỏ ra đã chính xác và đúng như các sự việc đã xảy ra về sau. Một tuần lễ trước đó, đức Đạt Lai Lạt Ma đã mời các vị đến để nhìn xem tương lai của một đứa trẻ

lên bảy tuổi. Hai vị ấy đã lấy lá số của tôi và nghiên cứu cặn kẽ từng ly từng tí trong nhiều ngày những ảnh hưởng của các vì tinh tú.

Hai vị Lạt Ma đem theo lá số chiêm tinh và những bảng đoán số. Hai vị khác tiến đến và đỡ hai vị Thiên Giám Quan già bước lên sàn gỗ, trên đó hai vị này ngồi sát cạnh nhau như hai pho tượng bằng ngà. Những chiếc áo rộng bằng lụa Trung Hoa màu vàng lại càng làm nổi bật tuổi tác cao niên của họ. Họ đội trên đầu chiếc mão lớn của các đạo sĩ mà trọng lượng có vẻ quá nặng đối với những cái cổ nhăn nheo của họ. Các quan khách đều vây chung quanh cái sàn gỗ và ngồi trên những tấm nệm trải dưới đất. Những câu chuyện đều ngưng bặt, mọi người đều lắng tai nghe lời phán quyết của vị niên trưởng trong hai vị Thiên Giám Quan lão thành. Vị niên trưởng bắt đầu nói bằng một giọng nhẹ nhàng:

- "Lha dre mig cho nang chig". Quỷ thần và nhân gian cùng bị chi phối như nhau bởi những định luật huyền bí trong vũ trụ. (Ý nói: Người ta có thể tiên đoán việc tương lai.)

Bằng một giọng trầm, vị Thiên Giám Quan cao niên nói tiên tri suốt một tiếng đồng hồ. Kế đó, người nghỉ ngơi trong mười phút, và lại nói thêm một giờ nữa, khi đó, người tiếp tục vạch trần tương lai của tôi dưới những nét đại cương.

- "Lạ quá, thật là kỳ diệu!" Toàn thể cử tọa bất giác thốt lên trong khi họ đang đắm chìm trong một cơn thích thú mê ly.

Như thế, người ta đã nói cho tôi biết trước tương lai của tôi: "Sau một giai đoạn thử thách cam go gian khổ, đương số sẽ là một đứa trẻ lên bảy tuổi, sẽ bước chân vào tu viện để được thụ huấn như một tu sĩ kiêm y sĩ giải phẫu. Y sẽ gặp nhiều nghịch cảnh gian lao, sẽ rời khỏi xứ sở và sống ở ngoại quốc. Y sẽ mất hết tất cả, sẽ phải làm lại cuộc đời từ con số không và sau cùng y sẽ thành công".

Cuộc tiên tri đã bế mạc, các quan khách cũng đã giải tán lần lần. Những vị khách ở xa còn nán lại nhà tôi một đêm để sáng ngày hôm sau lên đường. Những người khác trở về ngay đêm đó cùng với gia nhân tùy tùng của họ dưới ánh sáng của những ngọn đuốc. Họ tựu hợp ở ngoài sân, giữa những tiếng ngựa khua móng sắt trên nền đá và những tiếng người kêu gọi lẫn nhau.

Một lần nữa, cái cổng sắt nặng nề lại mở toang ầm ĩ để cho đoàn người ngựa đi qua. Tiếng chân ngựa khua vang và những giọng nói chuyện trò của họ nghe đã thưa dần, và sau cùng chỉ còn lại cái im lặng của ban đêm.

---o0o---

## Tôi Chuẩn Bị Xuất Gia

Trong nhà tôi, vẫn còn sự hoạt động nhộn nhịp ồn ào. Trà bơ được rót ra như suối chảy và thức ăn được dọn ra vào giờ chót để đãi những quan khách còn ở lại đêm nay. Tất cả các gian phòng trong nhà đều bị chiếm đóng; không còn phòng nào cho tôi. Tôi đi thẩn thơ, lòng buồn man mác; để giết thời giờ, tôi vừa đi bách bộ vừa đá những viên sỏi và tất cả những gì nằm dưới chân tôi, nhưng sự bận rộn đó cũng không đủ làm cho tôi giải khuây. Không ai chú ý đến tôi: Những quan khách đều đã mỏi mê và hài lòng, còn những gia nô thì mệt nhoài và bực bội. Tôi thầm nghĩ và cằn nhằn:

- Loài ngựa có lẽ dễ thông cảm hơn. Ta sẽ ngủ chung với ngựa đêm nay.

Những chuồng ngựa đều ấm áp, và nằm trên đống rơm rạ cũng êm lưng, nhưng giấc ngủ khó đến. Mỗi khi tôi chợp mắt thiếp đi, thì một con ngựa lại thúc đẩy tôi, hoặc tôi bị đánh thức một cách đột ngột bởi một tiếng động từ trong nhà. Lần lần, mọi vật đều đắm chìm trong im lặng. Tôi ngồi nhổm dậy nhìn ra ngoài, thấy đèn lửa lần lần đã tắt. Trong giây lát, chỉ còn lại ánh trăng lạnh lùng phản chiếu sáng ngời trên những ngọn núi đầy tuyết phủ. Những con ngựa đã ngủ, có con ngủ đứng, có con nằm nghiên qua một bên. Sau cùng tôi cũng đã ngủ thiếp đi. Sáng ngày hôm sau, tôi bị đánh thức dậy một cách phủ phàng, có người nói với tôi:

- Dậy đi Lâm Bá. Tôi còn phải thắng yên ngựa, mà cậu nằm choán hết chỗ.

Thành thử tôi đứng dậy đi về nhà để kiếm thức ăn đỡ dạ. Trong nhà, đang có sự náo động ồn ào. Các quan khách sửa soạn ra về và mẹ tôi chạy từ nhóm này sang nhóm khác để tiễn đưa khách. Cha tôi thì bàn về việc sửa nhà và vườn cho đẹp thêm. Người nói cho một ông bạn già biết ý định sẽ nhập cảng kiếng thủy tinh từ Ấn Độ để làm cửa sổ. Ở Tây Tạng không có kiếng, người ta không chế tạo kiếng trong xứ, và thật là tốn kém mà nhập cảng kiếng từ Ấn Độ. Cửa sổ các nhà ở Tây Tạng có những khuôn gỗ trên đó có căn một thứ giấy sáp sáng đục nhưng không trong suốt. Những cánh cửa sổ bằng gỗ nặng được gắn ở ngoài, không phải để phòng kẻ gian mà để tránh những cơn

bão cát. Cơn bão cát này, đôi khi có quện theo những viên sỏi nhỏ, có thể làm gãy nát những cửa sổ trơn, không có phòng vệ. Nó cũng có thể cắt đứt da thịt trên mặt và trên bàn tay với những vết cắt rất sâu; bởi vậy thật rất nguy hiểm mà đi du lịch trong những mùa gió lớn.
Dân chúng thủ đô Lahassa luôn luôn để ý coi chừng ngọn núi của điện Potala. Nếu thình lình nó biến mất dưới một đám sương mù đen kịt, mọi người sẽ lo kiếm chổ ẩn núp an toàn để tránh bão. Nhưng không phải chỉ có loài người là mới báo động: Loài vật cũng biết trước khi sắp có bão nên các loài chó, ngựa thường đi trước người ta để kiếm chổ ẩn núp. Loài mèo không bao giờ bị bão làm hại, còn loài Yak không có gì phải sợ.
Sau khi người khách cuối cùng đã rời khỏi nhà, cha tôi cho gọi tôi và nói:

- Con hãy đi chợ mua sắm những thứ cần dùng, Ông Tzu biết con phải mua sắm những vật gì.

Tôi nghĩ đến những đồ dùng cần thiết: Một cái chén đựng tsampa bằng gỗ, một cái dĩa bạc và một xâu chuỗi gồm một trăm lẻ tám hột bằng gỗ đánh bóng. Số một trăm lẻ tám này là một con số linh thiêng, nó cũng chỉ bấy nhiêu những điều giới răn mà một vị sư sãi cần phải nhớ.

Chúng tôi lên đường ra chợ, ông Tzu cưỡi ngựa còn tôi cưỡi lừa. Sau khi qua nhiều khúc đường quanh co, chúng tôi đã đến khu chợ buôn bán tấp nập. Tôi nhìn quanh dường như đó là chuyến đi đầu tiên. Nhưng trong thâm tâm, tôi e ngại rằng đó là chuyến đi cuối cùng! Những tay thương buôn vừa đến Lhassa, tràn vào các cửa tiệm và tranh luận sôi nổi để định giá hàng. Có người đem trà sang đây từ Trung Hoa, những người khác đem tơ lụa từ bên Ấn Độ. Chúng tôi vạch đường đi xuyên qua đám rừng người đến những cửa tiệm có những đồ vật mà tôi cần dùng. Thỉnh thoảng ông Tzu trao đổi lời chào hỏi với một bạn già quen từ hồi niên thiếu.

Tôi cần mua một áo tràng màu đỏ sậm, cỡ lớn, không phải chỉ vì lý do tôi sẽ lớn thêm, mà cũng vì một lý do khác rất thực tế. Ở xứ này, những người lớn mặc áo rất rộng, nịt sát lưng. Phần trên chiếc áo có thể dùng như một cái túi đựng mọi thứ cần dùng. Một sư sãi "Trung bình" chẳng hạn, đem theo trong cái túi đó một chén ăn tsampa, một cái dĩa, một con dao, vài thứ bùa phép, một bao gạo mạch nha đã sấy và thường là một ít tsampa. Nhưng ta đừng quên rằng một sư sãi luôn luôn đem theo trong mình tất cả những gì y sở hữu trên thế gian này.

Ông Tzu kiểm soát việc sắm sửa của tôi. Tôi chỉ được mua những gì tối cần thiết, tất cả đều là những hạng rất xoàng, tương xứng với một "Chú tiểu sơ cơ nghèo": Một đôi dép bằng da con Yak, một cái bọc nhỏ để đựng gạo mạch nha sấy, một cái chén bằng gỗ, một cái dĩa cũng bằng gỗ (chứ không phải bằng bạc!) và một con dao. Thêm vào đó là một xâu chuỗi hạng thường mà tôi phải tự mình đánh bóng tất cả một trăm lẻ tám hột; đó là tất cả những gì mà tôi được mua sắm. Cha tôi là một nhà quý tộc tỷ phú, có những tài sản rộng lớn khắp nơi trong xứ, trong một thời gian tập sự làm một tu sĩ, và ngày nào cha tôi còn sống tôi phải là một chú tiểu nghèo mà thôi.

Tôi nhìn một lần cuối, đường xá và dãy nhà hai tầng ở hai bên. Tôi cũng nhìn cả những tiệm bán hàng hóa treo lủng lẳng những khúc vi cá mập và những yên ngựa ở trước cửa. Một lần nữa, tôi lắng tai nghe những lời nói đùa của những người lái buôn và những câu trả giá vui vẻ của những khách hàng. Tôi chưa từng thấy con đường này mang vẻ ấm cúng dễ chịu như thế bao giờ, tôi ước ao cái số phận của những người nhìn thấy nó hằng ngày và sẽ tiếp tục sống hằng ngày ở tại đây. Những con chó hoang đi rong khắp chốn, đưa mũi đánh hơi vật nọ vật kia, và cất tiếng sủa vang; những con ngựa đợi chủ ra lệnh cất vó, thỉnh thoảng lại hí lên một tràng dài. Những con Yak vừa thốt ra những tiếng kêu khàn giọng vừa len lỏi giữa những đám người bộ hành. Có bao nhiêu sự bí ẩn ở đằng sau những cửa sổ bọc giấy sáp kia! Có hằng bao nhiêu những hàng hóa lạ lùng đến từ bốn phương, đã được chở xuyên qua những cánh cửa gỗ chắc nịch kia, và có bao nhiêu giai thoại kỳ thú mà những cánh cửa sổ mở kia có thể thuật cho ta nghe nếu chúng biết nói. Tôi nhìn tất cả những vật ấy dường như là những vật đã quen thuộc từ lâu. Tôi không hề nghĩ rằng có ngày tôi sẽ tái ngộ những cảnh vật trên các đường phố nầy, dầu rằng thỉnh thoảng chỉ một đôi lần. Tôi nghĩ đến những gì tôi muốn làm, những gì tôi muốn mua. Sự mơ mộng của tôi bỗng nhiên bị gián đoạn một cách phũ phàng, một bàn tay vừa to lớn vừa hăm dọa, hạ xuống trước mặt tôi, kéo vành tai tôi và vặn xoay nó một vòng đau kinh khủng. Ông Tzu quát to, dường như muốn cho cả thế giới đều nghe:

- Lâm Bá, mi đã biến thành pho tượng đá rồi chăng? Ta tự hỏi không biết những thiếu niên đời nay nuôi những gì trong óc của chúng. Vào thời buổi của ta, không hề có như vậy.

Ông Tzu có vẻ bất cần về việc tôi sẽ bị đứt một vành tai nếu tôi cứ đứng yên một chỗ, hay tôi muốn giữ nó lại bằng cách đi theo ông. Tôi có thể làm gì được ngoài ra việc "Tranh thủ thời gian?" Trên đường về, ông Tzu vừa cưỡi

ngựa đi trước vừa cằn nhằn và chỉ trích rõ rệt "Cái thế hệ hiện kim, gồm toàn những bọn vô ích, lười biếng, bất trị, và luôn luôn mơ tưởng chuyện trên mây", nhưng khi vừa đến đường lộ Lingkhor, chúng tôi gặp một cơn gió lớn thổi mạnh; tôi bèn nép mình vào phía sau cái thớt lưng khổng lồ của ông Tzu để tránh cơn giông.

Khi tôi về đến nhà, mẹ tôi liếc mắt nhìn qua những đồ vật dụng mà tôi đã mua. Tôi lấy làm thất vọng khi mẹ tôi cho rằng những vật ấy cũng khá tốt đối với tôi. Tôi đã hy vọng rằng mẹ tôi sẽ quở trách ông Tzu, và sẽ cho phép tôi mua những đồ dùng có phẩm chất tốt hơn. Một lần nữa, những hy vọng của tôi về cái dĩa bằng bạc lại tiêu tan như mây khói, và tôi phải chấp nhận cái dĩa bằng gỗ mua ở một tiệm tạp hóa ở Lhassa.

Trong tuần lễ cuối cùng, người ta không để tôi sống yên lặng một mình. Mẹ tôi bắt buộc tôi phải đi theo người để viếng thăm các gia đình quý tộc ở Lhassa và để chào từ giã, trước khi tôi lên đường xuất gia để bước vào tu viện.

Mẹ tôi rất thích những dịp xuất hành như thế, những cuộc viếng thăm xã giao và nói chuyện hàn huyên, nó gồm một phần chương trình hằng ngày của mẹ tôi. Tôi cảm thấy chán ngấy; đối với tôi, những cuộc viếng thăm đó là những cực hình vì tôi không có năng khiếu để hòa mình một cách vui vẻ với những kẻ phàm tục. Tôi chỉ muốn chơi đùa thỏa thích ở ngoài trời trong những ngày còn lại, thả diều, nhảy sào hay bắn cung; nhưng thay vì được tự do tiêu khiển, tôi bị lôi kéo đi khắp nơi như một con Yak trúng giải hạng nhất, và trình diện với những bà nhạt nhẽo vô duyên, họ không có việc gì làm khác hơn là ngồi suốt ngày trên nệm nhung êm ấm và sai bảo kẻ tôi tớ.

Không phải chỉ có mẹ tôi mới làm tôi bực mình. Tôi còn phải đi theo cha tôi đến tu viện Lạt Ma Giáo Drebung. Tu viện này là tu viện lớn nhất thế giới, với tất cả mười ngàn sư sãi, với những ngôi đền cao vút, và nhà cửa dinh thự xây bằng đá. Đó là một cộng đồng tu viện, một thành phố có tường rào chung quanh, và cũng như mọi thành phố, nó có thể sống tự túc. Drebung có nghĩa là "Núi Gạo", và thật vậy, nó giống như một đống gạo chất lên thành núi nếu nhìn từ đằng xa, với những đài cao và mái bầu chiếu rạng ngời dưới ánh nắng. Nhưng tôi không còn lòng dạ nào để thưởng thức cái đẹp của những công trình kiến trúc thẩm mỹ: Tôi cảm thấy se lòng mà phải lãng phí một thời giờ rất quý báu đối với tôi. Cha tôi có việc cần bàn luận với vị Sư Trưởng và các vị phụ tá, nên tôi chỉ có thể đi thất thiểu một mình trong tu viện, như một vật vô chủ trôi giạt lênh đênh sau cơn bão tố. Khi tôi thấy

cách cư xử của người lớn đối với vài kẻ thiếu nhi sơ cơ, tôi có những cơn sợ hãi đến rùng mình.

Drebung thật là bảy tu viện sáp nhập làm một, gồm có bảy dòng tu, và bảy giáo đường khác nhau. Thật quá lớn lao đồ sộ để có thể đặt dưới sự điều khiển của một người; bởi vậy có đến mười bốn vị Sư Trưởng, tất cả đều chủ trương một kỷ luật sắt, đảm nhiệm lấy công việc cai quản tu viện này.

Khi cuộc viếng thăm kết thúc, tôi cảm thấy rất sung sướng, nhưng tôi còn hài lòng hơn khi được biết tôi sẽ không vào tu viện Drebung hay tu viện Sera, ở độ năm cây số phía bắc thủ đô Lhassa.

Tuần lễ cuối cùng đã chấm dứt. Người ta tịch thu những con diều của tôi để làm quà cho kẻ khác; những cung tên của tôi bẻ gẫy để làm cho tôi hiểu rằng tôi không còn là một đứa trẻ con, và bởi vậy tôi không còn cần những món đồ chơi đó nữa. Tôi có cảm tưởng rằng quả tim tôi muốn vỡ nát, nhưng dường như không ai chú ý đến điều ấy.

Đêm hôm ấy, cha tôi gọi tôi vào phòng giấy của người; đó là một gian phòng trang trí rất mỹ thuật, có bày những pho sách cổ rất quý giá. Cha tôi ngồi gần bên bàn thờ tổ tiên và ra lịnh cho tôi quì trước mặt người để bắt đầu nghi lễ đọc quyển Gia Phả của giòng họ nhà tôi. Lịch sử của gia đình tôi từ bao nhiêu thế kỷ trước, được ghi chép trong quyển sách khổng lồ đó, bề dày đến một thước rưỡi và bề ngang ba tấc. Trong ấy có ghi tên họ các vị tổ tiên sáng lập của giòng họ nhà tôi cùng những công lao hạn mã nhờ đó mà các vị ấy được ban quyền tước quý hiển. Trong đó cũng có ghi chép những công trạng mà gia đình tôi đã lập nên trong việc phục vụ xứ sở và phụng sự vị chúa tể của đất nước tôi, là đức Đạt Lai Lạt Ma. Đó là lần thứ nhì mà quyển Gia Phả được lật ra cho tôi, vì tôi thấy ngày sinh tháng đẻ của tôi đã có ghi chép sẵn trong đó. Các nhà chiêm tinh đã căn cứ vào những chi tiết đó để lập nên lá số và phán quyết những lời tiên tri về tương lai của tôi. Tôi phải tự mình ký tên vào bản Gia Phả, vì ngày hôm sau sẽ là ngày bắt đầu một cuộc đời mới, khi tôi bước chân vào tu viện.

Kế đó, quyển sách được xếp lại và để vào chỗ cũ. Quyển sách ấy rất nặng; cha tôi hơi lảo đảo dưới trọng lượng của nó khi người đứng dậy để đặt nó vào một cái hộp thiếp vàng. Người kính cẩn đặt cái hộp dưới bàn thờ, trong một cái ô vuông xây bằng đá rất sâu. Kế đó, người nấu sáp trong một cái "Soong" nhỏ bằng bạc, trãi sáp mỏng trên nắp ô và đóng triện của người lên đó để niêm phong lại. Sau đó, cha tôi mới ngồi nghiêm chỉnh lên tấm nệm ở

giữa phòng. Người gõ một tiếng vào cái chuông nhỏ đặt gần bên, và một người nô bọc đem vào một cái khay trà pha với bơ. Sau một cơn im lặng kéo dài, cha tôi mới kể cho tôi nghe bí sử của sứ Tây Tạng, một chuyện lịch sử cổ xưa đến bao nhiêu nghìn năm và thậm chí được coi như cổ sử dẫu ở vào thời kỳ cuộc đại hồng thủy. Người thuật cho tôi nghe rằng đã có một thời kỳ sứ Tây Tạng chỉ là một vùng biển cả muôn trùng, điều này đã được chứng thực bởi những cuộc khảo cổ dưới lòng đất. Người nói rằng cho đến ngày nay, khi người ta đào đất ở chung quanh thủ đô Lhassa, họ có thể tìm thấy những bộ xương cá và những loại vỏ sò vỏ óc rất dị kỳ, cùng những đồ khí cụ lạ lùng làm bằng kim khí, mà người ta không biết rõ sự công dụng của nó. Những sư sãi thường tìm thấy những đồ khí cụ đó khi họ thám hiểm những hang động trong vùng, và họ đem đến cho cha tôi. Cha tôi mới đưa cho tôi xem vài món đồ khí cụ đó. Rồi người nói qua chuyện khác:

- Theo như luật định, con nhà quý tộc phải được nuôi trong sự khắc khổ, còn con nhà nghèo sẽ được hưởng mọi sự dễ dãi, khoan dung. Trước khi được nhận vào tu viện, con còn phải trãi qua một cuộc thử thách rất gian lao.

- Cha tôi cho tôi biết rằng tôi cần phải tỏ ra tuyệt đối dễ dạy và nhắm mắt tuân theo mọi lịnh trên sai khiến. Những lời cuối cùng của cha tôi không làm cho tôi yên lòng. Người nói:

- Con hỡi, chắc con sẽ nghĩ rằng cha là người nghiêm khắc và khô khan, lạnh lùng. Cha chỉ nghĩ đến danh dự của giòng họ nhà ta. Cha nói thật cho con biết: Nếu con không được thâu nhận vào tu viện thì con đừng trở về nhà. Chừng đó con sẽ bị đối xử như một người xa lạ ở cái nhà này.

Nói đến đó, cha tôi ra hiệu cho tôi lui ra, mà không nói thêm một lời nào. Lúc ban chiều, tôi đã từ giã Yaso, chị tôi. Chị tôi rất xúc động: Chúng tôi đã chơi chung với nhau từ thuở nhỏ, nay chị đã lên chín, lớn hơn tôi hai tuổi. Tôi không sao gặp được mẹ tôi. Mẹ tôi đã đi ngủ sớm và tôi không thể nào từ giã mẹ trước khi lên đường. Tôi bèn lui về phòng riêng một mình để nghỉ một đêm cuối cùng. Tôi nằm dài trên những chiếc nệm trải dưới đất, nhưng không sao ngủ được. Trí óc tôi nghĩ liên miên đến những điều cha vừa nói lúc ban chiều. Tôi nghĩ đến tính nghiêm khắc độc đáo của cha tôi, và tôi hồi hộp nghĩ đến đêm hôm sau, khi mà lần đầu tiên tôi sẽ ngủ xa nhà. Bên hè, vầng trăng vẫn tiếp tục soi bóng. Một con chim ăn đêm vừa nhảy vừa đập cánh trên khung cửa sổ. Sau cùng tôi ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Khi trời chưa sáng, một người gia bộc đã đánh thức tôi dậy với một chén tsampa

và một chén trà bơ. Ông Tzu thình lình bước vào phòng khi tôi đang ăn bữa điểm tâm thanh đạm đó, và nói:

- Con hỡi đây là giờ phút mà chúng ta phải ly biệt nhau. Ta sẽ có thể trở lại coi sóc bầy ngựa như trước. Con hãy ráng làm tròn bổn phận, và hãy nhớ tất cả những gì mà ta đã dạy con. Nói đến đây, ông ta quay gót lui ra.

Thái độ đó rất là cận nhân tình, tuy rằng hồi ấy tôi không được vừa ý. Những lời từ giã đầy cảm xúc có lẽ đã làm cho sự lên đường của tôi trở nên khó khăn hơn nhiều, đó lại là một chuyến ra đi đầu tiên, mà tôi nghĩ rằng không hẹn ngày trở lại. Nếu lúc ấy mẹ tôi thức dậy để nói với tôi mấy lời từ giã thì chắc chắn là tôi đã cố gắng thuyết phục mẹ tôi hãy giữ tôi ở lại bên người. Nhiều đứa trẻ Tây Tạng sống một cuộc đời rất dịu dàng êm ái, còn tôi phải sống một cuộc đời khắc khổ về đủ mọi phương diện. Về sau tôi phát hiện ra rằng sở dĩ mẹ tôi không từ giã tôi vào giờ phút chót, ấy là do lịnh của cha tôi, để cho tôi tập lấy tánh cương nghị và có kỷ luật trong những năm đầu tiên. Tôi ăn điểm tâm xong, bèn dồn cái chén và cái dĩa vào trong áo, và lấy thêm một cái áo tràng để thay đổi. Với cái áo này, tôi làm một cái bọc trong đó, tôi gói một đôi ủng lót bằng nỉ. Tôi vừa bước ra khỏi phòng thì một người gia nô dặn tôi nên đi nhẹ bước để khỏi làm mất giấc ngủ của người trong nhà. Tôi bước ra hành lang. Trong khi tôi bước xuống nấc thang tam cấp để đi ra đường lộ, thì bóng tối hãy còn dầy đặc trước khi ánh bình minh xuất hiện để mở đầu một ngày mới.

Tôi bước ra khỏi nhà trong tình trạng đó. Tôi đi lủi thủi một mình, băn khoăn lo ngại và lòng dạ se sắt.

---o0o---

## Trước Thềm Chánh Điện

Tôi noi theo con đường đưa đến tu viện Chakpori, tu viện này vừa là một đạo viện vừa là một trường y khoa có tiếng là kỷ luật rất cao. Tôi đi bộ vượt qua mấy cây số đường trường dưới ánh sáng bình minh mỗi lúc càng tỏ rạng. Đến ngoài cổng lớn đưa vào sân mặt tiền của tu viện, tôi gặp hai thiếu nhi khác cũng như tôi đến xin được thu nhận. Chúng tôi nhìn nhau một cách dè dặt, nhưng không ai nói với ai một lời nào. Chúng tôi định bụng là hãy tỏ ra lịch sự với nhau nếu chúng tôi sẽ cùng thụ huấn trong một tu viện.

Chúng tôi gõ cửa một cách e dè cùng một lúc nhưng không ai trả lời. Một bạn đồng cảnh ngộ của tôi lúc ấy cúi xuống lượm một viên đá lớn đập vào cửa cổng để làm cho người ta chú ý. Một vị sư sãi xuất hiện, tay cầm một cây gậy lúc đó chúng tôi sợ sệt đến nỗi tưởng chừng như cây gậy to lớn bội phần. Vị sư sãi cất tiếng hỏi:

- Chúng bây muốn gì, lũ tiểu quỷ? Chúng bây tưởng rằng tao không có việc gì làm khác hơn là phải mở cửa cho những lũ tiểu yêu như tụi bây sao?

Tôi đáp:

- Chúng tôi muốn trở nên tu sĩ.

- A! Tu sĩ? Tụi bây giống như lũ khỉ thì đúng hơn. Hãy đứng đợi tại đây, vị Chưởng Môn đoàn Sơ Cơ tiếp chúng bây khi nào Người có thời giờ.

Cánh cửa lớn đóng sầm lại rất mạnh, và một bạn đồng đội với tôi vô ý đứng gần bên suýt nữa bị té ngã. Chúng tôi ngồi xuống đất vì đứng lâu đã mỏi chân. Lác đác có vài người đã vào tu viện. Một mùi đồ ăn xào nấu ngon lành từ nhà bếp bay lọt ra ngoài cửa sổ và phảng phất trong không khí, làm cho tôi cảm thấy như chịu một cực hình vì cơn đói bụng mỗi lúc càng tăng. Ôi! Thức ăn ngon lành ấy tuy ở gần kề một bên, nhưng đồng thời cũng lại xa cách với chúng tôi biết bao!

Sau cùng cánh cửa lớn lại mở rộng, và một vị sư sãi tác cao và gầy ốm xuất hiện. Ông ta quát to:

- Lũ tiểu yêu, chúng bây muốn gì đây, hử?

- Chúng tôi muốn trở thành tu sĩ.

Ông ta nói lớn:

- Lạy trời, đời nay sao có chuyện lạ vậy?

Người tu sĩ ra hiệu cho chúng tôi bước vào bên trong bức tường rào của tu viện. Người ấy hỏi chúng tôi là những thứ gì, chúng tôi là ai, và thậm chí tại sao chúng tôi sinh ra đời để làm gì!

Thật không khó gì mà hiểu rằng chúng tôi không gây ra nơi người ấy một ấn tượng tốt lành nào cả!

Ông ta nói với thiếu nhi đầu tiên, người này tự xưng là con của một người mục đồng:

- Vô đây mau lên. Nếu ngươi vượt qua được những cuộc thử thách, thì ngươi sẽ được thu nhận.

Kế đó ông ta nói với người thiếu nhi kia:

- Còn thằng kia? ... sao, mi nói gì? ... cha mi làm nghề đồ tể? A! đó là người hàng thịt, một người phạm giới sát sinh và không tuân theo giới luật của Phật. Vậy mà mi còn dám tới đây? Cút đi mau kẻo ta lại cho mi ăn gậy bây giờ!

Nói xong ông ta nhảy tới chụp lấy thằng nhỏ, thằng này thấy thế nguy bèn quên cả sự mệt nhọc và cố gắng thu thập tinh thần. Nhanh như chớp, nó quay đầu trở lại, phóng ra ngoài đường lộ và chạy một mạch vắt giò lên cổ, làm cho đường cái dậy bụi lên từng đợt nhỏ.

Chỉ còn lại một mình tôi. Người tu sĩ quay lại nhìn tôi với cặp mắt hung tợn và tôi cảm thấy sợ sệt đến nỗi chút nữa tôi đã ngất xỉu ngay tại chổ! Ông ta bèn quơ gậy một cách hăm dọa và quát lớn:

- Còn thằng nhỏ này! Mi là ai? ... A ha! Con một vị hoàng thân quốc thích mà muốn trở thành tu sĩ. Nhưng trước hết mi phải chứng minh giá trị của mi tới đâu, cùng những gì mi có trong bụng. Đây không phải là chỗ của những con nhà quý tộc ương hèn, nhu nhược. Mi hãy lui lại bốn chục bước và ngồi yên tại chỗ theo tư thế ngồi thiền cho đến khi có lệnh mới. Cấm không được cựa quậy chí đến một sợi lông nheo!

Nói xong, ông ta lui gót đi ngay. Tôi lặng lẽ thu nhặt khăn gói và lùi lại bốn chục bước. Tôi ngồi xuống trong tư thế kiết dà theo như lời dặn. Tôi ngồi yên như thế suốt ngày không cựa quậy. Những cơn gió lốc hất vào mình tôi những bụi bậm của đường xá, lần lần cát bụi đóng vào mình tôi. Chất từng đống nhỏ trên hai bàn tay lật ngửa của tôi, trên vai tôi và len lỏi vào tóc tai của tôi.

Khi ánh sáng mặt trời mỗi lúc càng yếu dần, tôi càng cảm thấy đói khát hơn, một cơn khát nước như cực hình nó làm khô cuống họng tôi: Từ lúc sáng sớm đến giờ tôi chưa ăn uống gì cả. Những sư sãi trong tu viện rất đông, họ đi qua lại không ngớt, nhưng không ai để ý đến tôi.Vài con chó hoang thỉnh thoảng ngừng lại, đưa mỏ vào mình tôi để đánh hơi một cách tò mò, rồi lại

bỏ đi. Một đám trẻ nhỏ đi ngang qua. Một đứa trong bọn chúng không có việc gì làm, chắc hẳn là ngứa tay, bèn ném vào mình tôi một viên sỏi trúng nơi màn tang, máu chảy ròng ròng. Nhưng tôi vẫn không cựa quậy. Tôi đã quá sợ hãi. Nếu tôi thất bại trong cơn thử thách này, cha tôi sẽ không để cho tôi trở về nhà và tôi sẽ không biết phải đi đâu. Tôi không còn có thể làm gì hơn là ngồi yên, âm thầm chịu khổ sở với các bắp thịt đau đớn như rần và những khớp xương tê cứng.

Mặt trời đã khuất dạng sau những dãy núi, và đêm tối đã đến. Các tinh tú chói lập lòe trên nền trời u ám. Hàng nghìn những ngọn đèn nhỏ thắp bằng bơ chiếu sáng ở các cửa sổ của những tu viện. Một ngọn gió lạnh như băng đã dậy lên: Tôi nghe tiếng gió rít lạnh lùng và tiếng lá xào xạc trên những cành liễu cùng với những tiếng động làm thành bản nhạc lạ lùng bí hiểm của ban đêm.

Dù việc gì đã xảy ra, tôi vẫn ngồi yên bất động, vì hai lý do chính:

Một là vì tôi quá sợ hãi, và hai là tứ chi của tôi đã quá tê cứng để có thể cử động được. Khi đó, tôi nghe có tiếng dép đi trên đất cát: Tôi nhận ra đó là những bước chân của một ông lão đang lần mò tìm đường đi trong bóng tối. Một bóng đen xuất hiện trước mặt tôi, đó là một vị sư sãi già đã còng lưng và mệt mỏi sau bao nhiêu đêm khổ hạnh. Những bàn tay của người đã run, điều này không làm cho thản nhiên khi tôi thấy ông ta làm đổ nghiên chén trà cầm nơi tay. Trong bàn tay kia, ông ta cầm một bát Tsampa, và đưa cho tôi luôn cả hai thứ. Tôi vẫn ngồi yên không cử động. Ông ta nói:

- Con hỡi, hãy cầm lấy, vì con có quyền cử động trong những giờ ban đêm.

Tôi bèn uống chén trà, và sớt món Tsampa vào cái chén riêng của tôi. Ông lão lại nói:

Bây giờ con hãy ngủ đi nhưng khi trời hừng sáng, con hãy ngồi lại trong tư thế cũ, vì đây là một cuộc thử thách chứ không phải là một hình phạt vô ích, những kẻ nào vượt qua cuộc thử thách này mới có thể được thu nhận vào dòng tu của chúng ta.

Nói xong, ông lão cầm lấy những chén bát và đi thẳng. Tôi bèn đứng dậy, vươn vai, duỗi thẳng tay chân, rồi nằm xuống nghỉ lưng; tôi vừa nằm nghiêng một bên vừa ăn chén stampa. Quả thật là tôi đã quá kiệt sức. Sau khi ăn no, tôi kê cái gói áo để gối đầu và nằm luôn dưới đất. Bảy năm của cuộc đời tôi trên thế gian này thật là không được sung sướng chút nào. Cha tôi

luôn tỏ ra nghiêm khắc trong mọi việc, nghiêm khắc một cách kinh khủng, tuy vậy đây là lần đầu tiên mà tôi ngủ xa nhà và suốt ngày hôm đó tôi không hề sửa đổi tư thế, hoàn toàn ngồi yên bất động và xác thể bị dày vò vì cơn đói khát. Tôi không biết ngày mai sẽ đưa đến cho tôi cái số phận như thế nào, và người ta sẽ bắt tôi phải chịu những điều gì nữa. Nhưng bây giờ, tôi phải ngủ, ngủ dưới màn trời lạnh lẽo, cô đơn, một mình với sự sợ hãi bóng tối, một mình với sự sợ hãi những ngày sắp tới.

Dường như tôi chỉ nhắm mắt được không bao lâu, thì tôi đã thức giấc vì tiếng kèn thổi vang tai. Tôi vừa mở mắt thì đã thấy ánh bình minh phản chiếu trên nền trời đằng sau những dãy núi. Tôi hối hả thức dậy và liền giữ lấy tư thế ngồi thiền. Trước mặt tôi, cả tu viện điều đã lần lần thức giấc. Lúc đầu nó giống như một thành phố bị đắm chìm trong giấc ngủ. Kế đó, mỗi tiếng động nhẹ đầu tiên mỗi lúc càng tăng trưởng dần dần và tu viện trở thành ồn ào náo nhiệt như một cái tổ ong vò vẻ trong một ngày mùa hạ. Khi mặt trời ló dạng, những toán sư sãi đầu cạo sạch bóng đi qua lại trong những cửa của tu viện.

Mặt trời càng lên cao, tôi càng cảm thấy tê buốt các khớp xương, nhưng tôi không dám cử động; tôi không dám ngủ thêm, vì chỉ một cử động nhẹ là tôi đã thất bại và sau đó tôi biết đi đâu? Cha tôi đã nói rõ ràng: Nếu tu viện không bằng lòng thu nhận tôi, thì cha tôi cũng sẽ không nhận tôi trở về. Từng nhóm nhỏ các sư sãi bước ra khỏi các gian nhà của tu viện để làm công việc hàng ngày. Vài thiếu niên đi rảo ngoài sân; đôi khi chúng nó lấy chân đá một cái, hất văng cát bụi bay mù mịt và những viên sỏi nhỏ về phía tôi ngồi, hoặc chúng đua nhau thốt ra những lời thô bỉ, tục tằn, cố ý nhắm vào tôi làm mục tiêu. Thấy tôi không đáp lại, chúng chán nản bỏ đi tìm những nạn nhân khác dễ chọc ghẹo hơn. Một ngày nữa lại qua mau; lần lần mặt trời lại ngả về tây và những ngọn đèn bơ của tu viện lại được thắp sáng. Trong giây lát, tôi đã ngồi dưới ánh sao, vì đó là ngày thượng tuần, trăng lên hơi muộn.

Thình lình, tôi cảm thấy lo sợ; hay là người ta đã quên tôi rồi? Hay đây là một cuộc thử thách, trong khi đó tôi phải chịu nhịn đói? Tôi không hề cử động suốt ngày hôm đó, một ngày kéo dài vô tận, và sự đó khát đã làm cho tôi mệt nhừ. Thình lình, một tia hy vọng nhen nhúm trong lòng tôi và làm tôi muốn nhảy dựng lên. Tôi nghe có tiếng chân đi và một bóng đen tiến về phía tôi. Nhưng than ôi, đó là một con chó ngao lớn và đen đang kéo lê một vật gì. Không một mảy may chú ý đến tôi, nó vẫn tiếp tục đi thẳng, cũng không chút xót thương cho cái tình trạng khó khăn của tôi. Niềm hy vọng của tôi

bèn sụp đổ. Tôi cảm thấy muốn khóc để chóng lại sự yếu hèn đó, tôi bèn tự nhắc nhở lấy mình rằng chỉ có đàn bà con gái mới dại dột mà sử sự như thế.

Sau cùng, tôi nghe tiếng bước chân của vị sư già. Lần này, ông lão nhìn tôi với đôi mắt dịu hiền và nói:

- Con hỡi, đây là những đồ ăn thức uống cho con, nhưng sự thử thách chưa phải là hết. Còn ngày mai nữa. Con hãy nhớ đừng làm một cử động nào, vì có nhiều người đã thất bại vào giờ phút chót.

Nói xong, ông lão từ biệt đi ngay. Trong khi vị sư già nói chuyện, tôi uống chén trà bơ và một lần nữa, sót stampa vào cái bát riêng của tôi. Một lần nữa, tôi lại nằm dài dưới đất, thật ra cũng không sung sướng gì hơn đêm trước. Vừa nằm tôi vừa suy nghỉ về cách đối xử bất công này, tôi không còn muốn làm tu sĩ nữa. Người ta không để cho tôi có quyền định đoạt số phận của tôi, chẳng khác nào như tôi là một con lừa bị bắt buộc phải trèo qua một truyền núi, thế thôi. Tôi ngủ thiếp đi trên cái ý nghĩ đó.

Ngày hôm sau, cuộc thử thách bước qua ngày thứ ba. Khi tôi ngồi dậy theo tư thế tọa thuyền, tôi cảm thấy yếu sức hơn mọi ngày và đầu óc tôi choáng váng. Tôi thấy tu viện dường như xoay tít trong một khối xa mù gồm những tòa dinh óc, những màu mè sặc sỡ, những đớm đỏ với những núi non và những sư sãi quay cuồng lẫn lộn với nhau một cách vô cùng hỗn độn. Tôi phải làm một cố gắng phi thường để vượt qua được cơn chóng mặt đó. Tôi cảm thấy kinh hoàng với ý nghỉ rằng tôi có thể thất bại sau khi đã chịu tất cả những sự đau khổ trong những ngày qua. Tôi có cảm giác rằng những tảng đá mà tôi ngồi ở trên, lần lần đã trở nên bén nhọn cũng như dao cắt, nó làm cho tôi đau nhứt ở những bộ phận nhạy cảm nhất trong mình tôi.

Ông mặt trời dường như đứng yên một chỗ; ngày ấy kéo dài như vộ tận. Nhưng sau cùng, ánh nắng bắt đầu dịu bớt, vầng hồng đã xuống thấp và ngọn gió chiều đã thổi phất phơ một sợi lông chim do một con chim én bay qua đã bỏ rớt lại. Lại một lần nữa, những ánh đèn bơ đã lần lượt nối tiếp nhau thấp thoáng qua khung cửa sổ. Tôi thầm nghĩ.

- "Tôi mong sau được chết trong đêm nay, tôi không còn chịu đựng được nữa."

Ngay lúc ấy, cái bóng đen cao lớn của vị chưởng môn Đoàn Sơ Cơ xuất hiện nơi khung cửa. Ông ta nói:

- Con hỡi, hãy lại đây!

Tôi thử đứng dậy, nhưng hai chân tôi đã chay cứng đến nỗi tôi phải nằm dài trên mặt đất. Người lại nói:

- Nếu con muốn nằm nghỉ, con có thể ở lại đây một đêm nữa. Ta không thể chờ đợi lâu hơn.

Tôi bèn hối hả thu lượm khăn gói và tiến lại gần vị Chưởng Môn với bước đi khập khểnh. Ông ta nói:

- Vào đây. Con hãy dự cuộc lễ tối và sáng mai con hãy đến gặp ta.

Bên trong tu viện, không khí rất ấm áp và mùi hương trầm làm cho tôi cảm thấy khỏe mạnh. Vì quá đói, giác quan nhạy cảm của tôi cho tôi biết rằng cách đó không xa chắc có thức ăn no lòng, tôi bèn đi theo một nhóm sư sãi hướng về phía tay mặt. À, có đồ ăn đây rồi: Tsampa và trà bơ! Tôi ráng chen lên hàng đầu dường như tôi đã quen làm như vậy suốt đời tôi!

Các sư sãi toan nắm chớp tôi khi tôi bò bốn cẳn luồng qua chân họ để đi tới trước nhưng vô ích; tôi đang muốn ăn, và không có gì có thể ngăn cản tôi được nữa. Sau khi đã ăn uống no lòng, tôi theo chân các sư sãi vào trong nội điện để dự cuộc lễ. Tôi đã quá mệt mỏi để có thể hiểu biết những gì xảy ra, nhưng không ai để ý đến tôi. Sau cuộc lễ, khi các sư sãi sắp hàng một đi ra ngoài, tôi mới lẻn ra phía sau một cây cột lớn, nằm dài xuống mặt sàn bằng đá, gối đầu trên cái bọc vải đựng quần áo của tôi và ngủ một giấc ngon lành.

Tôi đang mơ màng giấc điệp thì những tiếng động chung quanh đánh thức tôi dậy một cách phủ phàng. Có những giọng nói thốt lên:

- À, một con ma mới. Một đứa con nhà giàu. Ta hãy đánh cho nó một trận!

Một chú tiểu Sơ Cơ phất lên trên không cái áo dài thay đổi mà y đã rút ra trong bọc quần áo gối đầu của tôi, một tên khác đoạt lấy đôi giầy ủng của tôi. Một nắm Tsampa mềm và ướt từ đâu ném tới trúng vào giữa mặt tôi. Những cú đấm đá tới tấp như mưa nhắm vào tôi từ tứ phía, nhưng tôi không tự vệ. Đó có thể là một cuộc thử thách để xem tôi có tuân theo hay chăng, lời răn thứ mười sáu nói rằng: "Ngươi hãy chịu đựng sự đau khổ và tai họa một cách kiên nhẫn và an phận."

Bỗng nghe có tiếng quát lớn: "Có chuyện gì xảy ra ở đây?" kế đó là những tiếng thì thầm sợ hãy:

- À! Vị chưởng Môn đã đến! Chúng ta đã bị bắt quả tang!

Tôi đang lo gỡ miếng Tsampa ra khỏi mắt tôi, thì vị chưởng Môn nhóm Sơ Cơ liền quay về phía tôi, nắm lấy cái bím tóc tôi và kéo tôi đứng dậy.

- Đồ gà mái ướt! Đồ nhu nhược! Mi mà muốn trở thành một nhà lãnh đạo tương lai? Hãy lãnh lấy mấy quả đấm này!

Kế đó, tôi bị đòn dưới một trận mưa quả đấm tàn bạo.

- "Đồ vô dụng, đồ hèn, thậm chí mi cũng không biết tự vệ..." những cú đấm đá vẫn tiếp tục dường như không bao giờ ngừng.

Tôi bèn nhớ lại lời nói của võ sư Tzu lúc ông từ giã tôi:

- "Con hãy làm bổn phận, và hãy nhớ tất cả những gì ta đã dạy con."

Tôi bèn giữ thế thủ và lừa dịp đưa tay đẩy nhẹ một cái theo một thế võ Tây Tạng mà võ sư Tzu đã dạy tôi. Vị Chưởng Môn, trong lúc bất thần không kịp đỡ, vừa thốt lên một tiếng rên siết vì đau đớn, vừa bay bổng lên khỏi đầu tôi, rơi xuống sàn gạch trong tư thế nằm sắp rồi chùi tới trước trên cái sóng mũi, làm sóng mũi bị lột da, và ngừng lại khi đầu ông ta va vào một cái cột lớn với một tiếng động kinh hồn!

Tôi thầm nghỉ: "Thôi rồi! Phen này mình chắc chết. Âu cũng đành vậy để chấm dứt tất cả mọi nỗi lo âu." Thế giới dường như ngừng lại. Những thiếu niên Sơ Cơ đều nín thở. Một tiếng hét lớn, trong chớt mắt vị Chưởng Môn cao lớn và xương xẩu đã đứng phắt dậy. Máu từ trong hai lỗ mũi ông ta tuông ra đỏ lòm. Thật là một cảnh tượng quái gở, vì khi đó ông ta cất lên tiếng cười vang trong một chuỗi cười dài cởi mở và thật tình! Ông ta nói với tôi:

- À, vậy mi là một con gà chọi, phải chăng? Gà chọi hay chuột ướt? Mi là giống nào? Để còn xem lại mới biết.

Vị Chưởng Môn bèn quay lại phía một thiếu niên mười bốn tuổi, có một thân xác to lớn rồi đưa tay ra hiệu và nói:

- Nga Quấn, mi là con trâu mộng nặng cân nhất của tu viện này. Mi hãy tỏ cho mọi người thấy rằng con nhà lái buôn có giá trị hơn con nhà vương giã hay chăng trong một cuộc đấu võ.

Lần đầu tiên trong đời, tôi thầm tạ ơn ông Tzu, vị võ sư già của tôi. Thuở thiếu thời, ông ta từng là một chuyên viên về môn võ thuật Tây Tạng, một tay vô địch xuất xứ từ vùng Kham. Theo lời ông ta nói, ông ta đã truyền lại cho tôi tất cả các thế võ bí truyền, nhờ đó tôi có thể đối địch với cả những người lớn. Tôi đã tiến bộ rất nhiều về môn võ thuật này, trong đó sức mạnh và tuổi tác không có ích lợi gì cả. Vì cuộc đấu võ này quyết định tương lai của tôi, nên sau cùng tôi cảm thấy yên tâm.

Nga Quấn là một thanh niên lực lưỡng và khỏe mạnh, nhưng thiếu lanh lẹ mềm dẻo trong những cử động của y. Hiển nhiên là y đã quen nhưng cuộc đánh đấm hung hăng trong đó bạo lực của y giúp cho y nắm ưu thế. Y lao mình tới trước để nắm lấy tôi và quyết hạ được tôi. Tôi nao núng, nhờ đã có học võ với ông Tzu và trong huấn luyện, đôi khi ông ta cũng tỏ ra bạo tàn. Khi Nga Quấn khởi thế công, tôi bước qua một bên để tránh và thuận tay tôi vặn một cánh tay của y. Hai chân y bị mất thăng bằng, y lảo đảo xoay nửa vòng trước khi té ngã chúi đầu xuống đất. Y nằm rên một hồi trên sàn gạch, rồi thình lình y đứng dậy và phóng tới tôi. Tôi thụp xuống, ngã mình trên sàn gạch và đưa tay vặn một chân của y vào lúc y sắp sửa đè lên mình tôi. Lần này y xoay trọn một vòng, lảo đảo trên hai chân và té ngã, vai trán nện xuống đất. Nhưng y chưa thật sự đo ván. Y cố gắng đứng lên và đi thật trọng từng bước chung quanh tôi, rồi thình lình nhảy qua một bên, y chụp một cái đỉnh bằng đồng và có dây xúc xích và quay tít nó lên trên không. Một khí giới như vậy thật là chậm chạp, nặng nề và dễ tránh. Tôi bước một bước tới trước, luồn mình dưới nách y và đưa một ngón tay nhẹ nhàng điểm vào chổ nhược ở phía dưới của y, như võ sư Tzu thường chỉ dạy cho tôi về môn điểm huyệt. Y liền ngã lăn xuống đất như một tảng đá hai tay buông sợi dây xúc xích, cái đỉnh đồng bị hất văng vào đám trẻ sơ cơ và nhóm sư sãi đang đứng chung quanh nhìn xem chuộc đấu võ gây lên một cuộc náo động ồn ào.

Nga Quấn nằm bất tỉnh trong nửa giờ. Sự điểm huyệt đặc biệt đó thường làm cho linh hồn rời khỏi thể xác để đi châu du trên cõi trung giới hoặc để có những hoạt dộng tương tự.

Vị Chưởng Môn Đoàn Sơ Cơ tiến đến gần tôi, vỗ vai tôi một cái thật mạnh làm tôi suýt nữa cũng lại nằm đo ván, và nói:

- Con hỡi, quả thật con là người hùng.

Tôi đánh bạo đáp lại:

- Như vậy bạch sư tôn, con có xứng đáng được ăn uống chút ít gì chăng? Từ mấy ngày nay, con chưa được ăn uống đầy đủ bữa nào.

Vị Chưởng Môn nói:

- Con hỡi, con hãy ăn uống cho thỏa lòng. Sau đó, con hãy bảo một đứa trong nhóm sơ cơ dẫn đường cho con đến gặp ta. Từ nay con sẽ làm trưởng đoàn dể dạy võ nghệ cho chúng nó.

Vị sư già đã đem thêm thức ăn cho tôi hai đêm trước cũng vừa đến ngay khi đó. Ông ta nói:

- Con hỡi, con đã hành động xứng đáng. Nga Quấn đã tỏ ra hống hách đối với nhóm sơ cơ. Con hãy thay chân nó ở chức vụ đoàn trưởng, nhưng con hãy có lòng từ bi nhân hậu trong mọi quyết định. Con đã có một sự giáo dục rất tốt. Con hãy sử dụng tài nghệ của con cho đúng chỗ và chớ nên truyền thụ võ nghệ cho những kẻ không xứng đáng. Bây giờ con hãy theo ta và ta sẽ cho con ăn uống no lòng.

Khi tôi đến tư thất của người, vị Chưởng Môn đoàn Sơ Cơ tiếp đón tôi một cách rất ưu ái. Người nói:

- Con hãy an tọa. Ta muốn biết xem về mặt trí thức con có xuất sắc như về môn võ nghệ không. Con hãy coi chừng, ta sẽ hỏi khó con đấy.

Kế đó, người mới đưa ra cho tôi nhiều câu hỏi, vừa sát hạch, vừa viết tay. Chúng tôi ngồi đối diện nhau trên những chiếc nệm, và cuộc trắc nghiệm diễn ra suốt sáu tiếng đồng hồ, trước khi người tuyên bố hài lòng về sự giải đáp của tôi. Tôi cảm thấy đã mệt mỏi, người bèn đứng dậy và nói:

- Con hãy theo ta. Ta sẽ đưa con vào trình diện với vị Sư Trưởng. Đó là một cái vinh dự đặc biệt, con sẽ hiểu lý do tại sao.

Tôi đi theo vị Chưởng Môn qua những hành lang rộng lớn, những văn phòng, những nội diện, những lớp học... Chúng tôi bước lên một thang lầu, vượt qua những hành lang chằng chịt như mê cung, đi ngang những thánh điện thờ vị Thần và kho chứa các loại thảo dược. Lại lên một cầu thang nữa,

sau cùng chúng tôi bươc lên sân thượng, trên nóc bằng của tu viện và đi về phía tịnh thất của vị Sư Trưởng. Đến trước cửa, có một tượng Phật bằng vàng, biểu tượng của ngành Y học; qua khỏi cửa chúng tôi đã bước vào tu thất của Sư Trưởng.

Vị Chưởng Môn dặn tôi:

- Con hãy vái chào đảnh lễ và làm theo ta.

Người liền cúi lạy vị Sư Trưởng sau khi đã chắp tay vái ba lần. Tôi làm theo, trong lòng hồi hộp. Vị Sư Trưởng điềm nhiên nhìn chúng tôi, và nói:

- Các con hãy an tọa.

Chúng tôi ngồi trên những chiếc nệm, hai chân xếp bằng. Vị Sư Trưởng im lặng nhìn tôi một lúc rất lâu. Kế đó người nói:

- Hỡi Lâm Bá, ta biết tất cả những gì về con, tất cả những gì đã được tiên tri từ trước. Cuộc thử thách mà con đã phải chịu, thật là gian lao. Con sẽ hiểu lý do tại sao trong một vài năm nữa. Nhưng còn bây giờ, con hãy biết rằng trong một ngàn sư sãi, chỉ có một hai người là có khả năng học hỏi những việc cao xa, và có thể đạt tới một trình độ tiến hóa cao, còn bao nhiêu thì chỉ làm những bổn phận thông thường hằng ngày. Họ là những người làm việc bằng tay chân, và lần chuỗi tụng niệm mà thôi, chứ không cần học hỏi gì cả. Ở đây không thiếu những người đó. Chúng ta chỉ thiếu những người giữ gìn cái kho tàng kiến thức Huyền Môn khi xứ này bị nạn ngoại xâm. Con sẽ được thụ huấn đặc biệt, một sự huấn luyện ráo riết để trong vài năm ngắn ngủi con sẽ có nhiều kiến thức hơn là một vị Lạt Ma có thể thu thập được suốt cả một đời. Con đường Đạo sẽ gay go, hiểm trở và thường là dẫy đầy gian khổ. Thật vậy, tu luyện để có được nhãn quang thần thông đòi hỏi nhiều công phu rất khó nhọc, và xuất hồn đi châu du trên cõi trung giới đòi hỏi hành giả phải có một bộ thần kinh hệ vững chắc không gì lay chuyển và một ý chí cứng rắn như sắt đá.

Tôi chăm chú nghe với tất cả tâm hồn, không mất một chữ nào. Những điều đó đối với tôi dường như quá khó khăn. Tôi không có một nghị lực cứng cỏi đến bực đó! Vị Sư Trưởng nói tiếp:

- Ở đây con sẽ học y khoa và khoa chiêm tinh. Chúng ta sẽ giúp đỡ con về mọi mặt. Con cũng sẽ học các pháp môn bí truyền. Con đường của con đã được vạch sẵn, hỡi Lâm Bá. Tuy con mới có bảy tuổi, ta nói với con như nói

với một người lớn, vì vậy con đã được giáo dục như một người trưởng thành.

Nói xong, Sư Trưởng khẽ nghiêng đầu, vị Chưởng Môn đoàn Sơ Cơ bèn đứng dậy và cúi rập mình chào rất lâu. Tôi làm y theo vị Chưởng Môn và chúng tôi cùng lui ra. Khi về đến tư thất, vị Chưởng Môn mới phá tan sự im lặng:

- Con hỡi, con sẽ phải làm việc nhiều. Nhưng chúng ta sẽ giúp đỡ con hết lòng. Bây giờ, con hãy theo ta, để ta chỉ chỗ cho con đi cắt tóc.

Ở Tây Tạng, khi một đứa thiếu sinh bước vào tu viện, người ta bắt y cạo hết tóc, chỉ trừ một cái chõm nhỏ ở đỉnh đầu, cái chõm này cũng sẽ được cạo luôn vào ngày mà y nhận được một pháp danh mới và bỏ cái tên cũ.

Vị Chưởng Môn đưa tôi đi qua một dãy hành lang đến một gian phòng nhỏ, dùng làm nơi hớt tóc, tại đây người ta bảo tôi ngồi xuống đất. Vị Chưởng Môn nói:

- Tâm Chu, ngươi hãy cạo sạch tóc cho người thiếu nhi này. Ngươi cũng cạo luôn cái chõm vì y sẽ nhận pháp danh luôn ngày hôm nay.

Tâm Chu bước tới, với bàn tay mặt y nắm lấy cái bín tóc của tôi, dở hỏng lên, và nói:

- À, à, cậu nhỏ này. Bín tóc đẹp thật, thoa bơ láng bóng và giữ gìn cẩn thận. Cắt nó đi thật là sướng tay xiết bao.

Y bèn lấy một cây kéo rất lớn, giống như loại kéo mà những người nô bộc nhà tôi dùng để xén cây làm vườn, và gọi to:

- Tư Tỷ, lại đây cầm dùm một đầu.

Tư Tỷ, người phụ tá của y, chạy đến và kéo cái bín tóc của tôi mạnh đến nỗi tôi gần bị dở hỏng lên khỏi mặt đất. Miệng há hốc, Tâm Chu bắt tay vào việc với cây kéo cùn. Sau nhiều cơn bực mình và cằn nhằn, cái bín đã cắt xong. Nhưng đó chỉ là mới đầu. Người phụ tá đem tới một thau nước nóng bỏng đến nỗi, khi y dội nước lên đầu tôi, tôi đau điếng nhảy nhỏm một cái. Người thợ cạo hỏi:

- Có gì không ổn, hử, cậu nhỏ? Phỏng nước sôi chăng?

- Phải đấy, nước nóng quá.

- Đừng sợ, không việc gì, nước nóng như vậy, cạo tóc dễ hơn!

Y vừa đáp vừa lấy con dao ba cạnh, hình tam giác, mà ở nhà tôi người ta thường dùng để cạo sàn gỗ mỗi khi rửa nhà. Sau cùng, sau một thời gian dài dường như vô tận, đầu tôi đã được cạo sạch.

Vị Chưởng Môn bèn gọi tôi vào phòng riêng và đặt cho tôi một pháp danh mới. Đó là một tên Tây Tạng rất dài, nhưng trong quyển sách này, tôi vẫn dùng cái tên cũ cho tiện.

Kế đó, tôi được đưa vào một lớp học. Tôi cảm thấy đầu tôi trơ trẽn như một quả trứng mới đẻ. Vì tôi đã được hấp thụ một nền giáo dục tốt trong gia đình, người ta cho rằng tôi có những kiến thức cao hơn mức trung bình, nên họ xếp tôi vào lớp học của những thiếu niên sơ cơ mười bẩy tuổi. Tôi cảm thấy như một người tí hon sống giữa những người khổng lồ. Những thiếu niên này đã thấy tôi đánh ngã Nga Quắn, nên không ai muốn quấy rầy tôi, trừ ra một đứa lớn xác và ngu xuẩn. Y tiến đến gần từ phía sau lưng tôi và đặt hai bàn tay to lớn và dơ bẩn lên đầu tôi, hãy còn rát và ê ẩm vì mới cạo trọc. Tôi đứng phắt dậy và với một đầu ngón tay, tôi điểm nhẹ vào phía dưới cùi chỏ của y, làm cho y lùi lại thét lên vì đau đớn. Sau vụ ấy, các đứa trẻ khác bèn để tôi yên. Vị Chưởng Môn vừa quay lưng khi đứa trẻ đặt hai tay lên đầu tôi, sau đó mới được biết những gì đã xảy ra. Nhưng kết qủa của vụ xung đột làm cho Vị Chưởng Môn bất giác cười lớn đến nỗi Người vui lòng để cho chúng tôi về sớm.

Lúc ấy đã gần tám giờ rưỡi, chúng tôi còn được tự do trong ba khắc đồng hồ trước khi cuộc dự lễ tối đúng chín giờ một khắc. Nhưng tôi đã quá vội mừng. Một vị Lạt Ma ra hiệu cho tôi bước lại gần vào lúc tôi vừa ra khỏi lớp học. Tôi bước đến gần, người nói: "Hãy theo ta."

Tôi vâng lời đi theo và tự hỏi không biết chuyện gì đang chờ đợi tôi đây. Vị Lạt Ma bước vào một phòng âm nhạc, tại đây có độ hai chục thiếu nhi mới, cũng như tôi. Ba nhạc công sắp sửa chơi nhạc, một người đánh trống, một người thổi tù và, và người thứ ba thổi kèn bằng bạc. Vị Lạt Ma nói:

- Tất cả mọi người cùng hát, để ta có thể sắp đặt giọng hát từng nhóm trong cuộc hợp ca.

Các nhạc công đánh một bản nhạc rất quen thuộc mà ai cũng hát được. Chúng tôi vừa cất tiếng hát... thì cặp chân mày của vị Nhạc Sư đã nhướng lên rất cao! Sự ngạc nhiên hiện trên gương mặt người, kế đó sắc diện người lộ vẻ đau đớn khôn tả. Người đưa hai tay lên tỏ dấu phản đối và kêu to:

- "Ngưng lại! Ngưng lại tất cả! Các em xé cả lỗ tai của đấng Thánh Thần! Hát lại từ đầu và coi chừng!" Chúng tôi hát lại lần nữa, nhưng lần này, người cũng chặn chúng tôi lại. Lần này, người bước đến trước mặt tôi và nó:

- Thằng ngốc, mi định chế nhạo ta chăng? Lần này khi nhạc bắt đầu mi sẽ hát một mình vì mi không muốn hòa giọng với những đứa khác. Một lần nữa, các nhạc công lại trổi nhạc, và một lần nữa tôi lại hát. Nhưng không được lâu. Vị Nhạc Sư hoàn toàn thất vọng và giận dữ khoa chân múa tay trước mặt tôi và nói:

- Lâm Bá, âm nhạc không phải là một trong những tài năng của mi. Trong năm chục năm trời từ ngày ta đến đây, ta chưa bao giờ nghe một giọng hát vụng về như thế. Vụng về ư? Được vậy còn đỡ. Giọng mi hoàn toàn sai, vô phương cứu vãn. Này thằng nhỏ, mi sẽ không được hát nữa. Trong giờ âm nhạc, mi sẽ học một môn khác. Khi dự lễ trong nội điện, mi phải câm miệng lại, không thì mi làm hỏng tất cả. Bây giờ, mi hãy cút đi, thứ lỗ tay trâu!

Thế là, tôi lánh đi chỗ khác chơi.

Tôi đi dạo chơi cho đến khi những tiếng kèn điểm giờ hành lễ cuối cùng trong ngày. Chỉ mới ngày hôm qua tôi bước chân vào tu viện, nhưng tôi có cảm tưởng rằng dường như tôi đã có mặt nơi đây từ thuở xa xăm nào! Tôi cảm thấy rằng tôi đi như người mê ngủ và tôi bắt đầu cảm thấy đói. Có lẽ như vậy còn hay hơn, vì nếu lúc ấy tôi no bụng thì chắc là tôi đã ngủ gật. Có người nắm lấy tay áo tôi và dở hỏng tôi lên trên không. Một vị Lạt Ma cao lớn, vẻ mặt hiền hòa, đặt tôi ngồi trên hai vai rộng của người, và nói:
- Con hỡi, coi chừng con đến trễ giờ dự cuộc lễ tối và con sẽ bị quở. Nếu con đến trễ, con sẽ không được ăn, và chừng đó bụng con sẽ rỗng không như một cái trống!

Khi vị Lạt Ma bước vào nội điện, người vẫn còn khiêng tôi trên vai. Người ngồi ngay phía sau những tấm nệm dành riêng cho đám sơ cơ và cẩn thận đặt tôi ngồi xuống trước mặt người. Người nói:

- Con hãy coi đây, và lập lại những gì ta nói. Nhưng khi ta cất tiếng hát thánh ca, thì con hãy im lặng chớ mở miệng đó nhé, a ha!

Tôi thầm biết ơn vị Lạt Ma đã có lòng ưu ái đối với tôi. Từ trước đến giờ, ít có người đã tỏ ra tốt bụng đối với tôi. Sự giáo dục mà tôi đã hấp thụ được trong quá khứ chỉ là đặt trên một nền tảng quát tháo, thịnh nộ hay đánh đập.

Tôi đã ngủ thiếp đi trong một lúc. Khi đó tôi giật mình thức dậy, tôi nhận thấy rằng cuộc lễ tối đã chấm dứt tự bao giờ. Vị Lạt Ma đã cõng tôi đến phòng ăn khi tôi còn đang mê ngủ, và đặt tôi ngồi xuống trước bàn, trên đó người đã đặt sẵn trà bơ, Tsampa và rau đậu nấu chín. Người nói:

- Con hãy ăn no, rồi đi ngủ! Ta sẽ chỉ cho con biết buồng ngủ của con. Đêm nay, con có quyền ngủ thẳng giấc đến năm giờ sáng. Con hãy đến gặp ta khi con thức dậy.

Đó là những lời cuối cùng mà tôi nghe trước khi tôi thức giấc vào lúc năm giờ sáng. Một thiếu niên sơ cơ đã tỏ ra có thiện cảm với tôi từ đêm trước. Đến đánh thức tôi dậy một cách rất khó khăn giữa lúc tôi còn mê man giấc điệp. Khi thức tỉnh tôi mới thấy rằng tôi đã nằm trên tấm nệm giữa một phòng lớn. Người thiếu niên nói:

- Vị Lạt Ma Minh Gia Đại Đức đã dặn tôi đến đánh thức sư huynh đúng năm giờ sáng.

Tôi ngồi dậy và xếp ba tấm nệm chồng chất lên nhau sát vách tường theo gương những đứa trẻ khác. Tất cả những trẻ sơ cơ đã ra ngoài; người bạn trẻ của tôi bèn nói:

- Chúng ta hãy ăn điểm tâm; rồi sau đó tôi sẽ đưa sư huynh đến gặp Minh Gia Đại Đức.

Khi đó, tôi bắt đầu cảm thấy thoải mái dễ chịu hơn, không phải tôi thích tu viện hay tôi muốn ở lại đó, mà tôi nghĩ rằng vì không thể làm sao hơn, nên tốt nhất là tôi nên êm thuận và hòa mình với hoàn cảnh. Đến giờ ăn điểm tâm, vị sư xướng ngôn đọc bằng một giọng trầm một đoạn kinh rút trong một trăm mười hai quyển của bộ kinh Kangyur của Phật Giáo Tây Tạng. Vị sư hẳn đã nhìn thấy tôi đãng trí và lo ra, vì thình lình người gọi giật tôi lại:

- Này, thằng nhỏ, ta vừa mới nói những gì? Hãy trả lời mau!

Nhanh như chớp và không suy nghĩ một giây đồng hồ tôi đáp ngay:

- Bạch sư ông, ngài vừa nói rằng: Thằng nhỏ này đãng trí không nghe ta đọc kinh, ta phải bắt nó tại trận!

Câu trả lời ấy làm cả cử tọa đều bất giác cười ầm lên, và nhờ đó tôi khỏi bị đòn vì tội vô kỷ luật. Vị sư cũng mỉm cười đó là một việc hiếm có và giải thích rằng người muốn tôi lập lại đoạn kinh người vừa đọc, nhưng thôi, "Lần này thì như vậy cũng được".

Mỗi bữa ăn, vị sư xướng ngôn đều ngồi trước một bàn nhỏ và đọc những đoạn kinh Phật. Các sư sãi không được phép nói chuyện trong giờ ăn, hoặc nghĩ đến những chuyện riêng tư, mà phải lắng tai nghe đọc kinh. Họ phải tiêu thụ thánh giáo cùng một lượt với thức ăn. Chúng tôi tất cả đều ngồi trên những chiếc nệm đặt dưới đất và ăn trên những chiếc bàn nhỏ cao độ năm tất Tây. Không ai được gây tiếng động hoặc để cùi chỏ lên bàn, vì đó là những điều bị tuyệt đối cấm nhặt.

Tại tu viện Chakporl, người ta áp dụng kỹ luật sắt. Danh từ Chakporl có nghĩa là "Thiết Sơn" hay núi sắt. Trong phần lớn các tu viện, kỹ luật thường lỏng lẽo và thời khắc biểu không được áp dụng chặt chẽ. Các sư sãi có thể làm việc hoặc nghỉ ngơi tùy ý. Có thể chỉ có một người trong hàng ngàn sư sãi thật tình muốn tiến bộ tâm linh, và chính người đó mới trở nên một vị Lạt Ma, vì danh từ Lạt Ma có nghĩa là "Thượng Nhân", và không áp dụng cho bất cứ người nào. Trong tu viện của chúng tôi kỹ luật rất chặt chẽ và thậm chí còn gắt gao là khác. Chúng tôi phải trở thành những người lãnh đạo của giai cấp tu sĩ. Đối với chúng tôi, thì trật tự và giáo dục là tuyệt đối cần thiết. Chúng tôi không được phép mặt áo trắng là màu áo thông thường của cấp sơ cơ: Áo của chúng tôi mặt phải là màu đỏ sậm như áo của các vị sư sãi. Chúng tôi cũng có những kẻ nô bộc để sai khiến nhưng đó là những sãi lao công, nô bộc, có phận sự quét dọn, lao chùi và côi sóc phần sinh hoạt thực tế của tu viện. Chúng tôi thay phiên nhau làm công việc hèn mọn này, để cho những ý nghĩ tự phụ, kêu căng không có chỗ mà chen vào đầu óc của mình. Chúng tôi phải luôn luôn nhớ câu sáo ngữ Phật Giáo: "Hãy tự mình nêu gương tốt cho kẻ khác. Hãy làm điều thiện và tránh mọi điều ác. Đó chính là giáo lý của Phật dạy".

Vị Sư Trưởng của tu viện, tức vị Lạt Ma Champa La, cũng nghiêm khắc như cha tôi và đòi hỏi một sự vâng lời tuyệt đối. Một trong những lời dạy mà người thường hay nhắc đến là: "Đọc và viết là những then chốt của mọi đức tính".

Bởi đó, trên lãnh vực này, chúng tôi có rất nhiều việc phải làm.

---o0o---

**Đời Người Tu Sĩ Sơ Cơ**

Tại tu viện Chakpori, một "Ngày" của chúng tôi bắt đầu từ lúc nửa đêm. Khi tiếng kèn điểm giờ tý canh ba vang dội âm thanh đến những hành lang u tối, chúng tôi còn đang ngái ngủ, đã phải thức dậy xếp lại nệm chiếu và dò dẫm tìm cái áo tràng trong bóng tôi. Mặt áo xong, chúng tôi vừa bước ra đi vừa dồn mọi đồ vật dụng vô áo tràng. Chúng tôi bước xuống thang lầu và nện gót giầy trên cầu thang với những tiếng động ồn ào, vì vào giờ này, chúng tôi thường bực bội không vui. Trong phần giáo lý của chúng tôi có câu: "Thà nghỉ ngơi với một tâm hồn an tỉnh hơn là ngồi tham thiền tụng niệm mà ôm cơn tức giận trong lòng". Tôi thường có một ý nghỉ bất kín: Nếu vậy tại sao người ta không để cho chúng tôi nghỉ ngơi trong sự yên tỉnh? Sự thức giấc vào lúc nữa đêm này làm cho tôi tức giận!

Nhưng không ai đã đưa cho tôi một lời giải đáp thỏa đáng, thành thử tôi phải đi cùng với mọi người vào nhà Nguyện Đường để dự cuộc lễ cầu nguyện ban đêm. Tại đây, vô số những ngọn đèn thắp bằng bơ chiếu ánh sáng rung rinh xuyên qua những luồng khói hương nghi ngút bay lượng trong không khí. Dưới ánh sáng lập lè này, và giữa những bóng người qua lại, những pho tượng khổng lồ của các vị Thần dường như cũng cử động và hình như cũng nghiên mình đáp lại những tiếng thánh ca của các sư sãi.

Hàng năm các sư sãi và thiếu niên Sơ Cơ ngồi xếp bằng trên những tấm nệm xếp thành những hàng dài trong nhà Nguyện Đường. Họ ngồi day mặt đối diện với một hàng và xoay lưng vào một hàng. Họ cất tiếng hát những bản thánh ca du dương dùng những tiết điệu đặt biệt, vì người Đông Phương đã từng hiểu biết về những quyền năng của âm thanh. Cũng như một âm thanh được phát ra đúng cách, có thể làm bể một cái ly thì một bản nhạc dùng nhiều thanh điệu ghép lại theo một tiết điệu nhất định cũng có quyền năng siêu hình, thần bí. Trong buổi lễ, cũng có đọc kinh Kangyur. Thật là một cảnh tượng uy hoàng mà thấy hàng trăm sư sãi mặt áo tràng màu đỏ sẩm, với mảnh lụa yếm tâm màu vàng che trước ngực, vừa nghiêng mình vừa hát hòa tấu những bài thánh ca, kèm theo tiếng ngân của những cái chuông nhỏ và tiếng trống. Những đám khói hương trầm và đèn nhan nghi ngút luồng qua chân các pho tượng thần khổng lồ và người ta có cảm giác rằng giữa cái ánh

sáng âm u đó, những pho tượng ấy cũng nhìn chúng tôi dường như để chứng kiến cuộc lễ uy nghiêm.

Buổi lễ kéo dài gần một giờ, sau đó chúng tôi trở về phòng để ngủ lại cho đến bốn giờ sáng. Một cuộc lễ sớm bắt đầu vào lúc bốn giờ một khắc. Đến năm giờ, chúng tôi ăn điểm tâm với Tsampa và trà pha bơ. Dẫu cho trong khi ăn, chúng tôi còn phải lắng nghe giọng nói đọc âm chán phèo của vị sư sướng ngôn, và cùng lúc đó vị sư giám thị ngồi kế bên dò xét chúng tôi với cặp mắt cú vọ. Trong dịp này người ta đưa ra cho chúng tôi tất cả mọi thông tri và huấn lịnh. Thí vụ như trong trường hợp có việc cần phải đi ra thành phố Lhassa, thì trong giờ ăn điểm tâm người ta nêu tên những sư sãi có phận sự lãnh công việc đó, chỉ có những vị này mới được phép rời khỏi tu viện trong một khoảng thời gian nhất định và được phép vắng mặt trong một vài buổi lễ trong ngày.

Đến sáu giờ, chúng tôi vào lớp học, chuẩn bị cho buổi học đầu tiên. Lời răng thứ nhì của Phật Giáo Tây Tạng dạy rằng: "Người sẽ làm tròn bổn phận tôn giáo và người sẽ học hỏi kinh thánh". Trong sự ngây thơ của tuổi lên bảy, tôi không hiểu tại sao người ta phải tuân theo Lời Răn này trong khi lời răn thứ năm: "Ngươi phải kính trọng những bật trưởng thượng và những người thuộc dòng quý tộc" lại không được tuyệt đối tuân theo? Thật vậy, kinh nghiệm của tôi cho tôi thấy rằng có một cái gì hổ thẹn mà sinh trưởng làm con nhà "Quý phái". Tôi thật sự đã là nạn nhân của sự "Quý phái" đó. Hồi đó tôi không hiểu rằng giai cấp của một người không phải là điều quan trọng mà chỉ có đức hạnh mới là đáng kể.

Đến chín giờ, chúng tôi ngưng học trong bốn mươi phút để dự một cuộc lễ khác. Sự gián đoạn này đôi khi cũng dễ chịu nhưng chúng tôi phải trở về lớp học vào mười giờ kém mười lăm phút. Khi đó, một môn học khác lại bắt đầu và kéo dài cho đến một giờ trưa. Chúng tôi vẫn chưa được phép ăn uống gì mà phải dự một cuộc lễ trưa độ nửa giờ trước khi dùng bữa ăn trưa. Kế tiếp là một giờ làm công việc nhà để giúp cho chúng tôi vận động cơ thể và để dạy chúng tôi đức tính khiêm tốn. Những công việc dơ bẩn nhất và khó chịu nhất được giao phó cho tôi, dường như nhiều lần hơn là tới phiên tôi phải làm.

Đến ba giờ chiều chúng tôi tụ hợp lại để nghỉ ngơi một tiếng đồng hồ. Trong giờ đó, sự nghỉ ngơi bị bắt buộc; cấm không được nói chuyện hay cử động; chúng tôi phải giữ im lặng hoàn toàn. Chúng tôi không thích sự sắp đặt đó chút nào, vì một giờ thì ít quá để ngủ trưa và dài quá để ngồi yên không làm

gì! Sau giờ nghỉ trưa đó, đúng bốn giờ, chúng tôi trở lại lớp học. Đến đây mới bắt đầu giai đoạn gian lao nhất trong ngày, nó kéo dài suốt năm tiếng đồng hồ, không một chút nào nghỉ ngơi, trong năm tiếng đồng hồ đó chúng tôi không được phép rời khỏi lớp học vì bất cứ một lý do nào, nếu trái lịnh, chúng tôi sẽ bị trừng phạt rất nặng nề. Các vị thầy học sử dụng những gậy to lớn một cách tự do, có vài vị tỏ ra rất sốt sắng trong việc trừng phạt những kẻ vi phạm, chỉ có những học trò nào không thể chịu đựng được nữa hoặc những kẻ thật ngu xuẩn mới xin phép vắng mặt "đi ra ngoài" vì khi họ trở về lớp, sự trừng phạt là điều không thể tránh khỏi.

Đến chín giờ tối, chúng tôi mới được "giải thoát" để dùng bữa ăn cuối cùng trong ngày, cũng chỉ gồm có bấy nhiêu món là trà bơ và Tsampa. Đôi khi, nhưng cũng rất hiếm, chúng tôi được ăn rau, thường là những khoanh củ cải trắng hay đậu Hòa Lan. Những thứ rau đậu này chỉ ăn sống, nhưng cũng ăn được đối với những thiếu niên sinh bụng đói. Có một lần, năm tôi lên tám tuổi, người ta cho chúng tôi ăn búp măn Tây trộn dấm. Tôi rất thích ăn măn tây, vì tôi thường được ăn món ấy hồi còn ở nhà. Vì ăn còn thèm, tôi đã dại dột đề nghị với một bạn trẻ ngồi gần bên để đổi cái áo tràng thứ hai của tôi lấy phần ăn của nó. Vị sư giám thị bắt gặp quả tang chuyện này, bèn gọi tôi ra đứng giữa phòng ăn để công khai thú tội trước mặt mọi người. Để trừng phạt tội tham ăn của tôi, tôi phải chịu nhịn đói, nhịn khát trong hai mươi bốn giờ, còn cái áo tràng của tôi thì bị tịch thu; họ viện lẽ rằng nó không có ích lợi gì cho tôi vì tôi đã muốn đổi nó lấy một vật không cần thiết lắm!

Đến chín giờ rưởi, chúng tôi trở về phòng. Ai cũng muốn về mau để đi ngủ! Lúc đầu, tôi nghỉ rằng những giờ học dài quá mức đó có thể làm hại sức khỏe tôi, và có lẽ tôi sẽ lăn ra chết bất cứ lúc nào hoặc là tôi sẽ ngủ luôn để không bao giờ thức dậy nữa. Cùng với những ma mới khác, chúng tôi thường rút lui vào một góc hẻo lánh để ngủ gà một giấc. Nhưng lần lần, tôi đã quen rất mau với cái thời khắc biểu khắc nghiệt đó, và sau cùng, những chuỗi ngày dài vô tận đó không còn làm cho tôi khó chịu nữa.

Lúc ấy đã gần sáu giờ khi người thiếu niên dẫn đường đưa tôi đến trước cửa tư thất của Minh Gia Đại Đức. Tuy tôi không gõ cửa, người cũng lên tiếng trước gọi tôi vào. Phòng khách của Đại Đức rất trang nhã với những bức tranh tuyệt đẹp, vài bức tranh được vẽ ngay trên tường và những bức họa khác được vẽ trên những tấm màn trướng bằng lụa. Trên những bàn nhỏ có sắp những pho tượng các vị thần hay thần nữ bằng vàng hoặc bằng cẩm thạch. Trên tường cũng có gắng một bánh xe luân hồi rất lớn, biểu tượng của định luật Tuần Hoàn trong vũ trụ, ngồi theo tư thế liên hoa trên một tấm

nệm, trước một cái bàn đầy những sách vỡ, vị Lạt Ma đang nghiên cứu kinh điển khi tôi bước vào. Người nói:

- Lâm Bá, con hãy ngồi đây gần bên ta, chúng ta sẽ nói chuyện nhiều. Nhưng trước hết, đối với một thiếu niên đang ở tuổi sắp lớn, ta cần hỏi con một câu: Con có được ăn uống đầy đủ hay không?

- Bạch Ngài, có.

- Sư Trưởng có nói rằng chúng ta có thể làm việc chung với nhau.

Chúng ta đã tìm thấy được tiền kiếp của con: Con đã tiến bộ khá lắm. Bây giờ chúng ta muốn phát triển lại vài khả năng và sở đắt mà con đã thu thập được trong kiếp sống vừa qua. Chúng ta muốn rằng trong khoảng vài năm, con sẽ thu hoạch được nhiều kiến thức hơn là một vị Lạt Ma có thể thu thập được suốt cả một đời.

Nói đến đây, Đại Đức bèn ngừng lại và chăm chú nhìn tôi một lúc rất lâu, với đôi mắt sáng dường như soi thấu mọi vật. Người lại nói:

- Mọi người phải được tự do chọn lựa con đường của mình. Tương lai của con sẽ rất gian lao khổ cực trong bốn mươi năm nếu con chọn con đường tốt, nó sẽ đưa đến những phần thưởng lớn lao trong kiếp sau. Trái lại, trên con đường dở, con sẽ được giàu sang với đầy đủ mọi sự tiện nghi sung sướng của cõi trần nhưng con sẽ không có được sự tiến bộ tâm linh. Vậy con hãy tự mình quyết định lấy.

Nói xong, người nhìn tôi chờ đợi. Tôi đáp:

- Bạch Ngài, cha con có nói rằng nếu con thất bại và rời khỏi tu viện, con không nên trở về nhà. Làm sao con có thể sống cuộc đời sung sướng tiện nghi nếu con không có nhà để trở về? Và ai sẽ chỉ dẫn cho con theo con đường tốt nếu con chọn đường đó?

Đại Đức mỉm cười và nói:

- Con đã quên rồi chăng? Chúng ta đã tìm thấy lại được kiếp trước của con.

- Nếu con chọn con đường dở, tức con đường dễ dãi tiện nghi, con sẽ được quy định ngôi thứ trong một tu viện như một vị Hóa Thân. Và trong vài

năm, con sẽ được đưa lên chức vị Sư Trưởng. Cha con chắc sẽ không cho đó là một sự thất bại chứ?

Tôi bèn hỏi tiếp:

- Bạch Đại Đức, theo ý ngài đó có phải là một sự thất bại không? Người đáp:

- Phải. Với tất cả những gì mà ta biết, thì đối với ta, đó là một sự thất bại.

- Bạch Đại Đức, còn nếu con chọn đường tốt thì ai sẽ hướng dẫn cho con?

- Ta sẽ là người hướng dẫn con, nhưng con hãy tự mình quyết định lấy, không ai có quyền ép buộc con hết cả.

Tôi ngước mắt lên nhìn Đại Đức và tôi cảm thấy tôi yêu mến người đối diện với tôi lúc ấy: Một người cao lớn, với đôi mắt đen huyền, cái nhìn trong sáng, một gương mặt cởi mở và một vầng tráng cao rộng. Phải, tôi cảm thấy tràn đầy thiện cảm đối với người! Tuy tôi mới lên bảy, cuộc đời tôi trước kia thật là vất vả khổ cực và tôi đã từng gặp gỡ nhiều nhân vật: Thật sự tôi có thể xét đoán tính chất của một người. Tôi nói:

- Bạch sư phụ, con sẽ chọn con đường tốt và ước mong được làm đệ tử của Ngài.

Tôi nói thêm với một giọng băn khoăn:

- Nhưng chắc là con sẽ không thích làm việc nhiều!

Đại Đức cất tiếng cười lớn, một giọng cười cởi mở, nó sưởi ấm lòng tôi và nói:

- Lâm Bá, ở đời không ai là người thích làm việc nhiều, nhưng ít có người thành thật nhìn nhận điều ấy.

Đại Đức nhìn vào các giấy tờ trên bàn và nói:

- Một phép luyện bí mật sẽ cần thiết để giúp cho con mở được năng khiếu Thần Nhãn. Sau đó, chúng ta sẽ sử dụng khoa thôi miên để hối thúc sự học hỏi của con cho mau có kết quả. Chúng ta sẽ giúp cho con tiến rất xa trên các lãnh vực y khoa và Huyền Môn.

Tôi cảm thấy e ngại trước một chương trình bề bộn như thế: Nó hứa hẹn một sự làm việc ráo riết không ngừng và khó nhọc dường nào! Nhất là sau khi tôi đã trải qua bao nhiêu sự học vấn khắc khổ trong bảy năm qua, không hề có dư thời giờ cho các môn giải trí... và chơi diều!

Vị Lạt Ma dường như đọc được tư tưởng của tôi. Người nói:

- Thực vậy, con hỡi. Sau này con sẽ có thời gian để chơi diều nhưng đó sẽ là những con diều thật lớn và có thể chở người ngồi bên trong. Còn hiện giờ, ta cần thiết lập một thời khắc biểu hợp lý đến mức tối đa.

Sư phụ tôi lại cúi xuống mớ giấy tờ trên bàn:

- Xem nào, từ chín giờ sáng đến một giờ trưa, có được chăng? Phải đấy, ta hãy bắt đầu như vậy. Con hãy đến đây mỗi buổi sáng đúng chín giờ thay vì dự buổi lễ sáng và ta sẽ thảo luận về những vấn đề quan trọng. Buổi học đầu tiên sẽ là sáng mai. Con có muốn nhắn gì với cha mẹ con không? Hôm nay ta sẽ đến viếng song thân của con, con hãy đưa cho ta mớ tóc củ của con hôm trước!

Điều đó làm tôi hoàn toàn ngạc nhiên. Khi một thiếu niên được nhận vào tu viện, người ta xuống tóc cho y và gởi cái bím tóc dài vừa cắt xong cho cha mẹ y qua sự trung gian của một thiếu niên Sơ Cơ để chứng minh rằng con của họ đã được thâu nhận. Trong trường hợp này thì chính Minh Gia Đại Đức đích thân đem cái bím tóc của tôi về nhà! Điều này có nghĩa là từ nay Đại Đức sẽ hoàn toàn đảm trách cuộc đời tôi và tôi sẽ trở nên đứa "con tâm linh" của người.

Minh Gia Đại Đức là một nhân vật rất quan trọng, một người có một trí thông minh hiếm có và được nổi tiếng khắp nơi ở xứ Tây Tạng. Tôi tin chắc rằng dưới sự dìu dắt của một vị sư như Ngài, tôi không thể nào thất bại.

Sáng ngày hôm ấy, khi trở về lớp học, tôi làm một người học trò rất lãng trí. Tôi để tư tưởng vẩn vơ đâu đâu, và bởi đó vị giáo sư lại có dịp thỏa mản cái khuynh hướng sử dụng gậy một cách thẳng tay!

Tôi nhận thấy các giáo sư đã tỏ ra nghiêm khắc một cách quá đáng. Nhưng để tự an ủi, tôi nghỉ rằng dầu sao tôi đến đây là để học. Đó là lý do vì sao tôi đầu thai trở lại, tuy rằng hồi đó tôi không được biết rõ tôi cần phải học lại những gì.

Ở Tây Tạng, người ta tin tưởng rất mạnh nơi sự luân hồi. Họ tin rằng một người đã đạt tới một trình độ tâm kinh nào đó, có thể chọn lựa sống trên một cõi giới khác, hoặc trở lại thế gian để học hỏi thêm hay để giúp đỡ kẻ khác. Có khi một nhà hiền giả đã hỏi phải thực hiện một sứ mạng nhất định trong đời mình nhưng lại qua đời trước khi hoàn thành sứ mạng. Trong trường hợp đó, người ta tin rằng nhà hiền giả có thể tái sinh trở lại thế gian để hoàn tất công việc đã bỏ dở trong kiếp trước, dưới điều kiện là công việc ấy sẽ hữu ích cho nhân loại.

Không mấy ai có thể nhờ người khác truy ra những tiền kiếp của mình, việc ấy đòi hỏi một vài ấn chứng, tốn phí nhiều tiền bạc và mất nhiều thì giờ. Những người nào cũng như trường hợp của tôi có những ấn chứng đó được gọi là những vị "Hóa Thân" (người đã tiến hóa cao, tình nguyện đào thai trở lại cõi trần ngay sau khi chết, để thực hiện một sứ mạng tâm linh cao cả). Những vị này hồi còn trẻ được dạy dỗ theo một kỹ luật vô cùng khắc khổ, giống như trường hợp của tôi, nhưng về sau đến lúc trưởng thành họ được sự kính trọng của tất cả mọi người. Về phần tôi, người ta sẽ dành cho tôi một sự huấn luyện đặc biệt nhằm tăng cường những kiến thức của tôi về khoa Huyền Môn. Để làm gì? Hồi đó, tôi chưa được biết rõ lý do.

Những cú roi giáng xuống như mưa làm tôi giật mình, và đưa tôi trở về thực tế.

- Thằng ngốc! Đồ gàn! Những ý nghỉ đen tối nào đã lọt vào trong cái sọ dày đặt của mi? May cho mi vì đã đến giờ dự lễ nếu không, chắc là mi còn bị ăn đòn!

Kèm theo lời mắn mỏ ấy, vị giáo sư thịnh nộ đá vào đít tôi một đá nên thân và bước nhanh ra khỏi lớp học. Một bạn đồng môn của tôi nói:

- Bạn đừng quên rằng trưa nay là tới phiên chúng ta phải làm công tác dưới bếp, tôi hy vọng chúng ta có thể vô bao đầy món Tsampa.

Công tác làm bếp rất cực nhọc, vì những vị sư giám thị đối xử với chúng tôi như những kẻ nô lệ. Không có vấn đề nghỉ ngơi sau hai giờ công tác nặng nhọc đó. Làm bếp xong, chúng tôi phải trở lại lớp học ngay. Đôi khi người ta giữ chúng tôi ở lại bếp quá lâu nên chúng tôi đến lớp học trễ giờ. Khi chúng tôi đến nơi thì vị giáo sư nổi trận lôi đình phân phát cho chúng tôi một loạt những cú roi, gậy như mưa, không để cho chúng tôi có chút mảy may cơ hội để biện hộ cho sự trễ giờ đó!

Công tác đầu tiên của tôi trong nhà bếp suýt nữa cũng là công tác cuối cùng. Theo những hành lang lót đá, chúng tôi đi đến nhà bếp... không chút hứng khởi trong lòng. Một sư sãi nét mặt rất cáu kỉnh đứng đợi chúng tôi ở ngoài cửa. Khi vừa thấy chúng tôi đến, y kêu to:

- Mau lên, thật là một lũ lười biếng và vô dụng. Mười đứa đầu tiên hãy vô nấu các nồi "xúp de"!

Tôi lọt nhằm số mười, tôi bèn đi cùng với những thiếu sinh khác xuống bếp do một cầu thang nhỏ. Dưới nhà bếp nóng kinh khủng. Trước mặt chúng tôi, những bếp lò phát ra những tia lửa đỏ. Nhiên liệu đốt lò là phân con Yak phơi khô và ép thành từng bánh tròn, được chất lên từng đống lớn gần bên các chảo đụn. Vị sư sãi chỉ huy việc nấu bếp quát lớn:

- Hãy vác xuổng lên và xúc phân khô đổ vô lò!

Tôi chỉ là một đứa trẻ mới lên bảy tuổi lẫn lộn trong đám thiếu sinh mà đứa trẻ nhất cũng không dưới tuổi mười bảy. Tôi chỉ vừa đủ sức giơ cái xuổng lên toan xúc phân cho vào lò thì tôi vô ý thế nào làm lật cái chảo nước đang sôi lên hai bàn chân của vị sư sãi. Y thét lên trong cơn thịnh nộ, nắm lấy cổ họng tôi xoay một vòng... và loạng choạng té ngã. Tôi nhảy ra phía sau, nhưng tôi cảm thấy đau nhói kinh khủng và ngửi thấy mùi da thịt cháy khét. Tôi đã té ngã trên một cây sắt đầu nướng đỏ từ trong bếp lò văng ra. Thét lên vì đau đớn, tôi ngã lăn giữa những tro than cháy âm ỉ. Phần trên đùi bên trái của tôi, gần chổ xương háng bị cháy đến tận xương, chổ da thịt bị phỏng ấy đã để lại cho tôi một vết thẹo trắng, mà hiện nay còn làm cho tôi khó chịu. Chính vết sẹo ấy về sau đã làm cho người Nhật nhìn ra được tôi.

Một cơn náo loạn đã diễn ra sau đó. Những sư sãi khác từ khắp nơi vội vàng chạy đến. Người ta mau mau đỡ tôi đứng dậy giữa đám tro tàn. Tôi bị những vết phỏng khắp thân mình nhưng nặng nhất là vết thương ở bắp đùi. Người ta mau cõng tôi lên những tầng lầu trên, ở đó, một vị Lạt Ma y sĩ cố gắng chữa trị vết phỏng. Thỏi sắt nướng đó là một vật dơ bẩn và để dính lại trong vết thương những mạt cưa sắt rĩ sét. Vị y sĩ phải moi trong vết thương để lấy ra những miếng sắt vụn này, cho đến khi vết phỏng được rữa sạch trơn. Kế đó, y sĩ rắt thuốc lên vết thương và băng bó cẩn thận. Còn những vết phỏng nhẹ ở khắp thân mình thì y sĩ thoa lên một chất thuốc nước làm bằng chất dược thảo nó làm cho tôi bớt đau rất nhiều. Sự đau đớn, nhứt nhói vẫn âm ĩ và tôi tưởng chắc là sẽ không còn sử dụng chân trái của tôi được nữa.

Khi đã băng bó xong, vị Lạt Ma y sĩ gọi một sư sãi khiêng tôi vào một gian phòng bên cạnh và đặt tôi nằm trên nệm. Một vị sư già bước vào ngồi dưới đất ở bên cạnh giường tôi và bắt đầu đọc kinh cầu nguyện. Tôi thầm nghĩ: "Thật là tốt đẹp thay mà cầu nguyện ơn trên che chở cho tôi sau khi tôi vừa bị một tai nạn!" Sau cái kinh nghiệm bản thân về sự đau đớn cực hình này, tôi quyết định sẽ sống một cuộc đời đức hạnh. Tôi nhớ đến một bức tranh vẽ cảnh địa ngục, trong đó một quỷ sứ hành hình một nạn nhân bằng cách lấy dùi sắt nhọn nướng đỏ đốt thân hình y ở gần chổ mà tôi bị phỏng.

Có lẽ người ta sẽ nghỉ rằng trái với đều mà họ vẫn tưởng các sư sãi là những kẻ ác ôn. Nhưng sư sãi là gì? Ở xứ Tây Tạng, danh từ đó áp dụng cho mọi người phái nam sống trong một tu viện Lạt Ma Giáo, dẫu cho họ không phải là người tu. Hầu như bất cứ người nào cũng có thể trở nên sư sãi. Một trẻ thiếu nhi thường được gởi vào một tu viện để trở nên "Sư sãi" mà nó không cần được hỏi ý kiến. Đôi khi, đó là một người trưởng thành đã chán công việc đi chăn cừu và muốn có một máy nhà ấm cúng để tránh sương tuyết khi tiết trời lạnh lẽo có lúc sụt xuống đến bốn mươi độ không, khi đó, y xin làm sư sãi trong tu viện. Không phải vì lý tưởng tôn giáo mà vì y muốn tự đảm bảo lấy ít nhiều tiện nghi vật chất. Các tu viện dùng những "sư sãi" này như những người lao công để làm những công tác xây cất, cày bừa hay quét dọn. Ở những nơi khác thì những người này được gọi là nô bộc hay bằng một danh từ tương tự. Phần nhiều những người này đã sống một cuộc đời rất khổ nhọc: Sống ở những vùng cao nguyên từ ba ngàn đến bảy ngàn thước bề cao, không phải là một cuộc đời dễ chịu. Đối với người Tây Tạng, thì một "Sư sãi" chỉ có nghĩa là một người như mọi người thường. Họ dùng danh từ Trappa để chỉ những người tu sĩ.

Những vị Lạt Ma (Lama) là những bậc cao tăng, thuộc một cấp đẳng cao. Đó là những bậc đạo sư, hay tôn sư. Thí dụ như Lạt Ma Minh Gia Đại Đức sẽ là vị tôn sư của tôi, và tôi sẽ là đệ tử của người. Kế đó, ở cấp đẳng cao hơn nữa là những vị sư trưởng. Không phải tất cả những vị này đều đảm trách việc trông coi một tu viện; nhiều vị nắm giữ những chức vụ cao trong chính phủ hoặc đi ta bà từ tu viện này đến tu viện khác. Đôi khi một vị Lạt Ma lại ở cấp đẳng cao hơn vị sư trưởng.

Những người được côi như là những vị "Hóa Thân" (người ta đã chứng minh rằng đó là trường hợp của tôi) có thể được chỉ định làm chức sư trưởng vào năm mười bốn tuổi, sau khi đã vượt qua một cuộc thi rất khó khăn. Những vị này thường là nghiêm khắc nhưng không hung dữ và không bao giờ bất công.

Một thí dụ khác về sư sãi là trường hợp các sư sãi cảnh binh. Nhiệm vụ duy nhất của họ là duy trì trật tự, họ không có phận sự gì trong việc tế tự, lễ bái ở các đề chùa, họ chỉ cần có mặt để xem mọi việc có xảy ra đúng theo quy tắc luật lệ không. Họ thường rất hung tợn cũng như phần nhiều các sư sãi nô bộc như đã nói ở trên (nhưng không vì thế mà họ làm giảm uy tín của các tu viện). Người ta không thể lên án một vị giám mục vì ông ta có một tên làm vườn thô lỗ! Cũng như người ta không trông mong người làm vườn ấy sẽ trở nên một ông thánh chỉ vì y làm tôi tớ cho một vị giám mục!

Đây trở lại vấn đề tôi bị phỏng lửa khi đi làm công tác dưới bép. Hiệu lực của chất thuốc vừa tan dần, tôi hồi tỉnh lại và cảm thấy như mình bị lột da. Trong cơn mê sản tôi tưởng tượng dường như một ngọn đuốt đang cháy được đặt vào một cái lỗ trống trong bắp đùi bên trái của tôi.

Thời giờ trôi qua. Tôi lắng nghe những tiếng động trong tu viện: Vài loại âm thanh đã quen thuộc đối với tôi, nhưng có nhiều loại khác mà tôi không nhận ra là những tiếng động gì. Toàn thân tôi bị rung chuyển vì những cơn đau điếng dữ dội. Tôi nằm sấp trên bụng nhưng những vết phỏng cũng lan rộng đến phía trước của thân mình tôi. Tôi nghe một tiếng động nhẹ: Có người đến ngồi gần bên tôi. Một giọng đầy thiện cảm và nhân từ của Minh Gia Đại Đức nói thì thầm bên tai tôi:

- Con hỡi, chắc là con bị đau lắm. Thôi hãy ngủ đi.

Vài ngón tay nhẹ nhàng lướt trên lưng tôi dọc theo xương sống, nhẹ lướt thêm nữa và thêm nữa. Thế rồi... tôi mê man ngủ thiếp đi.

Một vầng mặt trời êm ấm chiếu rạng ngời trước mặt tôi. Tôi thức dậy và chớp mặt liên hồi. Tư tưởng đầu tiên đến với tôi khi tôi vừa chợt tỉnh là hình như có người đá tôi vài đá vì tôi đã ngủ quá lâu. Tôi định nhảy xuống giường để hối hả đi dự buổi lễ sáng nhưng tôi bèn té ngữa ra sau, khắp mình mẩy đâu nhứt như rần. Thì ra đó là cơn mê sảng... Chân trái tôi đau quá.

Một giọng dịu hiền ưu ái nói với tôi:

- Lâm Bá, con hãy nằm yên. Hôm nay con có thể nghỉ.

Tôi quay đầu nhìn lại lấy làm vô cùng ngạc nhiên mà thấy rằng tôi đang nằm trong phòng của Minh Gia Đại Đức, còn Sư Phụ thì ngồi gần bên tôi. Người nhận thấy sự ngạc nhiên của tôi và mỉm cười:

- Tại sao con ngạc nhiên? Phải chăng là một việc thường tình mà hai người bạn ở gần bên nhau khi một người bị đau ốm?

Tôi đáp bằng một giọng rã rời mệt mõi:

- Nhưng sư phụ là một vị Lạt Ma cao cả, còn con chỉ là một đứa trẻ nhỏ.

- Lâm Bá chúng ta đã cùng nhau đi một đoạn đường rất dài trong những kiếp trước. Hiện giờ con chưa nhớ lại được điều đó nhưng ta nhớ rõ, vì chúng ta đã sống rất gần bên nhau trong những kiếp vừa qua. Còn bây giờ con cần phải nghỉ ngơi để lấy lại sức. Chúng ta sẽ điều trị bắp chân con cho mau lành, con đừng lo gì cả!

Tôi liên tưởng đến cái bánh xe luân hồi sinh tử và nghỉ đến những điều răng trong kinh thánh của xứ tôi: "Người tâm hồn quảng đại sẽ được sống một cuộc đời giàu sang không bao giờ dứt, còn kẻ hèn ích kỷ sẽ không bao giờ được sự ưu ái, từ tâm. Người có quyền thế hãy sống một cách quảng đại với những kẻ khác đến nhờ vả mình. Y hãy nhìn xa để thấy con đường dài của sự luân hồi sinh tử. Sự giàu sang luân chuyển như những bánh xe, nay nó thuộc về người này, mai nó thuộc về người khác. Kẻ hành khất ở kiếp này có thể trở nên một vị vương hầu ở kiếp sau, còn vị vương giả ngày nay có thể trở nên kẻ ăn mày trong một tương lai xa gần".

Khi đó tôi hiểu một cách chắc chắn không còn nghi ngờ gì nữa, mặc dầu trong cơn đau đớn thể xác và mặc dầu tuổi tôi còn nhỏ, rằng Minh Gia Đại Đức, sư phụ tôi là một tâm đức và tôi có thể tin tưởng lời giáo huấn của người. Rõ ràng là sư phụ tôi biết rõ rất nhiều điều về tôi, nhiều hơn rất xa những gì mà tôi có thể biết được. Tôi rất nóng lòng muốn làm việc chung với người và tôi quyết định rằng tôi sẽ là một người đệ tử gương mẫu. Tôi cảm thấy một cách rõ ràng rằng giữa chúng tôi có một sự đồng thanh đồng khí rất chặt chẽ và tôi lấy làm cảm kích sự xoay vần của định mệnh nó đã đặt tôi dưới sự hướng dẫn dìu dắt của người.

Tôi quay đầu nhìn ra ngoài cửa sổ. Những tấm nệm của tôi đang nằm được đặt trên một cái bàn để cho tôi có thể nhìn thấy bên ngoài. Cảnh vật rất là hùng tráng. Đằng xa, ở bên ngoài những nóc nhà chen chút nhau phía dưới cửa sổ của tôi, thành phố Lhassa vươn mình dưới ánh nắng mặt trời, với những ngôi nhà nhỏ sơn màu lợt xinh xắn. Trong thung lũng, con sông Kỳ Giang uốn khúc giữa những cánh đồng xanh tươi nhất thế giới. Những dãy núi xa tít chân trời ửng màu đỏ sậm với những đỉnh núi đội tuuết trắng phau. Trên những ngọn núi gần hơn, những vết màu vàng lóng lánh chen chút

nhau trên sườn núi, đó là nóc của những tu viện. Bên tay trái, điện Potala nhô lên cao như một ngọn núi biệt lập.

Về phía tay mặt, một cụm rừng nhỏ trong đó rải rác những đền chùa và trường học. Đó là địa phận của vị Thiên Giám Quan, một nhân vật quan trọng mà vai trò duy nhất trong đời là tạo nên một nhịp cầu giao cảm giữa cõi trần gian vật chất và cõi giới vô hình, và tiên tri điều họa phúc của quốc gia. Dưới mắt tôi, trên sân mặt tiền, những sư sãi thuộc các cấp đi qua lại không ngớt. Vài vị trong số đó, những người sư sãi lao công, mặc áo màu nâu sậm. Một nhóm thiếu sinh của tu viện ở xa mặt áo trắng. Những sư sãi cao cấp cũng có mặt ở đó, đều mặt áo màu đỏ sậm, với manh yếm tâm bằng lụa vàng, chỉ rằng họ thuộc thành phần viên chức tối cao của chính phủ. Một vài vị cưỡi ngựa hay cưỡi lừa. Những người thường dân thì cưỡi ngựa đủ màu còn các sư sãi bắt buộc phải cưỡi trắng. Tất cả những cảnh tượng đó là cho tôi quên cả hiện tại. Điều làm cho tôi quan tâm hơn hết là làm sao cho chống bình phục để có thể sử dụng hai chân của mình.

Ba ngày sau, người ta cho rằng tốt hơn tôi nên ngồi dậy và thử đi đứng xem sao. Chân trái tôi còn cứng đơ và làm cho tôi rất đau đớn. Chỗ vết phỏng đã sưng lên và có mủ vì những mảnh sắt vụn rĩ sét mà người ta không thể gắp ra được. Vì tôi không thể đi đứng một mình, người ta làm cho tôi một cây nạn gỗ để tôi dùng mà đi một chân, tôi đi nhún nhẩy cũng như con chim bị thương. Toàn thân tôi vẫn còn những vết phỏng và những chỗ phồng da ở chân trái tôi làm cho tôi đau đớn nhiều hơn các chỗ khác. Tôi không thể ngồi được mà phải nằm nghiêng bên mặt hoặc nằm sấp, tôi không thể dự các buổi lễ cầu nguyện hay đi đến lớp học nên Minh Gia Đại Đức, Sư Phụ tôi dạy tôi học tại tư thất từ sáng đến chiều. Người tuyên bố hài lòng về những kiến thức mà tôi thu thập được trong thời "niên thiếu" của tôi, người nói:

- Có nhiều điều trong những kiến thức đó chỉ là những kỷ niệm mà con đã mang theo từ những kiếp trước.

---o0o---

## Đời Sống Trong Tu Viện

Hai tuần lễ trôi qua những vết phỏng của tôi đã gần khỏi. Cái chân tôi còn làm cho tôi hơi đau nhưng càng ngày càng bớt dần. Tôi yêu cầu được áp dụng thời khắc biểu như thường lệ vì tôi thấy cần phải cử động đôi chút. Tôi được phép ngồi tùy ý hoặc nằm sấp trên bụng. Người Tây Tạng ngồi xếp

bằng theo tư thế liên hoa, nhưng tôi không thể ngồi như vậy vì chân tôi còn đau.

Ngày đầu tiên tôi trở lại lớp học để gặp lại các bạn cũ, thì có công tác làm bếp vào buổi trưa. Tay cầm một tấm bản đá tôi có phận sự kiểm điểm những bao lúa mạch nha sấy. Lúa mạch nha được trải lên những tảng đá hâm nóng đến bóc khói: Cái nồi "xúp de" mà tôi đã làm lật đỗ đến bị phỏng, được đặt ở phía dưới. Khi đã trải đều lúa mạch nha trên những tảng đá, người ta mới đóng cửa và nhóm thiếu sinh chúng tôi đi qua hành lang đến một văn phòng tại đây người ta xay giã lúa mạch nha đã sấy xong. Cối xay là một cối đá hình ống loa lật ngược, vành tròn đường kính độ một thước sáu tấc. Lòng cối xay có chạm khắc những đường lồi lõm để giữ lúa. Một tảng đá vĩ đại cũng hình ống loa, nhưng đặc ruột đặt vào lòng cối để nghiền nát lúa. Tảng đá này được nâng bằng một cái đòn tay bằng gỗ mà thời gian đã làm cho trơn bóng, ở hai đầu cái đòn tay này có gắn chặt các đòn tay nhỏ hơn giống như những cây căm của một bánh xe không có vành. Lúa mạch nha sấy được đổ vào cối đá, rồi các sư sãi và những trẻ thiếu nhi mới nắm lấy những cây căm bánh xe để vận chuyển khối tảng đá nặng đến hàng mấy tấn. Khi tảng đá đã xoay vòng thì công việc không còn nặng nhọc lắmvà chúng tôi cùng cất tiếng hát hợp xướng. Ít nhất tại đây tôi có thể hát mà không bị bắt tại trận! Nhưng làm vận chuyển tảng đá này là cả một công trình khó nhọc. Tất cả mọi người đều phụ giúp một tay trợ lực. Kế đó phải để ý coi chừng nó luân chuyển luôn luôn không lúc nào ngừng. Những số lượng mạch nha sấy được đổ thêm vào cối và lúa sấy xong thoát ra ngoài ở phần dưới cối. Chính thứ lúa xay này được trải một phần nữa lên nhưng tảng đá nóng để sấy lại là chất liệu căn bản để là món Tsampa. Mỗi người chúng tôi đều đem theo trong mình một ít Tsampa đủ ăn trong một tuần hay nói đúng hơn là một số lúa mạch nha đã xay nát và sấy lại. Đến bữa ăn, chúng tôi lấy ra một phần nhỏ đựng sẵn trong cái bộc da và đổ vào những cái chén riêng của mình. Sau khi đổ thêm trà pha bơ chúng tôi dùng ngón tay trộn đều và nhồi cho đến khi nó trở thành một thứ bánh, rồi mới ăn.

Qua ngày hôm sau, công tác làm bếp gồm có việc nấu trà bơ. Ở gian phòng khách của nhà bếp có đặt một cái chảo đụn khổng lồ với dung lượng sáu trăm bảy mươi lăm lít. Chảo đụn này đã được lau chùi bằng cát và trở nên sạch bóng như còn mới.

Từ sáng sớm, chảo đụn này đã được chứa nước đến phân nữa và nấu sôi lên sùng sụt. Chúng tôi có phận sự đi lấy những bánh trà đã phơi khô và đập tan ra thành từng mảnh vụn. Trà này được ép cứng lại thành từng bành lớn hình

vuông như viên gạch, mỗi bành cân nặng từ bảy đến tám ký lô gram, được chở từ Trung Hoa hay Ấn Độ đến Lhassa bằng đường bộ xuyên qua các truyền núi. Những mãnh vụn vừa đập ra được nén vào chảo nước đang sôi. Một sư sãi thêm vào đó một tảng muối cục thật lớn, một sư sãi khác bỏ thêm vô một muối hóa chất (bicarbonnate de soude). Khi tất cả đều sôi sụt người ta mới đổ thêm vào từng mảng bơ làm bằng sửa của con Yak, và để lửa cháy trong lò suốt nhiều giờ. Trà trộn với bơ này có một giá trị dinh dưỡng rất tốt và dùng thêm với món Tsampa nó có đầy đủ chất bổ dưỡng để cho người Tây Tạng sống được quanh năm. Công việc khó nhọc nhất là giữ cho lửa cháy trong. Thay vì dùng phân củi người ta dùng phân con Yak phơi khô làm chất nhiên liệu để đốt lửa. Chất nhiên liệu này luôn luôn được dự trữ quanh năm thành một lượng dùng không bao giờ cạn. Phân bò đốt cháy tỏa ra một mùi vị rất chát và nồng nặc.

Chúng tôi bị bắt buộc phải làm những công tác này không phải là vì thiếu nhân công mà là vì muốn xóa bỏ tối đa mọi sự phân biệt giai cấp. Chúng tôi nghỉ rằng con người chỉ có một kẻ thù ấy là sự chia rẽ, cách biệt. Làm việc bên cạnh một người, nói chuyện cởi mở với y, có dịp thông cảm với y rồi thì y sẽ không là một kẻ thù của ta nữa. Ở Tây Tạng mỗi năm một lần, những vị quan to hay chức sắc có quyền thế từ bỏ quyền hành của mình trong một ngày, lúc đó bất cứ một thuộc hạ nào của họ cũng có quyền nói lên những gì y cảm nghĩ trong lòng nếu một vị Sư Trưởng tỏ ra lạm quyền hóng hách người ta sẽ nói lên một cách công khai và nếu sự phiền trách đó là đúng thì người khiếu nại sẽ không bị một sự trừng phạt nào. Phương pháp đó tỏ ra rất hiệu quả nên sự lạm dụng quyền hành cũng rất ít khi xảy ra. Nó đảm bảo một sự công bình xã hội, để cho những người thuộc viên ở cấp dưới có cơ hội phát biểu những cảm nghĩ của họ đối với những kẻ có quyền thế.

Chúng tôi phải làm việc nhiều trong lớp học và ngồi xếp hàng dưới đất. Khi giảng bài và viết trên bảng đen thì vị giáo sư đứng trước mặt học trò. Nhưng khi chúng tôi làm bài thì ông giáo sư đi rảo đằng sau lưng chúng tôi, thành thử chúng tôi phải làm việc cẩn thận vì chúng tôi không biết ông ta đang rình đứa nào! Ông ta không lúc nào rời cây gậy, một cây gậy mập như cây dùi cui mà ông ta không ngần ngại "sử dụng" trên bất cứ bộ phận nào trên thân thể chúng tôi: Vai, đầu, lưng, không kể đến những bộ phận "Cổ điển". Ông ta không cần phân biệt đó là chỗ nào, miễn là những cú gậy gộc đó đánh thật đau.

Chúng tôi học rất nhiều về môn toán pháp, môn này là một kỷ luật cần thiết để đoán khoa chiêm tinh. Khoa chiêm tinh Tây Tạng thật vậy không có gì là

ngẫu nhiên tình cờ, nó được thiết lập trên những nguyên tắc khoa học. Tôi phải học nhiều về khoa chiêm tinh vì môn này là tối cần thiết trong việc hành nghề y khoa. Một y sỹ nên điều trị bệnh nhân theo từng hạn người, sự phân hạn này là do khoa chiêm tinh quy định. Điều trị theo nguyên tắt đó là tốt hơn cho đơn kê thuốc một lý do mơ hồ là thuốc ấy đã chữa khỏi bệnh cho một người khác. Bên cạnh những bản đồ chiêm tinh rất lớn treo trên tường, còn có những bản đồ khác vẽ hình những thảo dược. Những bản đồ này được thay đổi luôn luôn mỗi tuần và chúng tôi phải biết rõ tất cả mọi loại cỏ thuốc. Sau này, những cuộc xuất hành sẽ được tổ chức để đi hái thuốc, nhưng chúng tôi chỉ được tham dự những cuộc giao du đó khi nào chúng tôi đã có những kiến thức sâu rộng, để người ta có thể tin tưởng rằng chúng tôi sẽ không hái lầm những loại cỏ xấu. Những chuyến đi hái thuốc đem đến cho chúng tôi những giao du rất thoải mái dễ chịu tạm quên được cuộc đời phẳng lặng buồn chán của tu viện. Có những chuyến đi kéo dài đến ba tháng; đó là những cuộc xuất hành lên vùng thượng du, một vùng bao bọc xung quanh bởi những dãy núi có tuyết phủ quanh năm, bề cao từ sáu ngàn đến tám ngàn thước trên mực nước biển, nơi đó những vùng băng tuyết xen lẫn với những thung lũng xanh tươi với khí hậu ôn hòa nhờ bởi những suối nước nóng. Trong vùng này người ta có một kinh nguyện độc nhất trên đời. Người ta chỉ cần đi một quảng đường dài năm mươi thước để trãi qua một khí hậu lạnh đến bốn mươi độ dưới không, đến một khí hậu nóng bốn mươi lăm độ trong bóng mát. Vùng này của xứ sở Tây Tạng không ai được biết, chỉ trừ một thiểu số các sư sãi.

Tu viện của chúng tôi được nổi bởi kỷ luật khắc khổ và nột nề giáo dục chặt chẽ. Một số lớn các sư sãi từ các tu viện khác đến đây từ giã chúng tôi để đi đời sống dễ chịu hơn. Chúng tôi coi họ như những kẻ thất bại với chúng tôi là những người thuộc thành phần ưu tú. Nhiều tu viện không có buổi lễ khuya; các sư sãi đi ngủ sớm vào lúc tối và thức dậy trời đã sáng. Chúng tôi khinh thường họ như những kẻ yếu hèn, thấp kém vì tuy rằng chúng tôi bất mãn với quy tắc quá khắc khổ của tu viện, chúng tôi lại không bằng lòng cho quy tắc đó bị sửa đổi, nếu nó đưa chúng tôi tới hậu quả là hạ thấp chúng tôi xuống trình độ kém hèn của kẻ khác.

Kế đó là phải loại trừ những kẻ yếu. Chỉ có những người rất khỏe mạnh mới trở về sau những cuộc xuất hành lên vùng thượng du lạnh như băng tuyết; ngoại trừ những sư sãi ở tu viện Chakpori, không có ai dám đi lên đó. Các vị đạo sư, vốn đầy minh triết quyết định loại bỏ nhưng người không thể chịu đựng được cuộc sống kham khổ, trước khi họ có dịp làm liên lụy đến kẻ khác. Trong năm học đầu tiên chúng tôi hầu như không có lúc nào nghỉ

ngơi, giải trí hay có dịp vui chơi thỏa thích. Mỗi giây phút của chúng tôi đều dành cho sự học và làm việc.

Một điều mà tôi còn biết ơn các vị sư, là các Ngài đã dạy chúng tôi phương pháp sử dụng trí nhớ. Phần nhiều người Tây Tạng có trí nhớ tốt, nhưng riêng phần chúng tôi là sinh viên y khoa, học để trở thành các tu sỹ kim y sỹ, thì chúng tôi cần biết tên và đặc tính của nhiều loại dược thảo cùng cách biến chế và sử dụng các loại cỏ thuốc. Chúng tôi cũng cần hiểu biết tường tận khoa chiêm tinh và thuộc lào tất cả các kinh điển Phật Pháp.

Một phương pháp tập luyện trí nhớ đã được thực nghiệm trãi qua nhiều thế kỷ. Chúng tôi ngồi trong một gian phòng có những tủ lớn chứa đựng hằng muôn nghìn hoc tủ. Mỗi hoc tủ có dán nhãn hiệu bên ngoài, có in chữ khá lớn dễ đọc từ chỗ chúng tôi ngồi. Mỗi đề tài học tập mà chúng tôi đã thụ huấn được sắp hạng trong mỗi hộc tủ thích nghi. Chúng tôi phải hình dung rõ ràng trong trí mỗi đề tài vào vị trí nhất định của mỗi hoc tủ. Với ít nhiều công phu tập luyện, người ta có thể đi vào gian phòng bằng tư tưởng một cách rất dễ dàng mở đúng phóc các hộc tủ mình muốn và lấy ra các tài liệu mình tìm kiếm cùng với những đề tài liên quan.

Các vị giáo sư đặc biệt nhấn mạnh với chúng tôi hiểu sự cần thiết có một trí nhớ được tập luyện thuần thục. Họ vấn nạn chúng tôi một cách ráo riết với mục đích duy nhất là thử thách trí nhớ của chúng tôi. Những câu hỏi đó không có một sự mạch lạc hay liên lạc vì với nhau, để cho không có một dòng tư tưởng liên tục nào giúp chúng tôi trả lời được dễ dàng. Những câu hỏi đó thường liên quan đến những đoạn bí hiểm trong cách kinh điển tôn giáo, chen lẫn với những câu hỏi đứt đoạn về các loại dược thảo. Kẻ nào quên sẽ bị trừng phạt nặng nề: Không có trí nhớ là một tội ác không thể dung thứ, phải bị trừng trị nghiêm khắc. Chúng tôi lại không có nhiều thời giờ để suy nghĩ mà phải trả lời ngay tức khắc. Chẳng hạn như giáo sư hỏi học trò:

- Con hãy nói lại hàng thứ năm, trang mười tám trong quyển thứ bảy của bộ kinh Kangyur. Hãy mở hộc tủ... xem hàng chữ đó là gì?

Trừ phi người ta có thể trả lời ngay trong mười giây đồng hồ, tốt hơn là nên giữ im lặng, vì sự trừng phạt còn khốc liệt hơn nếu trả lời sai, dẫu cho sự sai lầm nhỏ nhặt đến đâu. Dầu sao, đó cũng là một phương pháp rất tốt và rất hữu hiệu để tập luyện trí nhớ. Chúng tôi không thể có thường xuyên những

sách vở tham khảo ở bên cạnh mình, vì sách của chúng tôi gồm những tờ giấy đóng lại trong những cái bìa bằng gỗ, thường đo đến một thước chiều dài và bốn tất tây chiều ngang, là những vật quá kềnh kàng. Về sau, tôi nhận thấy rằng thật là một điều tối ưu quan trọng mà có một trí nhớ tốt.

Trong năm đầu, chúng tôi bị ngăn cấm không được rời khỏi tu viện. Những người nào vi phạm sẽ bị đóng cửa không cho vào khi họ trở về. Luật lệ này chỉ được áp dụng ở tu viện Chakpori là nơi mà kỷ luật gắt gao đến nỗi người ta sợ rằng nếu để cho chúng tôi ra ngoài, thì chúng tôi sẽ không trở lại lần nữa. Riêng về phần tôi, tôi nhìn nhận rằng có lẽ tôi cũng trốn biệt luôn không trở lại, nếu tôi có chỗ nào khác để dung thân! Tuy nhiên, sau một năm, chúng tôi đã quen với đời sống ở tu viện.

Trong năm đầu tiên đó, chúng tôi không được phép chơi các môn giải trí; người ta bắt buộc chúng tôi làm việc không ngừng, điều này giúp cho họ loại trừ những đứa trẻ thể chất yếu đuối, không chịu nỗi sự căng thẳng thần kinh tột độ. Sau những tháng học khó khăn đó, chúng tôi nhận thấy rằng chúng tôi hầu như đã quên mất cả sự chơi bời tiêu khiển. Những môn thể dục điền kinh có mục đích tăng cường sức chịu đựng dẻo dai của chúng tôi, và có một sự công dụng thực tế cho chúng tôi sau này.

Khi tôi gần lên tám tuổi. Minh Gia Đại Đức, sư phụ tôi, cho tôi biết rằng theo sự giải đoán của các nhà chiêm tinh, thì sau ngày sinh nhật của tôi, sẽ là ngày thuận lợi để cho tôi bắt đầu luyện thần nhãn. Tôi không cảm thấy lo ngại gì cả, vì tôi biết rằng sư phụ tôi sẽ có mặt tại chỗ và tôi hoàn toàn đặt tin tưởng nơi người. Như sư phụ tôi đã nhắc nhở nhiều lần cho tôi biết, khi tôi mở được thần nhãn, tôi sẽ có thể nhìn thấy rõ chân tướng của mọi người mọi vật.

Theo khoa Huyền Môn, thể xác con người chỉ là một lớp vỏ bên ngoài do cái linh hồn, hay "Chân Ngã", điều khiển mọi tác động trong giấc ngủ và sau khi chết. Con người sinh ra trong một thể xác yếu đưới bất toàn để học hỏi kinh nghiệm và tiến bộ ở cõi trần. Khi y ngủ, con người trở về một cõi giới khác, linh hồn thoát ra ngoài thể xác vật chất và phưởng phất trên cõi ấy tuy rằng nó còn dính liền với thể xác bởi một "Sợi dây bạc" (Cordon magnétique: Sợi dây từ khí, làm bằng chất dỉ thái, mắt phàm không nhìn thấy được. Nó long lanh như màu bạc, nối liền thể xác với linh hồn, có thể kéo dài đến vô tận khi linh hồn phiêu diêu trên cõi trung giới trong giấc ngủ). Sợi dây bạc này chỉ đứt đoạn vào lúc chết. Những giấc mộng là những kinh nghiệm sống trên cõi trên trong khi ngủ. Khi linh hồn trở về nhập vào thể xác, sự giật mình

thức giấc làm méo mó xiêu vẹo ký ức của giấc mộng, trừ phi người ta đã trãi qua một sự huấn luyện đặc biệt, bởi đó "giấc mộng" có thể trở nên dị kỳ đối với người thức giấc. Nhưng vấn đề này sẽ được giải thích đầy đủ hơn ở một chương sau khi tôi tường thuật lại những kinh nghiệm cá nhân của tôi trên địa hạt này.

Cái hào quang bao bọc xung quanh thể xác, mà bất cứ ai cũng có thể tập luyện để nhìn thấy với một vài điều kiện, chỉ là phản ảnh của nguồn sinh lực ở bên trong con người. Chính cái hào quang đó, cùng với nhiều điều khác nữa, là những sự vật vô hình huyền bí mà việc mở thần nhãn sẽ giúp cho tôi nhìn thấy rõ.

---o0o---

## Tôi Mở Thần Nhãn

Ngày sinh nhật của tôi đã đến. Ngày đó tôi được tự do không phải đi đến lớp học hay đi dự lễ. Vào lúc sáng sớm, Minh Gia Đại Đức có nói với tôi:

- Lâm Bá, hôm nay con hãy vui chơi thỏa thích. Chúng ta sẽ đến tìm con chiều nay.

Kể từ chiều hôm đó tôi bế môn nhập thất trong một gian phòng nhỏ, và không được bước ra khỏi phòng trong suốt ba tuần lễ. Trong thời gian đó không ai được đến phòng kiếm tôi trừ ba vị Lạt Ma cao cấp trong đó có Minh Gia Đại Đức, sư phụ tôi. Ba vị Lạt Ma mỗi ngày đều đến vào đúng giờ để chỉ dẫn cho tôi một phép luyện bí truyền để mở thần nhãn. Trong khi đó, người ta cho tôi ăn uống không nhiều, chỉ vừa đủ duy trì sự sống. Sau ba tuần lễ khổ luyện dưới sự chỉ dẫn của sư phụ, tôi đã đạt tới sự thành công. Sư phụ tôi bèn nói:

- Lâm Bá, từ nay con đã thật sự trở thành một cao đồ trong môn phái của chúng ta. Kể từ nay cho đến suốt đời con, con sẽ nhìn thấy rõ chân tướng của mọi người chứ không phải là chỉ nhìn thấy cái bề ngoài của họ mà thôi.

Lần đầu tiên trong đời tôi, thật là một kinh nghiệm lạ lùng mà nhận thấy rằng ba vị Lạt Ma đều được bao phủ chung quanh mình bằng một ánh hào quang vàng chói như ánh lửa. Về sau, tôi mới hiểu rằng đó là nhờ ba vị đã có một đời sống tinh khiết và không phải ai cũng có được một hào quang tốt đẹp như thế, mà trái lại phần đông người đời có một cái hào quang với một hình dạng và màu sắc khác hẳn.

Khi tôi đã phát triển được cái nhãn quang thần thông đó, tôi phát hiện được những rung động khác nữa xuất phát từ trung tâm hào quang của con người. Kế đó, tôi có thể đoán biết tình trạng sức khỏe của một người bằng cách nhìn xem màu sắc và hình dáng cái hào quang của y. Cũng y như thế, bằng cách nhìn xem sự thay đổi màu sắc trong hào quang của một người, tôi có thể biết rằng người ấy nói thật hay nói dối. Thần nhãn của tôi, tuy vậy không phải chỉ dùng để quan sát thân thể của một người mà thôi. Người ta còn cho tôi một bầu thủy tinh mà tôi thường dùng để quan sát bằng thần nhãn và bây giờ tôi vẫn còn giữ. Những bầu thủy tinh này không phải là những vật nhiệm màu gì cả mà chỉ là những khí cụ mà thôi. Cũng như một ống kính hiển vi hay viễn vọng kính, do những định luật tự nhiên cho phép ta nhìn thất những sự vật mà lúc bình thường ta không nhìn thấy được, thì một bầu thủy tinh cũng vậy nó có tác dụng như một trung tâm để sử dụng con mắt thần, nó giúp cho người ta có thể đột nhật vào cõi giới tiềm thức của mọi vật và nhìn thấy những sự vật diễn biến trong quá khứ hay tương lai xuất hiện trong đó. Mọi loại thủy tinh không phải đều thích hợp với tất cả mọi người. Có người thu hoạch được kết quả tốt hơn với loại thủy tinh khoán thạch, có người lại thích hợp với một bầu pha lê. Những người khác nữa dùng một bồn nước lạnh bằng ve chai hoặc một đĩa tròn màu đen huyền. Nhưng dầu người ta sử dụng một kỹ thuật nào, thì các nguyên tắc vẫn là một.

Sau khi tôi đã hoàn tất việc luyện thần nhãn một cách an toàn, các vị Lạt Ma quyết định rằng tôi có thể rời khỏi gian phòng mà tôi đã nhập thất và trở về với cuộc sống bình thường, nhưng tôi sẽ dành phân nữa thời giờ của tôi bên cạnh Minh Gia Đại Đức để cho sư phụ tôi sẽ tăng cường sự học đạo của tôi bằng một vài phương pháp. Còn phân nữa thời gian kia sẽ dành cho những buổi học và buổi lễ cầu nguyện, không phải vì cái giá trị giáo dục của những buổi ấy mà là để cho tôi có một sự hiểu biết quân bình về mọi sự. Ít lâu sau đó, khoa thôi miên cũng sẽ được sử dụng để dạy đạo cho tôi. Nhưng còn bây giờ thì tôi chỉ nghĩ đến vấn đề... ăn! Tôi đã phải ăn uống rất khắc khổ trong gần ba tuần và nay tôi phải ăn trả đũa để bù lại. Tôi bèn hối hả từ biệt các vị Lạt Ma với ý nghĩ duy nhất trong đầu tôi đó là ăn, mhưng ra ngoài hành lang, tôi nhìn thấy một bóng người bao phủ trong một đám khói xanh, với những vết lớn màu đỏ chói như lửa cùng khắp thân mình. Tôi bèn kêu lên một tiếng thất thanh và hối hả thối lui về phòng. Các vị Lạt Ma nhìn tôi một cách ngạc nhiên; tôi có vẻ gần như ngất xỉu vì sợ hãi và nói:

- Một người đang cháy như bó đuốc ở ngoài hành lang.

Minh Gia Đại Đức chạy phóng ra ngoài. Khi sư phụ trở lại phòng. Người vừa mỉm cười vừa nói:

- Lâm Bá, đó chỉ là một người lao công đang nóng giận hào quang của y giống như một đám khói xanh, vì trình độ tiến hóa của y còn thấp. Những vết lửa màu đỏ là những tư tưởng nóng giận. Con có thể đi ra một cách an toàn để tới phòng ăn vì chắc con đã đói lắm!

Thật là một kinh nghiệm vô cùng lý thú khi tôi gặp lại những bạn học cũ mà trước kia tôi vẫn tưởng rằng tôi biết quá rõ, nhưng sự thật thì tôi chưa biết gì về họ cả. Nay tôi chỉ cần nhìn họ để đọc những tư tưởng thầm kín, tình thương chân thành, sự ganh tị hay sự thờ ơ lãnh đạm của họ đối với tôi.

Không phải chỉ nhìn những màu sắc trên hào quang của mỗi người mà biết tất cả, người ta còn phải tập giải đoán ý nghĩa của những màu sắc đó nữa. Để thực tập vấn đề này, sư phụ tôi và tôi cùng ngồi ở một chỗ vắng vẻ, từ nơi đó chúng tôi có thể quan sát những người đi đường bước vào cổng đền.

Minh Gia Đại Đức nói với tôi:

- Lâm Bá, con hãy nhìn người kia đang đi tới... con có nhìn thấy chăng một đường chỉ màu đang rung động ở phía trên quả tim của y? Màu ấy và sự rung động ấy là triệu chứng của bệnh đau phổi!

Sư phụ lại bình phẩm về một người lái buôn:

- Con hãy nhìn những lằn ngang đang cử động và những đốm, vết đang chớp lập lòe trên hào quang của y... người lái buôn này đang nghĩ rằng y có thể lừa bịp những sư sãi ngu ngốc kia mà y nhớ rằng y đã có lần thành công như vậy. Chỉ vì tiền bạc, người ta không lùi bước trước một hành vi ti tiện nào!

Hoặc về một người khác nữa:

- Lâm Bá, con hãy nhìn vị sư già kia. Đây là một vị sư sãi chân tu, nhưng y lại hiểu kinh điển một cách quá chật hẹp, gò bó sát nghĩa từng chữ từng câu. Con có nhận thấy chăng màu vàng trên hào quang của y đã phai lợt? Đó là vì y chưa đủ tiến hóa đúng mức để có thể suy luận lấy một mình.

Và như thế, chúng tôi tiếp tục quan sát để thực tập hằng ngày. Nhưng chính trong khi tiếp xúc với những người đau ốm, bịnh tật về thể xác cũng như tinh thần, thì tôi mới nhận thấy năng khiếu Thần Nhãn là vô cùng hữu ích.

Một buổi chiều, Sư phụ nói với tôi:

- Sau này, ta sẽ dạy con nhắm Con Mắt Thần tùy ý muốn, vì thật là một điều khổ sở mà phải luôn luôn nhìn thấy trước mắt những cảnh tượng buồn thảm, bất toàn của người đời. Nhưng bây giờ, con hãy sử dụng năng khiếu đó thường xuyên, cũng như con sử dụng đôi mắt phàm. Thầy sẽ chỉ cho con cách mở hay nhắm Con Mắt Thần một cách dễ dàng cũng như hai con mắt kia.

Những truyện thần thoại của xứ Tây Tạng quả quyết rằng trong quá khứ đã có một thời kỳ mà nhân loại, nam hay nữ, đều có thể sử dụng Con Mắt Thần. Đó là thời kỳ mà đấng Thần linh đến quả địa cầu và sống lẫn lộn với người trần gian, khi con người hãy còn chất phác, hồn nhiên và tâm hồn trong sạch.

Nhưng về sau, loài người đã mở mang trí khôn, bèn sinh ra kêu căng ngạo mạn và xúc phạm đến Thánh Thần. Để trừng phạt tội xúc phạm này, nhãn quang thần thông của họ bị thâu hồi. Kể từ đó, trải qua nhiều thế kỷ, một thiểu số người vừa lúc mới sinh ra đã có năng khiếu Thần Nhãn. Những người nào có năng khiếu ấy một cách tự nhiên, có thể tăng cường quyền năng của họ lên gấp ngàn lần nhờ bởi một phép luyện bí mật, cũng như trường hợp của tôi. Lẽ tất nhiên, một quyền năng đặc biệt như thế phải được sử dụng một cách cẩn mật và vô cùng thận trọng.

Một ngày nọ, vị Sư Trưởng cho gọi tôi vào gặp ngài và nói:

- Con hỡi, nay con đã sở hữu một quyền năng mà phần đông nhân loại không có. Con chỉ nên sử dụng nó để làm việc thiện, chớ hề dùng nó cho mục đích ích kỷ. Quyền năng ấy được ban cho con để giúp đỡ kẻ khác, chứ không phải để mưu lợi cho riêng mình. Nhờ Thần Nhãn, có nhiều điều sẽ được tiết lộ cho con, nhưng dầu cho con học hỏi được điều gì, con cũng không được tiết lộ cho người khác biết, nếu những lời nói của con có thể làm cho họ đau khổ hay làm thay đổi chiều hướng cuộc đời của họ. Vì, con hỡi, mỗi người phải tự ý chọn lựa con Đường của mình. Dầu cho con nói với họ điều gì, họ cũng vẫn đi theo con đường của họ. Con hãy giúp đỡ những kẻ bệnh tật và những người đau khổ, nhưng con đừng nói gì có thể làm đổi hướng cuộc đời của một người.

Vị Sư Trưởng, một người có văn hóa rất cao, cũng là vị y sĩ thân tín của đức Đat Lai Lạt Ma. Trước khi chia tay từ biệt, vị Sư Trưởng cho tôi biết rằng không bao lâu nữa tôi sẽ được gọi vào để yết kiến đức Đạt Lai Lạt Ma, vì

ngày có ý muốn gặp tôi. Trong dịp đó, Minh Gia Đại Đức và tôi sẽ là khách của điện Potala.

---o0o---

## Tôi Yết Kiến Phật Sống Tây Tạng

Một buổi sáng thứ hai, Minh Gia Đại Đức cho tôi biết rằng cuộc viếng thăm điện Potala của chúng tôi đã được định vào cuối tuần. Người nói:

- Chúng ta phải tập dượt cho quen với các nghi lễ. Buổi trình diện của con phải diễn ra một cách thật hoàn toàn.

Gần lớp học của chúng tôi, có một ngôi đền nhỏ bỏ hoang, trong đó có một pho tượng của đức Đạt Lai Lạt Ma, kích thước lớn bằng một người thật. Sư phụ tôi nói:

- Lâm Bá, con hãy nhìn ta đây. Ta sẽ chỉ dẫn cho con những gì cần phải làm. Con bước vào, hai mắt nhìn xuống đất, như thế này. Con đi tới chỗ này và quỳ xuống trước mặt đức Đạt Lai Lạt Ma, khi còn cách xa Ngài độ chừng một thước rưỡi con hãy le lưỡi (phong tục chào hỏi của người Tây Tạng) ra để chào Ngài và cúi đầu xuống, một lần, hai lần và ba lần. Vẫn quỳ gối và cúi đầu, con đặt chiếc khăn lên, nhưng vẫn cúi đầu để cho Ngài có thể đặt một khăn choàng của Ngài lên cổ của con, sau đó con đếm từ một cho đến mười, để khỏi phạm lỗi vì vội vàng hấp tấp, rồi con ngẩn mặt lên và đi thụt lùi cho đến chiếc nệm đầu tiên còn bỏ trống chưa ai ngồi.

Tôi theo dõi sự chỉ dẫn của Sư Phụ, người tỏ ra rất thông thạo vì đã quen thuộc nghi lễ ấy từ lâu. Người lại nói:

- Bây giờ, Ta khuyên con, trước khi đi thụt lùi lại phía sau, con hãy liếc nhìn một cách kín đáo để tìm ra vị trí của chiếc nệm gần nhất, và nên cẩn thận đừng để chân vướng vào đó rồi phải nhảy nhổm lên một cái để tránh phải té gãy cổ! Người ta dễ bị vấp ngã trong một lúc hồi hộp kích động như thế. Bây giờ dến phiên con dượt lại... Con hãy làm lại cho đúng.

Tôi bước ra ngoài và Sư Phụ tôi vỗ tay ba cái để ra hiệu cho tôi bắt đầu. Tôi hăm hở xông tới, nhưng Sư phụ liền chặn tôi lại.

- Lâm Bá! Đây không phải là một cuộc chạy đua! Hãy đi tới một cách chậm rãi ung dung hơn. Con hãy điều chỉnh bước đi bằng cách niệm câu thần chú:

Om Mani Padme Hum. Như vậy, con sẽ bước vào một cách khoan thai như một vị tăng lữ trẻ tuổi, thay vì sãi như ngựa đua trong vùng đồng bằng Tsang Po!

Tôi lại bước ra lần nữa, để bắt đầu đi vào một cách "Khoan Thai" hơn! Đến trước pho tượng, tôi quỳ xuống, tiếp tục tiến tới trên hai đầu gối, và le lưỡi ra chào theo kiểu Tây Tạng. Ba lần vái chào của tôi chắc hẳn là hoàn toàn gương mẫu, vì vậy tôi lấy làm tự hào! Nhưng, rủi thay, tôi lại quên cái khăn choàng cổ! Thành thử, tôi phải bước ra ngoài lần thứ ba để tái diễn nghi thức này lại từ đầu. Lần này, tôi làm đúng phép và đặt cái khăn choàng lên hai bàn chân của pho tượng. Sau đó, tôi đi thụt lùi đến một chiếc nệm một cách không khó khăn lắm, và ngồi xuống nệm theo tư thế liên hoa.

Mỗi buổi sáng, tôi phải biểu diễn lần chót trước mặt vị Sư Trưởng. Ngài xem xong bèn nói:

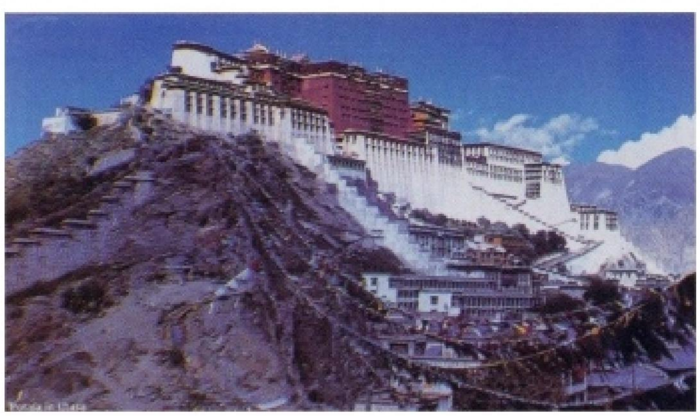
- Cuộc trình diễn của con thật hoàn hảo, đó là một cái vinh dự lớn cho Sư Phụ con, tức Minh Gia đạo huynh của ta!

Sáng ngày hôm sau, chúng tôi lên đường đến điện Potala. Tu viện của chúng tôi trực thuộc điện Potala về mặt quản trị hành chánh, tuy rằng vị trí của nó biệt lập với các dinh thự chính của điện. Nó vừa là một nơi tu viện vừa là trường Y Khoa. Vị Sử Trưởng của viện cũng là vị y sĩ tuy thân của đức Đạt Lai Lạt Ma. Với chức vụ này, người rất bận rộn vì vấn đề quan trọng không phải là chữa bệnh cho vị Quốc Vương, mà giữ gìn cho Ngài được có sức khỏe. Bởi vậy, vị Sử Trưởng phải chịu trách nhiệm về mọi sự đau yếu của đức Quốc Vương dầu chỉ là thoáng qua. Tuy vậy, người không phải muốn khám sức khỏe của Quốc Vương lúc nào tùy ý; người phải đợi đến khi đức Đạt Lai Lạt Ma thật sự nhuốm bệnh mới được gọi vào! Nhưng sáng ngày hôm ấy, tôi không nghĩ đến những nỗi lo âu của vị Sử Trưởng, những mối lo âu của tôi cũng đã quá đủ rồi.

Dưới chân đồi, chúng tôi hướng về điện Potala, giữa một đám đông gồm có những du khách và người mộ đạo đi hành hương. Những người này đến từ khắp mọi nơi trong xứ Tây Tạng để chiêm ngưỡng cung điện của đức Phật Sống, một danh hiệu thường dùng để gọi đức Đạt Lai Lạt Ma. Dẫu cho họ chỉ thấy Ngài trong một cái nhìn thoáng qua, họ cũng được hài lòng mà trở về với niềm tin tưởng rằng công lao khó nhọc của chuyến đi hành hương xa sôi này đã được đền bù tưởng thưởng gấp trăm lần!

Nhiều người hành hương đã đi bộ trên đương trường suốt nhiều tháng để đến yết kiến đức Phật Sống. Trong đám đông có lẫn lộn những nông dân, những nhà vương gia quý tộc, những mục đồng, lái buôn và những người bệnh nan y, hy vọng tìm thấy phép màu ở thủ đô Lhassa để chữa họ khỏi bệnh. Họ đi chậtních các đường sá, vì tất cả đều đi vòng quanh điện Potala, một quãng đường vòng dài đến chín cây số. Có người bò bốn cẳng, những người khác nằm dài sõng sượt dưới đất, lại đứng lên, để rồi lại nằm mọp sát đất lần nữa, và lại tiếp tục như vậy cho đến khi giáp vòng tòa cung điện của đức Phật Sống. Những người bệnh tật bước đi khập khiễng trên những cây nạng gỗ hoặc do bạn bè thân thuộc nâng đỡ. Khắp nơi người ta thấy những người bán dạo rao hàng giải khát gồm có trà pha bơ và những thức ăn đủ loại. Người ta cũng có thể mua những bùa niệt, những linh vật hộ phù đã được truyền phép bởi một đấng "Hóa Thân." Những nhà tướng số đạo mạo ngồi bên đường xem số cho những người hành hương mê tín. Những người viết thuê bán những tờ cấp bằng chứng minh rằng thân chủ họ đã đến viếng thủ đô Lhassa và tất cả những nơi thánh địa. Chúng tôi đi xuyên qua đám rừng người mà không dừng bước vì đầu óc chúng tôi chỉ nghĩ đến cuộc yết kiến đức Phật Sống.

Tư thất của đức Đạt Lai Lạt Ma tọa lạc trên nóc điện Potala, vì theo phong tục bổn xứ, không ai có quyền được ở chỗ cao hơn Ngài. Một cầu thang vĩ đại xây bằng đá, bề rộng gần bằng một đường lộ đưa đến tư dinh của Ngài. Nhiều vị chức sắc hay quan to trong triều đình cưỡi ngựa lên cầu thang này để khỏi phải đi bộ nhọc mệt. Chúng tôi gặp nhiều vị cưỡi ngựa như thế trên con đường đi lên nóc điện.



Điện Potala

Điện Potala là một tòa cung điện độc lập xây trên một ngọn đồi. Đó là cơ quan đầu não để giải quyết tất cả mọi công việc chánh trị và tôn giáo của xứ Tây Tạng. Đó là trung tâm của quốc gia, mục tiêu của tất cả tư tưởng, nguồn gốc của tất cả mọi hy vọng. Bên trong vòng thành của cung điện, trong những tòa nhà của Ngân Khố Quốc Gia, có dự trữ những khối vàng ròng, vô số những bao đựng ngọc ngà châu báu và những bảo vật quý giá của thời đại cổ xưa nhất. Những tòa lâu đài dinh thự đã được xây cất đến nay không quá ba thế kỷ rưỡi, những được dựng lên trên nền móng của một tòa cung điện cũ. Ngày xưa, một pháo đài kiên cố ngự trị trên đỉnh núi. Ngọn núi này xưa kia vốn là một hỏa diệm sơn, có chứa đựng trong lòng nó một hang động khổng lồ, với những đường hầm tỏa ra tứ phía. Một trong những đường hầm này đưa đến một cái hồ ngầm ở dưới mặt đất. Chỉ có một số rất ít những người được ưu đãi mới được đi đến đó, hoặc được biết về cái hồ này.

Đây nói về lúc chúng tôi trèo lên cầu thang của điện Potala vào một buổi sáng đẹp trời. Sau cùng chúng tôi đã lên tới tột đỉnh cầu thang. Khi vừa thấy Sư Phụ tôi, những sư sãi cảnh binh thân hình cao lớn lực lưỡng, có phận sự canh gác bên ngoài bèn mở cánh cửa lớn thếp vàng. Chúng tôi tiếp tục bước lên đến một điểm cao tột trên nóc điện, tại đây có những lăng tẩm của những vị Đạt Lai Lạt Ma của quá khứ, tức tiền thân của đức Đạt Lai Lạt Ma hiện tại, và thư thất của Ngài. Một bức màn to lớn màu nâu dệt bằng lông con yak che khuất lối vào. Bức màn vén lên, chúng tôi bước vào một gian phòng lớn, có những con rồng lớn bằng sứ màu xanh chầu ở phía ngoài cửa. Những màn che trướng rũ đẹp lộng lẫy, trên đó có thêu tranh vẽ các cảnh tượng tôn giáo và những cảnh trong chuyện thần thoại cổ xưa bao phủ các vách tường. Trên những bàn thấp, có bày những bảo vật và đồ cổ rất quý giá, những pho tượng các vị thần và nữ thần trong Thần Thoại Tây Tạng, và những đồ vật trang trí khác. Trên một cái kệ, gần một hành lang nhỏ hẹp có màn che khuất, được đặt quyển sách ghi danh hiệu các nhà thế gia vọng tộc trong xứ. Tôi có ý nghĩ muốn được phép mở ra và nhìn thấy danh sách của gia đình nhà tôi để tăng thêm lòng tự tín! Ngày hôm ấy, ở một chốn cung điện thâm nghiêm như vậy, tôi cảm thấy mình vô cùng nhỏ bé và vô nghĩa. Mới lên tám tuổi, tôi đã không còn những ảo tưởng, và tôi tự hỏi không biết những lý do nào đã khiến cho vị Nguyên Thủ quốc gia gọi tôi và gặp Ngài. Tôi biết rằng một cuộc hội kiến như vậy có ý kiến đặc biệt, và theo ý tôi, nó sẽ mở màn cho một loạt những công phu học hỏi, làm việc và thử thách.

Một vị Lạt Ma mặc áo đỏ, có mãnh lụa yếm tâm vàng phủ lên vai và trước ngực, bước đến đàm đạo với Minh Gia đại đức. Sư Phụ tôi có vẻ rất quen

thuộc đối với mọi người trong điện Potala, cũng như ở bất cứ nơi nào mà tôi cùng đi viếng chung với người. Tôi nghe vị Lạt Ma ấy nói:

- Đức Thái Tuế rất thích thú và muốn nói chuyện riêng với y.

Sư Phụ tôi quay lại phía tôi và nói:

- Đây là lúc con vào trình diện, ta sẽ chỉ cửa cho con bước vô. Con hãy lập lại những gì con đã tập dượt suốt tuần lễ vừa rồi.

Sư Phụ dắt tôi đến một cánh cửa và nói nhỏ bên tai tôi:

- Con đừng e ngại gì cả... Bây giờ, con hãy vào đi.

Sau khi vỗ vai tôi một cái để khích lệ tinh thần, Sư Phụ đứng nhìn tôi. Tôi bước vào: ở cuối gian phòng rộng vô biên, đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười ba, tức vị Phật Sống Tây Tạng đang ngự tại đó.

Ngồi trên một chiếc nệm bằng lụa màu vàng nghệ, Ngài mặc đồ trang phục thông thường của các vị Lạt Ma, ngoài ra còn cái mũ lón màu vàng có hai cánh thòng xuống tận vai. Ngài vừa cầm một quyển sách đặt xuống bàn bên cạnh chỗ ngồi. Đầu cúi xuống, tôi từ từ tiến tới. Khi chỉ có cách Ngài độ hai thước, tôi quỳ xuống, le lưỡi ra vái chào Ngài ba lần, và tiến tới trên hai đầu gối, tôi dặt trên hai bàn chân ngài cái khăn choàng bằng lụa mà Minh Gia Đại Đức đã cho tôi. Để đáp lễ, đức Phật Sống nghiêng về phía tôi và đặt một khăn choàng mới của ngài trên hai cườm tay tôi, chớ không đặt trên cổ tôi theo nghi lễ cổ truyền. Khi đó, tôi cảm thấy trong lòng rối loạn, với ý nghĩ là tôi phải đi thụt lùi đến chiếc nệm gần nhất, vì tôi nhận thấy những chiếc nệm đều đặt ở rất xa chỗ tôi đứng. Đức Đạt Lai Lạt Ma mới bắt đầu nói:

- Những nệm đó đều quá xa để cho con phải đi thụt lùi. Con hãy quay lại nửa vòng và lấy một chiếc đem lại gần đây để chúng ta có thể nói chuyện với nhau.

Tôi tuân lệnh làm y theo và trở lại trước mặt ngài với một chiếc nệm. Ngài nói:

- Con hãy đặt chiếc nệm trước mặt ta và ngồi xuống.

Khi tôi đã an tọa, Ngài mới nói:

- Ta đã nghe nói nhiều điều lạ lùng về phần con. Con bẩm sinh ra với năng khiếu Thần Nhãn tự nhiên, và năng khiếu ấy đã được phát triển do một phép luyện bí mật. Ta có một hồ sơ về tiền kiếp của con, cùng với những lời tiên tri của các chiêm tinh gia. Cuộc đời của con sẽ khổ nhọc lúc đầu, nhưng nó sẽ được thành công mỹ mãn. Con sẽ đi châu du khắp nơi trên thế giới, biết được nhiều xứ lạ mà con chưa hề nghe nói đến bao giờ. Con sẽ chứng kiến bao nhiêu cảnh chết chóc, tàn phá với một sự bạo tàn khủng khiếp vượt ngoài sức tưởng tượng. Con đường của con sẽ rất dài và gian khổ, nhưng nó sẽ thành tựu tốt đẹp như đã tiên liệu từ trước.

Tại sao người nói với tôi những điều này, mà tôi đã thuộc lòng từ lâu, không sót một chữ, kể từ năm tôi lên bảy? Tôi cũng biết rằng sau khi tốt nghiệp nghành y khoa và giải phẫu ở Tây Tạng, tôi sẽ đi tu nghiệp thêm ở Trung Hoa. Nhưng đức Phật Sống vẫn tiếp tục nói chuyện. Ngài căn dặn tôi nên giữ gìn, không nên biểu lộ quyền năng hay nói về các vấn đề bản thể hoặc linh hồn, khi tôi sống ở các nước Tây Phương. Ngài nói:

- Ta đã từng đi qua Ấn Độ và Trung Hoa. Ở những nước ấy, người ta có thể bàn luận về những Chân Lý trừu tượng siêu hình, nhưng ta đã gặp nhiều người đến từ các nước Tây Phương. Họ không có sự nhận định về các giá trị tâm linh như chúng ta, họ chỉ biết có thương mại với bạc vàng. Các nhà bác học của họ nói: "Các người hãy chỉ cho chúng tôi thấy sự có thật của linh hồn. Hãy đưa nó ra cho chúng tôi xem, để chúng tôi có thể sờ mó, cân lường và nhìn thấy phản ứng của nó đối với chất át xít. Hãy chỉ cho chúng tôi thấy cơ cấu tế bào của nó, cùng những phản ứng hóa chất của nó. Chúng tôi cần một bằng chứng, một bằng chứng cụ thể..." Họ sẽ nói với con như vậy, mà không biết rằng với cái thái độ tiêu cực và nghi ngờ đó, họ đã tiêu hủy tất cả mọi dịp may để có được cái bằng chứng mà họ đòi hỏi... Thôi, chúng ta hãy uống trà chứ...

Ngài gõ nhẹ một cái vào cái cồng nhỏ bằng đồng, và ra lịnh cho một vị Lạt Ma, người này liền trở lại ngay khi đó với trà bơ và bánh kẹo nhập cảng từ bến Ấn Độ. Trong khi chúng tôi dùng trà bánh, đức Phật Sống nói chuyện với tôi về xứ Ấn Độ và Trung Hoa. Ngài cũng nói rằng Ngài muốn tôi phải học ráo riết và ngài sẽ chọn những vị đạo sư đặc biệt để huấn luyện cho tôi. Không thể tự chủ được sự bồng bột của tuổi trẻ, tôi nói luôn:

- Bạch Thái Tuế, chắc không ai giỏi hơn Minh Gia Đại Đức, Sư phụ của con!

Đức Đạt Lai Lạt Ma nhìn tôi một lúc, rôi phát tiếng cười lớn. Có lẽ chưa có ai đã từng nói với Ngài bằng một giọng như thế, đừng nói chi đến một đứa trẻ mới lên tám tuổi. Sự thẳng thắn của tôi dường như làm cho Ngài thích thú, Ngài nói:

- Như vậy, theo ý con, Minh Gia Đại Đức là người giỏi nhất trên đời này? Con hãy nói cho ta biết con nghĩ thế nào về Đại Đức. Hở, con gà tre con cứng cựa!

- Vạn bạch Thái Tuế, Ngài đã nói rằng năng khiếu Thần Nhãn của con là một quyền năng ít có. Như vậy, con xin bẩm Ngài rằng Minh Gia Đại Đức là người tài ba lỗi lạc nhất mà con đã gặp!

Đức Đạt Lai Lạt Ma vừa cười lớn vừa gõ vào cái cồng đặt bên cạnh Ngài. Vị Lạt Ma hầu cận lúc này lại bước vào, Ngài nói:

- Hãy mời Minh Gia Đại Đức vào.

Minh Gia Đại Đức bước vào và vái chào đức Phật Sống. Ngài phán:

Hỡi Minh Gia đạo hữu, ông hãy lấy một chiếc nệm và lại ngồi đây. Người đệ tử trẻ của ông vừa nói chuyện với tôi về ông đấy. Tôi hoàn toàn tán đồng sự xét đoán của y.

Sư Phụ ngồi xuống gần bên tôi. Đức Đạt Lai Lạt Ma lại nói:

- Ông đã đảm trách việc huấn luyện cho Lâm Bá. Vậy ông hãy sắp đặt việc học của y thế nào tùy ý. Ông sẽ hỏi tôi những văn thư ủy quyền mà ông cần dùng. Thỉnh thoảng, tôi sẽ gặp lại Lâm Bá sau này.

Ngài quay về phía tôi và nói:

- Con đã chọn lựa đúng đấy. Sư Phụ con là một bạn cũ của ta lúc thiếu thời và là một bậc danh sư về khoa Huyền Môn.

Sau khi đã trao đổi vài lời, chúng tôi đứng dậy vái chào từ biệt đức Đạt Lai Lạt Ma. Nhìn sắc diện của người, tôi đoán rằng trong thâm tâm, Minh Gia Đại Đức rất bằng lòng về tôi và về cái ấn tượng mà tôi đã gây ra trong buổi yết kiến vị Nguyên Thủ. Người nói:

- Chúng ta sẽ ở lại đây vài ngày, và sẽ viếng thăm vài nơi trong cung điện. Ở tầng dưới, có những dãy hành lang và những gian phòng kín chưa từng có chân người bước đến kể từ hai thế kỷ nay. Ở đó, con sẽ học hỏi được nhiều điều về huyền sử của xứ Tây Tạng.

Một trong những vị Lạt Ma hầu cận đức Phật Sống đến gặp chúng tôi và cho biết rằng có hai phòng đã được dành sẵn cho thầy trò chúng tôi trên nóc điện Potala. Nói xong, người đưa chúng tôi đến nơi và tiếp:

- Đức Thái Tuế có ra chỉ thị hãy để cho hai vị quý khách được đi lại tự do và mở rộng hết các cửa cho quý vị.

Tôi lấy làm vô cùng hứng khởi mà thấy gian phòng của tôi nhìn thẳng xuống thủ đô Lhassa và vùng đồng bằng chung quanh.

Sư Phụ khuyên tôi hãy nằn nghỉ giây lát. Cái thẹo do vết phỏng ở đùi bên trái hãy còn làm cho tôi đau đớn khó chịu, và tôi phải đi khập khễnh. Có lúc người ta đã lo sợ rằng không khéo tôi sẽ bị phế tật suốt đời. Tôi bèn nằm nghỉ trong một giờ, cho đến khi Sư Phụ trở lại với trà và vài món ăn. Người nói:

- Lâm Bá, đây là vài món quà sáng để con dùng tạm đỡ lòng. Thức ăn ở đây rất ngon, chúng ta hãy thưởng thức tự nhiên.

Tôi không cần sự thúc giục nào nữa để tuân lịnh Sư Phụ. Khi chúng tôi đã ăn xong, Sư Phụ đưa tôi đến một gian phòng ở phía bên kia nóc diện. Tôi thấy làm lạ mà thấy ở các cửa sổ đều có lót kiếng. Tôi chưa từng nhìn thấy cửa kiếng bao giờ.

Nhưng chưa phải là hết. Sau khi mở các cửa sổ, Sư Phụ tôi còn đưa cho tôi xem một cái ống bằng đồng có bao da, giống một cái kèn không có loa. Đó là lần đầu, tôi được thấy một cái ống dòm để nhìn xa. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đem từ Ấn Độ về đây nhiều ống dòm dài ngắn đủ cỡ mà Ngài rất thích dùng để ngắm nhìn phong cảnh. Cũng chính ở điện Potala, mà lần đầu tiên trong đời, tôi nhìn thấy hình bóng tôi phản chiếu trong một tấm gương, nhưng không nhận ra người trong gương, một đứa trẻ nhỏ xanh xao, với một cái thẹo lớn ở giữa trán và một cái mũi hơi lồi!

Có lẽ người ta sẽ nghĩ rằng một xứ không có cửa kiếng, ống dòm và gương soi như Tây Tạng chắc sẽ là một xứ lạ lùng, nhưng thật ra dân tộc xứ này không hề mong ước có những thứ ấy. Họ cũng không cần dùng tới các loại

xe cộ. Các loại xe dùng để phục vụ tốc lực và cái gọi là "văn minh." Từ lâu họ đã hiểu rằng đời sống doanh thương là một cuộc đời quá ư náo động để có thể dành thời giờ cho việc tu dưỡng tâm linh. Từ bao nhiêu nghìn năm về trước, người Tây Tạng đã từng khám phá những bí quyết của các hiện tượng Thần Nhãn, thần giao cách cảm và những hiện tương siêu hình khác. Nhiều vị Lạt Ma Tây Tạng có thể ngồi mình trần trên tuyết lạnh và làm tan rã băng tuyết chỉ bằng quyền năng của ý chí. Các vị ấy cũng có thể khinh thân nhẹ bổng lên không trung, nhưng họ không bao giờ dùng những quyền năng đó để biểu diễn trước công chúng. Một vị danh sư Tây Tạng luôn luôn đặt các đệ tử trước những cuộc thử thách để biết chắc rằng họ xứng đáng được truyền thụ những bí thuật thần thông. Bởi đó, những quyền năng siêu nhiên không bao giờ được biểu diễn một cách hời hợt, vô trách nhiệm, mà chỉ được truyền dạy trong vòng bí mật cho những đệ tử thật xứng đáng. Những quyền năng đó không có gì là nhiệm mầu, mà chỉ là kết quả của việc áp dụng một vài định luật thiên nhiên.

Ở Tây Tạng, có người cần phải sống lẫn lộn với người đời để tự trau dồi và tự tu luyện bản thân, có người lại càng từ bỏ cuộc đời thế gian để sống ẩn dật trong âm thầm. Những người này tìm đến những tu viện hẻo lánh trên non cao núi thẳm, tại đây họ ở trong một xà lim hay gian phòng nhỏ hẹp, với những vách tường bằng đá đôi khi dầy đến hai thước, để ngăn chặn cho mọi tiếng đông cho khỏi lọt vào từ bên ngoài. Khi người tu sĩ đã quyết định nhập thất ở nơi đó, người ta mới khóa chặt cửa vào, và y sẽ sống trơ trọi một nình trong gian phòng bằng đá ấy, không ánh sáng, không bàn ghế, không có gì cả. Mỗi ngày một lần, y được cung cấp đồ vật thực do một cái lỗ trống kín đáo, xuyên qua đó không hề có ánh sáng hay tiếng động nào lọt vào. Tới kỳ nhập thất kéo dài trong ba năm ba tháng và ba ngày, trong khi đó y sẽ thiền định về ý nghĩa của cuộc đời và bản thân của con người. Thể xác của y không được rời khỏi phòng bất cứ vì lý do nào. Một tháng trước khi chấm dứt cuộc nhập thất, nóc phòng của y được soi một lỗ nhỏ để lọt vào một tia ánh sáng lờ mờ. Kế đó lỗ nhỏ ấy sẽ được nới rộng lần lần để cho đôi mắt người tu sĩ tập quen trở lại với ánh sáng mặt trời, chứ nếu không, y sẽ bị mù lòa khi y bước ra khỏi phòng.

Có nhiều trường hợp rất thường xảy ra, là sau vài tuần sống trở lại cuộc đời thế tục, các tu sĩ ấy lại quay trở về nơi nhập thất của họ và ở luôn ở đó cho đến mãn đời.

Một cuộc đời như thế không phải là khô khan hay vô ích như người ta có thể tưởng. Còn người là một linh hồn, có tiềm năng sinh hoạt ở một cõi giới

khác hơn cõi trần. Một khi đã giải thoát khỏi sự trói buộc của thể xác, y có thể đi châu du khắp nơi trong vũ trụ càng khôn và giúp đời bằng sức mạnh tư tưởng của mình. Ở Tây Tạng, người ta biết rằng tư tưởng là những âm ba rung động của tinh lực. Vật chất chỉ là tinh lực đông đặc lại. Một tư tưởng, nếu biết điều khiển đúng cách và kết tinh lại, có thể làm di chuyển một đồ vật. Nếu biết điều khiển nó theo phương pháp thần giao cách cảm, người ta có thể làm cho một người khác ở cách xa cảm nhận được ý nghĩ của mình và hành động một cách thích nghi theo ý mình muốn. Việc học Đạo của tôi không cần có sự nhập thất dài hạn trong một gian phòng u tối. Nó được thực hiện theo một phương pháp đặc biệt, nhằm thực hiện một mục tiêu nhất định, theo lịnh dạy khẩn thiết của đức Đạt Lai Lạt Ma. Chương trình học Đạo của tôi gồm những vấn đề thuộc về khoa Huyền Môn mà tôi không tiện nêu ra trong một quyển sách dành cho đại chúng. Tôi chỉ có thể nói rằng tôi được thụ huấn về nhiều vấn đề mà phần đông các tu sĩ không thể học cho hết được trong thời gian suốt cả một đời người. Cuộc viếng thăm điện Potala của tôi có liên hệ đến phần đầu của sự huấn luyện nói trên.

Những kho vật dụng của điện Potala chứa đầy những pho tượng rất quý giá, những kinh sách cổ và những tranh vẽ trên tường trình bày những đề tài tôn giáo. Trãi qua nhiều thế kỷ, những tặng phẩm quý giá từ các nơi trên thế giới được gửi đến điện Potala để cống hiến cho các vị Đạt Lai Lạt Ma trong quá khứ. Hầu hết những phẩm vật này đều chất trong những phòng đặc biệt, tại đây tôi đã trải qua nhiều giờ nhìn các đồ phẩm vật ấy một cách thích thú bằng nhãn quang thần thông để biết thâm ý của những người tặng quà. Đó là một tài liệu xác đáng để biết những tư tưởng thầm kín của người đời. Khi tôi xác định những ấn tượng mà một phẩm vật đã gây ra cho tôi, Sư Phụ tôi lật một quyển sách và thuật cho tôi nghe lịch sử từ thuở sơ khai của nó cho đến bây giờ. Tôi lấy làm hứng khởi mà nghe Sư Phụ khen tặng tôi:

- Khá khen cho con, Lâm Bá, con đã có những tiến bộ hiển nhiên, không thể chối cãi.

Trước khi rời khỏi điện Potala, chúng tôi xuống thám hiểm một trong những đường hầm. Người ta cho tôi biết rằng còn những con đường hầm khác sẽ được chỉ cho tôi sau này. Mỗi người cầm một ngọn đuốc, chúng tôi rón rén cẩn thận bước xuống một cầu thang dài vô tận, đưa xuống những ngõ ngách giao thông mà hai bên vách đều bằng đá. Tôi được biết rằng những đường hầm này sở dĩ có là do bởi một cơn địa chấn và núi hỏa diệm sơn gây nên từ nhiều ngàn năm nay. Trên vách, tôi nhìn thấy những hình kỷ nà rất lạ lùng và những hình vẽ các hoạt cảnh mà tôi không nhận ra là hình gì. Tôi nôn nao

muốn đến xem cái hồ ở dưới lòng đất, mà tôi nghe nói rằng vị trí của nó nằm ở chỗ cuối cùng của một hang nghách và cái hồ ấy rộng đến nhiều cây số vuông. Sau cùng, chúng tôi đi đến một đường hầm, lúc đầu còn nhỏ hẹp, nhưng nó trở nên rộng lớn dần, cho đến khi những vòm cao của nó chìm hẳn trong bóng tối, ngoài tầm ánh sáng của các ngọn đuốc.

Đi độ chừng một trăm thước, chúng tôi đã đến bờ hồ, nước đọng và đen như mực, đến nỗi người ta có cảm giác rằng đó không phải là hồ nước mà là một cái lỗ không đáy đen ngòm. Không một gợn sóng nhỏ hay một vết nhăn trên mặt hồ, cũng không một tiếng động làm gián đoạn cái im lặng chết người. Ánh sáng các ngọn đuốc chiếu lóng lánh trên tảng đá đen ngòm ở dưới chân chúng tôi. Một cái gì chiếu sáng trên vách đá. Tôi bước lại gần nhìn xem thì thấy vách đá có chứa đựng một mạch vàng lớn từ năm đến bảy thước bề dài. Ngày xưa, nhiệt độ cao đã làm chảy mạch vàng này, vàng đã tan rã ra như chất sáp lỏng của một ngọn đèn bạch lạp, rồi sau đó đã trở nên nguội dần và đông đặc lại.

Minh Gia Đại Đức phá tan sự im lặng:

- Cái hồ này thông ra đến con sông Tsang Po, cách đây sáu mươi cây số. Cách đây đã lâu, một nhóm sư sãi mạo hiểm kết bè, đốt đuốc và chèo ra khơi. Họ trèo ra xa đến hàng bao nhiêu cây số trên mặt hồ hoàn toàn xa lạ, không định hướng, và sau cùng họ đến một chỗ mà mặt hồ nới rộng ra, đến nỗi không còn nhìn thấy vòm đá ở trên đầu và vách đá ở hai bên nữa. Họ vẫn tiếp tục chèo mà không biết phải theo hướng nào...

Tôi vừa nghe vừa hình dung cảnh tượng lúc ấy, dường như tôi cũng đang ngồi trên bè với các sư sãi. Sư Phụ nói tiếp:

- Họ đã đi lạc mà không thể nào tìm ra phương hướng được nữa. Thình lình, chiếc bè lật nghiêng, đuốc của họ bị một ngọn gió thổi tắt, và họ chới với giữa cảnh tối đen như mực. Họ bám víu lấy chiếc bè, xoay vòng trên mặt hồ giữa đêm tối, bàng hoàng kinh sợ và đã bắt đầu có người nhuốm bịnh. Chiếc bè bị gió cuốn đi mau đến nỗi những ngọn sóng nhỏ tràn lên bè và làm cho họ bị ngâm nước lạnh thấu xương. Mỗi lúc bè càng trôi mau hơn, dường như có một bàn tay vô hình lôi cuốn họ đi vào chỗ chết. Cuộc phiêu lưu đó đã kéo dài bao lâu, họ cũng không biết vì họ đã mất cả ý niệm về thời gian. Không có một ánh sáng nào chung quanh, bóng tối dày đặc và đen kịt dường như chưa hề có bao giờ trên mặt đất. Chiếc bè tre bị sóng dập gió vùi, những ngọn gió mạnh như vũ bão thổi rít lên từng chập, bè lật nghiêng, họ bị lật

nhào và chìm dưới đáy nước. Vài người chỉ có đủ thời giờ để hít một hơi thở còn những người khác thở không kịp thì bị chìm xuống. Những người sống sót trôi dạt bềnh bồng cho đến khi họ nhìn thấy một ánh sáng xanh lợt, mờ mờ và mỗi lúc càng tỏ rạng. Sau cùng, họ trôi dạt vào bờ dưới ánh nắng mặt trời.

Hai vị sư sãi đã tấp vào bờ, thân hình đầy những vết máu và vết bầm dập, ngất ngư như người hấp hối. Ba người khác đã biệt mất tăm hơi, không để lại dấu tích. Suốt nhiều giờ, họ nằm sõng sượt trên mặt đất, trước nanh vuốt của Tử Thần giữa sự sống và cái chết. Sau cùng, một người hồi tỉnh lại và mở mắt nhìn quanh. Điều mà y nhìn thấy làm cho y xúc động muốn xỉu. Đằng xa, nhô lên ngọn đồi của điện Potala, chung quanh có những con yak đang ăn cỏ trên những cánh đồng xanh tươi. Ý nghĩ đầu tiên đến với họ là: Chắc có lẽ họ đã chết và họ đang ở trên một cõi trời Tây Tạng. Ngay khi đó họ nghe có tiếng chân người bước đến gần: đó là một kẻ mục đồng đang cúi xuống nhìn họ. Người mục đồng này vừa vớt lên mảng tre tàn của chiếc bè mà y nhìn thấy trôi lênh đênh trên sông Tsang Po. Khi y được nghe câu chuyện kể lại và biết rằng họ là các sư sãi, người mục đồng bèn đi đến điện Potala để báo động và tìm những chiếc cáng để khiêng họ về. Kể từ khi đó, ít có người mạo hiểm đi trên hồ, nhưng người ta biết rằng có những hòn đảo nhỏ ở trong đó, mà đã được một lần thám hiểm. Điều mà người ta tìm thấy trên hòn đảo đó, con sẽ được biết vào lúc nhập môn.

Tôi nghe nói vậy, liền mong ước được thả bè đi trên hồ ngay lập tức!

Sư Phụ nhìn tôi và cười:

- Thật vậy, đó là một kinh nghiệm lý thú, nhưng cần gì phải nhọc sức đi đến nơi khi người ta có thể đi thám hiểm nơi đó dễ dàng bằng cách "xuất vía?" Con có thể thực hiện điều đó, Lâm Bá, và trong vài năm con có thể cùng ta đi thám hiểm cái hồ ấy rồi góp phần hiểu biết của con vào phần kiến thức mà chúng ta đã có về vấn đề này. Nhưng bây giờ thì, con hỡi, con còn phải học hỏi rất nhiều.

Ánh lửa trên ngọn đuốc của chúng tôi sắp tắt, và tôi tưởng rằng chúng tôi chắc sẽ phải đi mò trong đêm tối như những người mù. Lúc sắp trở về, tôi nghĩ rằng chúng tôi đã quá vô tâm đến nỗi không đem theo thêm vài ngọn đuốc để thắp nối. Ngay lúc đó, Minh Gia Đại Đức thò tay vào một lỗ trống ẩn dấu trên vách đá, lấy ra những ngọn đuốc mới rồi thắp nối theo những cây đuốc đã tàn. Người nói:

- Chúng ta có dự trữ sẵn đuốc ở đây, vì thật khó mà tìm thấy đường về trong bóng tối. Bây giờ, chúng ta lên đường!

Chúng tôi đi lần mò một cách vất vả khó nhọc theo những đường hầm lên dốc, thỉnh thoảng ngừng lại để thở và nhìn những tranh vẽ trên vách. Tôi không hiểu ý nghĩa những hình vẽ này là như thế nào. Trái lại, Sư Phụ tôi rõ ràng là đã rất thành thạo về những hình ảnh đó và người đi lại trong các đường hầm tối đen này một cách quen thuộc như ở nhà. Tôi linh cảm ở chỗ này hẳn là có điều gì bí mật và định thối lui lại để tìm cách khám phá ra cái cửa bí mật của con đường hầm này, nhưng giọng nói của Sư Phụ gián đoạn dòng tư tưởng của tôi:

- Lâm Bá, con lẩm bẩm như một ông già! Chỉ còn vài nấc thang nữa, là chúng ta sẽ thấy lại ánh sáng mặt trời. Khi lên tới nóc điện, ta sẽ chỉ cho con thấy chỗ mà các sư sãi ngày xưa đã ngoi lên mặt đất sau cuộc thám hiểm của họ.

Khi chúng tôi lên tới nóc điện Potala, Sư Phụ làm theo lời hứa, và tôi đã muốn phóng lên lưng ngựa phi nước đại trên sáu chục cây số để nhìn xem chỗ ấy tận mắt. Nhưng Sư Phụ tôi nói rằng không có gì khác hơn là cảnh vật mà tôi đã nhìn thấy trong ống dòm. Lối thoát lên mặt đất của cái hố này vốn nằm dưới mực nước rất sâu và không có gì để ghi dấu cho biết nó nằm chỗ nào, trừ ra một chòm cây được trồng ở phía trên do lịnh truyền của đức Đạt Lai Lạt Ma trong kiếp trước.

---o0o---

## Trại Hoa Hường

Qua ngày hôm sau, Thầy trò chúng tôi sửa soạn để trở về tư tưởng viện Chakpori. Chúng tôi không vội vàng lắm vì chúng tôi cảm thấy được nghỉ ngơi thoải mái tại điện Potala. Trước khi lên đường, tôi bước nhanh lên nón điển để ngắm nhìn phong cảnh một lần cuối cùng. Xuyên qua cái ống dòm nhìn về nóc tư tưởng viện Chakpori, tôi thấy một thiếu nhi sơ cơ đang nằm dài trên sân thượng để đọc sách, thỉnh thoảng lại ngừng đọc để ném những viên sỏi nhỏ lên cái đầu trọc của các sư sãi đang đi qua lại ở sân dưới. Trong ống dòm tôi nhìn thấy nụ cười ranh mãnh của y, khi y vội vàng ẩn núp để tránh những cái nhìn ngạc nhiên mà các nạn nhân của y phóng lên trời. Nhân dịp này, tôi cảm thấy băn khoăn lo sợ vì chắc hẳn là đức Đạt Lai Lạt Ma cũng nhìn thấy chính tôi có nhiều lần đùa nghịch giống y như vậy! Kể từ khi

đó, tôi quyết định giới hạn những sự nghịch ngợm tinh quái của tôi ở những góc nhà của tu viện mà người ta không nhìn thấy được từ trên nóc điện Potala.

Giờ lên đường đã điểm. Chúng tôi từ giã và cám ơn các vị Lạt Ma đã giúp cho thời gian lưu trú ngắn ngủi của chúng tôi tại đây được thoải mái và dễ chịu. Chúng tôi cũng tỏ lòng ưu ái cảm tạ viên Huỳnh Môn Quan của đức Đạt Lai Lạt Ma, là người thủ kho lương thực, đã phân phát trà bánh và kẹo mứt ngon có tiếng nhập cảng từ bên Ấn Độ cho chúng tôi dùng tự do tùy thích. Viên Huỳnh Môn Quan chắc hẳn là có thiện cảm với tôi, vì lúc từ giã, người còn đưa tặng cho tôi một món quà ngon mà tôi không ngần ngại đút vào miệng nhai liền khi đó. Sau khi ăn uống no đầy đủ lấy sức, chúng tôi bắt đầu đi xuống cầu thang lớn để trở về tu viện. Chúng tôi vừa xuống được nửa cầu thang, thì nghe những tiếng gọi giật lại, những sư sãi đi ngang qua đó ra dấu cho chúng tôi hãy quay đầu nhìn lại phía sau. Một sư sãi hộc tốc chạy xuống cầu thang vừa thở dốc và chuyển giao một thông điệp cho Minh Gia Đại Đức. Sư Phụ tôi nói:

- Lâm Bá, con hãy đợi ta ở đây, ta đi sẽ không lâu.

Kế đó, người quay lưng đi trở lên cầu thang. Tôi bèn đi dạo chơi thơ thẩn một mình, nhìn xem phong cảnh, và ngắm nhìn ngôi nhà cũ của tôi ở đằng xa. Tôi đang miên man nghĩ đến những kỷ niệm xưa, thì vừa quay đầu trở lại, tôi xuýt nữa thì té ngửa khi tôi thấy cha tôi cưỡi ngựa chạy về phía chỗ tôi đứng. Đúng vào lúc mà tôi nhìn cha tôi, thì người cũng thấy tôi. Cha tôi hơi nghiêng đầu tới trước để xem cho rõ khi người nhận ra tôi. Nhưng cha tôi đi ngang qua trước mặt tôi mà không nhìn tôi nữa. Tôi cảm thấy lòng buồn vô hạn. Tôi nhìn theo cha tôi đi ra xa. Tôi gọi theo: "Cha!" Nhưng người vẫn tiếp tục thong thả cưỡi ngựa đi luôn dường như người không nghe tiếng tôi gọi. Tôi rơm rớm nước mắt và run lên vì xúc động. Nếu lúc ấy tôi đứng giữa đám đông người, thì tôi đã tự chuốc lấy một điều bẽn lẽn, hổ thẹn trước công chúng, và nhất là lại ở trên cầu thang của điện Potala! Với một ý chí làm chủ bộ thần kinh đa cảm của mình, nó làm chính tôi cũng phải ngạc nhiên, tôi ngẩn mặt lên và nhìn về phía thành phố Lhassa.

Nửa giờ sau, Minh Gia Đại Đức đã trở xuống với hai con ngựa và nói với tôi:

- Lâm Bá, hãy mau lên ngựa, chúng ta phải đi mau đến viện Séra, vì một trong các vị sư già mới bị tai nạn.

Nhận thấy ở mỗi bên yên ngựa đều có treo một bao da, tôi đoán rằng đó là những bao đựng đồ y (dược và dụng cụ) của Sư Phụ trên đường Lingkhor, chúng tôi sãi ngựa qua trước nhà của tôi; những người hành hương và hành khất đều tránh qua một bên đường. Không bao lâu, chúng tôi đến tu viện Séra, tại đây đã có một nhóm sư sãi đã đứng đợi chúng tôi. Chúng tôi xuống ngựa, mỗi người cầm một bao y cụ trong tay; khi ấy một vị sư đưa chúng tôi vào một phòng tại đây có một vị lão tăng đang nằm thoi thóp.

Vị lão tăng có sắc mặt nhợt nhạt như chì, nguồn sinh lực của ông dường như đã sắp tàn. Minh Gia Đại Đức gọi đem nước sôi; nồi nước sôi đã sẵn sàng, người bèn bỏ vào đó vài nhúm dược thảo. Trong khi tôi quậy nồi nước sôi cho ngấm thuốc, Sư Phụ tôi khám bịnh cho vị lão tăng và được biết vị này vừa bị té vỡ sọ từ trên cao xuống đất. Một cái xương dẹp trên đầu bị trật khớp đè lên óc, làm ông ta bất tỉnh nhân sự.

Khi nồi nước thuốc đã nguội bớt, chúng tôi dùng một ít để rửa trán của người bịnh. Sư Phụ cũng lấy nước thuốc ấy để rửa tay và ngâm những đồ y cụ giải phẫu vào nồi thuốc để khử trùng. Nhờ công dụng của chất thuốc ấy, vết thương của ông lão không còn rỉ máu nhiều. Kế đó, Sư Phụ lấy trong nồi thuốc ra hai cái gắp bằng bạc, đầu dẹp và có răng cưa. Người cẩn thận dùng hai cái gắp ấy lật miếng da đầu bị rách lên, đỡ lấy cái xương sọ bị trật khớp và đặt nó nằm ngay trở lại vị trí cũ. Xong, người nói:

- Cái xương sẽ tự nó hàn gắn vào khớp trở lại như thường, và không còn đè lên óc nữa.

Người lại rửa vết thương với chất nước thuốc, và đặt lại chỗ cũ cái mảng da đầu đã đặt lên lúc nãy. Sau đó người mới may kín vết thương bằng lông bờm ngựa trụng nước sôi và đắp thuốc lên trên rồi băng lại cẩn thận.

Sau khi bộ óc ông ta được giải tỏa khỏi miếng xương sọ đè lên trên, vị lão tăng đã bắt đầu lấy sức lại và cảm thấy khỏe dần. Chúng tôi đặt thêm vài chiếc gối dưới lưng để cho ông ta có thể ngồi nhổm dậy một cách thoải mái. Tôi rửa sạch các đồ y cụ, rồi lau bằng một miếng giẻ đã khử trùng và sắp lại cẩn thận trong hai cái bao da. Khi tôi rửa tay, vị lão tăng mở mắt ra và nở một nụ cười yếu ớt khi ông ta nhận ra Minh Gia Đại Đức đang ngồi bên cạnh giường. Ông lão nói:

- Tôi biết chỉ có ông là người duy nhất có thể cứu được tôi, vì thế tôi đã gửi một thông điệp bằng tư tưởng đến điện Potala. Sứ mạng của tôi ở thế gian chưa hoàn tất, vì vậy nên tôi chưa sẵn sàng rời bỏ thể xác.

Sư Phụ tôi chăm chú nhìn ông lão và đáp:

- Sư ông sẽ chóng khỏi. Chỉ cần chịu đựng vài ngày khó nhọc nữa, một hay hai cơn nhức đầu, rồi sau đó sư ông sẽ bình phục lại sức khỏe và làm việc như bình thường. Tuy nhiên, trong khi ngủ, phải có một người trực một bên để giữ cho sư ông đừng nằm dài. Nội trong ba hay bốn ngày nữa, là sư ông sẽ thoát nạn.

Tôi bước lại gần cửa sổ. Thật là một điều lý thú mà nhìn xem cách sinh hoạt của các sư sãi của một tu viện khác. Sư Phụ bước đến gần tôi và nói:

- Bây giờ, ta sẽ đưa con đi viếng thăm một cộng đồng sư sãi sinh hoạt rất khác hẳn với tư tưởng viện của chúng ta.

Sau khi đã giao người bịnh cho một vị Lạt Ma săn sóc, chúng tôi bước ra ngoài hành lang. Tu viện này không được gìn giữ sạch sẽ như tư tưởng viện Chakpori. Kỷ luật cũng không được nghiêm ngặt lắm: Các sư sãi đi lại tự do tùy ý. So với tư tưởng viện của chúng tôi, thì các thánh điện của họ không được săn sóc lau chùi tươm tất; mùi nhang khói ở đây cũng nồng nặc hơn. Từng nhóm trẻ con chơi ở ngoài sân: ở Chakpori, thì giờ này chúng phải làm việc ráo riết. Tu viện này hoàn toàn thiếu trật tự, sạch sẽ và kỷ luật mà tôi vẫn thường coi như là những điều luật căn bản. Sư Phụ tôi hỏi:

- Lâm Bá, con có muốn ở lại tu viện này và sống một cuộc đời dễ dãi tự do như họ chăng?

Tôi đáp:

- Bạch Sư Phụ, chắc chắn là không. Con nghĩ rằng họ chỉ là một tập đoàn người man rợ.

Sư Phụ bật cười:

- Thế là ở đây có tất cả bảy người man rợ, và như vậy là hơi nhiều! Chỉ cần có một thiểu số người bê bối là đủ làm cho cả một tập đoàn phải mang tiếng, con biết không?

Một sự thật hiển nhiên mà mọi người đều biết rõ, là tu viện của chúng tôi có một kỷ luật gắt gao nhất, còn ở hầu hết những tu viện khác thì kỷ luật rất là lỏng lẻo. Ở những nơi đó, nếu một sư sãi muốn giải đãi, lười biếng, thì y được tự do lười biếng mà không ai nói gì. Tu viện Séra, còn biết dưới cái tên

riêng là "Trại Hoa Hường," ở cách điện Potala năm cây số và là một thành phần của nhóm cộng đồng tu viện gọi là "Tam Đỉnh Viện." Trong cộng đồng này thì tu viện Drebung với dân số không dưới mười nghìn sư sãi, là tư tưởng viện lớn nhất. Kế đó là tu viện Séra với độ chừng bảy ngàn năm trăm sư sãi, và sau hết là tu viện Ganden với gần sáu nghìn sư sãi. Tất cả ba tu viện này đồ sộ nguy nga như những thành phố thật sự, với những đường sá, trường học, đền thờ và tất cả những cơ quan, dinh thự quản trị hành chánh cần thiết. Những sư sãi cảnh binh xuất xứ từ những vùng Kham đi tuần phòng thường xuyên ở các đường phố. Nhưng bây giờ thì chắc là quân Trung Công đã thay chân của họ! Tu viện Chakpori tuy nhỏ nhưng có thế lực rất lớn. Với tư cách là một Y Viện, nó cũng là Trung Tâm Y Khoa của quốc gia, và có một số đại diện quan trọng trong Hội Đồng Chánh Phủ.

Ở tu viện Chakpori, người ta dạy cho chúng tôi môn võ thuật Tây Tạng. Không phải tất cả các tu viện đều có dạy môn võ thuật này. Trong tu viện của chúng tôi, môn võ thuật ấy được sử dụng để tập luyện cho các thiếu sinh biết tự vệ, làm chủ những phản ứng tự nhiên của mình, làm tê liệt giác quan của một người vì mục đích giải phẫu y khoa, và để có thể di chuyển một cách an toàn trong những vùng nguy hiểm nhất. Thật vậy, với tư cách là những vị Lạt Ma y sĩ, chúng tôi luôn luôn phải di chuyển đến tận những vùng hiểm trở, xa xôi, đầy những sự bất trắc, hiểm nghèo.

Võ sư Tzu, như đã nói trước đây, là một chuyên viên về môn võ thuật tự vệ, có lẽ là vị võ sư giỏi nhất của xứ Tây Tạng. Ông đã dạy tôi tất cả những gì ông biết, với một tinh thần trách nhiệm và chỉ để lấy làm hài lòng vì đã làm tròn bổn phận của một võ sư. Phần nhiều những người đã trưởng thành và thành niên đều biết một vài thế võ sơ đẳng để hộ thân, nhưng về phần tôi, tôi đã tập luyện những thế võ đó từ khi mới lên bốn tuổi. Chúng tôi nghĩ rằng môn võ thuật này chỉ dùng để tự vệ và tự làm chủ lấy mình, chứ không nên dùng để biểu diễn trên võ đài như những tay thí võ chuyên nghiệp. Ở Tây Tạng, người ta thường nói rằng một người giỏi võ và có sức mạnh có thể rất ôn hòa hiền lành, còn những sự phô trương khoác lác là đặc tính của kẻ yếu. Với môn điểm huyệt, người ta có thể làm tê liệt giác quan của một người, nó có tác dụng như việc chụp thuốc mê để làm cho y không còn biết đau đớn khi cần phải giải phẫu, nắn lại khớp xương bị trặt, hay nhổ răng chẳng hạn. Người ta có thể làm cho một người trở nên bất tỉnh nhân sự, mà y không hay biết mình đã bị điểm huyệt, và vài giờ hay vài phút sau đó, y sẽ thức tỉnh và vẫn sáng suốt như cũ mà không bị một ảnh hưởng nào. Có điều lạ, là một người bị điểm huyệt lúc y đang nói chuyện, bị bất tỉnh và ngủ mê đi, đến khi

thức tỉnh dậy y lại tiếp tục câu nói bị đứt đoạn từ lúc đầu. Vì môn điểm huyệt này vô cùng lợi hại như vậy, nên môn võ thuật tự vệ và điểm huyệt bí truyền của Tây Tạng chỉ được truyền thụ cho những môn đồ đã trải qua những cơn thử thách vô cùng gắt gao. Hơn nữa, để cho được cẩn mật và an toàn đến mức tuyệt đối, họ còn chịu một vài phép dẫn dụ bằng khoa thôi miên, để cho họ không thể nào lạm dụng quyền năng về sau này.

Một tu viện Lạt Ma ở Tây Tạng không phải chỉ là một nơi trú ngụ của những người có chí hướng về đường tu hành mà đó cũng là một thành phố tự trị với những cơ quan quản trị nội bộ và những nơi giải trí, tiêu khiển. Ở đó có cả những hí viện để trình diễn những màn kịch nghệ tôn giáo và văn hóa truyền thống. Những sư sãi nhạc công luôn luôn sẵn sàng biểu diễn tài nghệ để giúp vui và để chứng tỏ rằng không một công đồng tu viện nào khác có những nhạc công tài giỏi như họ. Những sư sãi có tiền của riêng có thể mua sắm các thức ăn, quần áo, đồ xa xí phẩm và sách vở trong các cửa tiệm. Những vị nào mốn tiết kiệm có thể gửi tiền vào những tào ngân khố, hoạt động giống như các ngân hàng. Tất cả những cộng đồng sinh hoạt trên thế giới đều không khỏi có những kẻ bất lương phạm pháp. Trong tu viện Lạt Ma Giáo, những kẻ bất lương này bị các sư sãi cảnh binh bắt giữ và đưa ra một tòa án riêng để xử tội họ một cách công bình. Nếu xét ra họ phạm pháp, họ sẽ phải đền tội trong khám đường của tu viện.

Trong tu viện, có những trường học để cho mỗi đứa trẻ có thể thọ lãnh một nền giáo dục thích nghi với tính chất cùng trí khôn của chúng. Người ta giúp đỡ những đứa học trò ưu tú để xây dựng cho chúng một tương lai, nhưng ở phần nhiều các tu viện, trừ ra tu viện Chakpori, những học trò lười biếng được tự do chơi bời, ngủ nghê hay dùng thời giờ để ngồi không và mơ mộng. Thật vậy, người ta nghĩ rằng vì người ta không thể nào ảnh hưởng đến cuộc đời của kẻ khác, nên tốt hơn là hãy để cho họ vớt vát lại thời giờ đã mất trong một... kiếp sau! Ở tu viện Chakpori thì không thế, và người nào không tiến bộ sẽ bị mời đi nơi khác, đến những chỗ mà kỷ luật được dễ dàng lỏng lẻo hơn.

Trong tu viện của chúng tôi, thường có những khách viếng thăm, những người lái buôn hoặc sư sãi, họ được lưu trú trong khách sạn của tu viện, và lẽ tất nhiên là cũng phải trả tiền. Không phải tất cả các sư sãi đều sống độc thân. Những người nào nghĩ rằng tình trạng độc thân không thuận tiện cho đời sống tinh thần của họ, được tự do gia nhập vào môn phái "Mũ Đỏ" Dugpas, những người trong môn phái này được phép lập gia đình. Nhưng đó chỉ là một thiểu số. Trong giới tu hành, cấp lãnh đạo được tuyển chọn trong

số những tu sĩ đã lập nguyện sống độc thân, thuộc về môn phái "Mũ Vàng" Gelugpas. Trong những tu viện "cộng đồng nam nữ, " các sư sãi và ni cô làm việc sát cánh với nhau và gồm thành một tập đoàn hoàn toàn có tổ chức, với một bầu không khí thường là hòa dịu hơn những tu viện chỉ đặc biệt dành riêng cho phái nam.

Sau khi đã đi quan sát mọi nơi ở Trại Hoa Hường, chúng tôi trở lại thăm vị sư sãi già. Trong hai tiếng đồng hồ, bịnh tình của ông ta đã thuyên giảm rõ rệt, và ông ta đã có đủ sức để chú ý đến cảnh vật chung quanh. Ông ta đã có thể lắng tai chăm chú nghe Minh Gia Đại Đức mà ông ta có vẻ rất quý mến. Sư Phụ nói với ông lão:

- Bây giờ chúng tôi phải đi, nhưng tôi sẽ để lại cho sư ông một ít dược thảo. Tôi sẽ đưa chỉ thị rõ ràng cho vị sư sãi có bổn phận săn sóc sư ông.

Sư Phụ đưa cho ông lão ba cái bọc nhỏ mà người lấy ra trong cái bao da. Ba bọc thuốc nhỏ này sẽ giúp cho ông lão được hoàn toàn bình phục và thoát khỏi lưỡi hái của Tử Thần.

Ra đến sân ngoài, chúng tôi thấy một sư sãi nắm dây cương hai con ngựa đã chực sẵn. Chúng tôi lên ngựa và cho ngựa đi từ từ chậm bước. Trại Hoa Hường chỉ cách con đường Lingkhor có sáu cây số. Tôi không có ý định đi ngang qua nhà cũ của tôi. Sư Phụ tôi có lẽ đọc được tư tưởng của tôi, vì người nói:

- Chúng ta sẽ đi qua đường để ra khu chợ. Chúng ta không có gì phải gấp rút. Ngày mai sẽ là một ngày khác mà chúng ta còn phải sống.

Khi ra đến khu chợ búa với những phố phường đông đảo, với các cửa hàng của người Tàu buôn bán tấp nập, tôi thầm nghĩ:

- A! Lần cuối cùng khi đi đến đây, tôi là một người tự do, khi ấy tôi chưa phải học để trở thành tu sĩ. Tôi chỉ ước mong thời gian qua chỉ là một giấc mộng mà tôi có thể quên hết khi tôi thức tỉnh!

Sau khi đã đi qua đường cái, chúng tôi rẽ về phía tay mặt để đến cầu Ngọc Bích. Sư Phụ quay qua phía tôi và nói:

- Như vậy, con vẫn không muốn trở thành tu sĩ phải chăng? Đó thật là một cuộc đời đáng sống, con biết không? Đến cuối tuần này, những sư sãi sẽ xuất hành như mọi năm để đi hái thuốc trên núi. Thầy không để con đi với họ

năm nay. Con sẽ ở lại đây, và chúng ta sẽ làm việc chung với nhau, để cho con có thể thi đậu kỳ thi tuyển các sư sãi ưu tú Trappa vào năm mười hai tuổi. Thầy đã dự định đem con theo trong một chuyến xuất hành về sau này lên những vùng Thượng Du, tại đó có mọc những loại dược thảo rất hiếm.

Chúng tôi vừa ra khỏi làng Sho và sắp đến gần Pargo Kaling, ở cửa tây thành Lhassa, thì một kẻ hành khất đứng nép vào tường và rên rỉ:

- Thưa bác sĩ Lạt Ma, xin ngài làm phước đừng chữa khỏi bịnh cho tôi vì nếu tôi lành mạnh, tôi sẽ không còn phương tiện để kiếm ăn!

Sư Phụ có vẻ buồn man mác khi chúng tôi bước qua cửa thành và nói:

- Ở đâu cũng thấy những kẻ ăn mày. Họ làm cho xứ sở của chúng ta mang tiếng xấu ở ngoại quốc. Ở Ấn Độ, ở Trung Hoa, khi thầy đến đó với đấng "Khôn Lường," người ta nói chuyện về những người ăn mày ở xứ Tây Tạng, nhưng họ không ngờ rằng vài người trong số đó lại rất giàu. Dầu sao, có lẽ sau việc thực hiện lời tiên tri về Năm Con Cọp Sắt (tức 1950, quân Trung Cộng xâm chiếm xứ Tây Tạng), những kẻ ăn mày sẽ bị bắt buộc phải làm việc. Chừng đó, Lâm Bá, trong hai thầy trò chúng ta không ai còn ở lại xứ nhà để chứng kiến việc ấy. Con sẽ sống ở ngoại quốc, còn thầy thì... đã trở về cõi Thượng Giới.

Tôi cảm thấy lòng buồn vô hạn với ý nghĩ rằng có ngày Sư Phụ mến yêu sẽ từ biệt tôi và không còn sống trên mặt đất này nữa. Hồi đó, tôi chưa biết rằng cõi đời này chỉ là hư ảo, một loạt những thử thách, một trường học lớn để cho ta rèn luyện tâm tánh. Trên đường về, tôi liên tưởng đến những người đi hái thuốc. Mỗi năm, một nhóm sư sãi của tu viện Chakpori lên núi hái thuốcvề phơi khô và dự trữ trong những bao da không thấm nước. Miền núi non xứ Tây Tạng là nơi mà thiên nhiên dành cho con người một kho dược thảo phong phú dồi dào bất tận. Tôi thầm nghĩ rằng mình có thể vắng mặt trong chuyến xuất hành năm nay, và hãy chuẩn bị tinh thần để đi lên miền Thượng Du huyền bí khi nào Sư Phụ xét ra cần thiết.

Các nhà chiêm tinh đã tiên đoán tôi sẽ thi đậu một cách dễ dàng, nhưng tôi biết rằng tôi phải học rất nhiều. Thật vậy, sự thành công chỉ được hứa hẹn với tôi với điều kiện tất yếu là tôi phải tự mình gặt hái lấy nó bằng sự làm việc. Về phương tiện tinh thần, trí não, ít nhất tôi cũng đã phát triển bằng một thiếu niên mười tám tuổi, vì tôi vẫn luôn luôn chung đụng tiếp xúc với những người lớn tuổi hơn tôi và tôi đã phải tự lực tháo vát mọi chuyện trong mọi trường hợp.

---o0o---

**Tín Ngưỡng Và Sinh Hoạt**

Dưới đây là một vài chi tiết về nền văn minh của xứ Tây Tạng nó có thể khêu gợi sự thích thú của quý độc giả. Nền tôn giáo Tây Tạng là một hình thức biến thiên của Phật Giáo, nhưng nó không có một danh hiệu rõ ràng để có thể định nghĩa hoặc dịch ra. Người Tây Tạng gọi nó là quốc giáo của họ. Danh từ chính xác nhất là Lạt Ma Giáo (Lamaisme), mà người Tây phương đã từng biết. Tín ngưỡng của người Tây Tạng khác biệt với Phật Giáo ở chỗ nó căn cứ trên niềm hy vọng, còn Phật Giáo đối với họ như một tôn giáo yếm thế, và hoàn toàn tiêu cực. Dầu sao đi nữa, có một điều chắc chắn là người Tây Tạng không tin nơi sự hiện diện của một vị Thượng Đế độc tôn, toàn trí và toàn thông, coi sóc và che chở cho toàn thể nhân loại.

Từ bao nhiêu thế kỷ về trước, các dân tộc phương Đông đã biết rõ về các mãnh lực huyền bí và những định luật thiên nhiên. Thay vì phủ nhận sự hiện hữu của những sức mạnh huyền linh ấy, bởi lý do rằng người ta không thể cân lường hay quan sát phản ứng của chúng dưới ảnh hưởng các hóa chất trong phòng thí nghiệm, những bậc danh sư bên phương Đông đã cố gắng tăng gia kiểm soát của họ đối với những mãnh lực thần bí vô hình. Thí dụ như họ đã chú ý đến những kết quả thu lượm được do bởi năng khiếu Thần Nhãn. Nhiều người cho rằng điều ấy không thể nào có được: Họ chẳng khác nào như những người mù từ thuở lọt lòng mẹ, nói rằng vốn không có thị giác, bởi vì họ không hề có kinh nghiệm về cái giác quan đó! Làm sao họ có thể hiểu được rằng một vật có thể được nhìn thấy ở cách xa trong không gian, trong khi không hề có một sự tiếp xúc nào giữa vật ấy và đôi mắt của con người?

Thể xác con người được bao phủ bằng một lớp vỏ như sương mù muôn màu nghìn sắc: đó là cái hào quang. Những vị có Thần Nhãn nhìn vào hào quang của một người, có thể quan sát các màu sắc đó mà suy ra tình trạng sức khỏe, đức hạnh và trình độ tiến hóa của người ấy. Cái hào quang ấy là sự phát huy, sự biểu hiện của một luồng khí lực từ bên trong, tức Chân Ngã, hay linh hồn con người. Đầu người ấy cũng được bao trùm bởi một vòng hào quang xuất phát từ cái khí lực đó. Đến lúc chết, thì cái hào quang ấy tắt hẳn: Linh hồn đã rời khỏi thể xác và phiêu diêu trên một cõi giới khác để bước qua một giai đoạn sinh hoạt mới. Khi đó, nó trở thành một cái "Bóng" phất phơ, có lẽ là bởi vì nó còn hoang mang bởi sự xúc động mạnh khi nó được giải tỏa ra khỏi cái xác thân vật chất. Có thể rằng nó không hoàn toàn ý thức

được những gì đã xảy ra. Bởi đó, các vị Lạt Ma có bổn phận giúp đỡ những người hấp hối và giảng giải cho họ nghe những giai đoạn ở bên cửa tử mà họ sẽ trải qua. Chứ nếu không, thì linh hồn của họ sẽ bám víu lấy cõi trần do bởi những dục vọng của xác thịt còn chưa được thỏa mãn. Vai trò của các vị tăng lữ là cắt đứt những sợi dây trói buộc đó.

Người Tây Tạng thường có những cuộc hành lễ cầu siêu để dìu dắt những vong linh người chết. Sự chết không làm cho người Tây Tạng sợ sệt, họ nghĩ rằng một vài nghi thức cẩn mật có thể giúp đỡ rất nhiều để cho linh hồn bước qua cõi giới bên kia một cách dễ dàng. Cần phải vạch một lộ trình nhất định và rõ ràng, và điều khiển những tư tưởng của người hấp hối một cách thích nghi. Những cuộc lễ cầu siêu này được cử hành trong một ngôi đền dưới sự hiện diện của chừng độ ba trăm sư sãi. Một nhóm bốn hay năm vị Lạt Ma có thần thông, có thể giao cảm với cõi vô hình, ngồi thành vòng tròn ở chính giữa, và đối diện với nhau. Trong khi các sư sãi tụng niệm dưới sự điều khiển của một vị Sư Trưởng, các vị Lạt Ma cố gắng tiếp xúc bằng thần giao cách cảm với những vong linh phiêu dạt, vất vưởng trong cõi vô hình. Những lời cầu nguyện bằng tiếng Tây Tạng thật khó mà dịch ra cho đúng nghĩa, nhưng tôi cũng xin được dịch đại khái như sau:

- Hãy nghe tiếng gọi của chúng tôi, hỡi các vong hồn phất phơ vô định ở cõi bên kia cửa tử. Âm dương cách trở, người sống và người chết đều sống ở những cõi giới cách biệt nhau. Những gương mặt người chết có thể được nhìn thấy ở đâu? Ở đâu người ta có thể nghe được giọng nói của họ.

Cây nhang đầu tiên được đốt lên để kêu gọi những linh hồn lạc lõng và chỉ đường cho họ.

- Hãy nghe tiếng gọi của chúng tôi, hỡi các vong hồn phất phơ lạc lõng không người dìu dắt. Bầu thế giới này là một ảo ảnh. Cuộc đời chỉ là một giấc mộng. Hữu sinh hữu diệt, vật gì có lúc sinh ra ắt phải có lúc chết. Chỉ có Phật pháp là con đường duy nhất đưa đến đời sống trường tồn vĩnh cửu. Cầu cho vong hồn các người siêu sinh tịnh độ.

Cây nhang thứ nhì được đốt lên để kêu gọi những vong hồn lạc lõng và để chỉ đường cho họ.

- Hãy nghe tiếng gọi của chúng tôi, hỡi những bậc vua chúa oai quyền hống hách của thế gian, các người đã ngự trị trên những dãy giang san của thiên hạ. Triều đại của các người chỉ tồn tại có một thời nhưng những tiếng kêu rên siết của dân tộc các ngươi không bao giờ dứt. Do lòng tham vọng chinh

phục đất đai, các ngươi đã làm cho máu chảy thành sông, và những tiếng thở than của những kẻ bị trị còn làm rung chuyển cây cối, thấu đến trời xanh. Cầu cho vong hồn các ngươi được siêu sinh tịnh độ.

Một cây nhang thứ ba được đốt lên để kêu gọi vong hồn các bậc đế vương, cùng những nhà độc tài của thiên hạ và để chỉ đường cho họ.

Hãy nghe tiếng gọi của chúng tôi, hỡi những kẻ bạc ác bất nhân và những kẻ trộm cướp của thế gian, các ngươi đã gây nên tội ác đối với kẻ đồng loại và ngay trong lòng các người không có sự bằng an. Linh hồn các ngươi vất vưởng không nơi nương tựa và công lý không có ngự trong tâm của các ngươi. Cầu cho linh hồn các ngươi được siêu sinh tịnh độ...

Một cây nhang thứ tư được đốt lên để kêu gọi vong hồn những kẻ tội lỗi đang phất phơ dật dờ trong cô quạnh.

- Hãy nghe tiếng gọi của chúng tôi, hỡi những nàng kỹ nữ các chốn lầu xanh của thế gian, những người buôn hương bán phấn mà tội lỗi của các bọn đàn ông đã làm cho ô uế, nay đang đi lang thang vô định trong cõi u minh tăm tối. Cầu cho vong hồn các ngươi được siêu sinh tịnh độ.

Cây nhang thứ năm được đốt lên để kêu gọi vong hồn các người đàn bà tội lỗi, sa đọa, để dìu dắt và giải thoát cho họ khỏi những sự trói buộc của thế gian...

Trong bóng tối ban đêm tỏa khói hương nghi ngút, những ngọn đèn bơ loe lét làm rung rinh những bóng đen ở phía sau các pho tượng thếp vàng. Sự căng thẳng càng tăng: Các vị Lạt Ma đang tập trung tư tưởng để giao cảm với những vong hồn đã chết nhưng chưa được giải thoát khỏi những sợi dây trói buộc với cõi giới phàm trần.

Những sư sãi mặc áo tràng màu đỏ ngồi sắp từng hàng đối diện với nhau, cất giọng ngân nga tụng niệm những bài sinh cầu siêu cho các vong hồn. Cuộc lễ tiếp diễn với những lời chỉ thị đưa ra cho các vong hồn và nhịp độ của những lời cầu siêu tụng niệm cũng trở nên thưa dần, cho đến khi mọi tiếng động, mọi âm thanh đều dứt hẳn, và tất cả đều đắm chìm trong im lặng.

Trong lúc thức tỉnh, linh hồn con người dính liền với thể xác và không thể tách rời ra ngoài, trừ phi y đã có trải qua một sự tập luyện về vấn đề này. Khi chúng ta ngủ, chỉ có thể xác là cần sự nghỉ ngơi, còn linh hồn thì thoát ra ngoài và bước vào cõi giới tinh thần, cũng như một đứa trẻ trở về nhà vào

lúc chiều, sau giờ tan học. Linh hồn được nối liền với thể xác bằng "sợi dây bạc" nó có thể kéo dài đến vô tận. Sợi dây bạc này vẫn tồn tại luôn luôn khi nào thể xác còn sống; đến lúc chết, nó bị gián đoạn để cho linh hồn bước vào một cuộc đời mới trên cõi giới tinh thần, cũng như đứa hài nhi bị cắt rún để tách rời khỏi mẹ nó. Đối với đứa hài nhi, sự sinh ra đời có nghĩa là chấm dứt sự sống được bảo bọc che trở trong bụng mẹ. Đối với một linh hồn, sự chết có nghĩa là tái sinh trong một cõi tâm linh tự do hơn.

Khi sợi dây bạc chưa bị cắt đứt, linh hồn được tự do châu du khắp nơi trong giấc ngủ của thể xác, hoặc ngay cả trong lúc thức tỉnh nếu người ta đã có trải qua một sự luyện tập đặc biệt. Sự chu du của linh hồn trong giấc ngủ tạo nên những giấc mộng, nó là những ấn tượng được chuyển di do sự trung gian của sợi dây bạc. Trong cõi giới tâm linh, vốn không có "Thời gian", vì ý niệm về thời gian chỉ có ở cõi phàm trần hạ giới, bởi đó đôi khi những giấc mộng dài và phức tạp dường như chỉ diễn ra trong không đầy một giây đồng hồ. Một kinh nghiệm mà có lẽ ai cũng đã trải qua, là gặp trong giấc mộng một người quen ở cách ta rất xa, có thể ở cách đến muôn dặm trùng dương, ở chỗ tận cùng của thế giới, và nói chuyện với người ấy. Một thông điệp có thể đã được chuyển giao và khi thức giấc, người ta có cái cảm giác rất rõ rệt là: Có một cái gì mà mình phải nhớ. Đôi khi, người ta nhớ rằng đã gặp trong mộng một người bạn hay một người thân thích trong khi họ ở rất xa, mà người ta không ngạc nhiên mà nhận được tin của họ ít lâu sau đó. Đối với những người không luyện tập, thì trí nhớ của họ thường bị đảo lộn và kết quả là họ chỉ thấy những giấc mộng vô lý hay những cơn ác mộng.

Ở Tây Tạng, người ta thường đi châu du khắp nơi không phải bằng thuật khinh thân, mà bằng cách xuất hồn, một kỹ thuật mà họ đã hoàn toàn nắm vững. Bằng phương pháp xuất hồn, linh hồn rời khỏi thể xác và vẫn dính liền với nó bằng sợi dây bạc, trong khi đó người ta tự do di chuyển khắp nơi tùy ý muốn trong cõi vô hình với tốc lực của tư tưởng. Khả năng xuất hồn cũng gọi là xuất thần hay xuất vía, để đi châu du nơi cõi Trung giới, là một việc rất thông thường ở xứ Tây Tạng. Những người mới bắt đầu áp dụng thử phương pháp này thường hay bị xúc động mạnh, đó là do sự thiếu tập luyện. Có thể rằng mỗi người đã có lần cảm thấy mình lướt nhẹ trong giấc ngủ để rồi sau đó, không có lý do gì đáng kể, tự nhiên họ giật mình bừng tỉnh dậy một cách đột ngột. Hiện tượng đó là do bởi sự xuất thần một cách quá mau chóng, sự chia ly quá đột ngột giữa thể xác với thể vía, làm cho sợi dây bạc bị chùn lại và thể vía tái nhập vào thể xác một cách quá mãnh liệt. Sau khi bừng tỉnh dậy, người ta còn có cái cảm giác khó chịu hơn nữa. Linh hồn phất phơ ở phía trên cái thể xác rất xa, cũng ví như một quả bong bóng được thả

lên trên không ở đầu cuối một sợi dây. Thình lình, một nguyên nhân nào đó, chẳng hạn như một tiếng động mạnh, làm cho nó nhập vào thể xác một cách quá mau. Đương sự giật mình tỉnh giấc và có cái cảm giác kinh khủng như từ trên cao té xuống vực thẳm và vừa tỉnh dậy kịp thời.

Sự chu du trên cõi Trung giới một cách hoàn toàn làm chủ tình hình và hoàn toàn ý thức mọi việc xảy ra, là một điều khả năng của hầu hết tất cả mọi người. Người ta chỉ cần có một sự luyện tập thích nghi, nhưng trong những giai đoạn đầu tiên, họ cần phải luyện tập ở một nơi vắng vẻ để không sợ bị ai quấy rầy. Cần nói rõ là trừ phi có sự chỉ dẫn của một vị đạo sư lão luyện, người ta có thể bị hoang mang, kinh ngạc. Trên thực tế, sự tập luyện này không nguy hiểm, nhưng không phải là không có sự va chạm hay xúc động mạnh, nếu thể vía rời khỏi hay nhập vào thể xác không đúng lúc. Những người yếu tim không nên tập luyện phương pháp này, bởi vì nếu có người nào đột nhiên bước vào phòng khi họ đang tập, thì thể vía hay sợi dây bạc của họ có thể bị náo động và điều đó thật vô cùng nguy hiểm. Sự va chạm đó có thể làm cho đương sự chết bất đắc kỳ tử và có những hậu quả rất phiền phức: Linh hồn y sẽ bị bắt buộc đầu thai trở lại ngay để hoàn tất kiếp sống vừa bị gián đoạn ở cõi trần trước khi bước qua giai đoạn tiến hóa kế tiếp...

Người Tây Tạng tin rằng thuở xưa kia, trước thời kỳ sa đọa của con người, nhân loại có thể đi chu du bằng cách xuất hồn, sử dụng Thần Nhãn, thực hành khoa thần giao cách cảm và phép khinh thân. Sự sa đọa này, theo chúng tôi hiểu, là do con người đã lạm dụng những quyền năng thần bí, những phép thuật thần thông để thực hiện những mục đích ích kỷ thay vì để giúp ích cho sự tiến hóa chung của nhân loại. Vì sự lạm dụng đó, nên ngày nay nhân loại đã bị mất hết tất cả những quyền năng quý báu kể trên.

Người Tây Tạng quả quyết rằng người ta có thể tiên đoán những việc có thể xảy ra trong tương lai. Khoa tiên tri là một khoa học, và một khoa học chính xác. Họ cũng tin ở khoa Chiêm Tinh. Những "ảnh hưởng của tinh tú" chỉ là những vũ trụ tuyến do những bầu tinh tú phản chiếu xuống địa cầu, và chịu sự "tô mầu" hoặc sự thay đổi bởi những bầu tinh tú nầy. Ai cũng biết rằng với một cái máy ảnh và ánh sáng mặt trời, người ta có thể chụp ảnh. Vài loại kiếng lọc ánh sáng, nếu đặt trước ống kính thu ảnh, có thể giúp cho người ta có được những tấm ảnh với hàng trăm loại màu sắc đặc biệt, cũng y như thế, những vũ trụ tuyến ảnh hưởng đến con người bằng nhiều cách khác nhau đến vô cùng tận tùy theo tác động của những bầu tinh tú khi phản chiếu vũ trụ tuyến xuống quả Địa Cầu.

Kể từ thế kỷ thứ mười một trở về sau, tất cả những vấn đề chính sự quan trọng ở xứ Tây Tạng đều được quyết định bằng khoa Chiêm Tinh. Cuộc xâm lăng của quân đội Anh năm 1904 đã được tiên tri một cách chính xác. Người ta có ghi chép lời tiên tri này bằng chữ Tây Tạng, mà bản dịch như sau:

"Năm Con Rồng bằng Gỗ (Mộc Long). Trong nửa năm đầu Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ được bình yên, sau đó những kẻ xâm lăng hiếu chiến sẽ tiến vào lãnh thổ. Quân địch rất đông, nạn binh đao gây nhiều tai họa và dân chúng sẽ phải lâm chiến. Đến cuối năm, sẽ có sứ giả hòa bình và chiến tranh sẽ chấm dứt."

Lời tiên tri này bắt đầu có trước năm 1850, nói về tình hình năm

1904, tức năm Con Rồng Gỗ. Đại tá Younghusband, tư lịnh quân đội Anh, có xem thấy bản văn lời tiên tri này ở thủ đô Lhassa.

Nói về vấn đề tiên tri, có người đã hỏi tôi: "Tại sao tôi không tránh khỏi cạm bẫy và thử thách gian lao nó chờ đợi tôi, khi mà những điều đó đã được tiết lộ cho tôi biết trước?"

Tôi chỉ có thể trả lời rằng: "Nếu người ta có thể tránh khỏi những tai nạn, đau khổ đã được tiết lộ cho ta biết trước, thì việc ấy chứng tỏ những lời tiên tri đó là sai!"

Những lời tiên tri, đều căn cứ trên sự "có thể xảy ra" của một vài sự việc, chứ không có nghĩa là con người phải chịu một cái định mệnh khắt khe, bất di dịch mà y không có tự do ý chí để sửa đổi. Trái lại, con người có thể sử dụng ý chí của mình một phần nào. Thí dụ một người kia muốn đi từ Tân Đề Li đến Hoa Thịnh Đốn, lẽ tất nhiên y biết rõ khởi điểm và mục tiêu cuộc hành trình. Nếu y chịu khó thăm dò trên bản đồ, y sẽ biết được những điểm then chốt mà y sẽ đi ngang qua trên một lộ trình ngắn và tiện lợi nhất. Tuy rằng y cũng có thể dùng một lộ trình khác, nhưng điều này không phải là sáng suốt khôn ngoan, vì nó sẽ làm mất nhiều thời giờ và tổn phí tiền bạc.

Cũng y như thế, trong trường hợp một chuyến từ Paris đến Marseille chẳng hạn, một người tài xế khôn ngoan sẽ thăm dò trên bản đồ và noi theo một lộ trình đã vạch sẵn bởi một tổ chức du lịch. Như vậy, y sẽ có thể tránh khỏi những con đường gồ ghề lồi lõm; hoặc nếu y bắt buộc phải theo những con đường này và không thể làm sao hơn, thì y sẽ biết trước để giảm bớt tốc lực và để tránh khỏi tai nạn. Khoa tiên tri cũng có tác dụng giống như vậy.

Tuy nhiên, noi theo những con đường êm ái, dễ dàng, không phải luôn luôn là một điều tốt. Là một Phật tử, tôi tin ở định luật Luân Hồi và tôi tin rằng người ta sinh ra ở cõi trần là để "Học hỏi, " kinh nghiệm. Cuộc đời trần gian có thể là đắng cay, đau khổ, nhưng những bài học mà chúng ta phải học hỏi, kinh nghiệm chỉ có một mục đích duy nhất là trui rèn và thử thách chúng ta để cho ta trở nên tinh luyện, khôn ngoan, và minh triết hơn.

Nhờ những lời tiên tri mà tôi được biết trước cuộc đời tôi, đó đã là nhiều lắm. Nhưng vẫn còn nhiều điều bí hiểm, thí dụ như những lời tiên tri về xứ Tây Tạng: Tại sao xứ ấy lại bị nạn ngoại xâm? Một xứ êm đềm, yên tĩnh, chỉ có sự ước mong duy nhất là phát triển trên địa hạt tâm linh, tại sao lại phải chịu nạn ấy? Tại sao những nước khác lại thèm muốn chiếm đoạt lãnh thổ đất đai của chúng tôi, và đặt dân tộc xứ này dưới cái ách nô lệ? Ước vọng duy nhất của người Tây Tạng là được sống trong hòa bình và tự do. Tuy vậy, người ta lại trông cậy nơi tôi để đi sang nước Trung Hoa, là một nước sẽ xâm lăng xứ Tây Tạng trong tương lai, để chữa trị và săn sóc thương binh trong một cuộc chiến tranh còn chưa bắt đầu!

Dưới đây là một vài biến cố quan trong trong lịch sử xứ Tây Tạng trong số những biến cố quan trọng khác đã được tiên tri một cách chính xác: Năm 1910, cuộc xâm lăng của quân Trung Hoa; năm 1911, cuộc Cách Mạnh Trung Hoa và Chánh phủ Trung Hoa Dân Quốc thành lập; cuối năm 1911, quân đội Trung Hoa bị đánh bật ra khỏi Tây Tạng; năm 1914, cuộc Thế Chiến Thứ Nhất; 1933, đức Đạt Lai Lạt Ma từ trần; năm 1935; đức Đạt Lai Lạt Ma tái sinh trở lại; năm 1950; quân Trung Cộng xâm xứ Tây Tạng. Một nhà ngoại giao Anh là Sir Charless Bell đã thấy tất cả những lời tiên tri này ở Lhassa.

Tất cả nghị lực trẻ trung của tôi đều hướng về một mục tiêu duy nhất: Làm sao thi đậu một cách vẻ vang vào kỳ thi sắp tới. Vì ngày lễ sinh nhật mười hai tuổi của tôi đã sắp đến, nên tôi học bớt lại từ từ. Tôi đã trải qua những năm học ráo riết về các môn Chiêm Tinh, Y Khoa, Giáo Lý, Sinh Ngữ Tây Tạng và TrungHoa, và Toán Pháp.

Ngày thi đã đến. Đúng sáu giờ sáng, tôi đến phòng thi với độ mười lăm thí sinh khác. Mỗi thí sinh được đưa vào một phòng nhỏ hẹp, đặt dưới sự canh gác thường xuyên của các sư sãi "Cảnh binh" đi tuần ở ngoài hành lang. Mỗi ngày chúng tôi phải làm bài luận hoặc giải đáp các câu hỏi về một trong sáu môn học kể trên. Trong sáu ngày liên tiếp, chúng tôi bắt đầu làm bài từ sáng sớm cho đến chiều, một vị sư sãi đem cho chúng tôi trà pha bơ và tsampa

mỗi ngày ba lần. Phần thi các bài viết chấm dứt vào chiều ngày thứ sáu, kế đó chúng tôi được nghỉ vài ngày. Ba ngày sau, những bài viết đã được chấm xong, mỗi thí sinh phải ra trước hội đồng giám khảo để trả lời những câu về những điểm yếu kém của họ. Phần thi sát hạch chiếm trọn hết một ngày. Ngày hôm sau, tất cả mười sáu thí sinh tề tựu lại vũ đường để biểu diễn môn quyền thuật. Mỗi thí sinh phải đấu võ với ba thí sinh khác. Những thí sinh yếu kém nhất sẽ bị loại rất mau, rồi đến lượt những thiếu niên khác, và sau cùng chỉ còn lại một mình tôi thủ đài. Sự thành công này là nhờ sự huấn luyện võ nghệ dưới sự chỉ dẫn của võ sư Tzu, mà hồi nhỏ tôi vẫn cho là bất công và bạo tàn. Ít nhất tôi đã được chấm hạng nhất về môn quyền thuật. Qua ngày hôm sau, chúng tôi được nghỉ để lấy lại sức, và ngày kế đó mới là ngày tuyên bố kết quả. Tôi và bốn thí sinh khác được chấm đậu: Chúng tôi đã trở nên những giáo sĩ kiêm y sĩ. Minh Gia Đại Đức, mà tôi không gặp trong suốt mùa thi cử, cho gọi tôi lại. Người lộ vẻ vui mừng trên nét mặt, và nói với tôi khi tôi đến trình diện trước mặt người:

- Lâm Bá, khá khen cho con vì con đã đậu hạng nhất. Vị Sử Trưởng đã gởi một phúc trình đặc biệt cho đấng Thậm Thâm. Người muốn đề nghị với Ngài phong cho con chức Lạt Ma ngay lập tức, nhưng ta đã chống lại việc ấy.

Thấy tôi hơi có vẻ bất mãn, Sư Phụ tôi nói thêm:

- Tốt hơn con hãy cố gắng học hỏi thêm và đạt tới quả vị ấy bằng khả năng của chính mình. Nếu con lãnh tước vị Lạt Ma ngay bây giờ, con sẽ bỏ lãng sự học và sau này con sẽ thấy rằng sự học của con có một tầm quan trọng rất lớn. Tuy nhiên, ta cho phép con ở căn phòng kế bên, vì con chắc chắn sẽ thi đậu kỳ thi tuyển các vị Lạt Ma khi thời giờ sẽ đến.

Quyết định của Sư Phụ thật rất hữu lý. Dầu sao, tôi chỉ mong mỏi được vâng lời người một cách tuyệt đối. Tôi rất cảm động mà thấy rằng sự thành công của tôi cũng là sự thành công của người và Sư Phụ lấy làm vô cùng hân hạnh mà làm thầy của một đứa trẻ đậu hạng nhất trên các môn khảo thí.

Vài ngày sau đó, một thư tín viên cưỡi ngựa phi nước đại đem cho tôi một thông điệp của đức Đạt Lai Lạt Ma. Ngài gởi lời khen tặng tôi về việc tôi vừa thi đậu và ra chỉ thị rằng kể từ nay tôi được đối xử như một Lạt Ma. Tôi sẽ được mặc áo như các vị Lạt Ma mà thụ hưởng mọi quyền hạn và đặc ân dành cho chức vị ấy. Ngài cũng đồng ý với Sư Phụ tôi, để cho tôi khảo thí vào năm mười sáu tuổi, vì theo lời Ngài viết trong thơ: "Như vậy con sẽ học

hỏi thêm những đề tài mà có lẽ con sẽ bỏ dở nếu con được tấn phong ngay bây giờ, và nhờ đó con sẽ mở mang những kiến thức của con cho thêm sâu rộng."

Thế là tôi đã trở nên một vị Lạt Ma. Tôi thuộc về thành phần ưu tú, thành phần của những bậc "Thượng Nhân." Những điều này cũng có những sự bất lợi: Trước kia, tôi phải giữ ba mươi hai giới luật của Dòng Tu Sĩ, điều mà tôi vẫn coi như là một con số đáng e ngại. Khi đã trở nên một vị Lạt Ma, tôi phát hiện một cách kinh khủng rằng số giới của cấp đẳng nầy lên tới hai trăm năm mươi ba. Và ở tu viện Chakpori, một vị Lạt Ma chân chính phải giữ hết tất cả bấy nhiêu giới luật đó, không bỏ sót một giới luật nào?

Còn sự làm việc? Chúng tôi phải làm việc nhiều nhưng chúng tôi cũng không thiếu những sự vui về tinh thần và những cuộc chơi tiêu khiển. Thật là một niềm hạnh phúc rất lớn mà được sống gần những người như Minh Gia Đại Đức, mà tư tưởng duy nhất trong đời là gieo sự Bằng An và phụng sự nhân loại. Thật cũng là một phần thưởng tinh thần mà được nhìn thấy trước mắt cái phong cảnh êm đềm, với một thung lũng xanh tươi, cây cối xầm uất; với những con sông rạch màu nước xanh dương uốn khúc quanh co theo những dãy núi đồi ngoạn mục; với những ngọn tháp vàng chiếu lóng lánh dưới ánh nắng mặt trời, những tu viện cổ kính bám chặt trên các sườn núi cheo leo hiểm trở, và chiêm ngưỡng với một lòng tôn kính những mái bầu bằng vàng của điện Potala ở gần bên và những nóc nhà sặc sỡ dọc theo bờ sông Jo Kang ở xa hơn về phía đông. Tình đồng môn của các vị Lạt Ma trong tu viện, lòng ưu ái của các sư sãi, mùi hương trầm quen thuộc phưởng phất trong các đền thờ, tất cả những thứ đó là cái bối cảnh hằng ngày của cuộc đời tu sĩ, và đó cũng là một cuộc đời đáng sống. Còn những khó khăn, chướng ngại thì cũng có rất nhiều, nhưng điều đó không quan trọng lắm. Ở trong mọi tập thể cộng đồng, luôn luôn vẫn có những phần tử không thông cảm, những kẻ đố kỵ ganh ghét. Ở tu viện Chakpori, những kẻ ấy thật tình chỉ là một thiểu số.

Kể từ đó, các vị Lạt Ma và sư sãi trong tu viện đều đối sử với tôi một cách lễ độ, cung kính. "Cung Kính" là bởi vì tôi là học trò của Minh Gia Đại Đức, một nhân vật trọng yếu được toàn thể mọi người đều yêu mến, bởi vì tôi được nhìn nhận như một vị "Hóa Thân."

Đối với quý vị độc giả muốn biết bằng cách nào người Tây Tạng có thể nhận ra một vị Hóa Thân. Tôi xin trình bày vài điểm sơ lược dưới đây:

Cách cư xử khác thường của một đứa trẻ nhỏ có thể làm cho cha mẹ nó nghĩ rằng nó có khả năng cao hơn mức trung bình hay những kỷ niệm đặc biệt nào đó mà người ta không thể giải thích được một cách hợp lý. Trong trường hợp đó, cha mẹ nó đến trình với vị Sư Trưởng của tu viện ở gần nhất, vị này mới chỉ định một ủy ban có nhiệm vụ đến xem xét đứa trẻ. Trước hết, ủy ban này lấy một lá số Chiêm Tinh hay Tử Vi cho đứa trẻ, sau đó mới xem tướng mạo và tìm ấn chứng trên khắp thân hình nó. Thí dụ như đứa trẻ có những chỉ tay đặt biệt trên hai bàn tay, hoặc những ấn chứng trên chả vai hay chân. Nếu đứa trẻ có những ấn chứng đó, người ta tìm cách truy ra tiền kiếp nó. Có thể rằng các vị Lạt Ma sẽ nhìn ra được nó, như trong trường hợp của tôi, và khi đó người ta mới đặt nó trong một cuộc thử thách xem nó có nhìn ra được chăng những đồ vật dụng riêng của nó hồi kiếp trước. Cuộc thử thách này được thực hiện khi đứa trẻ mới lên ba tuổi. Người ta nghĩ rằng với tuổi đó, cón quá non dại để có thể bị ảnh hưởng bởi những gì cha mẹ nó có thể nói cho nó biết. Nếu thử vào lúc nó còn trẻ hơn nữa thì lại càng hay. Cha mẹ đứa trẻ không được dự vào cuộc thử thách, mà nó phải chọn lựa chín món đồ vật trong số ba chục món khác. Chỉ chọn sai hai món cũng bị loại, nếu đứa trẻ chọn đúng không sai món nào, thì nó được nhìn nhận như một vị Hóa Thân, được nuôi dưỡng và giáo dục một cách đặc biệt. Khi nó lên bảy tuổi, người ta nói cho nó biết những lời tiên tri về cuộc đời tương lai của nó. Người ta cho rằng với tuổi đó, nó hoàn toàn có thể hiểu được ý nghĩa rõ ràng hay ẩn giấu của những lời tiên tri đó. Với kinh nghiệm riêng của tôi, tôi có thể quả quyết đúng y như vậy.

---o0o---

## Tôi Trở Về Nhà

Nhân dịp ngày lễ Logsar, tức ngày lễ đầu năm của Tây Tạng, nhà nhà đều quét dọn, lau chùi sạch bóng và trang hoàng lịch sự. Ngày rằm tháng riêng, Đức Đạt Lai Lạt Ma xuất hành đi lễ bái ở ngôi đền Jo Kang. Khi cuộc lễ chấm dứt, ngài bắt đầu đi diễn hành một vòng lớn trên con đường Barkhor (tức con đường đi vòng quanh ngôi đền Jo Kang và dinh Quốc Hội), đi ngang qua trước chợ và đến khu thương mại. Tại đây là nơi cuộc diễn hành kết thúc, sự trang nghiêm, trịnh trọng sẽ nhường chỗ cho sự vui đùa, hưởng lạc.

Khi tan cuộc lễ bái ở các đền thờ, và mọi người đã thi hành xong bổn phận đối với các đấng Thần Minh, thì giờ phút ăn chơi, tiêu khiển đã điểm. Trên những đài từ mười đến mười lăm thước bề cao, người ta đặt những mô hình

nổi khổng lồ đúc bằng bơ có tô màu, để triển lãm những cảnh tượng huyền thoại rút trong các kinh thánh. Đức Đạt Lai Lạt Ma ngừng chân lại để chiêm ngưỡng trước mỗi mỹ phẩm trình bày và ban giải thưởng hàng năm cho những tác phẩm khéo nhất. Những giải thưởng này sẽ được chuyển giao cho các tu viện đã triển lãm những mỹ phẩm ưu tú.

Tại tu viện Chakpori, chúng tôi không thích chơi môn giải trí này, mà chúng tôi cho là ngây ngô và phiền phức, giống như những cuộc đua ngựa không người cưỡi trên vùng đồng bằng Lhassa. Cuộc diễn hành những pho tượng khổng lồ của các nhân vật Thần Thoại làm cho chúng tôi thích thú hơn. Những pho tượng này gồm một cái sườn gỗ nhẹ bọc vải ở ngoài làm cái thân mình, bên trong ruột trống rỗng, có gắn một cái đầu rất lớn làm theo một kiểu rất tự nhiên. Bên trong đầu pho tượng, ở chỗ ngang cặp mắt, có gắn những ngọc đèn bơ; ánh đèn rung rinh lập lòe làm cho cặp mắt pho tượng dường như đảo liếc và linh động. Những sư sãi cao lớn lực lưỡng, chân đi trên hai cây cà khêu bề cao ba thước, chui vào bên trong các pho tượng, và bắt đầu cuộc diễn hành như những người khổng lồ. Đôi khi họ là nạn nhân của những thứ tai nạn dị kỳ. Có khi một trong hai cây cà khêu bị sụp ổ gà trên đường lộ, trong khi đó, những kẻ bất hạnh này đành phải đánh đu giữ thăng bằng trên một chân; có khi cả hai cây cà khêu đều trượt tới vì đường trơn trợt. Nhưng khi những ngọn đèn bơ bị rung chuyển quá mạnh và lật đổ, ngọn lửa bắt cháy thiêu pho tượng, thì đó mới là một thảm kịch thực sự!

Vài năm về sau, trong một cuộc rước lễ đầu năm, tôi được đề cử mang pho tượng đức Phật, bề cao đo tới tám thước tây. Trong khi tôi đi cà khêu bên trong tượng Phật, gió thổi vạt áo dài quyện vào chân tôi, và những con mọt bay vần vũ chung quanh mình tôi vì bộ áo cà sa của tượng Phật vừa mới được lấy từ trong kho ra. Khi tôi vừa bước đi vài bước khập khễnh trên hai cây cà khêu, bụi trong áo cà sa bay ra làm cho tôi hắt hơi liên hồi không dứt, mà mỗi lần hắt hơi đều hăm dọa sự thăng bằng của tôi một cách rất nguy hiểm. Mỗi lần hắt hơi làm thân hình tôi rung chuyển, lại làm cho tình trạng bất ổn của tôi càng trầm trọng thêm vì những ngọn đèn bơ bị lung lay làm đổ tràn những giọt bơ nóng chảy xuống cái sọ dừa cạo trọc của tôi, và... vì cạo trọc nên nó càng "Nhậy cảm" hơn. Khi trời nóng bức một cách kinh khủng, tôi lại bị ngộp thở muốn đứng tim vì hít phải hàng mùi lụa cũ, mốc meo của chiếc áo cà sa bị cất giữ trong kho đã lâu ngày. Tôi bị vây khốn bởi những đám mối mọt bay vần vũ như điên chung quanh tôi, tôi bị phỏng rát da đầu vì bơ nóng của các ngọn đèn; tình cảnh của tôi lúc ấy vô cùng bi đát! Cái lỗ nhỏ khoét ở giữa thân mình pho tượng để nhìn ra ngoài lại không ngang với cặp mắt tôi. Thành thử, tôi chỉ nhìn thấy cái lưng của nhân vật đi phía trước

tôi, và xét về cách đi đứng xiêu vẹo và run rẩy của y, thì đủ biết rằng kẻ bất hạnh này cũng không thoải mái sung sướng gì hơn tôi lúc ấy! Nhưng đức Đạt Lai Lạt Ma đang nhìn chúng tôi, và chúng tôi phải tiếp tục diễn hành trong tìng trạng đó, vừa bị ngộp thở vừa bị bơ đổ nóng đến hết phân nửa cái sọ dừa của tôi! Chắc hẳn là tôi đã sút mất vài ký lô trong ngày hôm đó!

Chiều hôm ấy, một vị quan chức cao cấp khen tặng tôi:

- Lâm Bá, con đã trình diễn rất khéo. Con có thể trở nên một tài tử thiện nghệ!

Tôi phải giữ kín không thố lộ cho ông ta biết rằng những cử chỉ mà tôi đã làm cho ông ta thích thú, thật ra là hoàn toàn ngoài ý muốn của tôi, và kể từ đó, tôi không bao giờ đi diễn hành trong pho tượng nữa!

Khỏng năm sáu tháng sau cuộc "Trình Diễn" đó, một cơn giông bão thình lình nổi dậy, cuốn hết những đám mây bụi cát và đá sỏi. Lúc ấy tôi cùng với một thiếu niên sơ cơ đang ngồi trên nóc tu viện và sắp đặt lại những viên ngói để sửa chữa chỗ bị dột. Cơn giông làm tôi bị hất rơi xuống một nóc nhà khác độ sáu bảy thước thấp hơn, từ đó cơn gió thổi mạnh, cuốn tôi đi mãi, làm cho tôi lại rơi một lần nữa xuống đất gần đường Lingkhor từ một bề cao độ chừng một trăm thước. Ở phía dưới là một vùng ao đầm, ẩm thấp, tôi rơi xuống một vũng nước sâu, nước cao ngập khỏi đầu. Tai nạn này làm cho tôi sợ hãi mất bình tĩnh, khi tôi cố gắng ngoi lên khỏi vũng lầy lội, tôi cảm thấy đau nhói ở khuỷu tay và ở chả vai bên trái. Tôi bò trên hai đầu gối, rồi đứng dậy và lết đi một cách khó nhọc trên đường lộ dưới ánh mặt trời nóng gắt. Bị té đau, không đủ sáng suốt để suy nghĩ gì nữa, tôi chỉ có một ý nghĩ: “Trở về tu viện càng sớm càng hay”. Như một người mù, tôi bước tới một cách chập choạng, mỗi bước đi lại vấp ngã; dọc đường tôi gặp những sư sãi vừa chạy tới để xem kết quả tai nạn đã xảy ra cho tôi và đứa trẻ kia. Nhưng không may đứa trẻ này đã chết vì té xuống những chỗ có tảng đá gồ ghề.

Các sư sãi khiêng tôi vào phòng. Sư phụ tôi khám nghiệm những thương tích trên người tôi rồi nói:

- Ồ, tội nghiệp cho những trẻ nhỏ này! Đáng lẽ người ta không nên để chúng ra ngoài khi thời tiết như vầy!

Kế đó, người nhìn tôi vào tận mắt:

- Lâm Bá, con hỡi! Một cánh tay và một xương đòn gánh bị gẫy... Phải nắn xương lại tức khắc. Con sẽ đau đớn, nhưng thầy sẽ làm cách nào để cho con chỉ đau tối thiểu mà thôi.

Sư phụ vừa nói, và trước khi tôi ý thức được việc gì xảy ra, người đã nắn lại cái xương đòn gánh bị trặt và đặt lại cho đúng khớp. Khi Sư Phụ nắn chỗ khuỷu tay bị gẫy, tôi cảm thấy đau hơn nhưng không lâu, vì người đã mau ráp cái xương bị trặt vào đúng khớp của nó. Ngày đó, tôi nằm yên một chỗ không thể cử động.

Qua ngày hôm sau, Sư Phụ đến gặp tôi và nói:

- Con đã bớt đau và có thể tiếp tục sự học, không nên bê trễ. Chúng ta sẽ làm việc chung với nhau ngay trong phòng này. Cũng như tất cả mọi người, con cảm thấy e dè khi phải học những đề tài mới... Thầy sẽ giúp con bớt e dè bằng phương pháp thôi miên.

Sư Phụ đóng các cửa sổ, và gian phòng đắm chìm trong bóng tối.

Chỉ có những ngọn đèn nhỏ cháy leo lét trên bàn thờ. Sư Phụ bèn đặt tôi vào trạng thái giấc ngủ thôi miên.

Tôi đã ngủ thiếp đi trong nhiều giờ. Khi tôi thức tỉnh, tôi nhìn thấy xuyên qua cánh cửa sổ mở, cảnh vật ban đêm hiện ra chập chờn trong thung lũng. Những ánh lửa của các ngọn đèn bơ chiếu lập lòe ở các cửa sổ trong điện Potala và ở chung quanh các vách tường rào: Người sư sãi có phận sự túc trực ban đêm đang đi canh tuần. Tôi cũng có thể nhìn thấy ở dưới chân đồi, thành phố Lhassa đang vươn mình trong sự sinh hoạt ban đêm. Khi đó, Sư Phụ tôi bước vào và nói:

- À, con đã tỉnh! Chúng ta nghĩ rằng có lẽ con đã nhận thấy cõi Trung Giới vui đẹp đến nỗi con muốn kéo dài cuộc ngao du trên đó. Thầy nghĩ bây giờ chắc con đã đói, phải chăng?

Đến đây, tôi mới sực nghĩ ra là thật tình tôi đang đói bụng. Người ta dọn ra cho tôi một bữa ăn, và trong khi tôi ngồi ăn uống lấy sức, Sư Phụ nói với tôi:

- Trong trường hợp thông thường, thì có lẽ con đã chết vì tai nạn vừa qua, nhưng khoa chiêm tinh đã nói rằng cuộc đời con chỉ kết thúc trong nhiều năm sau ở một nơi xa lạ, tận bên xứ của những người mọi da đỏ (Mỹ Quốc).

Trong giờ phút này, các sư sãi đang cầu siêu cho linh hồn đứa trẻ thiếu nhi vừa từ giã chúng ta. Nó đã chết ngay trong lúc bị tai nạn.

Những người bước qua cõi giới bên kia cửa tử làm cho tôi mong ước số phận của họ. Kinh nghiệm của tôi đã giúp cho tôi nhận định rằng những cuộc ngao du trên cõi Trung Giới rất là thú vị. Nhưng tôi nhớ lại rằng tuy không ai thích cái trường học ở thế gian, nhưng người ta vẫn phải sống để học hỏi... Cuộc đời trên thế gian là gì, nếu không phải là một trường học? Và đó là một trường học rất gian khổ! Tôi thầm nghĩ: "Trong trường học này, tôi đã bị gẫy mất hai cái xương, nhưng tôi vẫn phải tiếp tục học nữa!"

Trong hai tuần lễ, sự học của tôi càng được thúc đẩy ráo riết hơn lúc bình thường. Người ta nói rằng đó là để cho tôi quên đi, đừng nghĩ đến cái xương gẫy của tôi. Sau hai tuần lễ đó, những chỗ trặt xương đã được hàn gắn lại như cũ, nhưng tôi cảm thấy khớp xương cứng đơ, và tôi vẫn còn thấy đau. Một buổi sáng, vừa bước vào phòng, tôi thấy Minh Gia Đại Đức đang đọc một bức thơ. Sư Phụ ngước mắt nhìn tôi và nói:

- Lâm Bá, chúng ta có một gói dược thảo để gởi tặng cho thân mẫu của con. Con sẽ cầm về cho thân mẫu vào sáng ngày mai, và con có thể ở lại nhà trọn ngày.

Tôi đáp:

- Con chắc rằng cha con không muốn gặp con, vì ông ấy không nhìn con một hôm nọ, khi người đi ngang qua trước mặt con trên cầu thang của điện Potala.

- Đó là một việc rất thông thường. Cha con biết con vừa có cái hân hạnh được đức Đạt Lai Lạt Ma tiếp kiến, bởi lẽ đó, người không thể nói chuyện với con trong khi vắng mặt Thầy, vì chính đấng Khôn Lường đã đích thân phú thác gửi gấm con cho Thầy rồi.

Sư Phụ nhìn tôi với cặp mắt tinh anh và vừa cười vừa nói:

- Dù sao, cha con sẽ không có ở nhà vào ngày mai. Người đã đi Gyangtsé trong vài ngày.

Qua ngày hôm sau, Sư Phụ chăm chú nhìn tôi từ đầu đến chân và nói:

- Con có vẻ hơi xanh xao, nhưng con ăn mặc sạch sẽ, chỉnh tề, và điều đó rất quan trọng đối với một người mẹ. Đây là một khăn choàng cổ, con đừng quên rằng con là một vị Lạt Ma, là người phải tôn trọng mọi quy tắc. Trước kia, con đi bộ đến đây. Bây giờ, con hãy cưỡi một trong những con ngựa bạch quý nhất của tu viện để trở về nhà. Con hãy cưỡi con ngựa của thầy, nó đang cần phải vận động.

Sư Phụ đưa cho tôi cái bao da đựng dược thảo, bọc trong một cái khăn choàng bằng lụa theo truyền thống để tỏ lòng cung kính. Tôi nhìn kỹ cái khăn choàng một cách hoài nghi, vì không nên để cho nó bị lấm lem trước khi đưa quà biếu. Sau cùng, tôi quyết định cất nó trong túi áo tràng, và chỉ rút nó ra trước khi tới nhà cha mẹ tôi.

Tôi giục ngựa xuống chân đồi và noi theo con đường Lingkhor như thường lệ. Sau khi đi độ nửa giờ, trải qua nhiều con đường ở ngoại ô thành phố, tôi nhìn thấy ở đằng xa cái cổng lớn của nhà tôi.

Khi các gia nô nhận ra tôi, họ bèn hối hả mở cổng. Tôi cho ngựa đi qua cổng để vào tận sân nhà với một hy vọng thầm kín rằng tôi sẽ không bị té rớt xuống yên ngựa. Rất may mắn thay, một người giữ ngựa chạy đến nắm lấy dây cương trong khi tôi nhảy xuống đất.

Người quản gia chạy ra tiếp đón tôi: Chúng tôi bèn trao đổi khăn choàng một cách lễ nghi trịnh trọng. Y nói: "Thưa ngài Lạt Ma y sĩ và đại gia công tử, xin công tử hãy ban ân huệ cho gia đình và toàn thể nhân viên cư ngụ trong nhà này."

Tôi đáp:

- Cầu xin Phật Tổ Như Lai ban ân huệ và ban cho ông sức khỏe trường cửu.

- Thưa đại gia công tử, lệnh bà có truyền lịnh cho tôi đưa công tử vào.

Trong khi chúng tôi bước vào, người quản gia đi trước dẫn đường (làm như tôi không biết đường đi một mình), tôi rút cái khăn choàng ra và phủ ngoài cái bao da một cách cẩn thận. Chúng tôi bước lên lầu trên để vào phòng khách của mẹ tôi. Tôi thầm nghĩ: "Người ta không bao giờ để cho tôi đến đây khi tôi còn nhỏ." Nhưng ý nghĩ đó liền nhường chỗ cho ý muốn mãnh liệt là chạy vắt giò lên cổ để thoát thân ngay lập tức khi tôi thấy rằng phòng khách của mẹ tôi đầy những khách... đàn bà!

Trong khi tôi còn đang lúng túng, tiến thoái lưỡng nan, thì mẹ tôi đã bước đến gần và tiếp đón tôi trước:

- Đại Đức Lạt Ma, hỡi con, đấng Khôn Lường đã ban danh dự cho con rất nhiều. Các bà bạn của mẹ hôm nay đến đây để được nghe chính miệng con kể lại cái vinh dự ấy.

Tôi đáp:

- Thưa mẫu thân, những quy luật trong dòng tu ngăn cấm con không được tiết lộ những gì ngài đã nói với con. Minh Gia Đại Đức có truyền đem dâng mẹ bao dược thảo này cùng với một khăn choàng bằng lụa.

- Hỡi con yêu quý, các bà mệnh phụ này đến từ những vùng xa xôi để được nghe chuyện trong cung điện của đấng Thậm Thâm và nghe nói chuyện về ngài. Phải chăng ngài vẫn thường xem những tạp chí Ấn Độ? Và phải chăng ngài thường sử dụng một thứ kiếng có thể xuyên qua vách tường nhà?

Tôi đáp:

- Thưa mẫu thân, con chỉ là một Lạt Ma sĩ nghèo, vừa mới xuống núi, và thật là không xứng đáng để nói chuyện về đức Chưởng Giáo của dòng tu chúng con. Con chỉ là một kẻ chuyển giao thư tín mà thôi.

Lúc ấy, một thiếu phụ bước đến gần tôi và nói:

- Đại Đức Lạt Ma không nhận ra tôi sao? Tôi là Yaso đây!

Quả thật tôi không nhận ra chị tôi, vì chị tôi đã trở nên một thiếu nữ dậy thì, nở nang trọn vẹn và... hấp dẫn. Tôi cảm thấy e dè sợ hãi. Tất cả là tám hay chín vị phụ nữ có mặt tại đó. Thật là quá nhiều đối với tôi. Những người nam phái thì tôi đã biết cách xử thế đối với họ còn nữ giới thì tôi chịu thua! Họ cứ nhìn tôi với những cặp mắt tò mò, dường như muốn ăn tươi nuốt sống tôi. Tôi chỉ còn có một giải pháp là thoát thân. Tôi nói:

- Thưa mẫu thân, con đã chuyển giao thông điệp và quà tặng của Sư Phụ con xong rồi, bây giờ con phải trở về với bổn phận hằng ngày. Tay con vẫn còn đau và con có nhiều việc phải làm.

Nói xong, tôi chào từ giã tất cả các quan khách rồi quay lưng đi mau với một tốc lực tối đa mà sự lễ nghi cho phép. Vì quản gia đã trở lại văn phòng của người, vì vậy một người giữ ngựa dắt ngựa đến cho tôi. Tôi nói:

- Anh hãy cẩn thận khi đỡ tôi lên yên, vì tôi mới bị gãy xương ở tay và vai, và tôi không thể lên yên ngựa một mình.

Người giữ cửa mở cổng đưa tôi đi ra, đúng vào lúc mẹ tôi xuất hiện trên bao lơn và nhìn theo sau lưng tôi.

Khi tôi trở về tu viện, tôi đến gặp Minh Gia Đại Đức, Sư Phụ nhìn tôi vào tận mắt và hỏi:

- Lâm Bá, con có vẻ ngơ ngác như kẻ mất hồn. Tại sao?

Tôi đáp:

- Bạch Sư Phụ, ở nhà, con gặp một toán phụ nữ muốn nghe chuyện đấng Thậm Thâm và muốn biết những gì ngài đã nói với con. Con đáp rằng trong dòng tu của chúng ta nghiêm cấm con tiết lộ cho họ nghe bất cứ chuyện gì. Và con đã chạy thoát thân... Sư Phụ hãy tưởng tượng xem, tất cả các bà mệnh phụ ấy đều trố mắt nhìn con như cọp rình mồi!

Sư Phụ tôi phát tiếng cười vang; tôi càng ngạc nhiên về sự vui vẻ của Sư Phụ thì người lại càng cười giòn giã hơn nữa. Người nói:

- Đấng Khôn Lường muốn biết con có muốn ở lại tu viện suốt đời hay con còn nghĩ đến việc trở về với gia đình.

Đời sống tu viện đã làm đảo lộn mọi quan niệm của chúng tôi về đời sống xã hội; hồi đó tôi cho rằng phụ nữ là những nhân vật lạ lùng mà cho đến bây giờ tôi vẫn thấy như vậy. Tôi đáp:

- Gia đình con là ở đây. Con không muốn trở về nhà. Tất cả những bà mệnh phụ ấy với những bộ mặt sơn phết và tóc bôi mỡ trơn bóng làm cho con phát ngấy... Họ nhìn con với một vẻ mặt lạ lùng, chẳng khác nào những người đồ tể ở làng Sho trước một con trừu trúng giải nhất trong một cuộc triển lãm nông nghiệp! Họ thốt ra những tiếng kêu chát chúa và những màu sắc trên thể vía của họ thật là... dễ sợ! Bạch Sư Phụ, xin Sư Phụ đừng bảo con trở về nhà nữa!

Nhưng một tuần lễ sau đó, người ta lại nói cho tôi biết rằng đức Đạt Lai Lạt Ma rất chú ý đến tôi, và đã quyết định cho tôi trở về nhà ở một hai ngày mỗi khi mẹ tôi tổ chức những cuộc tiếp tân trong gia đình.

---o0o---

## Tôi Sử Dụng Thần Nhãn

Một buổi sáng, tôi đang lúc rảnh rang, Minh Gia Đại Đức đến tìm tôi và nói:

- Chúng ta hãy đi chơi một vòng. Thầy có một việc để cho con làm.

Tôi rất vui mừng với ý nghĩ được đi dạo chơi với Sư Phụ. Chúng tôi xuống dưới chân đồi, và sau khi đi vòng quanh nhiều đường phố ở thủ đô Lhassa, chúng tôi đi ngang qua trụ sở của Phái Bộ Ngoại Giao Trung Hoa. Sư Phụ tôi vừa đi vừa nói:

- Một phái đoàn Trung Hoa vừa mới đến, chúng ta hãy nhìn qua mỗi nhân viên phái đoàn để xem họ là người như thế nào.

Ấn tượng của tôi đầu tiên rõ ràng là không thuận lợi. Ở bên trong trụ sở của phái bộ, các nhân viên Trung Hoa đi bách bộ qua lại trong các phòng, vẻ mặt tự đắc, hoặc đang lui cui mở các rương trắp, và các thùng đồ đạc. Tôi nhận thấy họ có một số khí giới khá nhiều, đủ để võ trang một đạo binh nhỏ. Vóc người nhỏ thó của tôi cho phép tôi mở một cuộc "dò thám" dễ dàng hơn một người lớn. Thật vậy, tôi đã lén bò lại gần một cửa sổ mở, xuyên qua đó tôi có thể rình xem họ cho đến khi một người trong bọn họ ngẩng đầu lên. Khi người ấy nhìn thấy tôi, y nổi giận thốt lên một câu nguyền rủa bằng tiếng Trung Hoa, có tính cách xúc phạm đến tổ tiên của tôi. Y còn nhìn quanh tìm một vật gì để ném tôi, nhưng tôi đã rút lui trước khi y có thể hạ thủ.

Trên đường về, tôi nói với Minh Gia Đại Đức:

- Sư Phụ biết không, họ có những vầng hào quang màu đỏ! Và họ có một lối vung dao găm rất dễ sợ!

Sư Phụ tôi có vẻ trầm tư trên suốt con đường về. Sau buổi ăn chiều, người nói với tôi:

- Thầy đã suy nghĩ nhiều về phái đoàn Trung Hoa, và thầy sẽ đề nghị với đấng Khôn Lường (một trong những danh từ sùng kính để chỉ đức Đạt Lai Lạt Ma) hãy sử dụng năng khiếu Thần Nhãn của con. Trong trường hợp đó, con có thể quan sát họ xuyên qua một bức bình phong được chăng?

Tôi đáp:

- Nếu Sư Phụ nghĩ rằng con có thể, thì chắc chắn con sẽ làm được.

Tôi không gặp Sư Phụ tôi suốt cả ngày hôm sau; qua ngày kế đó, người để tôi làm việc suốt buổi sáng và sau buổi ăn trưa, người nói với tôi:

- Lâm Bá, trưa nay chúng ta sẽ đi chơi một vòng. Đây là một cái khăn choàng tốt hảo hạng. Không phải cần có thần thông mới biết rằng chúng ta sẽ đi đâu. Con có mười phút để chuẩn bị, rồi sau đó hãy đến gặp thầy. Thầy cần phải nói trước với vị Sử Trưởng.

Một lần nữa, chúng tôi lại noi theo con đường cheo leo đi xuống chân núi. Một con đường tắt xuyên qua sườn núi phía tây nam đưa chúng tôi đến vườn Ngọc Uyển gần bên điện Potala rất mau chóng. Đức Đạt Lai Lạt Ma rất thích khu vườn này, tại đây Ngài thường đến thượng ngoạn trong những giờ nhàn rỗi. Trong vườn Ngọc Uyển có một cái hồ sen nhân tạo rất đẹp, với hai cù lao, trên mỗi cù lao có dựng lên một nơi nhà mát để nghỉ hè. Đức Đạt Lai Lạt Ma thường đến những cù lao trên hồ sen này, tại đây Ngài tham thiền nhiều giờ mỗi ngày. Bên trong vườn Ngọc Uyển, có dinh trại của toán Ngự Lâm Quân gồm độ năm trăm người có phận sự bảo vệ an ninh cho Ngài. Đó là nơi tôi cùng với Sư Phụ tôi đến viếng lần đầu tiên trong ngày hôm đó.

Sau khi đã đi qua những khu vườn sầm uất, chúng tôi bước qua một cánh cửa rất đẹp đưa vào một khoảnh vườn bên trong. Những thứ chim đủ loại lông cánh đủ màu sặc sỡ đang ăn dưới đất. Chúng không màng nhìn thầy trò tôi, nên chúng tôi cũng không muốn làm quấy rầy chúng. Mặt hồ phẳng lặng chiếu sáng như một tấm gương trong. Con đường lót đá đã được quét vôi trắng và chúng tôi noi theo để đi tới cái cù lao xa nhất, tại đây đấng Khôn Lường đang đắm chìm trong một cơn thiền định thâm sâu. Khi chúng tôi bước đến gần, Ngài ngước mắt lên và mỉm cười với chúng tôi. Chúng tôi liền quì xuống, đặt cái khăn choàng dưới chân Ngài và Ngài mời chúng tôi ngồi xuống trước mặt. Kế đó Ngài gõ chuông để ra hiệu cho một vị Lạt Ma hầu cận dâng trà, một thủ tục thông thường trước khi bắt đầu mọi câu chuyện. Trong khi chờ đợi, Ngài nói chuyện với tôi về những loài thú cầm của Ngài nuôi trong vườn Ngọc Uyển và hứa sẽ cho tôi xem sau này.

Vị quan hầu cận dâng trà xong, vừa lui ra thì đức Đạt Lai Lạt Ma nhìn tôi và nói:

- Đạo hữu Minh Gia có nói cho biết rằng con không ưa những hào quang của phái đoàn Trung Hoa. Người nói rằng tất cả bọn họ đều có mang đầy đủ khí giới. Trong các cuộc thử thách bí mật hay công khai trước đây, năng khiếu Thần Nhãn của con đã tỏ ra chính xác và không hề lầm lẫn. Vậy con nghĩ sao về những người ấy?

Câu hỏi của Ngài làm cho tôi bối rối. Tôi không thích nói cho ai nghe trừ phi với Sư Phụ tôi những gì tôi nhìn thấy trong hào quang của thiên hạ, và những màu sắc ấy có ý nghĩa gì đối với tôi. Thật vậy, tôi nghĩ rằng nếu một người không thể nhìn thấy và tự diễn đạt lấy ý nghĩa các hào quang ấy cho riêng mình thì điều đó có nghĩa là người ấy không có cái định mệnh được biết những gì tôi biết. Nhưng làm sao tôi dám nói điều ấy với vị Nguyên Thủ quốc gia? Nhất là một vị Nguyên Thủ không có năng khiếu Thần Nhãn? Tôi bèn đáp:

- Vạn bạch Thái Tuế, con rất vụng về trong việc nhìn xem hào quang của người khác, và bởi đó con không đủ tư các cách xứng đáng để bày tỏ một ý kiến nào hết.

Tôi không tiến thêm được bao nhiêu, vì đấng Thậm Thâm lại nói tiếp:

- Con thuộc về thành phần những người bẩm sinh ra đã có những khả năng thiên phú. Những khả năng đó đã được phát triển nhờ sự luyện tập theo các pháp môn bí truyền. Con có bổn phận phải nói. Con đã được nuôi nấng dạy dỗ chỉ vì mục đích đó mà thôi. Ta nghe đây.

- Vạn bạch Thái Tuế, những nhân viên trong phái đoàn Trung Hoa đều có những ý đồ rất sảo trá quỷ quyệt. Những màu sắc trong hào quang của họ biểu lộ một ý định lường gạt và phản bội.

Tôi không nói nhiều nữa, nhưng đức Đạt Lai Lạt Ma có vẻ hài lòng. Ngài nói:

- Tốt lắm, con đã lập lại đúng y như những lời con đã nói với đạo hữu Minh Gia. Ngày mai, con sẽ đứng núp phía sau tấm bình phong này và con sẽ quan sát phái đoàn Trung Hoa khi họ đến đây. Chúng ta cần biết rõ ý đồ của họ. Con hãy đi núp ngay bây giờ thử xem có ai nhìn thấy không?

Tôi bèn tuân lịnh đứng núp sau bình phong, các sư sãi nô bộc cũng rời những con sư tử đá chận thêm ở phía ngoài để cho tôi được hoàn kín đáo. Người ta thử tập dượt qua một lần cuộc viếng thăm này, những vị Lạt Ma đóng vai trò của phái đoàn Trung Hoa. Họ cố gắng tìm ra chỗ tôi ẩn núp. Tôi nhìn thấy tư tưởng của một người trong bọn:

- Nếu mình tìm thấy nó, mình sẽ được thăng thưởng.

Nhưng rốt cuộc y cũng chẳng được gì. Sau cùng, đấng Thậm Thâm tỏ ý hài lòng và gọi tôi ra. Sau vài phút nói chuyện, Ngài dặn chúng tôi hãy trở lại vào ngày hôm sau vì phái đoàn Trung Hoa sẽ tìm cách bắt buộc Ngài ký một hiệp ước. Với ý nghĩ đó, chúng tôi từ biệt Ngài và trở về tu viện Chakpori.

Ngày hôm sau vào khoảng mười một giờ, chúng tôi đã có mặt tại vườn Ngọc Uyển. Đức Đạt Lai Lạt Ma tiếp đón tôi với một nụ cười và nói rằng tôi phải ăn uống trước đã (điều này lúc nào tôi cũng sẵn sàng!) trước khi vào núp phía sau tấm bình phong. Theo lịnh Ngài, người ta dọn ra cho tôi một bữa ăn thịnh soạn, với những đồ thực phẩm nhập cảng từ bên Ấn Độ, mà tôi chưa được biết tên gọi là gì. Điều mà tôi biết, là lần đầu tiên tôi được ăn một bữa ăn lạ miệng và hoàn toàn khác hẳn với các món ăn cũ rích là trà bơ, tsampa và củ cải; sau khi đã ăn uống hả lòng, tôi cảm thấy hăng hái hơn để có thể đương đầu với cái viễn cảnh phải ngồi yên bất dộng trong một thời gian. Sự ngồi yên bất động hoàn toàn, điều kiện tất yếu của môn thiền định, không có gì là khó khăn đối với các vị Lạt Ma. Từ thuở ấu thơ, nói đúng ra là từ năm tôi lên bảy, người ta đã tập cho tôi nhồi yên không cử động trong nhiều giờ. Để thực tập, người ta đặt một cái đèn thắp bằng bơ lên đầu tôi và tôi phải ngồi trong tư thế liên hoa cho đến khi chất bơ trong đèn đã cạn, tức là suốt mười hai giờ. Như vậy, ngồi yên không cử động suốt ba hay bốn tiếng đồng hồ không phải là một điều khó.

Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng ngồi trong tư thế liên hoa đối diện với tôi, trên một chiếc ngai độ hai thước cao hơn mặt đất. Ngài ngồi yên không cử động; tôi cũng vậy. Thình lình, những tiếng kêu và nhiều tiếng chào bằng tiếng Trung Hoa từ đằng xa vọng đến tai chúng tôi, sau đó tôi nghe nói rằng y phục của phái đoàn Trung Hoa có nhiều chỗ độn lên rất khả nghi, và người ta đã phải lục soát trong mình họ để tước khí giới. Sau đó, dưới sự hướng dẫn của quân ngự lâm, họ được đưa vào nội cung và chừng tôi nhìn thấy họ noi theo con đường lót đá đi đến trước tư dinh. Một vị Lạt Ma cao cấp cất tiếng ngân nga: Om! Mani padme Hum, nhưng phái đoàn Trung Hoa, thay vì

phải lập lại câu châm ngôn ấy như nghi lễ bắt buộc, đã đáp lễ bằng tiếng Trung Hoa:

- A Di Đà Phật!

Từ chỗ tôi ẩn núp, tôi nhìn thấy hào quang của họ chiếu sáng. Tôi quan sát những màu sắc xám lợt thỉnh thoảng lại phóng ra những tia màu đỏ bầm, biểu lộ những giòng tư tưởng oán ghét, hận thù. Hào quang của họ có những lằn và những vệt ngang màu rất xấu xa, chớ không có những màu sắc trong sáng và tinh khiết của những tư tưởng thanh cao. Những hào quang màu sắc đục ngầu và xấu xí của họ biểu lộ những tâm hồn đầy dục vọng vật chất và tội lỗi. Đó chính là những người được diễn tả rất đúng bởi câu sáo ngữ "Khẩu Phật, tâm xà." Tôi nhìn đức Đạt Lai Lạt Ma, hào quang của Ngài biểu lộ sự buồn rầu, vì Ngài đang nhớ lại cái thời kỳ xa xưa khi Ngài lưu vong sang sứ Trung Hoa. Tác phong của Ngài làm cho tôi rất cảm mến; xứ Tây Tạng chưa hề có một vị Quốc vương xứng đáng hơn Ngài. Ngài có một tính chất cương nghị, thậm chí có khi rất nóng nảy, vì có những tia đỏ xẹt ngang qua hào quang của Ngài, nhưng lịch sự sẽ nhắc nhở rằng Ngài là vị Đạt Lai Lạt Ma cao cả nhất mà Ngài đã từng quên mình trọn vẹn trong công việc phụng sự xứ sở. Tôi có một lòng kính yêu thật sự đối Ngài và trong lòng tôi Ngài chiếm được một ưu thế sau Minh Gia Đại Đức, Sư Phụ tôi.

Cuộc hội kiến kéo dài mà không mang lại một kết quả hữu ích, vì những người ấy đến đây không phải với tư cách là bạn mà là thù. Họ có những ý nghĩ đã định sẵn, cùng những phương pháp để thực hiện những ý đồ của họ. Họ muốn chiếm thêm đất đai lãnh thổ, điều khiển nền chánh trị của Tây Tạng, và trên hết là... vàng! Vàng đã từng là mục tiêu tham vọng của họ tự muôn đời, vàng có đến hằng bao nhiêu trăm tấn ở Tây Tạng, ở xứ này nó được coi như một loại kim khí linh thiêng. Theo sự tín ngưỡng của dân bản xứ, đào mỏ tìm vàng tức là làm mất đi cái khí thiêng của xứ sở, xúc phạm đến Thần Linh, nên không ai có ý định làm việc ấy. Ở Tây Tạng có những sông rạch ở đó người ta có thể đãi cát lấy vàng do giòng nước cuốn trôi xuống từ trên núi. Trong vùng Chang Tang, tôi đã thấy vàng đọng lại như cát ở các bờ suối. Thứ vàng này đem nấu tan ra, sẽ dùng làm đồ trang trí các đền thờ, vì loại kim khí linh thiêng này tự nhiên là để dùng vào những mục đích linh thiêng. Những ngọn đèn thắp bằng bơ cũng làm toàn bằng vàng. Nhưng có điều là chất vàng quá mềm nên sau một thời gian các đồ dùng đều méo và mất hình thể.

Diện tích xứ Tây Tạng lớn gấp bảy lần nước Pháp. Nhiều vùng rộng lớn vẫn chưa được thám hiểm, tôi được biết rằng ở đó người ta tìm ra rất nhiều vàng, bạc và uranium. Người Tây Tạng không bao giờ để cho người Tây Phương tìm đến các mỏ khoáng chất trong xứ họ, mặc dầu có những vận động ráo riết của những người này, vì họ có một câu châm ngôn cổ nói rằng: "Ở đâu có người Tây Phương, là ở đó có chiến tranh." Trong quyển sách này, khi tôi nói đến những cái kèn vàng, đĩa vàng, và "thi hài bọc vàng," xin đọc giả đừng nên quên rằng ở Tây Tạng, vàng không phải là một loại kim khí hiếm có mà là loại kim khí linh thiêng. Xứ Tây Tạng có thể là một kho tài nguyên phong phú vô tận mở rộng cửa cho toàn thể thế giới nếu nhân loại chịu hợp nhất và làm việc trong nền hòa bình, thay vì tự tiêu diệt lấy nhau trong cái ảo vọng tranh giành thế lực.

Một buổi sáng, tôi đang ngồi chép một bản kinh bút tự để đưa cho thợ khắc chữ, thì Minh Gia Đại Đức đến tìm tôi và nói:

- Lâm Bá, con hãy gác lại việc ấy. Đấng Khôn Lường có cho gọi chúng ta đến vườn Ngọc Uyển để quan sát cái hào quang của một người ngoại quốc đến từ thế giới Phương Tây. Con hãy đi mau, vì Ngài muốn nói chuyện riêng với chúng ta trước khi tiếp khách. Không cần đem theo khăn choàng và không cần nghi lễ chi cả. Con chỉ cần sửa soạn đi gấp, thế thôi!

Tôi nhìn Sư Phụ một giây và đáp:

- Bạch Sư Phụ, để con vào thay áo, rồi con sẽ sẵn sàng.

Tôi không mất nhiều thời giờ để sửa soạn y phục chỉnh tề. Chúng tôi bước ra khỏi tu viện và trong giây lát chúng tôi đã có mặt tại vườn Ngọc Uyển. Nhưng quân canh gác vừa xua tay định bảo chúng tôi đi chỗ khác chơi, nhưng khi họ nhìn ra Minh Gia Đại Đức, họ liền thay đổi thái độ ngay tức khắc và mau mắn dẫn đường đưa chúng tôi vào nội cung, tại đây đức Đạt Lai Lạt Ma đã ngồi sẵn chờ đợi chúng tôi. Không có khăn choàng để làm lễ ra mắt, tôi cảm thấy tôi có vẻ vụng về lúng túng vì tôi không biết dùng hai bàn tay tôi làm gì? Đấng Thậm Thâm vừa mỉm cười nhìn chúng tôi và nói:

- Minh Gia hãy an tọa, và con nữa, Lâm Bá. Quý vị đã không mất nhiều thời giờ.

Chúng tôi ngồi xuống và đợi Ngài mở lời trước. Ngài ngồi tĩnh tọa và định tâm trong một lúc, dường như để sắp đặt những tư tưởng của Ngài cho có trật tự. Kế đó, Ngài nói:

- Trước đây đã lâu, quân mọi lông đỏ (người Anh) đã xâm chiếm xứ sở chúng ta. Khi đó ta đi qua Mông Cổ, giai đoạn đầu của một chuyến viễn du dài hạn. Năm Canh Tuất (1910), quân Trung Hoa lại xâm lăng xứ chúng ta, cuộc xâm lăng này là hậu quả trực tiếp của cuộc tấn công của quân Anh. Lần này ta lại lên đường qua Ấn Độ và chính trong dịp đó ta đã gặp vị sứ thần Anh Quốc mà ta sẽ tiếp kiến ngày hôm nay. Ta nói những điều đó là để cho con, Lâm Bá, vì Minh Gia đã tháp tùng theo ta trong những dịp xuất ngoại đó. Người Anh đã hứa hẹn với ta nhiều điều mà rốt cuộc họ không giữ lời hứa. Hôm nay, ta muốn biết xem người sứ giả này có thành thật hay không. Lâm Bá, con sẽ không hiểu những lời nói của ông ta; như vậy, những lời ấy sẽ không ảnh hưởng gì đến con. Con hãy đứng núp sau tấm bình phong này, con có thể quan sát mọi sự mà không ai biết. Con hãy nhìn xem hào quang của ông ta và đưa ra nhận xét của con như Sư Phụ con đã dạy. Bây giờ, Minh Gia đạo hữu hãy chỉ chỗ trú ẩn cho Lâm Bá, vì y đã quen thuộc với sự chỉ dẫn của đạo hữu hơn là của ta, và ta tin chắc rằng y coi đạo hữu còn cao hơn vị Đạt Lai Lạt Ma nữa kìa!

Núp phía sau bình phong, tôi không ngớt nhìn chung quanh, quan sát các loài chim và các nhánh cây đẩy đưa theo chiều gió. Thỉnh thoảng tôi lén nhai vài miếng tsampa mà tôi đã đem theo. Thình lình có tiếng động mạnh của cánh cửa vườn trong: Những vị Lạt Ma mặc áo vàng trong nhóm các quan hầu cận của đức Đạt Lai Lạt Ma bước vào cùng với một người da trắng ăn mặc một cách thật lố bịch dị kỳ. Tôi phải khó khăn lắm mới giữ được sự yên tĩnh, không thôi tôi sẽ bật cười đến chết mất thôi. Người ấy tác cao lớn và hơi gầy. Ông ta có mái tóc trắng, cặp lông mày thưa, đôi mắt rất sâu, và một đôi môi khép chặt, có vẻ đanh thép.

Nhưng còn bộ y phục của người này! Nó được cắt trong một loại hàng màu xanh đậm, phía trước có một hàng nút bằng đồng bóng loáng. Bộ y phục này chắc hẳn là công trình của một thợ may rất dở, vì cái cổ áo quá lớn đến nỗi người ta phải lật nó ra ngoài, ngoài ra lại còn vài miếng vải vuông vá lên hai bên hông. Tôi tự hỏi có phải chăng người Tây Phương cũng ăn mặc vá từng miếng như áo cà sa của các sư sãi bên phương Đông theo gương đức Phật ngày xưa? Xin nói thêm rằng hồi đó, tôi chưa biết gì về cái cổ áo lật (rờ ve) và cái túi áo tây!

Ở Tây Tạng, những người nho nhã không phải là dân lao động đều mặc áo rộng, tay rất dài che lấp cả hai bàn tay. Trái lại, tay áo của người sứ giả này rất ngắn và chỉ dài đến cườm tay thôi. Tôi thầm nghĩ:

- Tuy vậy, chắc người này không phải là một bác thợ cầy vì hai bàn tay của ông ta có vẻ rất mềm mại. Có lẽ là ông ta không biết cách ăn mặc, thế thôi...

Cái áo của ông ta chỉ dài đến nửa thân mình. Tôi thầm nghĩ chắc là ông ta nghèo lắm. Quần của ông ta mặc quá chật và rõ ràng là quá dài, vì gấu quần lại vén ngược lên. Tôi tự nghĩ:

- "Trong bộ y phục này, chắc hẳn là ông ta cảm thấy lúng túng trước mặt đấng Thậm Thâm." Tôi lại tự hỏi rằng không biết có người nào cũng vừa tầm thước với ông, có thể cho ông ta mượn đỡ một bộ y phục thích đáng.

Khi đó, tôi nhìn hai bàn chân ông ấy. Thật là một điều rất lạ lùng: Hai bàn chân ông ta bị nhốt trong một vật rất dị kỳ màu đen và bóng loáng dường như là được bao phủ bằng một lớp nước đá! Những vật này thật là khác hẳn với những đôi ủng bằng nỉ của người Tây Tạng chúng tôi thường dùng. Tôi chưa hề thấy bao giờ những vật dị kỳ như thế!

Sau khi, tôi ghi nhận những màu sắc trên hào quang của ông ta, cùng với sự kết luận của tôi. Vị sứ giả đôi khi nói chuyện bằng tiếng Tây Tạng, với một giọng khá đúng đối với một người ngoại quốc, rồi lại thốt ra một tràng âm thanh lạ lùng mà tôi chưa hề nghe bao giờ. Về sau, người ta mới nói cho tôi biết rằng đó là tiếng Anh.

Khi ông ta thò tay vào cái túi vá ở bên hông và lấy ra một mảnh vải trắng nhỏ, tôi lấy làm ngạc nhiên. Dưới đôi mắt kinh ngạc của tôi, ông ta đưa mảnh vải trắng ấy lên trước mũi và miệng phát ra một tiếng động giống như tiếng kèn. Tôi thầm nghĩ:

- "Chắc hẳn đó là một cách chào đấng Khôn Lường!" (Người Tây Tạng không có thói quen dùng khăn tay.) Ông ta "chào" xong, liền cẩn thận đút mảnh vải trắng vào chỗ cũ. Kế đó, ông ta đưa tay vào bâu trong áo rồi lấy ra nhiều tờ giấy thuộc một loại mà tôi chưa hề thấy bao giờ. Thứ giấy bên Tây Tạng hơi dầy, nhám và màu vàng, còn loại giấy này trắng mỏng và láng. Tôi tự hỏi:

- "Làm sao người ta có thể viết trên một tờ giấy như vậy? Không có gì trên đó để giữ lại cây viết chì, vì giấy trơn quá!"

Khi đó, người khách lấy ra một cây viết và viết lên trên giấy những hàng chữ nguệch ngoạc không thể tưởng tượng. Tôi cho rằng ông ta không biết viết, có lẽ ông ta chỉ làm bộ cho có dáng vậy thôi!

Ông ta chắc chắn là có tật nên bắt buộc phải ngồi trên một tấm gỗ đặt trên bốn chân, và để hai chân thòng xuống đất. Xương sống ông ta chắc bị tật nên ông ta phải dựa lưng vào hai mảnh gỗ đóng chặt vào phía sau chỗ ngồi. Tôi cảm thấy động lòng thương hại ông ta: Không những quần áo ông ta chật hẹp và ngắn cũn cỡn trông thật buồn cười, ông ta không biết viết và thỉnh thoảng lại làm ra vẻ lịch sự bằng cách thổi một tiếng vào một thứ kèn bằng vải, mà ông ta lại còn không thể ngồi vững vàng như mọi người, mà phải dựa lưng cho đỡ mỏi và để hai chân thòng xuống lủng lẳng trong khoảng không! Ông cử động luôn luôn, ngồi chéo chân rồi lại bỏ chân xuống. Thình lình, tôi lấy làm vô cùng kinh ngạc mà thấy ông ta đưa chân trái lên, bàn chân chỉa thẳng về phía đức Đạt Lai Lạt Ma, một cử chỉ vô cùng hỗn láo và vô lễ đối với người Tây Tạng. Nhưng có lẽ ông ta chợt nghĩ ra điều đó, vì ông ta lại đổi qua tư thế khác. Đấng Thậm Thâm dành cho ông ta một sự tiếp đãi trọng hậu bằng cách cũng ngồi trên một cái ghế gỗ, và cũng để hai chân thòng xuống như ông ta. Vị sứ giả này có một cái tên rất lạ Charles A. Bell, có nghĩa là "Cái chuông."

Những màu sắc trên hào quang của ông ta biểu lộ một tìng trạng sức khỏe suy kém: Có lẽ khí hậu của sứ này không hạp với thể chất của ông ta. Ông ta dường như thật tình muốn giúp đỡ, phụng sự, nhưng theo những màu sắc hào quang cho thấy thì ông ta hiển nhiên là không muốn làm một việc mạo hiểm có thể liên lụy đến thanh danh mình, nếu ông ta làm mất lòng chính phủ Anh. Ông ta muốn áp dụng một chánh sách nào đó, nhưng vì chính phủ Anh không chịu nghe theo, nên ông ta chỉ còn cách là hy vọng rằng tương lai sẽ chứng minh cho sự thiện chí của mình.

Chúng tôi đã có những tài liệu chính xác về vị sứ thần Charles Bell. Chúng tôi đã thu nhập được những dữ kiện cần thiết, ngày sinh tháng đẻ, cùng những điểm quan trọng trong đời ông ta, nói tóm lại là tất cả những gì có thể giúp cho chúng tôi tiên đoán được tương lai của ông ta. Các nhà Chiêm Tinh đã phát hiện rằng trong một tiền kiếp, ông ta đã sống ở Tây Tạng và trong kiếp đó ông ta đã mong ước được đầu thai qua bên Tây Phương với hy vọng là sẽ góp phần vào công việc tạo nên nhịp cầu thông cảm giữa Đông Phương và Tây Phương. Gần đây, có người cho tôi hay rằng chính ông ta nói đến vấn đề ấy trong một của những tác phẩm của mình. Chúng tôi tin chắc rằng nếu ông ta có thể ảnh hưởng đến chánh phủ Anh như ý ông ta muốn, thì sau này đã không xảy ra cuộc xâm lăng của quân Trung Hoa. Tuy nhiên, cuộc xâm lăng này đã được tiên tri từ trước, và những lời tiên tri bao giờ cũng được thực hiện.

Chánh phủ Anh có vẻ rất ngờ vực: Họ sợ rằng xứ Tây Tạng sẽ liên minh với Nga Xô, điều này thật không có lợi cho họ chút nào. Anh Quốc từ chối không chịu ký hiệp ước với Tây Tạng và đồng thời cũng không muốn cho xứ này thiết lập những bang giao thân hữu với những nước khác. Xứ Sikkim, xứ Bhutan, và các nước khác đều có thể ký hiệp ước với Anh Quốc, nhưng Tây Tạng thì không. Bởi đó, người Anh bắt đầu tháo mồ hôi hột lo thảo kế hoạch để xâm chiếm lãnh thổ xứ Tây Tạng. Sứ giả Charles Bell có mặt tại chỗ vẫn biết rằng chánh phủ Tây Tạng không hề muốn liên kết với bất cứ một quốc gia nào. Họ chỉ muốn sống tự do, độc lập, và tránh mọi tiếp xúc với người ngoại quốc, vì những người này trong quá khứ chỉ có đem lại cho họ những tai họa tàn phá và đau khổ.

Đấng Khôn Lường tỏ vẻ rất hài lòng khi tôi trình bày những điều nhận xét của tôi, sau khi sứ giả Bell đã lui gót, nhưng Ngài lại nghĩ đến việc bắt tôi phải làm việc nhiều hơn. Ngài nói:

- À, phải đấy, chúng ta cần phát triển khả năng của con nhiều hơn nữa. Khả năng đó sẽ giúp ích cho con rất nhiều khi con sống ở các xứ phương xa. Chúng ta sẽ để cho con thụ huấn bằng một phương pháp thôi miên ráo riết hơn, để cho con được thâu nhập một số kiến thức tối đa.

Ngài gõ chuông gọi quan hầu cận và nói:

- Ta muốn gặp Minh Gia Đại Đức. Hãy mời người vào ngay lập tức.

Vài phút sau, Sư Phụ tôi đã khoan thai bước đến. Tôi tự hỏi ai là người có thể hối thúc Sư Phụ tôi đi mau! Nhưng vì đức Đạt Lai Lạt Ma coi Sư Phụ tôi như một bạn hữu, nên Ngài không muốn hối thúc người.

Sư Phụ ngồi gần bên tôi, trước mặt đấng Thậm Thâm. Một người hầu cận mau mắn dâng trà và vài món thực phẩm của Ấn Độ. Khi chúng tôi đã an tọa đức Đạt Lai Lạt Ma cất tiếng nói:

- Hỡi Minh Gia đạo huynh, đạo huynh đã không lầm, vì Lâm Bá rất giỏi. Y có thể tiến bộ hơn nữa, và nhất định phải tiến. Vậy Đạo Huynh hãy lấy mọi quyết định cần thiết để cho y được một sự thụ huấn nhanh chóng và toàn hảo đến mức tối đa. Đạo Huynh hãy sử dụng mọi tất cả mọi phương tiện có sẵn, vì, như chúng ta thường được cho biết trước, những ngày đen tối và tai họa dồn dập sẽ đến với sứ sở chúng ta, nên chúng ta cần có một người tài giỏi có thể biên soạn những bộ kinh sách Huyền Môn cổ truyền.

Như thế, hằng ngày tôi càng bận rộn hơn với nhiều công việc. Từ đó, tôi thường được gọi gấp vào điện để "nhận xét" những hào quang các vị thượng khách của đức Đạt Lai Lạt Ma.

Tôi đã trở nên một nhân vật quen thuộc của điện Potala và vườn Ngọc Uyển. Ở điện Potala, tôi có thể sử dụng những ống viễn vọng kính mà tôi rất thích. Một trong những ống kính này, một loại kính lớn để xem thiên văn dựng trên một cái giá có ba chân, làm tôi thích thú nhất và tôi đã từng trải qua nhiều giờ để quan sát mặt trăng và các bầu tinh tú cho đến khuya.

Cùng với Minh Gia Đại Đức, tôi thường đến Lhassa để nhìn xem nhân vật của thủ đô. Với những năng khiếu thần thông siêu đẳng và những kinh nghiệm rộng rãi của Sư Phụ về người và vật, và Người có thể kiểm soát được những nhận xét của tôi.

---o0o---

## Tôi Được Tấn Phong Lạt Ma

Chính trong thời kỳ này tôi được thụ huấn ráo riết về phương pháp xuất hồn hay xuất vía để đi châu du trên cõi trung giới, trong khi đó linh hồn rời khỏi thể xác và chỉ dính liền với nó với sự sống phàm trần bằng một sợi dây bạc. Nhiều người không tin rằng sự xuất hồn như thế có thể thực hiện được, nhưng thật ra thì tất cả mọi người đều xuất hồn để di chuyển trong cõi vô hình bằng cách đó trong giấc ngủ. Có điều khác là ở Phương Tây, người ta xuất hồn trong giấc ngủ mà không hay biết, còn các nhà đạo sĩ Tây Tạng có thể xuất hồn đi châu du khắp mọi nơi tùy ý muốn, nhờ đó họ có thể nhớ tất cả những gì họ đã thấy và làm, cùng những nơi nào họ đã đến viếng. Bí thuật này đã mất đi ở phương Tây, bởi đó khi họ thức tỉnh, nhiều người cho rằng họ đã trải qua một "giấc mộng."

Tất cả các xứ đều biết về việc đi châu du bằng thể Vía, cũng như ở Anh Quốc, những nhà nữ phù thủy đã từng nổi tiếng là biết "bay". Ở khắp nơi trên thế giới, người ta đã từng biết về những vấn đề này, dẫu rằng sự hiểu biết này đã mai một với thời gian và mất đi trong ký ức loài người. Người ta đã tập luyện cho tôi có thể xuất hồn đi ngao du bằng thể Vía cũng ở trong tầm tay của tất cả mọi người.

Một bí thuật khác có thể học được một cách dễ dàng là khoa thần giao cách cảm, nhưng với điều kiện là không nên biểu diễn nó ở những nơi hí trường

hoặc những nơi công cộng. Thật là một điều đáng mừng mà thấy rằng người ta đã bắt đầu nhìn nhận khoa này. Chúng tôi cũng thực hành cả khoa thôi miên. Tôi đã thực hành nhiều cuộc giải phẫu quan trọng cho những bệnh nhân được đặt trong trường hợp cắt bỏ một chân chẳng hạn. Bệnh nhân không cảm thấy gì, không đau đớn chi hết và khi thức tỉnh, tình trạng chung của họ còn khả quan hơn là nếu họ bị chụp thuốc mê theo phương pháp cổ điển. Hình như bên Anh Quốc hiện nay người ta đã bắt đầu áp dụng khoa thôi miên trong một vài trường hợp giải phẫu.

Thuật tàng hình cũng là một môn bí thuật khác nữa trong chương trình học Đạo của tôi. Cũng may mà bí thuật này chỉ được truyền dạy cho một thiểu số người rất hiếm thuộc về thành phần ưu tú. Nguyên tắc của nó rất giản dị, nhưng sự thực hành thì rất khó. Ta hãy thử nghĩ đến những gì làm cho ta chú ý: Một âm thanh, một vật gì thình lình cử động, hay một màu sắc lòe loẹt. Những âm thanh và cử động mau lẹ làm khiêu gợi sự chú ý của mọi người, nó làm cho ta phải lưu tâm để nhìn xem đó là vật gì? Trái lại một người ngồi yên bất động không bị nhìn thấy dễ dàng như vậy, cũng như những người mà ta đã quá quen thuộc. Thí dụ như người đem thơ; thường khi người ta đã nhận được thư tín từ buổi sáng, nhưng lại nói:

- Không có người nào, tuyệt đối không có ai đã đến đây.

Nếu quả đúng như vậy, thì thư tín đã được đem lại bằng cách nào? Phải chăng bởi một người vô hình? Hay bởi một người mà sự có mặt đã quá quen thuộc đối với ta đến nỗi thật sự ta không "nhìn" thấy y, hay không "cảm nhận" được y? (Một cảnh binh luôn luôn dễ bị nhìn thấy vì con người thường có một lương tâm không được yên ổn). Muốn tàng hình, người ta không nên hành động gì và phải chận đứng mọi luồng sóng tư tưởng xuất phát ra từ bộ óc. Nếu người ta để cho bộ óc hoạt động, nghĩa là nếu người ta suy nghĩ, tư tưởng, thì những người chung quanh ta trở nên ý thức được sự có mặt của ta bằng thần giao cách cảm (tức là nhìn thấy ta) và ta không tàng hình được.

Ở Tây Tạng, có những người có thể tàng hình tùy ý muốn, bởi vì họ có thể che giấu những luồng sóng tư tưởng của họ. Cũng may mà những người ấy chỉ gồm một thiểu số rất ít.

Thuật khinh thân cũng là một bí thuật khác nữa, và đôi khi nó được thực hành như một phép tập luyện kỹ thuật. Đó là phương pháp di chuyển bất tiện vì nó đòi hỏi quá nhiều cố gắng. Người hành giả chọn cách di chuyển bằng

thể Vía, cách này nhẹ nhàng ít khó khăn hơn, với điều kiện là phải có thầy giỏi chỉ dẫn. Đó là trường hợp của tôi: Nhờ vậy nên tôi có thể xuất hồn đi ngao du các cõi tùy ý muốn. Một mặt khác, mặc dầu những cố gắng khổ luyện là công phu ráo riết, tôi cũng không thể tàng hình được. Làm thế nào để biến mất dạng đúng vào lúc người ta muốn bắt buộc tôi làm một việc mà tôi không thích, hẳn là cái đặc ân của thánh thần ban cho: Nhưng than ôi! Các ngài vẫn từ chối không ban cho tôi cái ân huệ ấy! Tôi cũng không có thiên tư về âm nhạc, như tôi đã nói trước đây. Tôi chỉ vừa mở miệng hát là đủ làm cho vị Nhạc Sư nổi trận lôi đình, quát tháo ầm ĩ, nhưng cơn giận này còn chưa là bao nhiêu so với cơn náo loạn mà tôi gây ra một ngày nọ. Trong khi tập đánh chụp chõa, một loại nhạc khí mà tôi cho là bất cứ ai cũng có thể chơi được, không biết tôi vụng về ra sao mà vô tình tôi chụp ngay cái đầu trọc của một sư sãi ngồi gần bên! Một cơn xúc động và phản đối ầm ĩ đã diễn ra ngay sau khi đó. Từ đó, người ta yêu cầu tôi một cách thẳng thắn là tôi hãy nên giới hạn những sinh hoạt của tôi trong lãnh vực Thần Nhãn và y khoa mà thôi!

Chúng tôi cũng thực hành rất nhiều về pháp môn Yoga, một khoa học rất quan trọng có thể cải tiến con người đến một mức độ phi thường. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng pháp môn Yoga không phải để dành cho người Tây phương, trừ phi người ta đem vào đó rất nhiều sự thay đổi thích hợp với lối sinh hoạt và tính chất của người phương Tây. Pháp môn này đã quen thuộc với người Tây Tạng từ nhiều thế kỷ; họ đã quen tập luyện những tư thế Yoga kể từ thời thơ ấu. Những thân thể, tứ chi, gân xương, bắp thịt của họ đã được tập luyện thần thục. Trái lại, người Tây phương thử bắt chước tập những tư thế đó, sẽ gặp nhiều sự hiểm nguy nhất là nếu họ đã lớn tuổi. Còn nói phép luyện hơi thở, thì đó cũng là một điều rất nguy hiểm.

Tập thở theo phương pháp nhất định: đó là cái bí quyết của nhiều hiện tượng lạ lùng. Nhưng, cần lập lại một lần nữa rằng phép luyện khí công có thể có hại, nếu không nói là tối nguy hiểm đến tính mạng, trừ phi người hành giả được sự chỉ dẫn của một bậc danh sư có nhiều kinh nghiệm. Nhiều du khách đến viếng xứ này có viết truyện du ký, nói về những vị Lạt Ma trổ thuật phi hành, họ có thể kiểm soát trọng lượng thân thể họ (đây không phải là thuật khinh thân) và chạy hết tốc lực trong nhiều giờ, hai chân họ ít khi chấm đất. Thuật phi hành đó đòi hỏi một công phu tập luyện lâu dài, và nhà phi hành phải tự đặt mình trong một trạng thái bán thôi miên. Buổi chiều là giờ tốt nhất để tập luyện vì hành giả có thể nhắm hướng sao mà chạy; mặt đất phải bằng phẳng, không chướng ngại để khỏi làm gián đoạn trạng thái thôi miên. Hành giả chạy như người mộng du (somnamblue). Y "hình dung" cái mục

tiêu hành trình, mà y giữ luôn luôn tỏ rạng trước con Mắt Thần thứ ba của y bằng cách niệm không ngừng một câu thần chú đặc biệt. Y có thể chạy suốt nhiều giờ mà không cảm thấy mệt mỏi. Phương pháp này chỉ tiện lợi hơn cách xuất vía trên một điểm duy nhất là trong phép xuất vía thì linh hồn đi ngao du các cõi; nó không thể mang theo những đồ vật dụng tùy thân như quần áo, giấy tờ, chẳng hạn; trái lại, nhà phi hành có thể đem theo một số hành lý bình thường, nhưng y lại có những sự bất tiện khác.

Nhờ họ biết cách hô hấp nên các nhà đạo sĩ Tây Tạng có thể ngồi trần truồng trên những vùng núi non đầy băng tuyết ở chiều cao độ năm hay sáu nghàn thước, trong khi đó họ cảm thấy nóng đến nỗi nước đá tan rã và họ tháo mồ hôi ra như tắm.

Bạn có bao giờ thử nhắc lên một vật nặng, sau khi đã thở hết khí trời trong phổi? Bạn hãy thử xem rồi bạn sẽ thấy rằng bạn không thể nào làm được. Nhưng nếu bạn hít vào một hơi rất sâu và giữ lại hơi thở trong phổi bạn có thể nhắc vật nặng ấy lên dễ dàng. Trong trường hợp bạn cảm thấy sợ sệt hay nóng giận, sau khi hít một hơi thật là dài vào phổi, bạn hãy giữ lại hơi thở trong mười giây đồng hồ. Kế đó, bạn để không khí thoát ra từ từ. Nếu bạn lập lại phép thở này ít nhất là ba lần, quả tim bạn sẽ đập chậm hơn và bạn sẽ cảm thấy bình tĩnh trở lại. Ai cũng có thể tập phép thở này một cách an toàn, vô hại. Chính nhờ tôi biết kiểm soát hơi thở mà tôi đã có thể chịu đựng những sự tra tấn của người Nhật Bổn và những sự gian khổ trong các trại giam tù binh hồi đệ nhị thế chiến. Tôi có thể nói điều ấy do kinh nghiệm bản thân.

Thời giờ đã đến để cho tôi dự cuộc thi, nó sẽ chánh thức đưa tôi lên chức vị Lạt Ma. Trước khi dự thi tôi phải đến nhận lãnh ân huệ của đức Đạt Lai Lạt Ma. Mỗi năm, đấng Khôn Lường ban ân huệ cho tất cả các sư sãi Tây Tạng, Ngài ban riêng cho từng người chứ không ban chung cho tất cả như đức Giáo Hoàng ở La Mã.

Trong đa số trường hợp, ngài ngồi trên ngôi, tay cầm một cái cần dài như cái đầu cần câu, có buộc một tua vải ở một đầu, và để cái tua ấy chấm lên đầu của các sư sãi và tín đồ hành hương. Ngài đặt một bàn tay lên trán của những người mà Ngài muốn ban danh dự hoặc những vị chức sắc cấp cao. Ban ân huệ với cả hai bàn tay để lên trán người nào là một đặc ân hiếm có: Ngài ban cái ân huệ đó lần đầu tiên trong đời tôi và nói:

Con hỡi, con đã làm việc rất giỏi, con hãy ráng làm giỏi hơn nữa trong kỳ thi này để chứng minh sự tin tưởng mà chúng ta đặt nơi con.

Ba ngày trước ngày sinh nhật năm tôi mười sáu tuổi, tôi dự thi cùng với mười bốn thí sinh khác. Những gian phòng thi cá nhân có vẻ càng nhỏ hơn trước, chắc hẳn là bởi vì tôi đã lớn.

Mỗi buổi sáng, ban khảo thi đưa cho chúng tôi những đầu đề các bài thi để làm trong ngày. Các bài thi sẽ được góp nhặt vào buổi chiều. Chúng tôi chỉ được ăn món Tsampa mỗi ngày một lần, còn trà pha bơ thì uống tự do tùy thích. Tôi phải ở lại tất cả mười ngày trong phòng thi.

Cuộc thi bắt đầu với những bài vở về môn y khoa thường thức, môn tôi phải học mà tôi đã nắm vững các đầu đề và môn thần học. Trong suốt năm ngày kéo dài vô tận, tôi không được một chút nghỉ ngơi. Qua ngày thứ sáu, một trong những thí sinh bị cơn khủng hoảng thần kinh nó làm cho chúng tôi xúc động. Từ một phòng thi cá nhân ở bên cạnh phòng tôi, phát ra những tiếng thét lớn và rú lên rợn người. Tôi nghe có tiếng chân người dồn dập, những giọng nói và tiếng mở cửa. Có tiếng nói êm dịu, vỗ về, an ủi của một người; kế đó là những tiếng khóc thổn thức nối tiếp theo những tiếng kêu rú. Thế là, cuộc thi đã chấm dứt đối với người thí sinh ấy. Đối với tôi, phần thứ nhì của cuộc thi mới bắt đầu. Người ta đem đầu đề thi cho tôi trong ngày đó trễ mất một giờ. Siêu hình học, Yoga. Tất cả là chín môn phái Yoga. Và tôi được chấm ưu điểm trong tất cả các môn!

Người Tây Phương chỉ biết một cách nông cạn về năm môn phái Yoga: Pháp môn Hatha Yoga để tu luyện xác thân; Kundalimi Yoga để luyện các năng khiếu thần thông, như Thần Nhãn, thần nhỉ, ... Lâya Yoga để luyện tinh thần và trí nhớ sắc bén, Râja Yoga để chuẩn bị con người đạt tới minh triết và Samadhi Yoga đưa đến trạng thái giác ngộ tối cao, do đó hành giả thấu truyền ý nghĩa và sự thật của những gì chờ đợi y ở bên ngoài cuộc đời. Chính sự thực hành môn Samadhi Yoga giúp cho hành giả đạt tới chân lý tối thượng vào lúc y từ giã kiếp sống cõi trần; nhờ pháp môn này con người có thể thoát ra vòng luân hồi sinh tử, trừ phi y quyết định trở lại thế gian với một mục đích nhất định, chẳng hạn để giúp đỡ, phụng sự nhân loại.

Trong năm ngày còn lại, tôi rất bận rộn làm những bài thi của tôi. Dầu cho những cuộc thi kéo dài đến mười ngày cùn có lúc chấm dứt, và buổi chiều ngày thứ mười khi vị Lạt Ma phụ trách đến góp bài, y được tiếp đón với những nụ cười sung sướng thoải mái. Lần đầu tiên, người ta dọn cho chúng

tôi ăn rau cùng với món Stampa là món ăn căn bản của chúng tôi trong suốt mười ngày qua. Đêm ấy, tôi ngủ một lúc say sưa ngon lành. Tôi không nghi ngờ về kết quả cuộc thi nhưng chỉ e ngại về cách sắp hạng; vì tôi được lệnh phải có tên trong những người đỗ đầu. Thi viết xong, chúng tôi được nghỉ ngơi trọn một tuần lễ để lấy lại sức. Kế đó là trọn hai ngày thi về môn quyền thuật võ nghệ. Ngoài ra các cuộc đấu võ, còn có môn "điểm huyệt" là môn bí truyền làm cho người ta trở nên không còn cảm giác và vô tri bất động.

Hai ngày kế đó dành cho phần sát hạch về những điểm yếu kém trong các bài thi viết. Mỗi thí sinh đều bị hạch hỏi, chất vấn trong suốt hai ngày liền. Sau cùng, sau một tuần lễ nghỉ ngơi nữa, kết quả cuộc thi được công bố. Tôi lấy làm vui mừng vô hạn, một sự vui mừng mà chúng tôi không ngần ngại biểu lộ ra ngoài một cách ầm ĩ, khi tôi được biết tôi đỗ thủ khoa. Kết quả này làm tôi sung sướng vì hai lý do: Trước hết nó chứng minh rằng Minh Gia Đại Đức là vị đạo sư giỏi độc đáo hơn tất cả các vị khác, và kế đó là đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ hài lòng về cả hai thầy trò chúng tôi.

Vài ngày sau tôi đang làm việc trong phòng của sư phụ tôi thì cánh cửa thình lình mở to và một sứ giả mồ hôi nhễ nhại, bụi bậm đầy mình, hộc tốc bước vào vừa le lưỡi thở dốc vừa nói:

- Bạch ngài lạt ma y sĩ Lâm Bá, có thông điệp của đức thậm thâm.

Y lấy trong áo ra và cầm đưa cho tôi một bức thư đọc trong một khăn choàng bằng lụa theo nghi lễ thường thức. Kế đó, y quay gót lui ra.

Tôi đặt cái thơ xuống bàn, nhưng chưa mở ra vội. Thơ ấy gởi cho tôi, nhưng nó có thể nói gì trong đó? Chỉ thị bảo tôi phải học thêm các môn học thuật khác nữa? Hoặc làm việc nhiều hơn nữa chăng?

Sư phụ tôi mỉm cười về sự băn khoăn do dự của tôi; tôi bèn cầm đưa gọn gói cho người, luôn cả thơ và cái khăn choàng. Sư phụ mở bì thư ra có hai mảnh giấy xếp. Người xem và nói:

- Hay lắm, con hãy an tâm. Chúng ta phải đi đến điện Potala ngay bây giờ, không trễ một chút. Ta cũng được mời cùng một thể.

Sư phụ gõ một tiếng cồng; một người nô bộc xuất hiện. Sư phụ bèn ra lệnh cho y lập tữ thắng yên hai con ngựa bạch sau khi đã thay áo và chọn hai cái khăn choàng đẹp nhất, chúng tôi đến thông báo cho vị sư trưởng biết rằng đấng Thậm Thâm cho gọi chúng tôi đến điện Potala. Người hỏi:

- Quý vị đi đến điện ngay bây giờ? Lạ thật, mới ngày hôm qua đây, đấng Khôn Lường hãy còn ở vườn Ngọc Uyển. Nhưng nếu quý vị có thơ mời, thì... chắc hẳn đây là một việc rất long trọng.

Những sư sãi giữ ngựa đợi chúng tôi ngoài sân với hai con ngựa trắng. Chúng tôi lên yên và cho ngựa đi xuống dưới chân đồi. Trong chốc lát chúng tôi đã đến điện Potala. Thật ra từ chỗ tu viện của chúng tôi đến điện không xa, lẽ ra tôi không cần phải chịu nhọc để ngồi vững trên yên ngựa với một quãng đường ngắn như thế! Nhưng có điều tiện lợi duy nhất là chúng tôi có thể cưỡi ngựa đi lên cái cầu thang lớn nó đưa chúng tôi đến tận nơi, gần tới nóc điện Potala. Khi chúng tôi vừa đặt chân xuống đất, những người gia nô đã đợi chúng tôi từ trước, bèn bước đến đỡ lấy cương ngựa dắt đi và chúng tôi được đưa thẳng vào tư thất của đấng Thậm Tthâm. Tôi bước vào một mình, quỳ xuống đặt cái khăn choàng dưới chân Ngài rồi cuối đầu đảnh lễ Ngài như thường lệ. Ngài nói:

- Con hãy an tọa, hỡi Lâm Bá. Ta rất hài lòng về con và Minh Gia Đại Đức, nhờ sư phụ con một phần nào mà con mới được thành công trong kỳ thi vừa qua. Chính ta đã đích thân xem các bài vở của con.

Nghe Ngài nói, tôi cảm thấy một cơn rùng mình chạy dọc theo tủy xương sống. Tinh thần hài hước của tôi có đôi khi đặt sai chỗ; đó là một trong những điểm yếu kém của tôi, theo như lời người ta thường nói. Sự hài hước ấy đã biểu lộ trong kỳ thi vừa qua vì trong khi giải đáp các đầu đề, tôi đã có viết nhiều câu hơi có vẻ xúc phạm! Đức Đạt Lai Lạt Ma chắc hẳn đã đọc được tư tưởng của tôi nên Ngài bật cười và nói:

- Phải đó, tinh thần hài hước của con đã biểu lộ không đúng lúc, nhưng... Ngài ngừng lại trong một cơn yên lặng kéo dài, trong khi đó tôi chờ đợi một sự chẳng lành.

- Nhưng tất cả những câu giải đáp của con đều làm cho ta thích thú.

Tôi tiếp chuyện suốt hai giờ đồng hồ với Đức Đạt Lai LaÏt Ma; kế đó ngài cho gọi sư phụ tôi để dặn dò chỉ thị về cách sắp đặt việc học của tôi. Tôi phải chịu một cuộc thử thách về sự Chết Giả để viếng nhiều tu viện khác và thực tập về môn cơ thể học với bọn Âm Công chẻ xác người. Những người này thuộc về một giai cấp hạ tiện, và công việc của họ có phần đặc biệt đến nổi Đức Đạt Lai Lạt Ma đặc cách cho phép tôi làm việc chung với họ mà vẫn giữ y nguyên chức vị Lạt Ma của tôi. Ngài ra lệnh cho những Âm Công "Hãy dành cho vị lạt ma Lâm Bá mọi sự giúp đỡ và trợ lực cần thiết; tiết lộ

cho vị lạt ma những bí mật trong các cơ thể cho người có thể biết được những nguyên nhân vật chất của những trường hợp chết chóc; và dành cho người bất cứ một tử thi nào mà người cần dùng đến để học hỏi, khám nghiệm."

Trước khi nói đến cách giải quyết việc chôn cất tử thi ở xứ Tây Tạng, thiết tưởng cũng cần nói qua vài chi tiết phụ thuộc về quan niệm của người Tây Tạng đối với sự chết. Thái độ của họ về sự chết hoàn toàn khác hẳn với thái độ của người Tây phương. Họ quan niệm rằng thể xác con người chỉ là một "lớp vỏ", cái vỏ vật chất bên ngoài bao bọc cái linh hồn bất diệt. Một tử thi còn kém giá trị hơn một miếng vẻ rách. Trong trường hợp chết tự nhiên nghĩa là không phải do tai nạn bất đắc kỳ tử, thì đây là diễn biến của sự chết, theo quan niệm của người Tây Tạng: Cái thể xác mệt mỏi, già cỏi, đã trở nên bất tiện cho linh hồn đến mức không còn được để giúp cho linh hồn tiến hóa nữa. Đó là lúc cần phải loại bỏ cái lớp vỏ bên ngoài và xuất ra khỏi thể xác vật chất. Cái hình dáng của linh hồn lúc đó giống y như hình thù của thể xác, và những người có Thần Nhãn có thể nhìn thấy được. Đến lúc chết, thì sợi dây bạc nối liền linh hồn với thể xác trở nên mỏng teo dần và đức đoạn: Linh hồn đã giải thoát và thăng lên cõi khác. Đó tức là sự chết, nhưng cũng là sự sinh ra trong một cuộc đời mới vì sợi dây bạc ấy cũng giống như cái cuống nhau bị cắt đi để cho đứa hài nhi sơ sinh có thể bắt đầu một cuộc sống cá nhân riệng biệt. Cũng chính vào lúc đó, cái Ánh Sáng Sinh Lực thoát ra từ trên đỉnh đầu. Ánh sáng ấy cũng có thể nhìn thấy được bởi những người có nhãn quang siêu đẳng.

Người Tây Tạng tin rằng phải sau một thời gian ba ngày, cái thể xác mới thật sự chết hẳn, nghĩa là mọi hoạt động của cơ thể mới hoàn toàn chấm dứt, và linh hồn mới hoàn toàn rút lui ra khỏi cái lớp vỏ xác thịt vật chất. Lạt Ma Giáo Lamaisme của xứ Tây Tạng cho rằng con người có ba thể căn bản: Xác thể cấu tạo bằng xương thịt, nhờ đó linh hồn có thể nương theo để học hỏi những bài học đắng cay, đau khổ của cuộc đời; dục thể được cấu tạo bằng những thèm khát, ham muốn, tình cảm, nói chung là những dục vọng của con người; và linh thể, tức là thể tâm linh, hay (linh hồn bất diệt). Người chết phải trải qua ba giai đoạn: Cái xác thể sẽ phải tiêu diệt; dục thể cũng sẽ tan rã và linh thể hay linh hồn đi theo con đường đưa đến cõi tinh thần.

Một hôm vị Lạt Ma phụ trách về nghi lễ cầu siêu cho người chết, cho mời tôi và nói:

- Nay đã đến lúc sư huynh cần học hỏi những phương pháp thực tế về sự giải thoát của linh hồn. Xin mời sư huynh đi theo tôi.

Sau khi đã đi qua những hành lang dài và đi xuống những cầu thang trơn trợt, chúng tôi đến chỗ cư xá của các vị y sĩ. Tại đây, trong một phòng bệnh, một vị sư già đang nằm hấp hối. Một cơn bệnh đã làm cho ông ta yếu đi nhiều, sinh lực của ông ta đã gần cạn và tôi nhận thấy màu sắc trên hào quang của ông ta đã phai mờ. Dẫu sao, ông ta cũng phải gượng sống cho đến khi không còn chút sinh lực nào. Vị lạt ma đi cùng với tôi nhẹ nhàng nắm lấy hai bàn tay ông ta và nói:

- Sư ông đã gần được giải thoát khỏi những dày vò của thể xác. Sư hãy chú ý nghe những lời tôi nói đây, để cho nhẹ bước siêu thăng. Chân sư ông đã lạnh. Cuộc đời sư ông đã tiến gần đến chỗ kết thúc cầu cho linh hồn sư ông được bình an, vì sư ông không có gì phải sợ sệt. Sinh lực đã rút ra khỏi hai chân sư ông, và đôi mắt sư ông đã mờ. Thân hình sư ông đã lạnh, sự sống đã rút lui dần và sắp tắt hẳn. Sư ông hỡi, cầu cho linh hồn sư ông được bình an, vì sự giải thoát ra khỏi cuộc đời thế tục để bước qua cõi tinh thần vốn không có gì đáng sợ. Những bóng tối của cõi u minh vô tận đã lởn vởn trước mắt sư ông và hơi thở của sư đã tắt nghẽn trong cuống họng. Nay đã đến lúc mà linh hồn sư sẽ được tự do thụ hưởng những phúc lạc của cõi giới bên kia. Cầu cho sư được bình an. Thời giờ giải thoát của sư đã đến...

Vị Lạt Ma vừa nói luôn miệng không ngớt, vừa lấy bàn tay vuốt nhẹ sau gáy của người hấp hối, từ hai vai lên đến đỉnh đầu, theo một phương pháp đã trắc nghiệm để đưa linh hồn ra khỏi xác một cách êm ái nhẹ nhàng, không đau đớn. Tất cả những cạm bẫy trên đường đi qua cõi âm được nói cho ông lão biết trước, là làm cách nào để tránh những cạm bẫy đó. Lộ trình đã được vạch sẵn một cách chính xác, do các vị lạt ma có thần thông đã từng bước qua bên kia cửa tử, và nay các vị ấy dùng thần giao cách cảm để tiếp tục nói chuyện từ cõi bên kia với người trần gian chúng ta. Vị Lạt Ma nói tiếp:

- Sư ông không còn nhìn thấy gì nữa, và hơi thở của sư đã ngưng. Toàn thân sư ông đã lạnh và những tiếng động ồn ào của thế gian không còn vọng tới tai sư ông nữa. Sư ông hãy được bình an, vì thần chết nay đã đến rước sư ông. Sư ông hãy noi theo con đường mà chúng tôi đã vạch sẵn, và sư ông sẽ tìm thấy yên tĩnh phúc lạc ở đầu đường bên kia.

Vị lạt ma vẫn tiếp tục vuốt nhẹ cái gáy và hai vai người chết. Vầng hào quang của ông lão trở nên mờ dần và sau cùng thì biến mất dạng. Khi đó,

theo một nghi lễ cổ truyền tự muôn đời, vị lạt ma thốt ra một tiếng kêu ngắn và to để cho linh hồn còn đang bám víu lấy thể xác có thể được giải thoát hoàn toàn. Ở phía trên cái xác thân bất động, nguồn sinh lực tập trung lại thành một khối giống như một đám mây khói vần vũ với muôn nghìn vòng xoáy, trước khi tượng hình giống như cái thể xác mà nó còn dính liền bằng sợi dây bạc trở nên mỏng teo lần lần; sau cùng, cũng như một trẻ sơ sinh bước vào đời khi cái cuống nhau rún bị cắt đứt, ông lão bước vào cuộc sống ở cõi giới bên kia. Sợi dây bạc vào lúc cuối cùng trở nên mỏng như một sợ tơ đã đứt hẳn và cái thể vô hình từ từ biến mất dạng ví như một đám mây lướt trên không gian hay một đám khói hương tản mát trong đền thờ. Vị lạt ma tiếp tục chỉ thị cho vong hồn ông lão bằng thần giao cách cảm và dìu dắt linh hồn ông trong giai đoạn đầu của cuộc phiêu lưu qua bên kia cửa Tử.

- Sư ông đã chết rồi. Ở đây không còn gì cho ông nữa cả. Những sợi dây trói buộc của xác thịt đã bị cắt đứt. Sư ông hiện đang ở bên cõi Trung Giới. Sư hãy tiếp tục đi theo con đường của sư, còn chúng tôi sẽ ở lại dương trần. Sư hãy noi theo con đường đã vạch. Hãy từ giã cõi đời thế gian mộng ảo này và bước vào cõi giới Tinh Thần. Sư ông đã chết. Hãy tiếp tục tiến bước trên con đường đã vạch.

Những luồng khói hương trầm bốc lên thành những vòng tròn; mùi hương thơm bát ngát đem lại sự yên tĩnh cho bầu không khí rối loạn. Từ đằng xa vọng lại tiếng trống khi mờ khi tỏ. Từ trên nóc tu viện rất cao, một tiếng kèn trầm hùng phát ra một âm thanh vang lừng dội khắp bốn phương. Do các hành lang vang dội đến tay chúng tôi tất cả những tiếng động ồn ào của cuộc sống hằng ngày, chen lẫn với tiếng giầy ủng của các sư sãi và tiếng kêu của những con yak. Nhưng gian phòng nhỏ của chúng tôi lúc ấy đắm chìm trong im lặng. Một cách yên lặng của nhà mồ. Trong cái bối cảnh im lặng đó, những chỉ thị bằng thần giao cách cảm của vị lạt ma là những tiếng thổn thức phớt qua cái yên tịnh của gian phòng, cũng như ngọn gió nhẹ thoáng qua mặt hồ yên lặng. Sự chết; lại có thêm một ông lão vừa bước vào cái chu kỳ bất tận của vòng luân hồi sinh tử, có lẽ sau khi đã thu thập những bài học kinh nghiệm của một kiếp người, nhưng còn phải tiếp tục con đường tiến hóa của mình với những công phu cố gắng trường kỳ bất tận cho đến khi đạt tới quả vị Phật.

Sáng ngày thứ tư, một Âm Công đến để lấy xác. Người này thuộc về thành phần của giai cấp Âm Công, họ sống trong một khu biệt lập ở ngã tư đường Lingkhor và Dechhen Dzong, khi y đến nơi, các vị lạt ma ngưng việc dìu dắt linh hồn người chết và y có thể lãnh lấy tử thi. Y bọc tử thi trong một cái bao

vải trắng, nhẹ nhàng khiên cái bọc trên hai vai rồi bước ra. Một con yak đã đợi sẵn ở ngoài. Không chút do dự, y cột cái bọc trên lưng con yak rồi cả hai đều đi đến khu nghĩa địa, tại đây những Âm Công khác đã chực sẵn và chờ y đến. "Nghĩa địa" này chỉ là một khoảnh đất trống ở giữa những núi đồi bao bọc chung quanh, trên đó có sẵn một phiến đá rộng và bằng phẳng khá lớn để có thể đặt nằm trên đó cái xác của một người khổng lồ. Những cây cọc được cắm trong bốn cái lỗ đào ở bốn gốc. Một phiến đá khác có đục những hang lỗ sâu đến nữa phần bề dày của nó.

Khi cái tử thi được đặt trên phiến đá đầu tiên, người ta tháo bỏ cái cọc vải, cột hai bàn chân với hai bàn tay vào bốn cái cọc, và viên Âm Công trưởng mới mổ cái tử thi bằng một con dao lớn. Y cắt những đường dài trên tử thi để có thể lột da từng miếng cho dễ. Kế đó, y chặt đứt tay chân và cắt thành từng mảnh. Sau cùng, cái đầu được chặt lìa khỏi xác và chẻ ra làm đôi.

Khi vừa nhìn thấy người Âm Công khiên cái tử thi đến nơi, những con kên kên bèn hạ cánh bay thấp xuống và đậu tren những tảng đá lớn, tại đó chúng chờ đợi một cách kiên nhẫn như những khán giả của một sân khấu lộ thiên. Chúng cũng có tôn ti trật tự đàng hoàng và áp dụng một kỹ luật rất nghiêm ngặt giữa bọn chúng với nhau. Nếu một con nào "phạm thượng" muốn bước đến gần tử thi trước những con "chúa đảng" thì lập tức liền xảy ra một cuộc xô xát dữ dội.

Trong khi các con kên kên kiếm chỗ đậu, thì người Âm Công trưởng đã phanh cái xác chết. Y thọc hai bàn tay vào trong lồng ngực tử thi, móc lấy quả tim và đưa ra cho con kên kên chúa, con này liền nhảy xuống đất một cách nặng nề và đủng đỉnh tiến đến gần để nhận lãnh lấy phần ưu tiên của nó. Kế đó con thứ nhì xuất hiện để nhận lấy lá gan rồi lui vào một góc tản đá để ăn riêng một mình. Hai trái thận và ruột cũng được chia ra cho những con kên kên vào bậc "đàn anh". Những miếng thịt được cắt ra thành từng mảnh và phân phát cho cả đàn. Thỉnh thoảng, có một con đã ăn xong phần thức ăn của mình, lại đủng đỉnh bước tới để kiếm thêm một miếng óc hoặc một con mắt, trong khi một con khác vừa đáp xuống vừa vỗ cánh để kiếm thêm một miếng thịt nữa. Trong khoảnh khắc, tất cả các bộ phận và da thịt đều trôi vào bụng kên kên, chỉ còn lại có những xương xẩu rãi rác trên phiến đá. Người Âm Công, sau khi đã chặt những khúc xương thành tững mảnh nhỏ liền đem nhét các mảnh vụn ấy vào những lỗ trống trên tấm phiến đá thứ nhì, và dùng búa lớn để nghiề;n nát thành một thứ bột nhuyễn mà loài kên kên rất thích ăn!

Những Âm Công này đều là những tay chuyên môn thiện nghệ về khoa chặt xác người. Họ rất hãnh diện về nghề nghiệp của họ và chính là để thỏa mãn cá tính mà họ xem xét tất cả các bộ phận trong tử thi để xác định nguyên nhân của sự chết. Nhờ có nhiều năm kinh nghiệm nên họ có thể khám nghiệm rất mau chóng. Lẽ dĩ nhiên không có gì bắt buộc họ phải chú trọng đến những vấn đề này, nhưng truyền thống của nghề nghiệp muốn họ tìm ra cái nguyên nhân đã làm cho "linh hồn một người phải rời khỏi thể xác". Nếu một người chết vì thuốc độc hoặc vì lý do bị ám sát hay do tai nạn, thì sự kiện ấy được phát hiện mau chóng. Sự khôn ngoan khéo léo của họ đã giúp ích cho tôi rất nhiều trong khi tôi học hỏi với họ. Không bao lâu, tôi đã trở nên rất thành thạo về nghệ thuật mổ xẻ tử thi. Người Âm Công trưởng đứng gần bên tôi và chỉ dẫn cho tôi những điểm lý thú:

- Thưa Đại Đức Lạt Ma, người này chết vì bệnh đứng tim. Đại Đức hãy nhìn xem, chúng ta sẽ cắt cái mạch máu này... đây rồi... Đại Đức có thấy chăng cục huyết đặt đã chặn sự lưu thông trong huyết quản?

Hoặc trong một trường hợp khác:

- Có một cái gì bất thường ở ngoài người đàn bà này, thưa Đại Đức Lạt Ma. Chắc hẳn là một hạch tuyến đã hoạt động sai lạt. Chúng ta hãy thử lấy ra xem thì biết.

Kế đó, sau lột lúc cắt ra một khối thịt khá lớn, y nói:

- Đây là cái hạch tuyến, ta hãy cắt ra xem. À, phần trung tâm của nó rất cứng.

Và sự việc cứ tiếp diễn như thế. Những Âm Công này lấy làm hãnh diện mà chỉ cho tôi xem tất cả mọi sự gì mà họ có thể, vì họ biết rằng tôi học hỏi với họ theo lệnh dạy của đấng Thậm Thâm. Nếu trong khi tôi vắng mặt, có một tử thi đặc biệt lý thú vừa được đem đến, thì họ để dành riêng cho tôi. Như vậy tôi có thể khám nghiệm hàng trăm xác chết, điều này đã giúp cho tôi trở nên một nhà giải phẫu ưu tú về sau này! Sự huấn luyện này còn vô cùng hữu hiệu hơn là sự học của những sinh viên y khoa, họ phải chia các tử thi với nhau trong những phòng mổ xẻ của các bệnh viện. Tôi tin chắc rằng về môn cơ thể học, tôi đã học hỏi với các Âm Công nhiều hơn là trong trường y khoa có trang bị đầy đủ y cụ tối tân mà tôi đã theo học trong những năm về sau.

Ở Tây Tạng, người ta không thể chôn xác người chết. Đất núi cằn cõi và lớp đất phủ ở trên quá mỏng làm cho việc đào huyệt rất khó khăn. Việc hỏa táng không thể thực hiện được vì những lý do kinh tế: Cây gỗ rất hiếm và muốn thiêu một xác chết, người ta phải nhập cảng củi từ bên Ấn Độ rồi chuyên chở sang Tây Tạng trên lưng những con yak xuyên qua các đường núi gập ghềnh xa xôi. Vì đó, giá cả sẽ trở nên đắt kinh khủng. Người ta cũng không thể vứt xác chết xuống sông, vì xác chết sẽ làm nhiễm độc nước sông cần thiết cho người sống. Chỉ còn lại phương pháp đã diễn tả ở trên, tức là cống hiến xác chết cho loài diều hâu và kên kên ăn thịt. Việc "điểu táng" này chỉ khác biệt sự chôn cất bên tây phương trên hai điểm: Trước hết người tây phương chôn xác người chết của họ bằng cách để cho loài sâu bọ đóng cái vai trò của loài kên kên bên xứ chúng tôi. Điểm khác biệt thứ hai là khi người Tây phương chôn xác, họ cũng chôn luôn cả mọi khả năng truy ra nguêy nhân của sự chết, thành thử không ai có thể biết chắc rằng cái nguyên nhân ghi trên tờ giấy khai tử có đúng sự thật hay không? Trái lại, những Âm Công bên Tây Tạng luôn luôn xác định cái nguyên nhân thật sự của sự chết, và điều này không bao giờ lọt ra khỏi tầm mắt của họ!

Những cách chôn cất này đều là thủ tục thông thường của tất cả mọi người dân tây tạng trừ ra trường hợp của những vị Lạt Ma trưởng, là những đấng Hóa Thân. Thi hài các vị này được ướp chất hương liệu và đặt trong những cái hòm bằng thủy tinh để trưng bày trong các đền thờ hoặc ướp hương liệu xong rồi đem phếch vàng. Công tác sau này rất lý thú và tôi đã tham dự nhiều lần như vậy. Vài người Mỹ đã đọc những bản thảo của tôi về vấn đề này không tin rằng đều ấy có thể thực hiện được. Họ nói rằng:

- Chính người Mỹ chúng tôi cũng không làm được việc ấy, mặc dù chúng tôi có những kỹ thuật tân tiến hơn.

Sự thật là người Tây Tạng chúng tôi không hề biết kỹ thuật sản xuất đại quy mô, và chúng tôi chỉ là những người thợ khéo. Chúng tôi không có khả năng chế tạo những đồng hồ tay với giá một đô la một chiếc. Nhưng chúng tôi có thể sử dụng chất vàng để ướp xác chết.

Một buổi chiều vị Sư Trưởng gọi tôi lên và nói:

- Một vị hóa thân sắp sửa bỏ xác. Người ở tại tu viện Sera. Ta muốn con đến xem cách họ ướt xác như thế nào.

Như vậy, một lần nữa tôi lại phải chịu đựng một cuộc hành trình khó nhọc trên lưng ngựa để đến tận Sera. Khi tôi đến tu viện, người ta đưa tôi đến tận

phòng của vị sư trưởng đã già. Những màu sắc trên hào quang của ông ta đã sắp tắt; một giờ sau ông ta từ giả cõi thế giới vật chất để bước qua cõi tinh thần. Là một vị sư trưởng và là một nhà khoa học, ông ta không cần có sự giúp đỡ để vượt qua cõi trung giới, cũng không cần chờ đợi ba ngày như thường lệ. Thi hài ông ta để ngồi theo tư thế kiết dà trong một đêm, trong khi các vị Đạt Ma đảm nhiệm việc canh chừng.

Qua ngày hôm sau, vào lúc tảng sáng, một cuộc diễn hành quan trọng đi qua thánh thất của tu viện, đến tận thánh điện và qua những con đường bí mật xuyên qua một cánh cửa ít khi dùng đến. Trước mặt tôi, hai vị Lạt Ma khiên cái tử thi đặt trên một cái cáng. Tử thi vẫn để ngồi ở tư thế liên hoa. Sau lưng tôi, các sư sãi hát thánh ca với một giọng trầm hùng; xen lẫn với âm thanh trong vắt của một cái chuông bạt. Chúng tôi đeo những mảnh vải yếm tâm vàng bên ngoài những áo tràng màu đỏ. Thân mình chúng tôi phát ra những cái bóng đen lung lay và nhảy múa trên tường, những bóng đen này được phóng đại quá cỡ và lệch méo do bởi những ánh đèn bơ và ánh đuốc lập lòe. Chuyến đi xuống đường hầm kéo dài rất lâu. Sau cùng, cách chừng hai chục thước bề sâu dưới mặt đất, chúng tôi đến trước một cánh cửa bằng đá đã khóa chặt. Sau khi đã mở khoá, chúng tôi bước vào một văn phòng lạnh như băng. Các sư sãi đặt cái tử thi xuống đất một cách vô cùng cẩn thận rồi rút lui, chỉ còn lại một mình tôi với ba vị Lạt Ma. Hàng trăm ngọn đèn bơ được thắp lên tỏ ra một ánh sáng vàng đục xấu xí. Tử thi được cởi quần áo ra và tắm rửa sạch sẽ. Do thất khiếu tự nhiên trong thân thể người chết, người ta móc ra những bộ phận, cùng ngũ tạng lục phủ rồi đem đựng trong những cái vạt rồi đóng chặt lại. Kế đó, phía bên trong thân mình được rửa ráy cẩn thận để cho khô ráo rồi đổ vào một thứ nhựa đặc biệt. Thứ nhựa này sẽ đông đặc lại, nhờ đó tử thi mới giữ được cái vẽ tự nhiên như hồi còn sống. Khi chất nhựa vày trở nên khô và cứng lại, thì người ta mới nhồi phía trong với đồ tơ lụa và luôn luôn canh chừng để giữ cho khỏi mất cái hình dáng tự nhiên. Để cho chất tơ nhồi cứng, và phía trong cho đặc lại, người ta lại đổ thêm chất nhựa. Kế đó, mặt ngoài xác chết được phết một lớp nhựa cũng giống y như thế và để cho khô. Xong rồi, trước khi dán tử thi thành những băng lụa rất tế nhuyễn, người ta phết lên mặt ngoài một lớp nước đặc biệt để sau này có thể gở các băng lụa ra một cách dễ dàng. Khi xét thấy tử thi đã nhồi đủ cứng người ta đổ thêm chất nhựa nhưng lần này là một loại khác, và tử thi đã sẵn sàng bước qua giai đoạn thứ hai của công tác ướp xác.

Trong một ngày và một đêm, tử thi được để yên tại chổ để cho nó được hoàn toàn khô ráo. Khi người ta trở lại gian phòng, thì nó đã trở nên cứng rắn. Khi đó tử thi mới được chở đi một cách trịnh trọng xuống phòng ướp xác. Phòng

ướp xác này rất nhỏ ở phía dưới phòng thứ nhất, thật ra là một cái hỏa lò được xây cất theo một cách riêng để cho những ngọn lửa và nhiệt độ có thể luân chuyển chung quanh các vách tường và như vậy để giữ cho gian phòng được luôn luôn ở dưới một nhiệt độ cao.

Mặt đất của phòng ướp xác được đắp lên một thứ bột đặt biệt làm thành một lớp bột rất dày. Tử thi được đặt ngồi ở giữa. Ở phía dưới, các sư sãi chuẩn bị việc đốt lửa. Người ta nhồi vào lò một tạp chất gồm có muối (một thứ muối đặc biệt được chế tạo tại một tỉnh ở Tây Tạng), các loại dược thảo và khoáng chất. Khi gian phòng đã được nhồi đầy thứ tạp chất nói trên từ mặt đất lên đến trần, chúng tôi bước ra ngoài hành lang, cánh cửa được đóng chặt và nêm phong bằng con dấu triện của tu viện. Các sư sãi được lệnh đốt lửa. Trong giây lát, người ta nghe tiếng củi lửa cháy tí tách và khi ngọn lửa đã lên cao có tiếng bơ sôi sục. Quả thật, các nồi "súp de" được đun bằng phân con yak và bơ phế thải. Suốt một tuần lễ, lửa cháy dữ dội trong lò và những luồng hơi nóng tràn vào trong những khe vách tường trống ruột của phòng ướp xác. Cuối ngày thứ bảy, người ta ngưng đốt thêm lửa và ngọn lửa tàn lụi lần lần. Nhiệt độ xuống thấp làm cho bức tường đá rên rỉ. Khi hành lang đã nguội lại để có thể đi qua, người ta còn phải đợi thêm ba ngày nữa trước khi nhiệt độ trong phòng trở lại bình thường. Mười một ngày sau khi niêm phong, gian phòng lại được mở khóa và gian phòng lại được mở. Các sư sãi thay phiên nhau để cạo sạch chất bột đã đặt cứng. Họ cạo bằng tay chứ không dùng đồ khí cụ để không làm sứt mẻ các xác ướp.

Trong hai ngày liền, họ đã gở xong những tảng muối và tạp chất đã giòn tan. Sau cùng gian phòng đã trống trơn, chỉ còn lại cái tử thi ngồi lại chính giữa theo thế liên hoa. Người ta cẩn thận nhắc cái xác lên và chở lên gian phòng thứ nhất, tại đây nó được quan sát dễ dàng hơn dưới ánh sáng của các ngọn đèn bơ.

Những băng lụa được tháo gở ra từng băng một, cho đến khi cái xác hoàn toàn trơ trọi. Việc ướp xác đã thành công hoàn toàn. Trừ ra cái màu sắc trở nên sậm hơn nhiều, tử thi có cái hình dáng tự nhiên như người sống, dường như nó có thể sống dậy bất cứ lúc nào. Một lần nữa nó được phết thêm một lớp nhựa và các sư sãi kim hoàng chuyên môn mới bắt đầu hàng động. Thật là một kỹ thuật xảo điệu vô cùng! Và có ai khéo léo như các sư sãi kim hoàng này, họ có thể đắp một lớp vàng lên trên xác chết! Họ làm việc từ từ, phết lên tử thi một lớp vàng tinh lọc nhất và mịn màng tinh tế nhất. Bất cứ ở đâu, vàng này cũng đáng giá một gia tài. Đối với chúng tôi, nó chỉ có một

tầm mức quan trọng của một loại kim khí thiêng liêng, một tinh khí mà tính chất bất hư hoại tượng trưng cho cái định mệnh tâm linh của con người.

Những sư sãi kim hoàn làm việc với một kỹ thuật rất tinh vi, và săn sóc từng chi tiết nhỏ nhặt. Khi hoàn thành công tác, họ để lại cho chúng tôi một hình tượng mạ vàng coi tự nhiên như người sống, không thiếu một nét hay một vết nhăn; điều này lại chứng minh cái xảo thuật tân kỳ của họ.

Thân hình nặng trĩu và với cái số lượng vàng đắp lên được chở đến phòng các đấng hóa thân và đặt lên ngồi trên một ngai vàng cũng như những xác ướp được đặt tại đây từ trước. Trong số đó, có vài xác ướp đã có từ lúc bắt đầu lịch sử thần thoại. Những xác ướp này được ngồi sắp hàng ví như những vị thẩm phán nghiêm minh, quan sát xuyên qua những kẻ mắt hé mở, những tội lỗi sa đọa của thời hiện kim. Chúng tôi chỉ nói chuyện thì thầm, và đi nhón gót chân, dường như không muốn quấy rầy những người chết đang ngồi đó. Tôi cảm thấy một sức hấp dẫn mãnh liệt của một trong các pho tượng vàng, nó gây cho tôi một sự ám ảnh lạnh lùng. Tôi có cảm giác như pho tượng ấy vừa nhìn tôi vừa mỉm cười dường như nó biết rõ tất cả. Bỗng nhiên có người sờ nhẹ vào vai tôi làm tôi giật mình gần muốn té xỉu vì sợ hãi. Tôi quay đầu lại thì ra đó là... Sư phụ tôi. Người nói:

- Đây là xác ướp của con hồi kiếp trước. Chúng ta vẫn biết rằng con sẽ tự nhìn cái xác của mình!

Sư phụ dắt tôi đến một vị Hóa Thân ngồi bên cạnh cái xác ướp của tôi và nói:

- Còn đây chính là... ta.

Chúng tôi đều xúc động y như nhau, và từ từ lùi bước ra khỏi phòng, cánh cửa lại được khóa chặt và niêm phong cẩn thận.

Sau đó, tôi thường có dịp trở lại phòng Hóa Thân để nghiên cứu những xác ướp mạ vàng. Đôi khi tôi đến ngồi thuyền định suy tư một mình bên cạnh các vị Hóa Thân. Mỗi vị đều được có một tiểu sử được ghi chép cẩn thận, và tôi đã được dịp xem qua tiểu sử một cách vô cùng thích thú. Chính tại văn phòng này mà tôi được xem tiểu sử tiền kiếp của sư phụ tôi, Lạt Ma Minh Gia Đại Đức, do đó tôi biết những công trình, những đức hạnh và tài năng của người trong kiếp trước, những danh vọng và chức vị mà người đã có, và người đã qua dời trong trường hợp nào. Cũng ở tại đây, tôi đã đọc được tiểu sử tiền kiếp của tôi, mà tôi nghiên cứu một cách say mê thích thú. Có tất cả

chín mươi tám xác ướp mạ vàng nằm trong gian phòng này, một gian phòng bí mật đào sâu trong núi đá tận dưới lòng đất. Tôi đứng trước một pho lịch sử của xứ Tây Tạng. Ít nhất tôi tin như vậy vì hồi đó tôi chưa biết rằng những thời kỳ sơ khai nhất của lịch sử Tây Tạng và sau này mới được tiết lộ cho tôi biết.

---o0o---

## Một Cuộc Điểm Đạm Huyền Môn

Sau khi tôi đã dự kiến độ nửa chục cuộc xác ướp trong các tu viện khác nhau, ngày nọ vị sử trưởng tu viện Chakpori cho mời tôi đến và nói:

- Này đạo hữu Lâm Bá, theo lịch dạy của đấng Thậm Thâm, đạo hữu sẽ được điểm đạo vào hàng Sư Trưởng. Thể theo ý muốn của đạo hữu, đạo hữu sẽ có thể tiếp tục mang danh hiệu Lạt Ma như Minh Gia Đại Đức vậy. Tôi chỉ biết truyền đạt cho đạo hữu bức thông điệp của đấng Khôn Lường.

Như vậy, với tư cách một vị Hóa Thân được mọi người nhìn nhận, tôi đã đảm nhiệm trở lại cái danh vị cũ của tôi hồi tiền kiếp, cách đây độ chừng sáu thế kỷ về trước. Bánh xe luân hồi đã quay giáp trọn một vòng.

Ít lâu sau đó, một vị Lạt Ma cao niên đến thăm tôi tại phòng riêng và cho tôi biết rằng tôi phải trải qua một cuộc lễ "chết giả", vị Lạt Ma ấy nói:

- Con hỡi, khi mà con chưa bước qua bên kia cửa tử và trở về dương thế, thì con sẽ không bao giờ biết rằng vốn không có sự chết. Sự học về các cõi giới vô hình đã đưa con đi xa. Cuộc lễ này sẽ còn đưa con đi xa hơn nữa; con sẽ vượt qua cõi sống và cõi chết và con sẽ đi ngược dòng thời gian để truy nguyên đến tận cái dĩ vãng vô cùng màu nhiệm của xứ sở chúng ta.

Sự chuẩn bị cho cuộc lễ này thật lâu dài và gian lao. Trong ba tháng trường, tôi phải tuân theo một phép ăn uống rất khắc khổ. Bất hạnh thay, tôi lại còn phải dùng thêm những món cỏ thuốc mùi rất nồng nặc ngoài những bữa ăn thường ngày. Người ta khuyên tôi chỉ nên nghĩ đến những gì "trong sạch và thánh thiện" mà thôi (làm như là người ta có thể nghĩ khác hơn trong một tu viện!) thậm chí các món tsampa và trà cũng bị hạn chế. Nói tóm lại, tôi phải trải qua một nếp sống khắc khổ tối đa, chịu một kỷ luật nghiêm khắc và trải qua những giờ công phu thiền định lâu dài.

Sau cùng, ba tháng đã trôi qua, các nhà chiêm tinh tuyên bố rằng thời gian đã điểm, và những ảnh hưởng tinh tú đều thuận lợi. Trong hai mươi bốn giờ đồng hồ, tôi nhịn đói cho đến khi tôi nhận thấy bụng tôi thật trống rỗng. Sau đó, người ta đưa tôi xuống những nấc thang bí mật ở dưới hầm điện Potala. Chúng tôi đi xuống rất lâu; những người đồng hành với tôi đều cầm đuốc soi đường, còn tôi thì không. Chúng tôi đi qua những dãy hành lang mà tôi đã biết trong cuộc thám hiểm trước đây. Sau cùng, chúng tôi đến chỗ đầu cuối một đường hầm có tảng đá khép chặt. Một cánh cửa bí mật bằng đá lớn xoay vòng trước mặt tôi và đưa chúng tôi đến một đường hầm khác rất hẹp và tối tăm, nơi đó xông lên một mùi mốc meo lẫn lộn với mùi gia vị và mùi hương trầm. Đi xa hơn độ vài thước, chúng tôi bị ngăn chặn bởi một cánh cửa thếp vàng rất dày và chắc; cánh cửa này mở ra từ từ với những tiếng khua rít vang vội ra tận đằng xa. Những ngọn đuốc được dập tắt và thay thế bằng những ngọn đèn bơ. Chúng tôi bước vào một ngôi đền ở dưới hầm, được đục khoét trong núi đá từ nhiều thế kỷ trước bởi những cuộc địa chấn do hỏa diệm sơn gây ra. Ngày xưa những dòng phún thạch từ trong lòng đất đã trải qua những dãy hành lang này trước khi đến miệng núi lửa. Tôi thầm nghĩ: "Bây giờ thì là những người yếu hèn tội lỗi đi ngang qua con đường này, và họ tự nghĩ rằng mình là thần thánh. Nhưng trong giờ phút này, tôi cần phải tập trung tư tưởng đến cuộc lễ, nhiều người trong chúng tôi đã đến ngôi đền Minh Triết Huyền Bí".

Ba vị Sư Trưởng dẫn đường cho tôi; kỳ lạ những người đi theo hộ tống đã mất dạng trong bóng tối, giống như ảo ảnh của một giấc mơ. Chỉ còn một mình tôi ở lại với ba vị hiền giả lão thành, thân hình già nua với năm tàn tháng lụn và bình tĩnh đợi ngày khuất núi để được gọi lên cõi trời, ba ông lão này có lẽ là ba vị sư cao cả nhất trong thế giới, sẽ đặt tôi dưới một cơn thử thách cuối cùng trong cuộc lễ điểm đạo. Mỗi vị đều cầm nơi tay mặt một ngọn đèn bơ, và tay trái cầm một cây nhang to lớn cháy nghi ngút. Tiết trời rất lạnh lẽo, một cơn lạnh lẽo rất lạ lùng, không hề có trên mặt đất. Cơn im lặng rất thâm trầm, và những tiếng động rất hiếm đến từ bên ngoài càng làm cho sự im lặng ấy trở nên lạ lùng hơn nữa. Những đôi giày ủng lót bằng nỉ của chúng tôi không thấy một tiếng động nào; chúng tôi lướt đi qua những cái bóng. Tôi nghe tiếng suỵt soạt êm dịu từ những vạt áo tràng bằng nhung màu vàng nghệ của các Sư Trưởng. Tôi lấy làm vô cùng kinh ngạc mà cảm thấy trên da thịt một luồng điện chạy lăn tăn như kiến bò, và có hiện tượng phóng điện toát ra từ cái thân hình tôi. Hai bàn tay tôi chiếu sáng dường như phóng hào quang. Tôi nhận thấy các vị Sư Trưởng cũng có hai bàn tay chiếu sáng giống y như tôi. Khí trời khô ráo và sự cọ sát bởi những áo tràng của

chúng tôi đã gây nên một sự tích tụ của tĩnh điện. Một trong các vị Sư Trưởng bèn đưa cho tôi một chiếc đũa vàng và nói nhỏ thì thầm:

- Con hãy cầm chiếc đũa vàng này nơi bàn tay trái và vừa chống lên vách tường vừa đi. Như vậy, những cảm giác khó chịu sẽ biến mất.

Tôi làm y theo lời. Sau một phát phóng điện mãnh liệt nó làm cho tôi giật mình nhảy nhỏm thì mọi việc đều êm đẹp.

Những ngọn đèn bơ lần lượt được thắp sáng bởi những bàn tay vô hình. Khi tôi nhìn rõ hơn dưới ngọn đèn bơ loe lét, tôi thấy những pho tượng khổng lồ mạ vàng, trong đó có vài pho tượng chôn ngập đến nửa thân mình dưới một đống ngọc quý và châu báu. Một tượng Phật xuất hiện từ trong bóng tối; tượng ấy to lớn đến nỗi ánh sáng không vượt lên khỏi dây lưng. Những hình tượng khác cũng ẩn hiện chập chờn trong bóng tối; đó là các vị thần, biểu tượng của những dục vọng và thử thách mà con người phải vượt qua trước khi thực hiện Chân Ngã.

Chúng tôi đến gần một vách tường, trên đó có vẽ hình một Bánh Xe Luân Hồi Sinh Tử đường kính dài năm thước; dưới ánh sáng lập lòe nó dường như xoay tít đến nỗi làm tôi cảm thấy chóng mặt. Chúng tôi vẫn tiến bước; tôi có cảm giác là sắp bị ngăn chặn bởi một vách đá. Nhưng vị Sư Trưởng đi trước tôi đã biến mất dạng sau khi đi lọt qua một cánh cửa bí mật ẩn dấu rất khéo léo không ai có thể biết được. Cánh cửa này đưa vào một đường hầm đi xuống dốc, đường này rất hẹp và quanh co, tại đây ánh sáng mập mờ của những ngọn đèn bơ làm cho bóng tối càng thêm âm u huyền bí. Chúng tôi đi với những bước đi ngập ngừng do dự, thỉnh thoảng lại xẩy chân và trợt ngã. Bầu không khí thật nặng nề khó thở dường như toàn khối Địa Cầu đè nặng lên vai chúng tôi. Tôi có cảm giác như đi lọt vào tận trong ruột của trái đất. Cuốicùng, sau một khúc quanh, một động đá mở rộng trước mặt chúng tôi, một động đá chiếu sáng ngời những ánh vàng; có những mạch vàng xen kẽ với những lớp đá tảng trên vách. Trên vòm đá cao vút trên đỉnh đầu chúng tôi, những mạch vàng này phản ảnh ánh sáng lập lòe của những ngọn đèn bơ, chiếu lóng lánh như ánh sao chiếu trên nền trời trong một đêm không trăng.

Ở chính giữa động đá, có một ngôi nhà màu đen và sáng ngời, dường như làm bằng gỗ mun. Trên tường có những hình biểu tượng và sơ đồ lạ lùng giống như những hình vẽ mà tôi đã thấy trên những vách đá dưới hầm khi tôi thám hiểm cái hồ nước dưới lòng đất trước đây. Chúng tôi bước vào nhà

do một cửa lớn và cao. Bên trong tôi thấy ba cỗ quan tài lớn bằng đá đen có chạm hình và khắc những dòng chữ lạ kỳ. Ba cỗ quan tài đều không có đậy nắp. Nhìn vào bên trong tôi bèn muốn đứt hơi thở và thình lình tôi cảm thấy rất yếu. Vị Tiên Chỉ, cao niên nhất trong ba vị Sư Trưởng mới nói với tôi:

- Con hỡi, con hãy nhìn xem. Các vị này đã từng sống như những đấng Thần Minh ở xứ ta và một thời kỳ mà xứ này còn là một đồng bằng, chưa có núi non gì cả. Các vị ấy đã từng dong dũi trên đất liền, trong khi những vùng biển cả còn đập sóng ở ngoài khơi của xứ Tây Tạng, và khi những bầu tinh tú khác còn chiếu sáng trên nền trời của chúng ta. Con hãy nhìn xem cho kỹ, vì chỉ có những bậc đạo đồ (inities: Những vị chân tu đã được điểm đạo trong giới huyền môn) mới được thấy mà thôi.

Tôi làm y theo lời: Tôi vừa thích thú vừa kinh ngạc. Ba thể xác to lớn, toàn thân đều mạ vàng nằm dài trong ba cỗ quan tài trước mắt tôi. Hai người nam và một người nữ. Mỗi nét trên thân hình của họ đều được giữ nguyên vẹn dưới lớp vàng bên ngoài. Nhưng họ là những người khổng lồ! Người nữ đo trên ba thước tây và người lớn nhất trong hai người nam đo không dưới năm thước. Đầu của họ rất lớn, hơi nhọn trên đỉnh đầu, quai hàm hẹp, miệng hơi nhỏ và cặp môi mỏng. Sống mũi dài và thâm, đôi mắt ngay thẳng và thụt vô sâu. Gương mặt họ tươi như hồi còn sống, họ có vẻ như nằm ngủ. Chúng tôi đi nhón gót vì sợ làm cho họ thức giấc. Tôi nhìn xem cái nắp của một cỗ quan tài: Trên đó có khắc một bản đồ thiên tượng với những tinh tú rất lạ lùng. Nhờ có học về khoa chiêm tinh, tôi đã từng quen thuộc với vị trí các bầu tinh tú, nhưng bản đồ thiên tượng này là hoàn toàn khác hẳn.

Vị Tiên Chỉ quay lại phía chúng tôi và nói:

- Con sẽ trở nên một bậc đạo đồ. Con sẽ nhìn thấy dĩ vãng và con cũng sẽ biết cả tương lai. Cuộc thử thách sẽ rất cam go gian khổ. Nhiều người không còn sống sót sau cơn thử thách và nhiều người đã thất bại nhưng không ai rời khỏi chốn này một cách an toàn, trừ phi đã vượt qua cơn thử thách. Con đã chuẩn bị sẵn sàng chưa và con có bằng lòng chịu đặt dưới cuộc thử thách ấy không?

Tôi đáp rằng tôi sẵn sàng và ba vị Sư Trưởng liền đưa tôi đến một phiến đá đặt ở giữa hai cỗ quan tài. Theo chỉ thị của hai vị Sư Trưởng, tôi ngồi lên phiến đá trong tư thế liên hoa hai chân xếp bằng, lòng bàn tay lật ngửa. Một cây nhang to lớn cháy nghi ngút được cắm lên mỗi quan tài ở hai bên và trên phiến đá chỗ tôi ngồi. Các vị Sư Trưởng lần lượt rút lui và biến mất dạng,

mỗi vị cầm một ngọn đèn bơ soi đường. Họ đóng cánh cửa lớn: Chỉ còn lại một mình tôi với những cái xác ướp của những vị tiền bối của một thế hệ đã qua. Thời gian trôi đi, tôi định tâm ngồi thiền. Ngọn đèn của tôi đem theo đã cạn bơ và vụt tắt. Trong một lúc, tôi nhìn thấy cái bấc đèn còn ngúm đóm lửa tàn, và ngửi thấy một mùi bốc cháy, rồi kế đó mọi sự đều biến mất và không còn gì nữa.

Tôi nằm dài trên phiến đá và bắt đầu hô hấp theo một phép khí công đặc biệt mà tôi đã thụ huấn trong nhiều năm. Bầu không khí im lặng và bóng tối dầy đặc chung quanh đè nặng lên tôi. Quả thật đó là cái im lặng của nhà mồ.

Thình lình thân hình tôi cứng đơ và trở nên bất động như một xác chết. Tay chân tôi đã tê liệt và lạnh dần. Tôi có cảm giác như đang bước vào cõi chết, chết trong cái ngôi mộ cổ này, ở một bề sâu trên một trăm thước dưới lòng đất. Một cơn rung chuyển mạnh diễn ra bên trong thân thể tôi làm cho toàn thân tôi rũ liệt.

Một ánh sáng màu xanh lợt từ từ xuất hiện trong ngôi mộ như một ánh chớp mới mọc trên một truông núi. Tôi cảm thấy tôi hơi cử động, thân tôi nhẹ bổng bay lên rồi rơi xuống; trong một lúc tôi tưởng rằng tôi đang ngồi trên một con diều gỗ lượn trên không gian. Sự thật hiện ra trong trí tôi: Tôi đang bay phất phơ trên cái thể xác bằng xương thịt của tôi. Tuy không có gió, nhưng tôi bị lôi cuốn bởi một đám khói. Ở phía trên đầu, tôi thấy một vừng ánh sáng giống như một cái hoa màu vàng. Từ chính giữa thân mình tôi, tỏa ra một sợi dây màu vàng bạc, chiếu lóng lánh và tràn đầy nhựa sống.

Tôi nhìn xem cái thể xác vô tri bất động của tôi, nó chỉ là một cái xác chết như mọi tử thi khác... lần lần, tôi phân biệt những điển dị đồng nhỏ giữa cái xác của tôi với cái xác của những người khổng lồ nằm gần bên đó là một điều rất lý thú. Tôi nghĩ đến những sự tự hào lố bịch của nhân loại đương thời: Làm sau những người chủ nghĩa duy vật có thể giải thích sự hiện diện của những cái xác ướp khổng lồ này? Tôi đang còn suy nghĩ... thì thình lình tôi trở nên ý thức được một cái gì nó làm đảo lộn dòng tư tuởng của tôi. Dường như lúc ấy tôi không còn cô độc một mình. Những mẩu chuyện dụng vặt vọng đến tai tôi, những tư tưởng đứt đoạn không thốt ra lời. Những hình ảnh tân loạn xuất hiện chập chờn xuyên qua tầm nhãn quan siêu linh của tôi. Tôi có cảm giác rằng từ xa xa ngân lên một tiếng chuông lớn với một giọng trầm. Tiếng chuông ấy đến gần rất mau cho đến khi nó dường như nổ ra trong đầu tôi: Những giọt ánh sáng muôn màu nhỏ li ti và những tia chớp với những màu sắc lạ lùng chưa từng thấy hiện ra trước mắt tôi. Thể vía của

tôi phất phơ và đưa đẩy như một chiếc lá rụng bị cuốn đi trong giông bão. Tâm thức tôi bị dày vò, cấu xé một cách đau đớn phủ phàng bởi một con trốt xoay tít với muôn nghìn đám lửa. Tôi cảm thấy bị bỏ rơi, cô đơn độc chiếc, như một mảnh bèo trôi dạt giữa một vũ trụ bấp bênh vô định. Một đám sương mù đen kịt bao phủ lấy tôi và đem đến cho tôi một niềm yên tĩnh lạ lùng, nó không phải là của trần gian.

Những bóng tối dày đặt bao phủ lấy tôi đã dần dần tiêu tan. Tôi nghe tiếng gầm thét của biển cả và tiếng rít lên của những viên đá sạn bị sóng nhồi trên bãi cát. Tôi thở một bầu không khí đầy hơi muối và tôi ngửi thấy mùi rong biển. Cảnh vật rất quen thuộc đối với tôi: Tôi nằm dài một cách uể oải trên bãi cát được sưởi nóng bởi ánh sáng mặt trời, và ngắm nhìn những tàn cây thốt nốt. Nhưng có một phần trong người tôi đã phản đối: Tôi chưa hề nhìn thấy biển cả bao giờ, và không biết có loại cây thốt nốt! Một chàng trai dài những giọng nói và tiếng cười vang vọng ra từ một lùm cây. Những giọng nói càng đến gần thì tôi xuất hiện một đám người da sậm như đồng cỏ và nô đùa vui vẻ. Những người khổng lồ! Tất cả đều cùng lứa như nhau! Tôi nhìn lại thân mình: Tôi cũng vậy, tôi cũng là một người khổng lồ. Những ấn tượng tiếp diễn theo nhau trong trí tôi: Ngày xưa, hàng bao nhiêu nghìn muôn năm trở về trước, quả địa cầu ở gần mặt trời hơn bây giờ, những sự luân chuyển của nó lại đi theo một hướng ngược chiều. Ngày lại ngắn hơn và nóng hơn bây giờ. Những nền văn minh vĩ đại đã được xây dựng nên và nhân loại thời ấy thông thái hơn người đời nay. Từ chốn không gian bên ngoài bỗng nhiên trở thành một bầu hành tinh di động xẹt ra và chạm cào trái đất, làm cho trái đất bị dội ngược lại, bật ra khỏi vĩ đạo của nó và xoay ngược chiều thành những cơn giông bão làm chấn động biển cả và nước biển trào lên các lục địa, nước biển tràn ngập khắp nơi, quả địa cầu lại rung chuyển bởi những cơn động đất dữ dội. Nhiều vùng lục địa bị sụp lở và chìm xuống nước, những vùng khác lại trồi lên mặt biển. Xứ Tây Tạng, được đội lên trên bốn ngàn thước cao hơn mặt biển, không còn là một xứ nhiệt đới có bờ biển và là một nơi nghĩ mát có thời tiết ôn hòa dễ chịu nữa. Những dãy núi cao vút, những quả diệm sơn phun lửa và phun thạch bao vây chung quanh, chặt chịa như vách thành. Trên vùng thượng du, đất đai bị nứt nẻ ra thành những vực thẳm, tại đó loài cầm thú và thảo mộc của những thời đại đã qua vẫn tiếp tục sinh trưởng. Nhưng có rất nhiều điều mà tôi không tiện nói ra, và một phần cuộc lễ điểm đạo của tôi thật quá thiêng liêng và có tính cách quá riêng tư để có thể công bố trong một quyển sách dành cho đại chúng.

Sau một thời gian, những linh ảnh đã lu mờ dần và biến mất. Lần lần tôi đã mất cả ý thức về cõi siêu linh và cả ý thức về cõi phàm trần. Sau đó, tôi có cái cảm giác khó chịu là bị lạnh lẽo kinh khủng vì nằm dài quá lâu trên một phiến đá trong bầu không khí lạnh buốt của ngôi mộ cổ. Những tư tưởng lạ từ bên ngoài đến "thăm dò" khối óc của tôi như những ngón tay sờ mó.

- A, y đã trở lại với chúng ta. Chúng ta đã đến kịp giờ.

Nhiều phút trôi qua một ánh sáng lu mờ từ từ tiến đến gần tôi. Những ngọn đèn bơ và ba vị Sư Trưởng.

- Con hỡi, con đã vượt qua cuộc thử thách con đã nằm trên phiến đá này suốt ba ngày ba đêm. Bây giờ, con đã nhìn thấy, con đã trải qua sự chết và con đã sống lại.

Khi ngồi dậy, tay chân cứng đơ, tôi lảo đảo vì yếu sức và vì đã lâu không cữ động.

Khi tôi bước ra khỏi ngôi mộ cỗ mà tôi không bao giờ quên suốt đời tôi, tôi đã thở bầu không khí lạnh như băng trong các đường hầm bí mật. Cơn đói khát làm cho tôi muốn xỉu và tôi bị hoang mang xúc động bởi tất cả những gì tôi nhìn thấy, bởi tất cả những gì mà cái kinh nghiệm vừa qua đã cho tôi biết. Về đến đạo viện, tôi ăn uống đến thỏa lòng; đêm đó khi tôi đi ngủ, tôi hiểu rằng những lời tiên tri sẽ được thực hiện và không bao lâu tôi phải rời khỏi xứ Tây Tạng để đi đến những xứ xa lạ. Bây giờ, khi tôi đã biết những xứ ấy rồi, tôi có thể nói rằng đối với tôi những xứ ấy có vẻ kỳ dị hơn là tôi tưởng tượng!

Vài ngày sau đó, tôi cùng với sư phụ đang ngồi trên bờ sông hạnh phúc thì một người kỵ mã phi nước đại chạy ngang. Khi y nhìn ra Minh Gia Đại Đức, y đột ngột dừng ngựa đến nỗi vó ngựa hất văng những đám mây bụi xoay tít trong cơn gió lốc. Y xuống ngựa và nói:

- Tôi có mang thông điệp của đấng thậm thâm gửi cho vị Lạt Ma Lâm Bá.

Y rút trong túi áo một bức thơ bao bọc ở trong một khăn choàng theo nghi lễ truyền thống, và sau khi chuyển giao bức thư cho tôi với ba lần váy chào y bèn lui gót thót lên lưng ngựa và phóng nước lớn đi ngay.

Lúc ấy tôi không còn e dè sợ sệt gì nữa; kinh nghiệm vừa rồi của tôi ở dưới hầm điện Potala đã đem cho tôi sự tự tin. Tôi bèn mở bao thơ và đọc bức

thông điệp trước khi chuyển giao cho Minh Gia Đại Đức, sư phụ tôi. Tôi nói:

- Sáng ngày mai, con phải đến vườn Ngọc Uyển để bái yết đấng Thậm Thâm. Ngài cũng có mời sư phụ cùng đến.

Sư phụ tôi đáp:

- Lâm Bá, tuy thầy không có thói quen thăm dò những ý định thầm kín của đức Thái Tế, nhưng thầy cảm thấy rằng không bao lâu con sẽ lên đường sang Trung Hoa. Còn thầy, thì... như thầy đã nói với con, không lâu nữa thầy sẽ từ giã cõi trần để quay về thượng giới. Chúng ta hãy vui với ngày hôm nay và tận dụng thời giờ ít oi còn lại.

Qua ngày hôm sau, một lần nữa tôi theo con đường quen thuộc đến vườn Ngọc Uyển; sau khi xuống chân đồi tôi đi trên đường Lingkhor và đến trước cổng vườn. Minh Gia Đại Đức cùng đi với tôi. Hai thầy trò chúng tôi cùng có một tư tưởng giống nhau: Có lẽ chúng tôi đang cùng đi chung một lần cuối cùng để viếng thăm đấng Thậm Thâm. Những cảm nghĩ đó chắc hẳn đã hiện rỏ trên nét mặt của tôi vì khi tôi ngồi một mình với Đức Đạt Lai Lạt Ma, ngài nói:

- Giờ phút chia ly, để mỗi người đi một đường bao giờ cũng đầy sự sầu thảm bi ai. Ở đây, trong ngôi nhà mát này, ta đã suy gẫm nhiều giời về vấn đề tối hậu nầy, là nên ở lại hay nên đi khi xứ sở ta bị nạn ngoại xâm? Dầu cho ta quyết định như thế nào cũng có người phải chịu khổ sở. Lâm Bá con hỡi, con đường của con đã được vạch sẵn và tất cả con đường đều khó nhọc gian nan. Gia đình, tổ quốc, bạn bè... con phải bỏ hết tất cả. Con sẽ gặp, trên bước đường đời của con như con đã biết trước, sự hiểu lầm, sự nghi nan, đố kỵ cùng sự ngược đãi tra tấn và tất cả những gì đau khổ đắng cay. Cách xử thế của những người ngoại quốc rất kỳ dị và không thể giải thích. Như ta đã nói với con, họ chỉ tin nơi những gì họ có thể làm, những gì họ có thể phân chất trong các phòng thí nghiệm khoa học. Còn cái khoa học quan trọng nhất là khoa học về chân ngã thì họ không quan tâm. Đó là con đường của con, con đường mà con đã chọn trước khi sinh ra ở kiếp này. Ta đã quyết định biệt phái con sang Trung Hoa năm ngày nữa.

Năm ngày! Chỉ còn năm ngày thôi trong khi tôi hy vọng sẽ dài đến năm tuần lễ.

Trên đường về tu viện Chakpori, sư phụ và tôi không trao đổi với nhau một lời nào. Khi về đến tu viện người mới nói.

- Lâm Bá, con phải về thăm cha mẹ, thầy sẽ cho người đi báo tin cho cha mẹ con hay trước.

Cha mẹ tôi? Thầy tôi đã đối xử với tôi còn hơn cả bậc phụ mẫu. Và không bao lâu người sẽ từ giã cuộc đời: Người sẽ từ trần trước khi tôi quay trở về Tây Tạng trong vài năm sau. Di tích của người để lại cho tôi là cái xác ướp mạ vàng đặt tại phòng các vị hóa thân, cái thể xác vô tri mà người vứt bỏ như một cái áo cũ đã trở nên vô dụng.

Qua ngày thứ ba, tôi trở về nhà cũ của tôi. Tôi đi một mình và đi bộ như cái ngày mà tôi rời khỏi nhà để đi vào tu viện. Nhưng trong thời gian qua tôi đã trở nên một vị Lạt Ma và một vị Sư Trưởng. Cha mẹ tôi đợi tôi ở nhà và đón tiếp như một vị thượng khách. Tối hôm ấy tôi lại đến văn phòng của cha tôi để ký tên vào quyển gia phả và ghi vào đó những tước vị của tôi. Sau đó, tôi lại đi bộ trở về tu viện, nó đã trở nên nhà của tôi từ bấy lâu nay.

Hai ngày cuối cùng cũng trôi qua rất mau. Trước ngày lên đường tôi đến bái yết Đức Đạt Lai Lạt Ma một lần cuối cùng. Tôi nói vài lời từ giã và ngài ban ân huệ cho tôi. Lòng tôi se thắt khi tôi từ biệt ngài. Cả ngài và tôi đều biết rằng chúng tôi sẽ gặp trở lại ngày mà tôi từ trần sang cõi giới bên kia.

Qua ngày hôm sau tôi lên đường vào lúc bình minh, bước đi chậm chạp và lòng không hứng khởi. Lại một lần nữa tôi bước chân trên con đường thiên lý không một mái nhà riêng, hướng về những chân trời xa lạ. Tôi phải bắt đầu lại tất cả. Đi đến điểm cao tột của truông núi, tôi quay đầu nhìn lại rất lâu, và đó cũng là cái nhìn cuối cùng của tôi xuống thành phố thánh địa Lhassa.

Một con diều đơn chiếc đang bay lượn trên điện Potala.

---o0o---

Hết